ẤN BẢN THỨ 4
có sửa chữa
và bổ sung

XIN CHỊ EM PHỤ NỮ THA THỨ CHO CHÚNG TÔI!



NHỮNG ĐIỀU ĐÀN ÔNG
CHÚNG TÔI PHẢI BÙ ĐẮP
VỀ VAI TRÒ CỦA PHỤ NỮ VÀ NAM GIỚI

HANS-JÖRG RONSDORF

XIN CHỊ EM PHỤ NỮ THA THỨ CHO CHÚNG TÔI!

Những điều đàn ông chúng tôi phải bù đắp

Về vai trò của phụ nữ và nam giới

Hans-Jörg Ronsdorf

Ấn bản in (bằng tiếng Đức) có thể đặt mua tại www.hans-joerg-ronsdorf.de với giá 13,80 €, chưa kể phí gửi bưu điện.

Ấn bản thứ 4, có bổ sung, tháng 7 năm 2023 (ấn bản tiếng Đức)

Dịch từ tiếng Đức, 2026 – tải miễn phí tại www.hans-joerg-ronsdorf.de

© Hans-Jörg Ronsdorf – giữ toàn quyền.

Albis 6½

87477 Sulzberg

Dàn trang: Hans-Jörg Ronsdorf, bằng Papyrus Autor

E-mail liên hệ: hj-ronsdorf@t-online.de

ISBN của ấn bản tiếng Đức 978-3-9820715-5-8

Thiết kế bìa: Tobias Stricker

Hình minh họa: Laura-Kristin Ronsdorf

In tại: www.wir-machen-druck.de

Bản dịch Kinh Thánh được dùng trong ấn bản tiếng Đức, nếu không ghi chú khác:

Elberfelder Übersetzung, Edition CSV Hückeswagen (bản dịch Kinh Thánh tiếng Đức)

Tặng người vợ yêu dấu của tôi,

tặng các con gái tuyệt vời của tôi,

tặng mẹ tôi, người tôi hằng kính trọng,

tặng các bà của tôi,

tặng chị em gái của tôi,

tặng các chị em

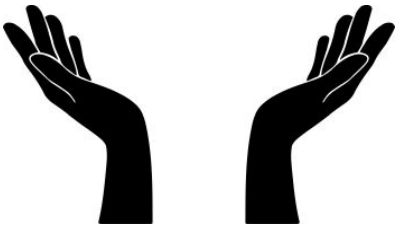
và những người bạn nữ của tôi trong Đấng Christ,

tất cả các con gái của Ê-va,

những người cùng tôi đã làm việc

cho Nước Đức Chúa Trời

và sẽ còn cùng nhau phục vụ.



Mục lục

1 Lời nói đầu **10**

1.1 Lời nói đầu cho ấn bản thứ 2, có bổ sung **13**

1.2 Lời nói đầu cho ấn bản thứ 4 ..... **14**

1.3 Ai là người viết cuốn sách này **15**

2 Sự sáng tạo và sự sa ngã **21**

2.1 Mọi sự đã bắt đầu thế nào **21**

2.1.1 Công việc của ngày thứ sáu 23

2.1.2 Con người: hình ảnh của Đức Chúa Trời – Imago Dei 24

2.1.3 Con người là nam và nữ 25

2.1.4 Con người và sứ mạng Đức Chúa Trời giao 25

2.1.5 Sự dựng nên A-đam và Ê-va 27

2.1.6 Đôi lời ngoài lề về các từ chủ đạo trong tiếng Hê-bơ-rơ 28

2.1.7 A-đam cần được giúp đỡ 29

2.1.8 Ê-va được dựng nên 32

2.1.9 Từ xương sườn 33

2.1.10 "Männin" – người nữ từ người nam mà ra 34

2.1.11 Được ban cho nhau 36

2.2 Sự sa ngã của người nam và người nữ **38**

2.2.1 Câu trả lời của Ê-va 42

2.2.2 Nỗi nhọc nhằn, sự thai nghén và sự khuất phục của Ê-va 42

2.2.3 Ngươi sẽ khao khát chồng, và chồng sẽ cai trị ngươi 47

2.3 Những phản bác đối với sự bình đẳng **50**

2.4 Sự khác biệt giữa nam và nữ **54**

2.5 Trật tự sáng tạo **57**

2.5.1 Từ vườn Ê-đen đến Giê-ru-sa-lem Mới 60

2.6 Chồng sẽ cai trị ngươi – lịch sử **61**

2.6.1 Thời cổ đại 61

2.6.2 Aristotle 63

2.6.3 Người phụ nữ như một món tài sản 65

2.6.4 Chế độ phụ quyền 65

2.6.5 Ảnh hưởng Hy Lạp trong tư tưởng Do Thái 66

2.6.6 Các giáo phụ 68

2.6.7 Cuộc Cải cách Tin Lành 70

2.6.8 Phong trào thế tục đấu tranh cho quyền phụ nữ 72

3 Chúa Giê-xu, Đấng Mê-si-a, và phụ nữ **75**

3.1 Những nữ môn đồ phục vụ **77**
3.2 Phụ nữ phải được học **78**
3.3 Mọi người đều như nhau **78**
3.4 Kinh nguyệt không còn là sự ô uế **79**
3.5 Bị ruồng bỏ và được tìm thấy **80**
3.6 Ngoại tình phải có hai người **81**
3.7 Đứng thẳng, trọn cả vóc dáng **82**
3.8 Không có tiêu chuẩn kép **83**
3.9 Ân điển táo bạo **84**
3.10 Thập tự giá: những người nam ở đâu? **85**
3.11 Ma-ri, nữ sứ đồ **87**

4 Phao-lô, người bạn của phụ nữ **90**
4.1 Ly-đi **91**
4.2 Phê-bê **92**
4.3 Bê-rít-sin **94**
4.4 Giu-ni-a **95**
4.5 Ma-ri, Try-phe-nơ và Try-phô-sơ, Bẹt-si-đơ **97**
4.6 Ê-vô-đi và Sin-ty-cơ **98**
4.7 Cơ-lô-ê **99**
4.8 Nim-pha **99**
4.9 Phao-lô, người mẹ cho con bú **101**

5 Nam và nữ trong hôn nhân **104**
5.1 Gia đình thời cổ và các quy tắc của nó **104**
5.1.1 Các bảng bổn phận gia đình trong Tân Ước 106
5.1.2 Tác động của các bảng bổn phận gia đình Cơ Đốc 107
5.1.3 Bảng bổn phận gia đình trong Ê-phê-sô 5 108
5.1.4 Lý do của sự thuận phục lẫn nhau 110
5.1.5 Những chỉ dẫn cho đời sống Cơ Đốc – ngày nay 112
5.1.6 Người phụ nữ trong gia đình thời cổ 113
5.2 Đầu và sự thuận phục: Ê-phê-sô 5 ..... **114**
5.2.1 Đầu 116
5.2.2 Gia đình thời cổ đại 116
5.2.3 Hiểu theo nghĩa đen? 117
5.2.4 Ngữ cảnh hóa 120
5.2.5 Một lần nữa: đầu 121
5.2.6 Kết luận 123
5.3 Phải phục tùng sao? **125**
5.3.1 Tổng kết 133

6 Nam và nữ trong Hội Thánh **136**
6.1 1 Cô-rinh-tô 11 – đầu, tóc và khăn trùm **139**
6.1.1 Nguyên tắc và gợi ý để giải nghĩa bản văn 140
6.1.2 Phạm vi hiệu lực của bản văn 141
6.1.3 Ba cặp, mỗi cặp có một đầu 143
6.1.4 "Đầu" nghĩa là gì? 144
6.1.5 Việc trùm đầu ở Cô-rinh-tô 148
6.1.6 Phải có dấu hiệu quyền phép trên đầu? 152
6.1.7 Ý nghĩa cho ngày nay 153
6.1.8 Bản diễn ý có giải thích 155
6.1.9 Kết thúc và tóm tắt 158
6.1.10 Một cách đọc khác về 1 Cô-rinh-tô 11 159
Những ví dụ về lời trích dẫn **160**
6.1.11 Một bản dịch khác của 1 Cô-rinh-tô 11:2-16 161
6.1.12 Tổng kết 163
6.2 Không được nói, mà phải im lặng **166**
6.2.1 Những câu hỏi 168
6.2.2 Điều khó hiểu ở cuối chương 170
6.2.3 Cách đọc như một lời trích dẫn 171
6.2.4 Một luật La Mã? 174
6.2.5 Không đời nào! 175
6.2.6 Những cách giải thích khác 176
6.2.7 Có lẽ không phải của Phao-lô 178
6.2.8 Đánh giá sau cùng 184
6.3 Phụ nữ có được dạy dỗ không? **188**
6.3.1 Bản văn 1 Ti-mô-thê 2:8-15 190
6.3.2 Hoàn cảnh lịch sử tại Ê-phê-sô 191
6.3.3 Bối cảnh 193
6.3.4 Cầu nguyện khắp mọi nơi, con giận và đồ trang sức 194
6.3.5 Học trong yên lặng và thuận phục 195
6.3.6 Không dạy dỗ và không cầm quyền trên người nam 196
6.3.7 Dạy dỗ có phải là cầm quyền không? 197
6.3.8 "Cầm quyền" nghĩa là gì? 198
6.3.9 A-đam và Ê-va ở Ê-phê-sô 201
6.3.10 Hiện nay ta không cho phép 203
6.3.11 Được cứu nhờ sinh con? 204
6.3.12 1 Ti-mô-thê ngày nay 205
6.3.13 Kết luận 206
6.3.14 Bản diễn ý có giải thích đoạn văn trong 1 Ti-mô-thê 207

6.4 Những mệnh lệnh phổ quát và những mệnh lệnh gắn với thời đại **208**
6.4.1 Chủ nghĩa duy văn tự Kinh Thánh và Sola Scriptura 209
6.4.2 Hiểu từng chữ và nghĩa văn tự 212

7 Nữ thầy tế lễ, nữ trưởng lão và nữ chấp sự **214**
7.1 Chức tế lễ của mọi tín hữu **214**
7.2 Trưởng lão và nữ trưởng lão **215**
7.3 Bà ước muốn một việc tốt lành **217**
7.4 Nữ chấp sự **219**
7.5 Những người nữ giảng đạo **220**
7.6 Tóm lược **222**

8 "Làm một trong Đấng Christ": Ga-la-ti 3:28 ..... **224**
8.1 Bản văn nói gì **225**
8.2 Điều bản văn không nói trực tiếp **226**
8.3 Điều bản văn vẫn nói cách gián tiếp **227**
8.3.1 Người Do Thái và người Hy Lạp 228
8.3.2 Nô lệ và người tự do 228
8.3.3 Thông tin về chế độ nô lệ 229
8.3.4 Nam và nữ 230
8.3.5 Thuộc đất và thuộc linh? 231
8.3.6 Không còn nam hay nữ 232
8.4 Tóm tắt và tổng kết **233**

9 Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh **235**
9.1 Đức Chúa Trời có phải là nam giới không? **236**
9.2 Ngươi chớ làm tượng chạm cho mình **239**
9.3 Những hình ảnh nữ tính về Đức Chúa Trời **239**
9.4 Cha và Con **241**
9.5 Sự thuận phục của Con đời đời? **241**
9.6 Chúa Giê-xu và 12 môn đồ của Ngài **244**
9.7 Tổng kết **246**

10 Lời xưng tội của tôi **248**

11 Tổng kết và triển vọng **252**
11.1 Gợi ý và lời khuyên **255**

12 Sự khác biệt **258**
12.1 Mô hình dựa trên ân tứ **258**
12.2 Mô hình thứ bậc **260**

13 Lời bạt của một số độc giả **262**

13.1 Tầm nhìn tự do đã bị cỏ dại che lấp! **262**
13.2 Lẽ ra điều gì đã có thể xảy ra! **264**
"Vấn đề phụ nữ" và "tình yêu thương anh chị em" **266**
13.3 Sự thay đổi **268**

14 Lời biện hộ sau cùng: Vấn đề phụ nữ có quan trọng đến thế không? **270**
14.1 Vấn đề không phải là vài chức vụ (bị cấm) **270**
14.2 Điều đàn ông cảm nhận và không cảm nhận **271**
14.3 Chúng ta đọc Kinh Thánh thế nào về vấn đề phụ nữ **272**
14.4 Sự nhạy cảm **273**
14.5 Điều tôi không nhắm đến **274**
14.6 Lý do để chia rẽ? **274**
14.7 Phụ nữ phải đứng dậy **275**
14.8 Mai sau và bây giờ **276**

15 Tài liệu tham khảo **277**

16 Sách của tác giả **281**

17 Sách giới thiệu **283**
Hanna-Maria Schmalenbach **285**
Frausein zur Ehre Gottes 285

1 Lời nói đầu

Lại thêm một cuốn sách về đề tài muôn thuở này? Chẳng phải mọi điều đã được nói và viết cả rồi sao? Lại tranh cãi, hay tranh cãi tiếp? Chẳng phải một đề tài biện giáo sẽ quan trọng hơn để bênh vực đức tin sao? Tôi đã nhận ra rằng đề tài này cũng thuộc về biện giáo. Đó là việc bênh vực những chuẩn mực đạo đức phổ quát trong một xã hội thế tục hậu hiện đại, nhưng cũng là bênh vực chúng ngay bên trong một Cơ Đốc giáo bảo thủ và duy văn tự Kinh Thánh. Tôi sẽ cho thấy vì sao điều sau cũng đúng như vậy.

Cuộc chiến nhỏ, sự đấu tranh và sự gượng ép quanh những câu hỏi này vẫn tiếp diễn, dù không có cuốn sách này. Nó vẫn còn chia rẽ các Hội Thánh. Có nơi chia rẽ ngay ở câu hỏi liệu có được phép nghe tiếng nói của phụ nữ trong buổi thờ phượng hay không. Có nơi chia rẽ ở câu hỏi liệu Hội Thánh có được phép có nữ chấp sự hay nữ trưởng lão[1] không. Hoặc liệu phụ nữ có được đảm nhận chức vụ lãnh đạo và giảng đạo không.

Có những lập trường nằm trong đầu chúng ta như những pháo đài không thể chiếm được: rằng Lời Đức Chúa Trời phải được hiểu theo nghĩa đen, chống lại mọi trào lưu thời đại. Và có những người mang trong lòng câu hỏi và sự hoài nghi, liệu chúng ta ngày nay có phải làm theo đúng từng chữ như thế không.

Trong cuốn sách này, tôi tóm tắt những gì tôi đã nghiên cứu về đề tài này. Ai đã quen với tài liệu về đề tài này thì khó mà trông đợi những nhận thức mới. Cũng đừng trông đợi một bản tổng kết mọi lập trường, từ cực kỳ bảo thủ đến cực kỳ cấp tiến. Cuốn sách này *không phải* là một khảo cứu bỏ ngỏ kết luận – đây là một lập trường rõ ràng. Để tìm ra và lập luận cho lập trường ấy, tôi đã mất hàng chục năm. Nó khác với điều tôi đã học và bênh vực trước kia.

Có cần cả một cuốn sách để giải thích điều đó không? Vấn đề có phức tạp đến thế không? Vừa có, vừa không. Nếu bạn theo dõi lịch sử những vụ án oan, như người ta thấy nơi các tử tù ở Mỹ, thì thường phải tốn công sức

1. Ở hầu hết các chỗ, tôi dùng hình thức chỉ người nữ của danh xưng này để nói cho rõ. Ngày nay, cũng như trong các ngôn ngữ gốc của Kinh Thánh, người ta thường dùng hình thức giống đực theo nghĩa chung, bao gồm cả người nữ (xem mục 6.4.1).

khổng lồ để chứng minh và thu thập chứng cứ hầu chứng tỏ sự vô tội. Nhưng đôi khi chỉ một xét nghiệm gen là đủ. Dù tốn công đến đâu, hãy nhìn vào gương mặt của những tử tù được trả tự do sau 30, 40 hay 50 năm! Cũng vậy, trong cuốn sách này bạn sẽ gặp những ý tưởng đơn giản, đôi khi cũng có những ý tưởng phức tạp hơn. Kinh Thánh không phải lúc nào cũng dễ hiểu. Nghĩ như vậy là một ngộ nhận. Ngay cả người đánh cá và sứ đồ Phi-e-rơ cũng nhận xét điều đó khi ông nói về các thư của Phao-lô (2 Phi-e-rơ 3:15-16), rằng có những điều khó hiểu.

Khi cuốn sách này được đọc, những bài phản bác, những lời bác bỏ và những cơn phẫn nộ sẽ không phải chờ lâu. Tôi biết những cơ chế ấy, và chính tôi từng là một phần của chúng. Dù không có sự thay đổi suy nghĩ nào, ít ra đề tài này cũng được đem ra nói đến.

Ngay lúc tôi viết những dòng này, giới Tin Lành Phúc Âm ở Mỹ lại một lần nữa tranh luận gay gắt về đề tài này. Tôi không thể nói rằng mình đã viết cuốn sách này mà không có cảm xúc. Dù vậy, tôi đã cố gắng giữ sự khách quan. Xin độc giả tự đánh giá.

Và: dĩ nhiên có những điểm mà người ta hoàn toàn có thể nghĩ khác. Ở những chỗ đó, tôi đưa ra quyết định sao cho theo sự hiểu biết của tôi, chúng phù hợp với bức tranh lớn của Kinh Thánh.

Tôi đặc biệt quan tâm đến rất nhiều phụ nữ và những người nam liên quan, là những người theo Chúa Giê-xu và cảm thấy đề tài vai trò giới tính cùng các lệnh cấm phát biểu, dạy dỗ và lãnh đạo là đáng ngờ và là một gánh nặng. Bởi vì một mặt họ muốn nghiêm túc với Kinh Thánh, nhưng mặt khác họ không thể thực hành điều đó. Thêm vào đó, và điều này không phải là nhỏ, là cách thế gian nhìn chúng ta trong vấn đề này. Chính thế gian mà chúng ta mang Tin Lành đến.

Có phải Đức Chúa Trời đã làm cho mọi sự khó khăn đến thế đối với chúng ta? Có phải ý Ngài là hàng triệu giờ học hỏi, cầu nguyện và thảo luận được đổ vào những câu hỏi này? Rằng người ta chấp nhận sự chia rẽ và hy sinh sự hiệp một?

Tôi tin chắc rằng những câu hỏi này vô cùng cấp thiết, và cuốn sách này là lời biện hộ của tôi cho điều đó. Vì nếu phụ nữ đứng dưới người nam theo thứ

bậc và vì thế sự phục vụ của họ trong giáo hội và Hội Thánh bị hạn chế (bất chấp mọi lời quả quyết rằng có vô số chức vụ khác không công khai), thì xin Đức Chúa Trời thương xót chúng ta nếu chúng ta sai lầm.

Đây là vấn đề vâng lời. Cho cả hai giới. Không phải sự vâng lời theo kiểu luật pháp, nô lệ và sợ hãi.

Cuốn sách này là bản tóm tắt những gì tôi đã học hỏi, của vô số cuộc trò chuyện và thảo luận trên các diễn đàn mạng trong khoảng 40 năm qua. Tôi đã học được nhiều điều từ người khác.

Tôi cố gắng chỉ ra một con đường theo Kinh Thánh. Tôi giải thích đơn giản hết mức có thể. Đôi khi có lẽ sẽ quá phức tạp đối với người này hay người kia. Khi đó tôi khuyên bạn hãy tạm để phần ấy sang một bên và đọc chương tiếp theo. Tôi không viết với tư cách một nhà thần học, cũng không viết cho các nhà thần học, hay cho những người nghĩ rằng mình là nhà thần học. Tôi nghĩ đến những người mà tôi đã đồng hành rất lâu, và những người mới đến với đức tin, là những người tôi được gọi để phục vụ qua việc dạy dỗ. Tôi hy vọng và cầu nguyện rằng cuốn sách này sẽ là một sự giúp đỡ cho cả nam lẫn nữ.

Có những lời Kinh Thánh cần được suy nghĩ lại. Đây không phải là lần đầu tiên điều như vậy xảy ra. Đối với một số người, việc giải thích lại các bản văn Kinh Thánh là ngạo mạn và đáng ngờ. Họ cho rằng các ranh giới bị dời đi. Nhưng "*đối với một nền thần học tự xem mình đứng trong truyền thống của cuộc Cải cách, thì việc đặt câu hỏi về các thói quen và đọc lại các bản văn Kinh Thánh thuộc về chính bản chất của nó*".[2]

Bạn sẽ gặp nhiều lời trích dẫn trong cuốn sách này. Những tư tưởng quý giá ấy tôi thường tìm thấy trong thế giới nói tiếng Anh, và tôi muốn đem chúng đến cho độc giả nói tiếng Đức.

Sau cùng: *Thần học của chúng ta không phải là không thể sai. Không bao giờ.* Dù chúng ta mong muốn điều đó đến đâu. Như mọi cuốn sách, cuốn sách này có những sai sót, điểm yếu và điểm mạnh của nó. Về cuốn sách này cũng vậy, người khác có thể đã viết hay hơn. Tôi cảm ơn tất cả các chị em và anh em đã

2. Wunderli, 53, "Ihm gegenüber": Geschlechter-Gleichberechtigung in der Kirche und was die Bibel dazu (nicht) sagt, 2020

góp phần, vì những ý tưởng, những chỗ sửa chữa, những gợi ý và những lời bạt của họ. Tôi đặc biệt cảm ơn Conny Endrös (Lauben gần Kempten, vùng Allgäu) và Bernd Hüsken (Schwelm) đã đọc và hiệu đính bản thảo. Điều đó làm tôi vui và nhắc tôi nhớ đến thời niên thiếu ở Schwelm, nơi tôi lớn lên và đã nhận được một nền tảng thuộc linh tốt đẹp.

Hans-Jörg Ronsdorf

Sulzberg, vùng Allgäu, tháng 11 năm 2020

Con vui thích nơi các luật lệ Chúa, con sẽ không quên lời Chúa.

Các điều răn Chúa là niềm vui thỏa của con, là những người cố vấn của con.

Con chạy trên đường các điều răn của Chúa, vì Chúa mở rộng lòng con.

Thi Thiên 119:16, 24, 32 (Zürcher Bibel, bản dịch Kinh Thánh tiếng Đức)

1.1 Lời nói đầu cho ấn bản thứ 2, có bổ sung

Với ấn bản thứ hai, tôi quyết định chỉnh sửa nhẹ và bổ sung thêm. Tôi thấy cần sửa một vài chỗ, nhưng cần bổ sung và trau chuốt văn phong nhiều hơn.

Chủ yếu tôi đã chỉnh sửa và bổ sung các chương về ba bản văn cốt lõi của đề tài này, nhưng ở chỗ nào có thể thì cũng rút gọn lại. Điều này đặc biệt đúng với chương về đầu, tóc và khăn trùm.

Sau khi ấn bản đầu tiên ra đời, tôi đã xem xét thêm nhiều tài liệu và chính tôi cũng soạn thêm. Bạn có thể tìm thấy một phần trong số đó trên trang nhà của tôi www.hans-joerg-ronsdorf.de.

Ở Mỹ, gần như tháng nào cũng có một cuốn sách mới về đề tài này. Những sách ấy phần lớn có chất lượng thần học cao và làm việc kỹ lưỡng trên các bản văn Tân Ước. Chúng soi sáng đề tài này theo cách xác nhận điều tôi muốn trình bày trong cuốn sách này. Hơn bao giờ hết, tôi tin chắc rằng sự ngang hàng trọn vẹn giữa người nam và người nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống là ý muốn của Đức Chúa Trời.

Tôi hy vọng và cầu nguyện rằng lẽ thật này của Kinh Thánh sẽ đem lại sự chữa lành cho các cuộc hôn nhân, các gia đình và các Hội Thánh. Có lẽ đến bây giờ cuốn sách mới đúng như nó phải là. Nhưng nó vẫn có thể sai, nó không phải là lẽ thật, mà là cách giải thích của tôi.

Hans-Jörg Ronsdorf,

Sulzberg, tháng 7 năm 2021

Ấn bản thứ 3 trở nên cần thiết vì nhu cầu tăng cao. Đồng thời tôi đã tận dụng dịp này để sửa chữa và bổ sung thêm một số chỗ nhỏ. Điều đó không thay đổi gì sứ điệp của cuốn sách này. Tôi vui mừng vì đề tài này ngày càng được nhắc đến nhiều hơn và các chị em trong Chúa ngày càng hiểu rõ hơn ơn gọi của mình là gì.

Hans-Jörg Ronsdorf,

Augsburg, tháng 11 năm 2021

1.2 Lời nói đầu cho ấn bản thứ 4

Gần 2 năm đã trôi qua. Đề tài của cuốn sách này vẫn là đề tài muôn thuở. Những ngày này ở Mỹ, các Hội Thánh bị loại khỏi Hội đồng Báp-tít Miền Nam (SBC) nếu họ đặt phụ nữ vào chức vụ lãnh đạo hoặc có nữ mục sư. Mà lại là ở các tiểu bang miền Nam, nơi cũng có nhiều Cơ Đốc nhân đã dùng Kinh Thánh để biện minh cho chế độ nô lệ.

Trong ấn bản thứ 4 này có một phần bổ sung quan trọng về đề tài lệnh buộc im lặng trong 1 Cô-rinh-tô 14.

Hãy xem trang nhà của tôi www.hans-joerg-ronsdorf.de, vì ở đó thường xuyên có những bài viết mới về đề tài này.

Hans-Jörg Ronsdorf

Augsburg, tháng 7 năm 2023

1.3 Ai là người viết cuốn sách này

Thường thì nội dung của một cuốn sách quan trọng hơn tác giả của nó. Trong trường hợp này, với một đề tài rất nhạy cảm giữa vòng các Cơ Đốc nhân bảo thủ, tôi muốn cho độc giả biết ai là người viết cuốn sách này. Và ông đã đi đến những lập trường được trình bày ở đây như thế nào.

Cho đến năm ba mươi sáu tuổi, tôi cùng vợ và năm con là thành viên của một hội chúng Anh Em (khép kín, Exclusive Brethren), còn được biết đến với tên "Alte Versammlung" ("Hội chúng Cũ"). Họ không tự gọi mình như vậy, vì họ từ chối mọi "danh xưng". Trong những buổi nhóm hay buổi thờ phượng ấy, phụ nữ im lặng. Họ không tham gia. Hầu như lúc nào nam và nữ cũng ngồi riêng. Phụ nữ không mặc quần dài khi dự buổi thờ phượng. Phụ nữ trùm đầu.

Sau đó chúng tôi trở thành một phần của một (phong trào) Hội Thánh ở vùng Allgäu, khởi nguồn từ một công việc của Đức Chúa Trời vào những năm 80. Ở đó, trong một số Hội Thánh, phụ nữ được phép cầu nguyện lớn tiếng, làm chứng về đời sống hay đề nghị một bài hát. Vì quá khứ của mình, tôi thấy khó chấp nhận điều đó, vì 1 Cô-rinh-tô 14 truyền cho phụ nữ phải im lặng.

Sau vài năm, tôi lại đối diện câu hỏi này và nghiên cứu Kinh Thánh thật kỹ. Tôi thật sự nhận ra rằng cách làm này – phụ nữ có thể cầu nguyện lớn tiếng, làm chứng và đề nghị bài hát – hoàn toàn phù hợp với Kinh Thánh. Những lý lẽ của tôi được trình bày trong các chương sau.

Tôi ngày càng thấy sự tham gia của họ là điều tích cực. Người ta có thể phản bác ngay rằng như vậy việc tôi nghiên cứu Kinh Thánh đã bị thái độ tích cực ấy ảnh hưởng theo hướng này. Có thể điều đó đã xảy ra một cách vô thức. Nhưng một cách có ý thức thì không. Vì sao chính xác niềm tin của tôi đã thay đổi, tôi sẽ trình bày.

Thế nhưng trong Hội Thánh này, phụ nữ không giảng và không được làm nữ chấp sự hay nữ trưởng lão. Điều đó cũng đã và vẫn đang như vậy trong các

Hội Thánh thân hữu. Ở một số nơi, chị em thậm chí phải im lặng, do ảnh hưởng hay sự gần gũi với các hội chúng Anh Em tự do ở Đức và với một trào lưu Hội Thánh ở vùng Salzburg.

Cách đây vài năm, tôi đã rời Hội Thánh này. Vì những lý do không liên quan gì đến đề tài ở đây. Điều đó đã đưa đến một trải nghiệm mà người khác cũng từng có. Khoảng cách cả về không gian lẫn thời gian mở ra cho tôi một cái nhìn mới, có tính phân tích, về điều mà người ta đã thuộc về trong nhiều năm. Tôi đã làm trưởng lão ở đó bảy năm và chính tôi đã có, đã bênh vực và đã áp dụng quan điểm này về vai trò của phụ nữ. Nhưng khoảng cách đã giúp tôi suy nghĩ lại câu hỏi này. Không còn áp lực bên ngoài của một cộng đồng, theo thời gian tôi đã đi đến những nhận thức khác. Có lẽ nếu không có khoảng cách ấy thì điều đó đã không thể xảy ra.

Quá trình thay đổi quan điểm này, mà tôi không giấu độc giả, có thể bị người ta cố ý giải thích một cách tiêu cực như là sa sút, bội đạo, thế tục hóa. Tôi biết những lối suy nghĩ và những cách phán xét động cơ như thế, gần như ở mức "tiên tri", từ thời niên thiếu. Chúng mạnh và ăn sâu. Người ta khó mà thoát khỏi chúng. Chính tôi từng là một phần tích cực của chúng.

Đó là hoàn cảnh và quá khứ Hội Thánh hay giáo hội của tôi. Kinh Thánh ban sự tự do lớn trong đời sống Hội Thánh. Cách tổ chức buổi nhóm họp không được quy định. Không có một con đường duy nhất đúng. Dù có những Cơ Đốc nhân tin như vậy. Hình thức của buổi thờ phượng – mà vốn có rất nhiều hình thức – là tự do! Vai trò của phụ nữ trong đó là đề tài của cuốn sách này.

Điều quan trọng nhất về bản thân tôi vẫn còn thiếu. Hay đúng hơn, người quan trọng nhất trong đời tôi. Vợ tôi, Christine. Vì nàng, tôi đã lìa cha mẹ để chia sẻ cuộc đời với nàng. Chúng tôi có năm người con đã trưởng thành. Vợ tôi là một người có cá tính mạnh mẽ. Một người mẹ sư tử, biết chiến đấu. Một người phụ nữ khôn ngoan. Tôi biết ơn về nàng hơn mọi điều, cũng như nhiều anh em trong Chúa của tôi biết ơn về vợ mình. Nàng là một phần trong hành trình nhận thức của riêng tôi về các vấn đề giới tính. Không có nàng, tôi đã không ở chỗ tôi đứng hôm nay. Tôi đang và sẽ mãi là người học hỏi, và cũng là người có thể sai lầm.

Cả hai chúng tôi đều lớn lên trong một đất nước tự do và dân chủ. Với luật pháp về quyền bình đẳng nam nữ, dù cho đến nay phụ nữ vẫn bị thiệt thòi. Tôi đang nói về nước Đức và nền văn hóa phương Tây. Chúng tôi chưa từng trải qua chiến tranh. Chưa từng trải qua nạn đói. Năm nay chúng tôi đang trải qua đại dịch đầu tiên của thế hệ mình. Lần đầu tiên, cảm giác về một sự an toàn và tăng trưởng đời đời, bất khả xâm phạm bị lung lay.

Những trải nghiệm sống cho đến nay vô cùng tích cực ấy định hình lối suy nghĩ của chúng tôi và cách chúng tôi nhìn các nền văn hóa khác. Tôi xem quyền bình đẳng là một thành tựu đầy phước hạnh của nền dân chủ hiện đại. Có thể so sánh với việc bãi bỏ chế độ nô lệ – một chế độ chưa bao giờ phù hợp với ý muốn của Đức Chúa Trời.

Tôi nhắc đến điều này vì quá trình hình thành con người chúng tôi đã được định hình bởi lối suy nghĩ của phong trào Anh Em (khép kín). Ở đó, người nam và người nữ đã và vẫn được xem là có giá trị như nhau, nhưng người nữ bị loại khỏi việc tham gia buổi thờ phượng của Hội Thánh. Người nữ ở địa vị phụ thuộc. Người nữ là người phụ giúp của người nam. Người nam là đầu và nắm quyền lãnh đạo trong hôn nhân. Người ta tin rằng như thế là vâng lời Lời Đức Chúa Trời. Trung thành với Kinh Thánh.

Người ta có thể có niềm tin này. Nhưng cũng được phép đặt câu hỏi: điều đó phù hợp đến mức nào với thực tế cuộc sống ngày nay, và liệu có thể phù hợp được không? Cuộc hôn nhân của tôi đã ra sao, và tôi đã chứng kiến thế nào các cuộc hôn nhân của cha mẹ, ông bà, và ngày nay của bạn bè, người quen – những người vì niềm tin mà cố gắng sống theo sự khác biệt về thứ hạng hay thẩm quyền giữa hai giới?

Dù trong những năm đầu hôn nhân, tôi đã tự mình quyết định nhiều việc mà không bàn với vợ, ngày nay tôi hầu như không còn làm như thế nữa. Chúng tôi luôn vận hành tốt nhất khi cùng nhau quyết định và hành động như một đội. Sự tôn trọng và tình yêu không phải là đường một chiều. Trao đổi với nhau và sống với nhau, nói và nghe nhau một cách ngang hàng – đó là tình trạng lý tưởng. Ai cũng có lúc mạnh, lúc yếu. Bổ sung cho nhau, bất cứ khi nào cần, và điều đó vốn dĩ là bình thường. Không phải lúc nào người chồng cũng đi trước. Cũng có thể là người vợ. Thay phiên nhau. Bổ sung cho nhau.

Đồng lòng. Cởi mở. Sẵn sàng được sửa sai. Biết lắng nghe. Cùng nhau cầu nguyện. Tôi trải nghiệm điều đó như thực tế của đời sống. Mọi cách khác đều là một bước thụt lùi. Tôi không muốn và sẽ không sống một cuộc hôn nhân như ở vùng Cận Đông cổ đại, như thời Áp-ra-ham hay Đa-vít. Cũng không như thời Chúa Giê-xu, và cũng không như thời Cải cách. Cũng không như ông bà tôi. Về phương diện này, tôi biết ơn vì được sống trong thế kỷ 21.

Giờ đây tôi nhận thấy rằng những người nghĩ mình sống trung thành với Kinh Thánh trong vấn đề nam và nữ, trên thực tế hầu như không sống khác chúng tôi. Hôn nhân của họ cũng mang dấu ấn của quyền bình đẳng, không phải của sự một chiều, mà của tính hai trong sự hiệp một. Tôi muốn nói rằng, trừ vài ngoại lệ, tôi không thấy ở đâu những cuộc hôn nhân Cơ Đốc đúng như Phao-lô và Phi-e-rơ mô tả (những bản văn này sẽ được bàn kỹ). Trái lại, những người vợ ấy đồng hành ngang hàng với chồng mình. Phần lớn họ là một đội. Việc quy chụp rằng phụ nữ muốn thao túng hay điều khiển chồng mình là không công bằng. Dù điều đó có xảy ra. Tội lỗi vẫn là một ổ lửa, nhỏ hay lớn, trong mọi cuộc hôn nhân. Nhưng khi hai người sống tốt với nhau, ngọn lửa ấy phần nhiều được dập tắt.

Khi trong cuốn sách này tôi bênh vực và lập luận cho quan điểm về hôn nhân vừa nêu và cho một vai trò khác của người nữ trong Hội Thánh, điều đó sẽ gây ra nơi một số người sự khó hiểu, sự khước từ, sự hoảng hốt và kinh hãi. Bênh vực niềm tin của mình bao giờ cũng phải trả giá. Nhất là khi người ta lập luận ngược với lập trường của Hội Thánh hay bạn bè mình. Tôi làm điều đó với lòng tôn trọng đối với những lập trường cũ, bảo thủ. Dù tôi cho rằng chúng sai. Chúng kìm hãm Thánh Linh của Đức Chúa Trời và ngăn trở Ngài. Tôi mong mỗi độc giả đọc và kiên nhẫn đến cuối sách. Tôi sẵn lòng trò chuyện về nội dung cuốn sách, khi nó đã được đọc trọn.

Bạn cứ việc viết thư cho tôi, miễn là các lý lẽ khách quan và không có sự quy chụp. Tôi biết rõ "nghề" này, nơi mà chính trong những câu hỏi như thế, người ta thường nóng nảy, thiếu khách quan, đôi khi còn công kích cá nhân và gây tổn thương.

Mỗi người hãy tự xét mình trước mặt Đức Chúa Trời và nhận ra rằng sự hiểu biết của chúng ta chỉ đến từng phần, từng bước, và chịu ảnh hưởng mạnh mẽ

của môi trường quanh ta cùng thời đại của nó.

Từ thời niên thiếu, tôi đã được khuyên đọc Kinh Thánh. Mỗi ngày. Và nghiên cứu Kinh Thánh. Tôi đã làm như vậy. Tôi biết ơn về nền tảng Kinh Thánh vững chắc mà tôi đã nhận được trong "Hội chúng". Cuốn sách này không phải là một bản cáo trạng hay một sự thanh toán quá khứ của tôi, nếu ai muốn hiểu nó như thế. Dù sao đi nữa, việc nghiên cứu Kinh Thánh từ thuở thiếu niên đã trở thành sở thích của tôi, và còn hơn thế nữa. Cho đến hôm nay vẫn vậy. Hồi ấy tôi cũng muốn trở thành một người dạy Kinh Thánh được kính trọng như những người tôi noi gương, mà vài người trong số họ nay vẫn còn sống. Động cơ ấy từ lâu đã không còn nữa. Khi người ta nghiên cứu Kinh Thánh nhiều và sâu như thế, chúng ta nghĩ sẽ rút ra được những nhận thức nào? Lúc nào cũng cứ mãi những điều như cũ sao?

Đôi khi việc nghiên cứu Kinh Thánh giống như dân Y-sơ-ra-ên, có một bức màn che trên mắt (2 Cô-rinh-tô 3:15). Dù có Đức Thánh Linh hiện diện, chúng ta thường vẫn chỉ thấy những điều như cũ. Nhưng ai nghiên cứu Kinh Thánh mãi mãi, hết lần này đến lần khác, thì không nên ngạc nhiên khi chính Thánh Linh ấy bỗng cho thấy một điều mới (Ma-thi-ơ 13:52), dù đã gần 2000 năm. Lời Đức Chúa Trời há chẳng phải là vô tận sao? Cũng nhờ sự giúp đỡ của các nhà thần học và ngành nghiên cứu Kinh Thánh. Nhờ sự giúp đỡ của các trường Kinh Thánh và chủng viện thần học cũng đang nghiên cứu Kinh Thánh. Khi trong nhóm đề tài về nam và nữ trong Hội Thánh, trong hôn nhân và trong Nước Đức Chúa Trời xuất hiện những nhận thức mới hay khác với những điều suốt nhiều thế kỷ được tin là duy nhất đúng, thì không nên vì thế mà vội gạt bỏ chúng. Đề tài này không quyết định cho sự cứu rỗi, và chúng ta không nên làm như thể nó quyết định! Nó không phải là hòn đá thử vàng cho sự trung thành với Kinh Thánh.

Từ kinh nghiệm, tôi biết thế nào là phải đặt dấu hỏi trước những lẽ thật mình đã yêu mến suốt nhiều chục năm, vì lời chứng của Kinh Thánh hóa ra không rõ ràng và minh bạch như người ta vẫn luôn nghĩ, hay như người ta đã được dạy. Những quá trình thay đổi suy nghĩ thật đau đớn, chúng tác động sâu trên chúng ta. Chúng cho thấy chúng ta dễ sai lầm, bất lực và hoàn toàn lệ thuộc vào Đức Chúa Trời đến mức nào. Chúng ta có thể than thở cùng Ngài, đem đến cho Ngài sự thiếu hiểu biết, những câu hỏi và cả những hoài nghi

của mình. Và cả "bệnh mù nghề nghiệp" của chúng ta, là điều đã lặng lẽ xảy đến ở nơi người ta chỉ quen sống trong môi trường Hội Thánh của riêng mình và xem thế giới của mình là thế giới duy nhất chính đáng hay trung thành với Kinh Thánh.

Trong vài năm, tôi đã tham gia một diễn đàn về tiếng Hy Lạp Kinh Thánh. Nhiều điều được bàn và thảo luận cách xây dựng. Đề tài của cuốn sách này cũng đã được thảo luận. Hồi đó tôi đã thu thập nhiều tài liệu và nay đọc lại. Từ khoảng cách vài năm, tôi nhận thấy rằng các lập luận hiếm khi, thậm chí không bao giờ, bỏ ngỏ kết luận. Dù trình độ ngôn ngữ cao đến đâu, chính sự quyết định sẵn từ trước và sự định hình theo một lập trường là điều quyết định cho các lý lẽ thuận hay chống. Trong trường hợp này là liệu phụ nữ có được nói gì trong buổi thờ phượng hay không, liệu ngày nay họ có nên trùm đầu không, chưa kể đến việc dạy dỗ hay lãnh đạo. Phải chăng người ta thật sự có thể dùng Kinh Thánh để chứng minh hay bác bỏ mọi điều?

Tôi chưa bao giờ định viết về đề tài này. Đề tài này gây tranh cãi và là nơi giao tranh gay gắt. Một bãi mìn. Ở đây người ta không thể gặt hái vinh quang. Thời gian của tôi lẽ ra đã có thể dành trọn cho những việc khác của Nước Đức Chúa Trời. Nhưng tôi biết rõ chính mình được kêu gọi làm việc này. Người ta sẽ quy cho tôi là chạy theo trào lưu thời đại. Tôi không thể làm gì chống lại điều đó. Tôi không bênh vực một lập trường giải phóng mà thế gian đang tranh đấu. Con đường của tôi phải là điều Kinh Thánh dạy tôi.

Lời Chúa soi sáng nơi con bước đi; ấy là ánh sáng trên đường lối con.

Lời chứng của Chúa đầy dẫy những điều kỳ diệu, vì vậy con hết lòng gìn giữ.

Thi Thiên 119:105, 129 (Neue Genfer Übersetzung NGÜ, bản dịch Kinh Thánh tiếng Đức)

2 Sự sáng tạo và sự sa ngã

Muốn hiểu rõ một điều gì, người ta nên tìm hiểu nguồn gốc của nó. Hầu như mọi sách Cơ Đốc bàn về đề tài này đều bắt đầu với lịch sử nguyên thủy. Khi những người Pha-ri-si muốn gài bẫy Chúa Giê-xu về đề tài ly dị, Ngài đã đặt vấn đề ấy dưới ánh sáng của câu chuyện sáng tạo (Ma-thi-ơ 19:3-9). Đối với Ngài, điều quyết định là lúc ban đầu mọi sự ra sao. Chương trình tốt lành của Đức Chúa Trời cho loài người đã dự định điều gì. Nhân tiện, điều Ngài nói về việc ly dị là để bảo vệ phụ nữ, những người ít nhiều phải phó mặc cho sự tùy tiện của chồng mình trong việc bị đuổi đi.

Trong cuốn sách này, tôi cố gắng nhất quán đi theo góc nhìn ấy của Chúa Giê-xu. Tôi dành thời gian trong vườn địa đàng và sẽ xem xét kỹ điều đã xảy ra. Điều gì được dựng nên và được dựng nên thế nào. Điều gì đã được nói ra. Vì khi nói về mối quan hệ giữa người nữ và người nam, thì ba chương đầu tiên của Kinh Thánh là quyết định. *Nếu lúc ban đầu – trước sự sa ngã – mô tả tình trạng lý tưởng, thì từng chi tiết đều có giá trị.* Nhưng phải thừa nhận đây là một bản văn không dài. Câu chuyện sáng tạo thật độc đáo và sâu sắc. Nhưng ngắn. Bằng một ngôn ngữ ngày nay không còn ai nói. Và những câu hỏi mà con người ở vùng Cận Đông cổ đại đặt ra về nguồn gốc khác với những câu hỏi chúng ta đặt ra. Nhiều điều vẫn còn bỏ ngỏ.

Vì thế, cần thận trọng với những suy diễn chung chung hay những kết luận ràng buộc. Dù sao đi nữa, không được chất lên phần mô tả tương đối ngắn về sự dựng nên cặp người đầu tiên quá nhiều kết luận.

2.1 Mọi sự đã bắt đầu thế nào

Trong nhiều sách về đề tài này, hầu như lúc nào người ta cũng có thể nhận thấy: người ta giải thích lịch sử nguyên thủy này thế nào thì cũng giải thích mọi bản văn liên quan trong Tân Ước như thế. Cách nhìn về lịch sử nguyên thủy định hướng cho lập trường mà người ta bênh vực trong đề tài này. Tùy

theo khuôn mẫu giải thích, người ta đi đến những lập trường đối nghịch, mâu thuẫn nhau. Nhìn chung, có hai lập trường:

Sự ngang hàng giữa người nam và người nữ, không có sự khác biệt về thứ bậc (trong thế giới nói tiếng Anh gọi là thuyết bình đẳng).

Vai trò lãnh đạo của người nam và sự thuận phục của người nữ, dựa trên một sự khác biệt về thứ bậc (thuyết bổ sung).

Cả hai lập trường đều tin chắc rằng nam và nữ có giá trị như nhau và khác biệt nhau, nhưng hiểu khác nhau về vai trò và thứ bậc của hai giới. Trong chương 12 ("Sự khác biệt"), bạn sẽ thấy một bảng tóm lược sơ đồ của cả hai lập trường.

Tôi cho rằng những thuật ngữ dùng trong thế giới nói tiếng Anh không khéo khi đem dùng trong thế giới nói tiếng Đức. "Bổ sung" có nghĩa là bổ khuyết cho người kia. Điều đó vẫn đúng ngay cả khi có thứ hạng khác nhau. Thế nhưng sự bổ sung cho nhau thì cả hai lập trường đều chủ trương. Có điều, một bên thì có, còn bên kia thì không có sự khác biệt về thứ bậc.

Tôi bắt đầu bằng một cái nhìn tò mò vào những biến cố đã qua nhiều ngàn năm. Chỉ riêng vì những ghi chép và biến cố ấy đã xa xưa như thế, nên cái nhìn vào những câu chuyện này không phải là phi thời gian, cũng không nằm ngoài mọi sự giải thích. Bản tường thuật sáng tạo được viết ra trong một hoàn cảnh lịch sử, cụ thể là trong môi trường của vùng Cận Đông cổ đại. *Bản văn này không được viết gửi cho chúng ta ở thế kỷ 21. Như thể chúng ta ở thế kỷ 21 là những người nhận đầu tiên. Nhưng những bản văn này được viết cho chúng ta.* Đó là một sự khác biệt mà người ta không được quên.

Sứ đồ Phao-lô nhiều lần nhắc đến sự dựng nên người nam và người nữ trong các thư của ông. Tôi sẽ *không* dùng những chỗ đó để giúp hiểu, *vì trong những bản văn ấy, Phao-lô không giải nghĩa hay giải thích sự dựng nên người nam và người nữ, mà áp dụng nó vào những hoàn cảnh cụ thể.* Đó là một sự khác biệt lớn. Trước hết, hãy để câu chuyện sáng tạo tự nói. Về sau tôi sẽ bàn kỹ các bản văn của Phao-lô và cách ông giải thích. Trước hết, tôi phác họa một bức tranh từ câu chuyện của hai chương đầu sách Sáng Thế Ký. Trước sự sa ngã. Trước khi có những ảnh hưởng văn hóa tiêu cực và làm méo mó vai trò của

hai giới. Nghĩa là hoàn toàn giống như Chúa Giê-xu khi Ngài nói về lúc ban đầu.

2.1.1 Công việc của ngày thứ sáu

Phải đến ngày cuối cùng trong câu chuyện sáng tạo, con người mới được dựng nên. Cùng với các loài thú trên đất, trái đất trở thành nhà của con người. Đây là phần mô tả ngày thứ sáu, sau khi các loài thú trên đất đã được dựng nên:

> [Sáng Thế Ký 1:26-31, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder] Đức Chúa Trời phán: *Chúng ta hãy làm nên con người theo hình ảnh chúng ta, giống như chúng ta; và họ sẽ quản trị* loài cá dưới biển, loài chim trên trời, loài súc vật, khắp cả đất và mọi loài bò sát chuyển động trên đất!
>
> *Đức Chúa Trời dựng nên con người theo hình ảnh Ngài; theo hình ảnh Đức Chúa Trời, Ngài dựng nên người; Ngài dựng nên họ là người nam và người nữ.*
>
> Đức Chúa Trời ban phước cho họ, và Đức Chúa Trời phán với họ: *Hãy sinh sản, thêm nhiều, làm cho đầy dẫy đất và khiến đất phục tùng các ngươi*; hãy quản trị loài cá dưới biển, loài chim trên trời và mọi loài vật chuyển động trên đất!
>
> Đức Chúa Trời lại phán: Này, Ta ban cho các ngươi mọi thứ cỏ kết hạt mọc khắp mặt đất, và mọi cây có trái kết hạt: ấy sẽ là thức ăn cho các ngươi; còn mọi loài thú trên đất, mọi loài chim trên trời và mọi vật chuyển động trên đất có sự sống, thì Ta ban cho mọi thứ cỏ xanh làm thức ăn. Và việc thành như vậy. *Đức Chúa Trời thấy mọi điều Ngài đã làm, và kìa, thật rất tốt lành.* Vậy có buổi chiều và có buổi sáng: ấy là ngày thứ sáu.

Khi xem xét bản văn này và mọi bản văn tiếp theo, mục đích không phải là một sự giải nghĩa hay giải kinh tổng quát. Trọng tâm là mối quan hệ đôi lứa giữa người nữ và người nam, trong mối liên hệ với nhau và với Đấng Tạo Hóa của họ. Những bản văn này có thể soi sáng gì cho đề tài của cuốn sách này? Người ta đã giải thích và áp dụng chúng thế nào?

Có thể viết, nêu ra và trích dẫn nhiều điều. Trong khuôn khổ cuốn sách này, tôi viết ngắn gọn và cố gắng mô tả bức tranh lớn.

2.1.2 Con người: hình ảnh của Đức Chúa Trời – Imago Dei

Con người – chữ Hê-bơ-rơ là *adam (người-đất)* – được nâng lên trên mọi tạo vật khác. Có lẽ cách nói dân gian "chúa tể muôn loài" diễn tả đúng điều đó. Rõ ràng là con người đặc biệt so với mọi điều khác. Là hình ảnh của Đức Chúa Trời, giống như Ngài, con người gần như trở thành người đại diện của Ngài trong không gian hữu hình được dựng nên. Trên đất, quyền quản trị được giao cho con người thay mặt Đức Chúa Trời.[3] Con người trở thành người đại diện cho Đấng Tạo Hóa mình. Với "trang bị" là hình ảnh của Đức Chúa Trời, giống như Ngài (nhưng không đồng nhất với Ngài), khác với loài vật, con người cũng là loài có thể trò chuyện với Đức Chúa Trời. Một đối tác mà Đấng Tạo Hóa giao tiếp và tương giao.

Để là như vậy – giống như Đức Chúa Trời – con người được trang bị cách "oai nghi" và được ban cho những khả năng và tiềm năng mà Đức Chúa Trời cũng có. Vì Đức Chúa Trời không phải là vật chất mà là Thần, nên trên đất, nhiều điều về Ngài trở nên thấy được nơi con người.

Ở vùng Cận Đông cổ đại, chính các vua chúa và những kẻ cầm quyền dựng tượng của mình tại những vùng bị chinh phục, để biểu dương quyền thống trị của họ. *Một hình ảnh, dù bản thân không có mặt ở đó.*

Vì thế, câu chuyện sáng tạo là độc nhất vô nhị trong môi trường văn hóa đã sinh ra nó, vì nó biến mỗi con người – nữ và nam, thậm chí cả nô lệ – thành vua và người cai quản. *Mỗi một con người là hình ảnh của Đức Chúa Trời. Và nhờ đó nhận được phẩm giá, giá trị và sự bảo vệ. Đó là quan niệm về con người của Kinh Thánh.* Là nền tảng trên đó mọi điều khác được xây dựng, mọi điều làm nên – hay lẽ ra phải làm nên – việc làm người và sống chung với nhau.

Mỗi người nam và mỗi người nữ đều mang phẩm giá không thể nhầm lẫn của việc mang hình ảnh Đức Chúa Trời. Làm người, là nam và là nữ, có

3. Đức Chúa Trời thật lòng muốn trao quyền quản trị cho con người. Với mọi hậu quả có thể nảy sinh cho con người từ sự ủy quyền và sự tự do ấy. Tốt cũng như xấu. Đức Chúa Trời tôn trọng sứ mạng này và sẽ không liên tục can thiệp để sửa chữa.

nghĩa là làm hình ảnh của Đức Chúa Trời.

2.1.3 Con người là nam và nữ

Vai trò mang hình ảnh của Đức Chúa Trời thuộc về con người, bất kể là nam hay nữ. Vậy điều này là có chủ ý, và không thể khác được: cần có cả hai giới để đại diện cho Đức Chúa Trời và hoàn thành sứ mạng sáng tạo. Rốt cuộc, không ai một mình có thể làm hình ảnh của Đức Chúa Trời một cách trọn vẹn.

Chính Đức Chúa Trời không đưa ra lời bình luận nào về sự khác biệt giới tính. Không có bất cứ sự khác biệt nào về khả năng, giá trị, tầm quan trọng, vai trò và địa vị, cả hai được nhắc đến trong cùng một hơi thở. Trong một từ: con người. Đối với thời ấy, điều này cũng là độc nhất vô nhị. *Ở đây người nữ đứng ngang hàng bên cạnh người nam.* Trong các nền văn hóa của vùng Cận Đông cổ đại, đó không phải là điều bình thường.

Ở đây không phải là câu hỏi liệu hai giới có khác nhau về thể chất, chức năng hay vai trò hay không. Trên trang đầu tiên của Kinh Thánh, nơi nền tảng cho mọi sự được đặt xuống, trước hết là sự bình đẳng. Đó là cách Kinh Thánh bước vào đề tài người nữ và người nam. *Đó là sự định hướng, tiền đề và giả định nền tảng quan trọng nhất của chính Kinh Thánh, theo đó mọi điều khác mà Kinh Thánh nói được giải thích và định hướng.* Và có lẽ là điều theo đó chúng ta phải tự sửa mình. Dưới ánh sáng này – chứ không phải ngược lại – Phao-lô cũng phải được giải thích. Về điều này sẽ nói thêm sau.

2.1.4 Con người và sứ mạng Đức Chúa Trời giao

Đức Chúa Trời ban phước cho loài người và qua đó ban cho họ khả năng thực hiện sứ mạng của mình là người đại diện của Đức Chúa Trời. Một mặt, đó là quyền quản trị trên đất và trên các loài vật. Mặt khác, đó là mệnh lệnh hãy sinh sản và thêm nhiều, để làm cho đầy dẫy và chiếm lấy đất, cả địa cầu, cai quản đất một cách ân cần và khai thác đất một cách giữ gìn. Nói cách khác: mở rộng vườn địa đàng ra khắp cả trái đất. Chúng ta không biết chính xác thiên nhiên ở trong tình trạng nào khi sứ mạng này được giao.

Đó là một sứ mạng văn minh. Người ta cũng gọi là sứ mạng văn hóa. Đó là việc phát huy mọi khả năng Đức Chúa Trời ban, trong việc sử dụng mọi tài nguyên Đức Chúa Trời ban của trái đất, như Đức Chúa Trời đã dựng nên chúng. Bản văn này lấy nông nghiệp, trồng trọt và chăn nuôi làm môi trường sống. Thế nhưng sự phát triển qua hàng ngàn năm cho đến ngày nay cho thấy trái đất và tài nguyên của nó, cũng như khả năng và tài năng của con người, phong phú nhiều tầng lớp đến mức nào. Một tiềm năng mà chính Đức Chúa Trời đã đặt để.

Vấn đề không phải là sứ mạng đã được thực hiện *như thế nào*. Đó là một sứ mạng có trước sự sa ngã.[4] Sứ mạng này không thay đổi sau sự sa ngã. Như được mô tả ở đây, nó vẫn còn hiệu lực đến ngày nay, cho người nam và người nữ.

Việc sinh sản, như cũng xảy ra trong thế giới loài vật, chỉ có thể được thực hiện bởi người nam và người nữ cùng nhau. Cả hai giới phải cùng nhau đối diện với thực tế này và với tính dục.

Trong sứ mạng rộng lớn và hết sức hệ trọng này, người nam và người nữ bình đẳng, ngang hàng, cần đến nhau cũng như cần đến phước lành của Đức Chúa Trời. Không có bất cứ thứ bậc nào, không có câu hỏi hay quy định nào về thẩm quyền, xem ai là người quyết định trong nhiệm vụ của cuộc đời này.

Con người – người nam và người nữ – trong môi trường vườn địa đàng và với sứ mạng của mình, được gọi một cách chính đáng là *vua-thầy tế lễ*.[5] Một mặt, họ cai quản đất với tư cách là những người đại diện của Đức Chúa Trời. Nhưng họ cũng là những người sống trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời, trong vườn địa đàng. Vai trò này áp dụng như nhau cho cả hai, cho người nam và người nữ.

Khía cạnh quan trọng này, ở đây không đi sâu thêm, nảy sinh từ nhiều *điểm tương đồng giữa vườn địa đàng ở Ê-đen và biểu tượng đền thờ.*[6]

4. (status integritatis – tình trạng nguyên vẹn trước sự sa ngã, đối lại với status corruptionis – tình trạng hư hoại sau sự sa ngã)

5. Beale, Gregory K., tr. 65 và các trang tiếp theo, Der Tempel aller Zeiten, 2011

6. *Giữa vườn địa đàng trong Sáng Thế Ký 2 và đền thờ có một mối liên hệ trực tiếp:* Lối vào phía đông: Lối vào vườn địa đàng hướng về phía đông, đúng như chính ngôi đền thờ và nơi ngự của Shekhinah (Sáng Thế Ký 3:24; miqedem = về phía đông). Dòng sông: Dòng sông bắt nguồn từ Ê-đen có hình ảnh tương ứng tuyệt vời là dòng sông đền thờ chảy ra từ nơi thánh theo bản thiết kế của Ê-xê-chi-ên (Ê-xê-chi-ên 47). Sự hiện diện của Đức Chúa Trời: Sự hiện diện của Đức Chúa Trời

Đối với người nam và người nữ trong Hội Thánh và trong các buổi nhóm thờ phượng, ở đây đã có một gợi ý đầu tiên, dù gián tiếp, rằng ở đó họ cũng hoạt động ngang hàng với nhau. Ở đây chức tế lễ của mọi tín hữu đã được báo trước.

2.1.5 Sự dựng nên A-đam và Ê-va

Trong Sáng Thế Ký 2, câu chuyện đi vào cụ thể sự dựng nên con người. Điều được thuật lại cách tổng quát trong chương 1, trong khuôn khổ công việc sáu ngày của Đức Chúa Trời Elohim, giờ đây chuyển thành một câu chuyện đầy sức biểu cảm. Có thể nói, điều quan trọng nhất trong chương 1 được lấy ra và đào sâu. Trong chương 1 là bản tường thuật sáng tạo, trong chương 2 là bản tường thuật về vườn địa đàng. Vườn Ê-đen là nơi xảy ra sự việc. Giờ đây danh của Đức Chúa Trời là Yahweh Elohim. Đức Chúa Trời là Đấng Tạo Hóa nắn nên con người, đến gần con người và ở đó vì con người.

> [Sáng Thế Ký 2:4-9, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder] Đây là gốc tích của trời và đất khi chúng được dựng nên, vào ngày CHÚA Đức Chúa Trời làm nên đất và trời, khi chưa có bụi cây nào ngoài đồng mọc trên đất, và chưa có cây cỏ nào ngoài đồng nảy lên; vì CHÚA Đức Chúa Trời chưa cho mưa xuống đất, và *chưa có người nào để cày cấy đất đai.*
>
> Nhưng có hơi nước từ đất bốc lên và tưới khắp mặt đất. Và *CHÚA Đức Chúa Trời nắn nên con người bằng bụi từ đất, hà hơi sự sống vào lỗ mũi người; và người trở nên một loài sinh linh.*

Câu chuyện thuật lại việc A-đam được dựng nên từ bụi đất. Người mang hình ảnh của Đức Chúa Trời được dựng nên từ đất. Đất là nhà của con người và sẽ mãi là nhà của con người. Cả trong cuộc sáng tạo mới. Sự gần gũi với đất cũng như sự chóng qua của con người được diễn tả qua cách dựng nên lạ

và việc Ngài đi lại có thể được trải nghiệm cách đặc biệt trong vườn Ê-đen, như trong đền thờ (Sáng Thế Ký 3:8-9; Lê-vi Ký 26:11-12). Chê-ru-bim: Các chê-ru-bim, rất quan trọng trong mối liên hệ với đền thờ (chẳng hạn Xuất Ê-díp-tô Ký 25:18; 26:1, 31; 1 Các Vua 6:23, 29), có chức năng canh giữ hết sức quan trọng trong vườn Ê-đen (Sáng Thế Ký 3:24). Sự thờ phượng: Công việc của A-đam trong vườn được diễn tả bằng các từ "cày cấy" ('avad) và "gìn giữ" (shamar) như một sự phục vụ Đức Chúa Trời (Sáng Thế Ký 2:5, 15). Trong mối liên hệ với nơi thánh, những động từ này là những từ tiêu biểu mô tả sự phục vụ thờ phượng của các thầy tế lễ và người Lê-vi ('avad: Dân Số Ký 4:24, 26, 30, 37, 41, 47; 8:11, 15, 19, 22, 25, 26; shamar: Dân Số Ký 3:7, 8, 10, 28, 32, 38; 18:3, 4, 5, 7). Xem Roger Liebi trong Genesis 2: Die Schöpfung des Menschen

lùng này. Người ta thường lấy đất sét để xây nhà, chứ không để làm nên con người. Nhưng Đức Chúa Trời đã làm theo cách lạ lùng, đầy huyền nhiệm này. Được sinh khí của Đức Chúa Trời, được Thần của Đức Chúa Trời làm cho sống, A-đam trở nên một loài sinh linh.

2.1.6 Đôi lời ngoài lề về các từ chủ đạo trong tiếng Hê-bơ-rơ

Trong các bản văn Kinh Thánh tiếng Hê-bơ-rơ, những từ chủ đạo có một ý nghĩa quan trọng. Nhưng người ta chỉ nhận ra chúng khi *nghe bản văn bằng tiếng Hê-bơ-rơ!*

Một chuỗi từ chủ đạo như vậy gồm các từ Adam (con người), Adama (đất đai), Dam (máu) – gốc ngôn ngữ của cả ba từ là "chất đỏ". Trong những khái niệm này, mối liên kết nhiều mặt giữa con người với đất trở nên rõ ràng.

"Adama" là đất. "Adam" là người-đất, được làm ra từ đất. "Dam", máu, là nơi mang sự sống (máu người, đổ ra khi Ca-in giết em mình là A-bên, trở về với đất – Sáng Thế Ký 4:10-11).

Hơn thế nữa: một sợi dây rốn ba bện buộc chúng ta vào Mẹ Đất. Từ đất chúng ta được lấy ra, về đất là nơi chúng ta trở về, từ đất tất cả chúng ta được nuôi sống. … Adam và Adama gắn bó với nhau trong một cộng đồng số phận mà không ai trong chúng ta có thể tháo gỡ. "Adam" gặp chúng ta trong Kinh Thánh như là tên riêng của người đầu tiên. Nhưng "Adam" luôn luôn (cũng) là danh từ chỉ loài "con người", có thể chỉ toàn thể con cháu của A-đam, cũng như mỗi một con người riêng lẻ. Trong cả hai trường hợp, "người-đất", như hình ảnh tiêu biểu của sự gắn liền với đất, chỉ về sự mong manh và sự hay chết của kiếp người chúng ta. Trong tiếng Hê-bơ-rơ của các sách tiên tri trong Kinh Thánh, tên gọi chung cho mỗi loài hai chân là "con người" (đúng ra là: con của A-đam), như chính Chúa Giê-xu cũng tự gọi mình.[7]

> CHÚA Đức Chúa Trời trồng một khu vườn tại Ê-đen, về phía đông, và đặt vào đó con người mà Ngài đã nắn nên. CHÚA Đức Chúa Trời khiến từ đất mọc lên đủ thứ cây, đẹp mắt và ăn ngon; có cây sự sống ở giữa vườn, và cây biết điều thiện và điều ác.

7. Theo P. Lapide, War Eva an allem schuld? 1998, tr. 71 và trang tiếp theo

[Sáng Thế Ký 2:15, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder] *CHÚA Đức Chúa Trời đem con người đặt vào vườn Ê-đen để cày cấy và gìn giữ vườn.*

Sứ mạng đã được mô tả trong chương 1, ở đây trở nên cụ thể hơn. Việc canh tác đất đai, việc trồng các loại cây lương thực và ngũ cốc, cùng nhiều điều khác, được nhắm đến ở đây. Tức là nghề nông. Cũng vậy, và cũng quan trọng không kém, là việc gìn giữ nơi chốn mà Đức Chúa Trời đã sửa soạn cho con người. Việc gìn giữ thuộc về sứ mạng sáng tạo. Như vậy, ngay trong hoàn cảnh được mô tả đã có những khuynh hướng và thế lực tiêu cực cần phải ngăn chặn và chống trả. Con rắn là một ví dụ.

Ở đây trọng tâm là A-đam. Trước khi Ê-va được dựng nên.

2.1.7 A-đam cần được giúp đỡ

[Sáng Thế Ký 2:18-20, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder] CHÚA Đức Chúa Trời phán: *Con người ở một mình thì không tốt; Ta sẽ làm nên cho nó một người giúp đỡ tương xứng với nó.* CHÚA Đức Chúa Trời lấy đất nắn nên mọi loài thú ngoài đồng và mọi loài chim trên trời, rồi dẫn chúng đến cùng con người để xem người sẽ đặt tên chúng là gì; và hễ con người gọi mỗi sinh vật là gì, thì đó là tên của nó. Con người đặt tên cho mọi loài súc vật, cho các loài chim trên trời và mọi loài thú ngoài đồng. Nhưng *về phần A-đam, thì chẳng tìm được một người giúp đỡ nào tương xứng với mình*.

Trong chương 1, điều đó được nhắc đến như một lẽ đương nhiên: người nam và người nữ, mỗi người riêng lẻ nhưng cũng cùng nhau, là hình ảnh của Đức Chúa Trời. Ở đây, quá trình đặc biệt dẫn đến sự song đôi được thuật lại. Khó mà hình dung rằng tất cả những điều này xảy ra trong ngày thứ sáu. Người ta có thể thoát khỏi ý nghĩ về một ngày thứ sáu ngắn ngủi chỉ dài 24 giờ.

Câu chuyện này muốn làm rõ những điều cốt yếu. Điều Đức Chúa Trời làm ở đây không phải là một cuộc thí nghiệm cho chính Ngài, mà là một bài học cho A-đam. Và cho chúng ta. Việc đặt tên cho nhiều loài vật cho thấy sự gần gũi giữa mọi sinh vật, từ con người đến loài vật, nhưng cũng cho thấy địa vị

nổi bật của con người đối với loài vật. *Ở đây quả thật một thứ bậc trở nên rõ ràng.*

Nếu vào ngày sáng tạo thứ sáu mọi sự đều rất tốt lành, thì giờ đây có một điều không tốt. A-đam là một sinh vật có tính xã hội, và là một sinh vật như thế, ông lại ở một mình. Đức Chúa Trời, Đấng hiểu thấu con người, đã biết điều đó trước khi A-đam cảm nhận được. Có lẽ điều ấy đã lộ ra qua nhiều điều. Phải chăng ông đã thấy nơi các loài vật có giống đực và giống cái, còn ông thì thiếu một người nữ đối diện?

Sau khi A-đam đã đặt tên cho, chẳng hạn, khủng long bạo chúa, một con hổ răng kiếm, loài kiến và loài ong, cuộc tìm kiếm một người bạn đời vẫn không có kết quả. Không loài vật nào có thể là người đối diện ấy, là mảnh ghép còn thiếu ấy. Đức Chúa Trời tìm một người giúp đỡ cho A-đam, để ông hoàn thành sứ mạng sáng tạo của mình. Một mình ông không trọn vẹn. Và một mình ông không thể là điều Đức Chúa Trời đã định. "Thông báo tuyển người" tìm một ai đó sẽ đem lại điều tốt cho A-đam. *Một người tâm giao. Một người đồng minh. Một người đối diện, một sự bổ sung. Một người tương ứng với mọi phương diện của đời sống ông: thể xác, tâm hồn, tâm linh; trí tuệ; bề ngoài cũng như bề trong. Tóm lại, đó là điều được muốn nói đến qua một người giúp đỡ tương xứng với ông.*

A-đam không được mô tả như một cái đầu thiếu một thân thể. Ông được mô tả là một người-đất cần được giúp đỡ. *Ông không cần một kẻ bề dưới, không cần một phụ tá, mà cần một con người mạnh mẽ ngang bằng đứng bên cạnh mình.* Một người giúp đỡ làm cho việc cùng nhau hành động trở nên có thể.

Người nam thường cư xử như kẻ tự mình làm được mọi việc. Kẻ không tìm sự giúp đỡ. Đức Chúa Trời nhìn xa hơn. Ngài biết người nam cần gì để làm chủ cuộc đời.

Về cụm từ "*một người giúp đỡ tương xứng với nó*", tôi trích lời nhà Assyria học và giáo sư ngôn ngữ Semit R. David Freedman[8]: "Tôi tin rằng cách dịch thông thường của hai từ này [tức là ezer kenegdo hay 'người giúp đỡ'], dù hầu như được chấp nhận khắp nơi, là sai. Đó không phải là điều những từ này muốn truyền đạt. Thay vào đó, chúng nên được dịch sao cho có nghĩa đại khái là

8. R. David Freedman, "Woman, a Power Equal to a Man: Translation of Woman as a 'Fit Helpmate' for Man Is Questioned," Biblical Archaeology Review 9, 1 (1983): 56.

'*một quyền năng hay sức mạnh ngang bằng với con người*'. Nghĩa là, khi Đức Chúa Trời đi đến kết luận rằng Ngài sẽ dựng nên một tạo vật khác để con người không ở một mình, Ngài đã quyết định tạo ra 'một quyền năng hay sức mạnh ngang bằng với con người'. Một ai đó có sức mạnh tương ứng với sức mạnh của con người. Người nữ không được định để chỉ làm người phụ giúp của người nam. Đúng hơn, bà phải là người bạn đồng hành của ông."

"Sau đó Freedman chuyển sự chú ý sang từ kế tiếp, kenegdo, thường được dịch là 'phù hợp' hay 'thích hợp'. Từ này chỉ xuất hiện một lần trong Kinh Thánh, nên chúng ta không có chỗ nào khác trong Kinh Thánh để so sánh và giúp dịch. Tuy nhiên, trong tiếng Hê-bơ-rơ thời Mishnah về sau, gốc của từ này có nghĩa là 'ngang bằng'.

Freedman kết luận (và chúng ta nói trước câu tiếp theo): "Khi Đức Chúa Trời dựng nên Ê-va từ cạnh sườn A-đam, ý định của Ngài là bà – trái với các loài vật – *'sẽ là một sức mạnh (hay năng lực) ngang bằng với ông'*. Tôi tin rằng không có cách nào khác để hiểu cụm từ 'ezer kenegdo' mà có thể bênh vực được về mặt ngữ văn học. Cách dịch truyền thống dựa trên một sắc thái muộn của ezer (sự giúp đỡ), là điều mà ngữ cảnh không biện minh được".

Ngay cả khi không có nhận thức ngôn ngữ học này, mỗi người nữ và mỗi người nam đều có thể kết luận rằng người nữ là một người đối diện ngang hàng. *Những đặc điểm là: cùng một bản chất, khác biệt và bổ sung cho nhau. Không phải thứ bậc, thẩm quyền, sự đi theo hay sự thuận phục.*

Vậy người nữ không được dựng nên để phục vụ A-đam, mà để cùng A-đam phục vụ.

Làm người giúp đỡ cho ai đó không tạo nên sự khác biệt về thứ bậc. Chính Đức Chúa Trời cũng là Đấng giúp đỡ chúng ta! Kết luận rằng làm người giúp đỡ tạo nên một sự khác biệt về thứ bậc là một sai lầm tai hại. Qua đó, người ta phác họa một bức tranh tiêu cực, thậm chí bi thảm biết bao về người nữ, và kéo theo những hậu quả sâu rộng biết bao. Vấn đề không phải là A-đam hoàn thành sứ mạng sáng tạo của mình, mà là cả hai cùng hoàn thành sứ mạng chung của họ (1:28).

Khi một người chồng giúp đỡ vợ mình – nghe nói điều này cũng có xảy ra – thì thứ bậc không bị đảo ngược. Sự giúp đỡ không liên quan gì đến thứ bậc, cả trong Kinh Thánh lẫn trong đời thường.

"Ý tưởng trong Sáng Thế Ký 2:18, 20 là người nữ là nguồn sức mạnh hay năng lực của người nam, mà bà phục vụ như một người bạn và một người đồng minh. *Sự thuận phục không nằm trong ý định của bản văn.*"[9]

2.1.8 Ê-va được dựng nên

> [Sáng Thế Ký 2:21-22, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder] CHÚA Đức Chúa Trời khiến một giấc ngủ mê ập xuống con người, và người ngủ thiếp đi. Ngài lấy một trong các xương sườn của người, rồi lấp thịt vào chỗ ấy; và *CHÚA Đức Chúa Trời dùng xương sườn đã lấy từ con người mà xây nên một người nữ, rồi dẫn nàng đến cùng con người.*

Câu chuyện này thuật lại một diễn biến đầy huyền nhiệm mà chúng ta khó lòng hình dung. Điều được mô tả ở đây chỉ bằng vài lời, chỉ các thiên sứ mới có thể thấy. Những người quan sát thánh ấy đã kinh ngạc, như chúng ta hẳn cũng đã kinh ngạc. Từ cạnh sườn của A-đam, Ê-va xuất hiện. Như thể bà được sinh ra từ A-đam. Bà không được dựng nên từ đất. Không cần một A-đam thứ hai, mà cần một con người hoàn toàn tương xứng với A-đam. Nếu Ê-va được dựng nên trước, thì bà cũng đã cần một người phụ giúp. Theo ý định sáng tạo, cả nam lẫn nữ đều không được định để ở một mình.

Cũng không thể suy diễn quá nhiều vào bản văn này. Suy nghĩ về gen di truyền, tủy xương hay nhiễm sắc thể thì chẳng mấy ý nghĩa. Đó là một diễn biến sâu xa, vừa thể xác vừa tâm linh, mà theo cái nhìn của Đức Chúa Trời là con đường duy nhất để tạo ra người tương xứng và người giúp đỡ cho A-đam.

Việc hiểu và dịch các từ ngữ không phải lúc nào cũng đủ để hiểu một bản văn thời cổ, điều này có thể được minh họa qua lời giải thích sau đây:

"Khi chúng ta đọc rằng A-đam bị cho chìm vào giấc ngủ mê và Ê-va được 'làm ra', chúng ta tự động nghĩ rằng A-đam được đưa vào phòng mổ để phẫu thuật. Nhưng một người phương Đông thời cổ đã không nghĩ như thế. Từ Hê-bơ-rơ chỉ 'giấc ngủ mê' được dùng khắp Cựu Ước để chỉ một kinh nghiệm khải tượng. Một độc giả người Y-sơ-ra-ên hẳn đã hiểu như thế. Vậy tôi tin rằng giấc ngủ mê này của A-đam là một khải tượng chứ không phải

9. Tài liệu nghiên cứu của WKG, tháng 9 năm 2003

một cuộc phẫu thuật. Nói cách khác, ông thấy một điều gì đó, rồi càng lúc càng thấy rõ hơn về Ê-va."[10]

2.1.9 Từ xương sườn

Tôi thú nhận rằng cách mô tả này có vẻ xa lạ đối với tôi. Gần như mang tính thần thoại. Như đã nói, đối với thế giới tư tưởng thời ấy, điều này dễ hiểu hơn đối với chúng ta. Nhìn diễn biến này qua lăng kính khoa học tự nhiên, y học, sinh học hay giải phẫu học thì chẳng mấy ý nghĩa. Thế nhưng nó sâu xa và căn bản đến nỗi còn nhiều điều nữa từ đó sẽ được đưa ra ánh sáng.

Vậy cả hai đều từ cùng một chất liệu. Cùng một bản chất. Không phải mỗi người là một cuộc sáng tạo riêng biệt, cá thể, mà là hai biểu hiện riêng biệt của cùng một cuộc sáng tạo.

Thật lạ là các dịch giả ở đây lại dùng từ "xương sườn". Không nơi nào khác trong Cựu Ước từ này được dịch như thế. Và ở đây cũng không có lý do gì để dịch như vậy.[11] Phần lớn nó được dịch như một bộ phận kiến trúc: tấm ván, phần nhà phụ bên cạnh, tấm ốp tường, cánh cửa và cạnh bên. Lúc nào cũng liên quan đến việc xây dựng. Điểm chung của những khái niệm này là "cạnh bên".

Ê-va được xây nên từ cạnh sườn (zela). A-đam gần như được nặn ra từ đất sét, còn giờ đây Ê-va được xây nên từ cạnh sườn (hay bộ phận bên cạnh). Ở đây vấn đề là một hình ảnh, chứ không phải một câu hỏi về giải phẫu học.

Người nam có 24 xương sườn và thiếu một chiếc cũng chẳng sao. Nhưng ông chỉ có hai bên (xem hai cánh cửa trong đền thờ của Sa-lô-môn, cùng một từ ấy, 1 Các Vua 6:34). Nửa thân bên trái và nửa thân bên phải. Ở đây cặp khái niệm "nam – nữ" từ 1:27 được tiếp nối. Người nữ không được làm từ một khúc xương, mà từ một nửa của người nam. *"Bà được lấy ra từ cạnh sườn của người nam, để cả hai người sánh vai bên nhau đi qua cuộc đời, và mỗi người tìm thấy nơi người kia 'một nửa tốt hơn' của mình."*[12]

10. John Walton, Interview by Kevin P. Emmert/ March 19, 2015
11. Bielefeldt, 43, Die Sache mit der Rippe, Die himmlische Idee von den Geschlechtern, Asslar, 2007
12. Bielefeldt, 45

Pinchas Lapide viết về điều này: "Từ Hê-bơ-rơ được dùng ở đây hiếm khi có nghĩa là xương sườn, và thường được dịch là sườn bên hay cạnh bên. … *Vậy không lạ gì khi lỗi dịch sai 'xương sườn' này chắc chắn phải dẫn đến sự coi thường người nữ trong thế giới Cơ Đốc.*"[13]

Với lời lẽ được sửa lại, câu Kinh Thánh đọc như sau:

> Và Đức Chúa Trời, là Chúa, đưa tay vào cạnh sườn A-đam (hay: lấy một nửa thân thể của A-đam) rồi lấp chỗ ấy lại. Sau đó Ngài lấy bộ phận bên cạnh ấy mà kiến tạo nên một người nữ.

Họ trở thành hai con người hiểu nhau và bị cuốn hút về nhau. Họ trở nên một thịt, như thể sự tách rời được đảo ngược. Đó là sự mầu nhiệm của hôn nhân, của giao ước chung thủy và yêu thương giữa người nam và người nữ.

Việc người nữ được xây nên từ một nửa của người nam có lẽ gợi ý điều sẽ trở thành sự thật trong sự sinh sôi của việc truyền giống: sự phân chia của tế bào mầm. Các tế bào chia đôi và mỗi tế bào là một tế bào trọn vẹn. Người nữ không thể có mà không có người nam, và người nam không thể có mà không có người nữ.

Từ này được dịch thế nào có quan trọng không? Chắc chắn là có. Hình ảnh xương sườn khơi lên nơi phụ nữ một điều gì đó khiến họ cảm thấy mình như một thứ phụ thuộc, đính kèm. Đàn ông chúng ta sẽ cảm thấy thế nào nếu chúng ta được làm ra từ một "xương sườn"?

2.1.10 "Männin" – người nữ từ người nam mà ra

> *Con người nói: Lần này, đây là xương bởi xương tôi và thịt bởi thịt tôi; người này sẽ được gọi là 'Männin' (ischah), vì đã được lấy ra từ người nam (isch).*

A-đam reo mừng và phấn khởi. Chúng ta nghe những lời đầy chất thơ. Thật là một khoảnh khắc thánh khiết. Trước mặt ông là người phụ nữ đẹp nhất thế gian. Trần truồng mà không hổ thẹn. Như một món quà. Ông thấy ngay rằng nàng không đến từ thế giới loài vật. Ông đã bận rộn tìm hiểu kỹ thế giới ấy. Còn đây là một điều hoàn toàn khác. *Chính nàng là người ông còn thiếu. Người ngang bằng với ông. Cùng một loại. Giống như ông, nhưng là một người nữ.*

13. Lapide, 161, Lapide, Pinchas, Ist die Bibel richtig übersetzt? Gütersloh, 2004

Một "Männin". A-đam nói: Cuối cùng cũng có một người giống như tôi! (Trong tiếng Đức, "Männin" là chữ "Mann" – người nam – ở dạng giống cái, giống như trong tiếng Hê-bơ-rơ ischah được tạo ra từ isch.)

Phải chăng A-đam đã biết được việc Đức Chúa Trời can thiệp, đến nỗi ông còn biết rằng nàng từ ông mà ra? Nàng không xa lạ với ông, ngay lập tức họ gần gũi nhau. Trong vườn chỉ có hai người họ. Và các loài vật.

Vì vậy, người nam sẽ lìa cha mẹ mình mà gắn bó với vợ mình, và họ sẽ trở nên một thịt.

Cả hai, con người và vợ mình, đều trần truồng mà chẳng hổ thẹn.

Ê-va, "Männin", về sau sẽ hấp dẫn người nam đến nỗi vì nàng mà anh ta sẽ bỏ lại mọi sự để được ở bên nàng. Qua đó, phẩm giá của người nữ một lần nữa được nói đến cách đặc biệt. Chính nàng là người được khao khát. Không phải được mô tả theo chiều ngược lại.

Trở nên một thịt cho thấy rằng không thể có sự hiệp một và sự bình đẳng nào hơn thế.

Những lời này phải được nhìn *cả theo bối cảnh lịch sử*. Người nam phải có sự tự lập để có thể sống không cần cha mẹ, để lập một gia đình mới.

Ở đây người nữ, theo bối cảnh lịch sử, được nhìn như người – khác với chồng mình – vẫn gắn bó với gia đình cha mẹ mình và nhờ đó được một sự bảo vệ nhất định. Người nữ không rời bỏ gia đình ấy như người nam. Trong sự an toàn của nhà cha mẹ hay ở gần đó, trong phạm vi đại gia đình, người vợ được bảo vệ khỏi một người chồng có thể bạo lực hay gian dối. Người nữ nhận được sự giúp đỡ khi sống gần hay sống trong nhà cha mẹ.

Dù vậy, hai người tạo thành một đơn vị mới, phần lớn độc lập và tự chủ. Trở nên một thịt chỉ về việc thực hiện sứ mạng sinh sản. Nghĩa là sự kết hợp xác thịt như biểu hiện và cũng là đỉnh điểm của sự hiệp làm một, của việc sinh con hay sinh sôi. Sự hiệp một cũng mô tả trọn cuộc đời hôn nhân. Giao ước hôn nhân, điều không được nói trực tiếp ở đây, mô tả sự gắn bó của một người nữ và một người nam suốt cả cuộc đời họ. *Như Chúa Giê-xu phán, lúc ban đầu đã như thế, và phải mãi như thế.*

Nếu có nhiều vợ, sự sinh sản và do đó dân số lúc ban đầu đã tăng nhanh hơn. Con người và các xã hội đã đặt ra chế độ đa thê. Nhưng đó chưa bao giờ là ý tưởng của Đức Chúa Trời, dù Ngài đã phải chịu đựng điều đó nơi dân sự Ngài (chẳng hạn các tổ phụ, Đa-vít v.v.).

2.1.11 Được ban cho nhau

Hai con người đứng đối diện nhau. A-đam đón nhận Ê-va như món quà của Đức Chúa Trời. Hai loại người khác nhau gặp nhau lần đầu tiên. Hai thân thể khác nhau và hợp với nhau được ban cho nhau, cho người kia và vì người kia. Trong giới tính khác nhau và tính dục đi kèm, Đức Chúa Trời bày tỏ chương trình yêu thương của Ngài. Như thế, tính dục trở thành món quà của Đức Chúa Trời ban cho nhau. Điều đó phục vụ cho sự làm phong phú và sự thỏa nguyện của nhau, và nên dẫn đến lòng biết ơn về sự khác biệt giới tính.

Khi A-đam còn một mình, ông không thể bày tỏ lòng biết ơn ấy trong sự hỗ tương. Trong cảnh một mình, ông thậm chí không thể nhận biết trọn vẹn chính mình như một nhân vị, vì chưa có một "cái tôi" nào khác. Để là một nhân cách, cần có mối quan hệ và một người đối diện. *Đối với người nam, người nữ là sự giúp đỡ để nhận ra con người của chính mình và ý thức về việc làm phong phú cho nhau. Không chỉ Ê-va là một món quà, mà bà còn giúp A-đam nhận ra chính mình là món quà dành cho bà. Không chỉ sống với nhau, mà sống vì nhau – đó là kiểu tương giao mà Đức Chúa Trời đã hoạch định.* Như thế, họ phản chiếu tình yêu của Đức Chúa Trời như những món quà dành cho nhau, qua nam tính và nữ tính của họ.

Niềm vui của A-đam, lòng biết ơn của ông khi thấy nơi Ê-va không đơn thuần là một người phụ giúp ở địa vị thấp hơn, mà là một món quà của Đức Chúa Trời, bày tỏ phẩm giá nhân cách của bà – điều mà về phần mình Ê-va cũng nhận ra nơi A-đam. *Ê-va là một nhân cách tự do, bình quyền. Nhận ra điều đó, cả ngày nay nữa, có nghĩa là đón nhận bà như món quà và tặng phẩm của Đức Chúa Trời. Nữ tính là một ân tứ của Đức Chúa Trời. Là món quà đầu tiên (ngoài sự sống và sự hiện hữu của chính mình) mà người nam nhận được.*

Thẩm quyền đòi hỏi sự thuận phục là thẩm quyền chối bỏ món quà. Khi người ta nhận một món quà, theo một nghĩa nào đó người ta nhận được

thẩm quyền trên món quà ấy. *A-đam được trao thẩm quyền để làm gì khi ông nhận Ê-va? Để dùng thân thể mình trong tình yêu vì bà – vượt ra ngoài tính dục.* Ông được trao thẩm quyền để đón nhận bà – như một người em gái. Đó không phải là thẩm quyền để ra lệnh hay để cai trị bà. Điều đó chỉ đến về sau, như hậu quả tồi tệ của sự sa ngã.

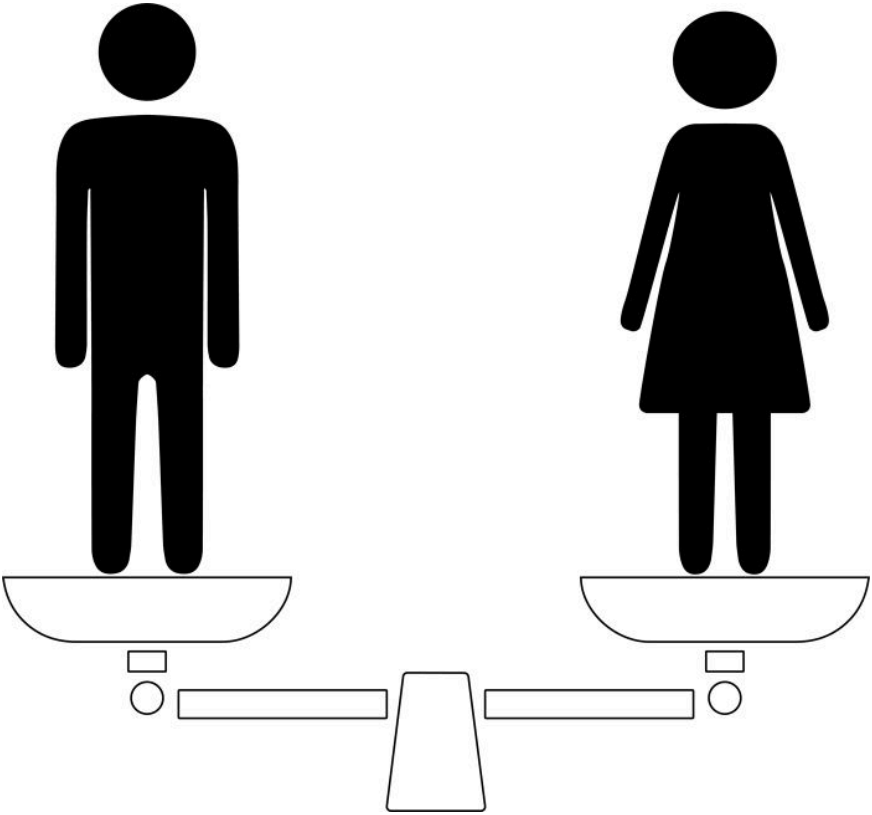
Những lời đầu tiên của A-đam khi thấy Ê-va vang vọng lại nơi chàng rể trong Nhã Ca 4:9: "Em đã cướp mất trái tim anh, hỡi em gái anh, hỡi cô dâu của anh; em đã cướp mất trái tim anh chỉ bằng một ánh mắt."

Người nam, được dựng nên trước tiên, được trao thẩm quyền để yêu trước tiên, để hy sinh trước tiên, được trao thẩm quyền để phục vụ trước tiên, để trước tiên trao quyền cho bà, chứ không phải để thực thi quyền lực trên bà.

Thái độ biết ơn đối với nhau này tìm được sự biểu hiện trọn vẹn trong tình yêu của Đấng Christ đối với Hội Thánh Ngài. Đó là điều phải được thấy và cảm nhận trong các giáo hội, Hội Thánh và hội chúng của chúng ta, đối với mọi người – kể cả những khách đến dự chưa tin Chúa – và đối với những người xung quanh chúng ta.

"Phần mở đầu của Kinh Thánh hứa hẹn một giấc mơ nguyên sơ của loài người: sự bình đẳng giữa hai giới và một tính dục hồn nhiên, không e ngại."

Arnold Angenendt



Sự công chính của Chúa mãi mãi là sự công chính, và lời dạy của Chúa là chân lý.

Thi Thiên 119:142 (Zürcher Bibel, bản dịch Kinh Thánh tiếng Đức)

2.2 Sự sa ngã của người nam và người nữ

Khi đi qua lịch sử nguyên thủy của ba chương đầu tiên, tôi cố ý không đi sâu vào những cách giải thích theo hình bóng hay vai trò làm gương mẫu. Vấn đề là con người, như được bày tỏ trong mối quan hệ giữa người nam và người nữ trong sự hiện hữu theo nghĩa đen của họ. Ở đây chưa có ý nghĩa gì khi đem các bản văn của Phao-lô vào để giải thích. Tôi nói "ở chỗ này", vì về sau

chắc chắn tôi sẽ phải làm điều đó. Có một quy tắc quan trọng khi đọc Kinh Thánh: *ngữ cảnh*, ngữ cảnh, ngữ cảnh. Trước hết và trên hết, hãy tìm hiểu bản văn trong *mạch văn trực tiếp* của nó, trong môi trường và hoàn cảnh lịch sử của nó, trong chừng mực có thể. Ngày nay có nhiều công cụ hỗ trợ và cả nhiều nguồn tư liệu cho việc đó. Chỉ sau đó, những bước giải nghĩa tiếp theo mới đi đúng đường.

Sáng Thế Ký 3 thuật lại sự lừa dối bi thảm và sự bất tuân của Ê-va rồi của A-đam, dẫn đến sự đổ vỡ trên nhiều tầng: sự hổ thẹn, tội lỗi, sự thù nghịch, sự nhọc nhằn đau đớn, sự chết và bị đuổi khỏi vườn Ê-đen. Đức Chúa Trời phán với mọi kẻ liên quan – con rắn, người nam và người nữ – và cảnh báo họ về hậu quả của hành động mình. Và ở một mức độ nào đó, Ngài chuẩn bị cho họ trước mọi điều sắp đến với họ. Có một câu Kinh Thánh đã trở thành tâm điểm của cuộc tranh luận. Đó là Sáng Thế Ký 3:16: "Ngươi sẽ khao khát chồng mình, và chồng sẽ cai trị ngươi". Nhưng như trước, chúng ta hãy đi nhanh qua bản tường thuật của Kinh Thánh [Sáng Thế Ký 3:1-7]:

> Vả, *con rắn* xảo quyệt hơn mọi loài thú ngoài đồng mà CHÚA Đức Chúa Trời đã làm nên; nó nói với người nữ: Có thật Đức Chúa Trời đã phán: Các ngươi không được ăn trái của mọi cây trong vườn sao?
>
> Người nữ đáp với con rắn: Trái các cây trong vườn thì chúng tôi được ăn; nhưng về trái của cây ở giữa vườn, Đức Chúa Trời đã phán: Các ngươi không được ăn và cũng không được đụng đến, kẻo các ngươi chết.
>
> Con rắn nói với người nữ: Các ngươi chẳng chết đâu; nhưng Đức Chúa Trời biết rằng ngày nào các ngươi ăn trái ấy, mắt các ngươi sẽ mở ra, và các ngươi sẽ như Đức Chúa Trời, biết điều thiện và điều ác. Người nữ thấy trái của cây ấy ăn ngon, đẹp mắt, và cây ấy đáng ao ước để được sự hiểu biết; bèn hái trái mà ăn, *rồi trao cho chồng đang ở bên mình, và chồng cũng ăn.*
>
> Bấy giờ mắt của cả hai mở ra, họ biết mình trần truồng; bèn lấy lá cây vả kết lại làm khố che thân.

Đức Chúa Trời đã phán với A-đam trước khi Ê-va có mặt [Sáng Thế Ký 2:16-17]:

> CHÚA Đức Chúa Trời truyền lệnh cho con người rằng: Ngươi được tự do ăn trái mọi cây trong vườn; nhưng trái của cây biết điều thiện và điều ác thì ngươi chớ ăn; vì ngày nào ngươi ăn, chắc chắn ngươi sẽ chết.

Con rắn biết nói cố ý nhắm vào Ê-va trong mưu kế lừa dối của nó. Phải chăng bà là người yếu hơn? Hay là người dễ bị cám dỗ nhất trong hai người? Người ta có thể giải thích tình huống này như vậy. Nhưng không phải vì bà là phụ nữ. *Mà có lẽ vì bà chỉ biết điều răn qua người khác. Điều bà biết, bà chỉ có thể biết từ A-đam.* Một chi tiết nhỏ có lẽ cho thấy A-đam đã nói với bà nhiều hơn điều Đức Chúa Trời đã phán với ông. Hoặc bà đã thêm vào điều A-đam nói với mình. Có lẽ cũng như một biện pháp đề phòng: *Không được đụng đến*, Ê-va nói. Mà ở giữa vườn lại là cây sự sống quan trọng hơn nhiều, chứ không phải cây biết điều thiện và điều ác (2:9).

Có người nhận ra trong lời của Ê-va những dấu hiệu đầu tiên của sự yếu đuối hay của sự bất tuân. Thế nhưng những lời của Ê-va, như Môi-se đã ghi lại, có thể giúp chúng ta hiểu tội lỗi theo hình ảnh như là sự ô uế. Theo luật pháp Môi-se, ai *đụng đến* vật ô uế thì bị ô uế và cần được tẩy sạch. Sách Lê-vi Ký mô tả điều này hơn 160 lần. Dưới góc nhìn ấy, lời của Ê-va cho thấy rõ sa vào tội lỗi và trở nên ô uế có nghĩa là gì.

Sự lừa dối của kẻ cám dỗ, con rắn, đã thành công. Nó gieo sự nghi ngờ về lòng nhân từ và sự chân thật của Đức Chúa Trời. Ê-va tin điều đó, và trái cấm trở thành trái đáng thèm muốn. Không phải cơn đói, mà là ước muốn có được sự hiểu biết và tri thức mà Đức Chúa Trời dường như giữ lại không cho họ đã khiến Ê-va đưa tay ra hái. Một quyết định tai hại. Một bước nhỏ với hậu quả lớn.

Ê-va và A-đam cùng có mặt tại chỗ. A-đam ở bên bà. A-đam có nghe con rắn nói không? Ông đã bỏ vai trò lãnh đạo của mình sao? Tất cả điều đó là suy đoán. Ê-va đưa cho ông trái cây mà chính bà đã nếm. A-đam lấy trái cấm. *A-đam cố ý vi phạm điều răn của Đức Chúa Trời, điều mà chính ông đã nhận trực tiếp từ Ngài.*

Dù từ sự việc này không thể rút ra điều gì tốt, tình huống này cũng cho thấy cả hai cư xử mạnh mẽ như nhau và đồng thời sai lầm như nhau. Ê-va bị dỗ

dành. Bà biết cây ấy bị cấm. A-đam để mình bị dỗ dành mà không nói một lời, dù ông biết cây ấy bị cấm.

Ngay lập tức họ nhận ra mình trần truồng. Một sự hiểu biết mới. Đúng như con rắn đã hứa.

> [Sáng Thế Ký 3:8-19, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder] Họ nghe tiếng CHÚA Đức Chúa Trời đi dạo trong vườn lúc trời mát. Con người và vợ mình trốn khỏi mặt CHÚA Đức Chúa Trời, giữa các cây trong vườn. CHÚA Đức Chúa Trời gọi con người và phán với người: Ngươi ở đâu?

Thật là một đặc ân không thể tưởng tượng được: mỗi ngày, trong vườn địa đàng, lúc trời mát, vào buổi chiều sớm, được gặp chính Đức Chúa Trời trong hình dạng thấy được. Như trong nơi thánh. Nhưng giờ đây mọi sự đã khác. Sự sợ hãi và một lương tâm vừa thức tỉnh khiến họ trốn chạy khỏi Đức Chúa Trời. Họ biết mối quan hệ tốt đẹp đã bị phá vỡ. Họ đã coi thường một điều rất quan trọng đối với Đức Chúa Trời.

> Người (A-đam) thưa: Tôi nghe tiếng Chúa trong vườn và tôi sợ, vì tôi trần truồng, nên tôi đi trốn. Ngài phán: Ai đã cho ngươi biết rằng ngươi trần truồng? Ngươi đã ăn trái cây mà Ta đã truyền cho ngươi không được ăn sao? *Con người thưa: Người nữ mà Chúa đã đặt bên tôi, nàng đã cho tôi trái cây ấy và tôi đã ăn.*

Ý thức mình trần truồng đi liền với sự vi phạm. Điều này theo sau điều kia. Sự trần truồng trở thành sự lõa lồ, sự xấu hổ. Trở thành dấu hiệu của tội lỗi. Sự vô tội đã thuộc về quá khứ.

Đức Chúa Trời nói thẳng đến sự vi phạm. A-đam ý thức được tội của mình. Nhưng ông tìm một kẻ có tội khác, một con dê gánh tội, để đổ tội của mình lên. Dù thật đáng thương hại: ông bắt vợ mình chịu trách nhiệm. Hèn nhát biết bao! Thay vì nhận lấy tội của mình, ông tố cáo vợ mình. Và gần như ông bắt Đức Chúa Trời (cùng) chịu trách nhiệm, vì Ngài đã ban người nữ cho ông.

Thật vậy, trong câu chuyện này, Đức Chúa Trời không giải quyết sự việc hoàn toàn với A-đam, mà cũng phán với người nữ. Mỗi người được phán bảo và được xem xét

riêng, ngang hàng với nhau, như Đức Chúa Trời sẽ phán xét mọi người trong sự công chính và không bỏ sót một chi tiết nào.

2.2.1 Câu trả lời của Ê-va

Ê-va đã bị dỗ dành, bị kẻ nói dối và kẻ giết người lừa gạt. Khi Đức Chúa Trời phán với bà, bà chỉ về kẻ mang tội lớn nhất: con rắn.

> CHÚA Đức Chúa Trời phán với người nữ: Ngươi đã làm gì vậy! Người nữ thưa: *Con rắn đã lừa dối tôi và tôi đã ăn.*

Ê-va tách mình khỏi con rắn và tố cáo nó. Sự vi phạm lớn lao, mà qua đó Ê-va khơi lên cả một trận tuyết lở, đến từ sự dỗ dành. Và bà thừa nhận rằng mình đã ăn. Thái độ của bà tốt hơn thái độ của A-đam. Mức độ vi phạm của bà không thể so với của ông.

"Đức Chúa Trời hỏi người nữ, như trong Sáng Thế Ký 3:13: 'Ngươi đã làm gì vậy?' *Bà trả lời Đức Chúa Trời mà không quanh co. Bà trả lời Đức Chúa Trời mà không trách móc. Bà nói theo một cách hoàn toàn khác với người nam.* Bà không còn để mình bị lừa nữa. Có lẽ mọi sự trở nên rõ ràng với bà khi nghe Đức Chúa Trời tra hỏi người nam. Dù sao đi nữa, giờ đây bà đã thấy điều gì đã xảy ra. Trong sự khôn ngoan mới của mình, bà nhận ra điều ác và nói: 'Con rắn đã dỗ dành tôi và tôi đã ăn.' Với câu trả lời này, bà vạch trần con rắn gian ác là nguồn gốc sự lừa dối mình. Và bà thú nhận điều ác bà đã làm trong khi bị lừa dối: 'và tôi đã ăn.' Bà có phạm điều ác nhiều hơn điều người nam vừa làm không? Không. Bà có đổ lỗi cho người nam đang ở bên mình không? Không. Bà có đổ lỗi cho Đức Chúa Trời không? Không. Thế nhưng điều Kinh Thánh kể cho chúng ta về bà không phải là cách bà thường bị mô tả. Và sự mô tả sai lệch ấy về bà đã có từ rất lâu rồi."[14]

2.2.2 Nỗi nhọc nhằn, sự thai nghén và sự khuất phục của Ê-va

Lời phán phạt của Đức Chúa Trời dành cho Ê-va trong bản Elberfelder (bản dịch Kinh Thánh tiếng Đức) như sau:

14. Fleming, Bruce; Fleming, Joy; Hagemeyer, Joanne. The Book of Eden, Genesis 2-3: God Didn't Curse Eve (or Adam) or Limit Woman in Any Way. Bản Kindle, tr. 56

> Ngài phán với người nữ: Ta sẽ gia tăng rất nhiều sự nhọc nhằn của sự thai nghén ngươi, ngươi sẽ sinh con trong đau đớn; ngươi sẽ khao khát chồng mình, nhưng chồng sẽ cai trị ngươi.

Bản Zürcher Bibel (và bản Einheitsübersetzung) – đều là bản dịch Kinh Thánh tiếng Đức – tách sự nhọc nhằn khỏi sự thai nghén. Và như thế là đúng, vì ở đây có hai điều khác nhau:

> Ngài phán với người nữ: Ta cho ngươi nhiều điều khó nhọc *và* cho ngươi thai nghén nhiều lần, ngươi sẽ sinh con trong đau đớn. Ngươi sẽ khao khát chồng mình, và chồng sẽ cai trị ngươi.

Bruce Fleming, người đã được trích dẫn ở trên, diễn đạt những lời này như sau:

> *Chắc chắn Ta sẽ gia tăng (1) công việc nhọc nhằn của ngươi ngoài đồng và (2) sự thụ thai của ngươi.*

Rồi Đức Chúa Trời dạy cho người nữ về điều đã xảy ra với bà và với họ, giờ đây khi họ đã trở nên hay chết và đã sa ngã.

> *Ngươi sẽ sinh con trong gắng sức*
>
> *Sự khao khát [đầy yêu thương] của ngươi [hướng] về chồng ngươi*
>
> *Nhưng người [tự cai trị lấy mình cách phản nghịch và] sẽ cai trị ngươi.*

Sự phân biệt này trong phần đầu của câu 16 có quan trọng không? Nhờ đó, những lời dành cho Ê-va có một âm điệu hoàn toàn khác, và quan trọng hơn nữa, một nội dung khác. *Trước hết, điều quan trọng là phải xác định rằng trong lời phán này của Đức Chúa Trời, không hề có sự rủa sả nào giáng trên Ê-va. Trái lại!* Trước hết, bà được báo trước rằng bà sẽ có nhiều khó nhọc và gắng sức trong việc nông nghiệp. Trong đó có việc chăn nuôi và những công việc tay chân khác để duy trì sự sống. Từ *nhọc nhằn* theo nghĩa này chỉ xuất hiện ba lần và lúc nào cũng có nghĩa là công việc nhọc nhằn ngoài đồng. A-đam cũng nghe như vậy: đất sẽ bị rủa sả vì ngươi: "Ngươi sẽ phải *nhọc nhằn* mới có mà ăn trọn đời ngươi." Và về sau Lê-méc cũng nói như vậy về con trai mình là Nô-ê (Sáng Thế Ký 5:29): "Đứa này sẽ an ủi chúng ta về công việc và sự *nhọc nhằn* của tay chúng ta, vì có đất mà CHÚA đã rủa sả."

A-đam đã cứ thế lấy trái cây từ tay Ê-va và ăn, trong khi biết rõ điều cấm. Nhưng sự rủa sả của Đức Chúa Trời không giáng trên A-đam. Nó đi ngang qua ông và giáng trên đất. *Đó là ân điển tại Ê-đen.* Hậu quả là sự nhọc nhằn trong việc làm ra lương thực. Cuộc sống trở thành cuộc vật lộn để sinh tồn, khác với ở Ê-đen. Và vì Ê-va sống trên cùng mảnh đất ấy, và họ là vợ chồng cùng nhau bước đi để làm chủ cuộc sống, nên bà cũng chịu cùng sự nhọc nhằn như A-đam. Lý do không phải là Ê-va, mà là A-đam, vì đất bị rủa sả là do việc ông đã làm.

Nhưng giờ đây, trong phần thứ hai của câu đầu tiên, đến tin vui, Tin Lành. *Những lần thai nghén (số nhiều) sẽ được gia tăng!*

Dù đã vi phạm, Ê-va vẫn được hoàn thành sứ mạng sáng tạo: Hãy sinh sản, thêm nhiều, làm cho đầy dẫy đất! Dù đã vi phạm, mọi sự vẫn sẽ tiếp tục. Sẽ có nhiều con cháu. Quan trọng hơn nữa, một trong những hậu tự ấy sẽ giày đạp đầu con rắn. Con rắn đã nghe trước tiên những lời mà Đức Chúa Trời phán với nó:

> Ta sẽ đặt sự thù nghịch giữa mày và người nữ, giữa dòng dõi mày và dòng dõi người nữ; *người* sẽ nghiền nát đầu mày, còn *mày* sẽ nghiền nát gót chân người.

Người ta gọi những lời này là Tin Lành nguyên thủy hay protoevangelium. *Nhưng những lời ấy được nói với ma quỷ, và đối với nó, chắc chắn đó không phải là tin lành.* Rồi con rắn phải nghe Đức Chúa Trời bảo đảm và cam kết rằng sẽ có con cháu, sẽ có dòng dõi của người nữ. Với Ê-va, đó là một tin lành, cũng như với A-đam và với chúng ta, là những người được phép cùng lắng nghe trong vườn. *Như vậy, những lời dành cho Ê-va có một ý nghĩa tích cực, đầy hy vọng.*

Việc sinh con sẽ nhọc nhằn đối với Ê-va, như việc trồng trọt đối với A-đam. Sau sự sa ngã, cuộc sống đã trở nên khác. Khi Ê-va nghe những lời này, bà chưa sinh đứa con nào. Con rắn và A-đam nghe những lời rủa sả và phán phạt: có một trước kia tốt đẹp và một về sau tiêu cực. *Ê-va thì không!* Đức Chúa Trời không thay đổi thân thể người nữ khi Ngài phán với bà tại Ê-đen. Nhưng có những bản dịch nghe như thể Đức Chúa Trời đã thay đổi người nữ cách nào đó và biến việc sinh nở thành một điều tồi tệ.

Sinh nở là một việc đầy rủi ro, nếu không có những phương tiện y khoa như ngày nay ở nhiều nơi trên thế giới. Nhưng Đức Chúa Trời đứng về phía phụ nữ. Ngài là Đấng giúp đỡ và Đấng giải cứu họ (1 Ti-mô-thê 2:15).

Trong một lời ví dụ, Chúa Giê-xu phán với các môn đồ – và chúng ta có thể nghĩ rằng chính Ngài là Đấng đã phán với Ê-va trong vườn:

> [Giăng 16:21, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder] Người đàn bà khi sinh nở thì chịu khó khăn (hay: nỗi khó nhọc), vì giờ của mình đã đến; nhưng khi đã sinh con rồi, thì không còn nhớ đến cơn hoạn nạn (hay: những cơn đau) nữa, vì vui mừng rằng một con người đã sinh ra trong thế gian.

"Trong câu 16-19, người viết đối diện với những khắc nghiệt của kiếp người, đặc biệt là với phương diện sáng tạo của sự sống: việc truyền giống và việc làm ra lương thực. Sự vô tư trước kia nay pha lẫn với sự nhọc nhằn: điều tốt (con cháu, lương thực) đến cùng với điều xấu (sự nhọc nhằn)."

> CHÚA Đức Chúa Trời phán với con rắn: Vì mày đã làm điều ấy, mày sẽ bị rủa sả hơn mọi loài súc vật và mọi loài thú ngoài đồng! Mày sẽ bò bằng bụng và ăn bụi đất trọn đời mày. Ta sẽ đặt sự thù nghịch giữa mày và người nữ, giữa dòng dõi mày và dòng dõi người nữ; người sẽ nghiền nát đầu mày, còn mày sẽ nghiền nát gót chân người.

Khi phán với con rắn, Đức Chúa Trời công bố những hậu quả của sự vi phạm này cho ba kẻ liên quan. Con rắn bị hạ xuống đất và vào bụi đất. Đối với con rắn, cuộc tấn công người nữ có hậu quả tàn khốc. Nó đã phạm một sai lầm sẽ khiến nó phải trả bằng mạng sống.

Trước hết, sẽ có một sự thù nghịch đời đời giữa người nữ và con rắn. Thật thú vị: *không phải giữa A-đam và con rắn. Đáng chú ý hơn nữa: giữa dòng dõi của con rắn và dòng dõi của người nữ. Ở đây người nữ sẽ có con cháu hay dòng dõi.* Một trong những hậu tự ấy sẽ giết con rắn bằng cách giày đạp đầu nó. Nhưng phải trả giá bằng một vết cắn đau đớn ở gót chân.

Mấy lời ngắn ngủi này có tầm quan trọng và tầm vóc lớn lao. Con rắn không chỉ là một loài bò sát. Nó là kẻ thù của loài người và kẻ thù của Đức Chúa Trời, là Sa-tan, là ma quỷ.

Tôi thấy thật đáng kinh ngạc về vai trò mà Ê-va, và cùng với bà là phụ nữ, sẽ có trong cuộc xung đột vũ trụ này. Cuộc xung đột này cũng lộ rõ là như thế khi chúng ta nhìn lại lịch sử thế giới và lịch sử cứu rỗi. Ma quỷ sẽ tấn công người nữ trong vai trò "đem lại sự cứu rỗi" của bà. Nó sẽ làm mọi cách để hạ nhục bà, làm suy yếu ảnh hưởng của bà, khiến lời bà nói không được ai nghe. *Người nữ giữ một vai trò quan trọng biết bao trong cuộc xung đột vũ trụ này! Không có bà, sẽ không thể có chiến thắng của Đức Chúa Trời qua một hậu tự.*

Dù bà vừa bị dỗ dành và đã phạm tội, *Đấng Tạo Hóa vẫn đặt bà làm phương tiện cứu rỗi. Không phải A-đam.* Bà kinh nghiệm ân điển của một lời hứa lớn lao.

Ngay trong chương nói về sự sa ngã này, người nữ cũng không được mô tả trong một vai trò thấp kém hơn. Gần như ngược lại. Như thể bà quan trọng hơn cho sự đảo ngược sự sa ngã trong tương lai.

Giờ đây, hậu quả thứ hai của sự vi phạm được mô tả: mối quan hệ của bà với người nam. Mỗi độc giả đều cảm thấy rằng điều này mô tả một sự rạn vỡ nghiêm trọng trong mối quan hệ của họ. Đó không phải là điều tốt. Không phải là phước lành, mà giống như một sự rủa sả. Điều đã trở thành sự thật như thế trong lịch sử thế giới.

A-đam, người bị buộc trách nhiệm về tội này, cũng phải nghe những hậu quả cay đắng của việc mình đã làm:

> Ngài phán với A-đam: Vì ngươi đã nghe theo lời vợ và đã ăn trái cây mà Ta đã truyền và phán với ngươi: Ngươi chớ ăn trái ấy! – nên đất sẽ bị rủa sả vì ngươi: ngươi sẽ phải nhọc nhằn mới có mà ăn trọn đời ngươi; đất sẽ sinh chông gai và cây tật lê cho ngươi, và ngươi sẽ ăn rau cỏ ngoài đồng. Ngươi sẽ làm đổ mồ hôi trán mới có bánh mà ăn, cho đến ngày ngươi trở về đất, vì từ đất ngươi đã được lấy ra. Vì ngươi là bụi đất, và ngươi sẽ trở về bụi đất!

Đức Chúa Trời không miễn trách nhiệm cho A-đam. Ngài đã ban điều răn cho ông và ông đã vi phạm. Việc ông vi phạm gián tiếp qua vợ mình hay không thì không quan trọng. Ông đã nhận điều răn và ông đã vi phạm.

Những hậu quả thật u ám. Sự nhọc nhằn và gắng sức – nói gọn là cuộc vật lộn để sinh tồn và để tồn tại – là điều sẽ làm nên số phận đời sống của A-đam

và mọi con trai của A-đam. *Trong khi Ê-va nghe "Tin Lành nguyên thủy hay protoevangelium" và có phần quyết định trong đó, thì sau cùng, điều còn lại cho A-đam chỉ là trở lại thành điều mà từ đó ông đã được lấy ra. Một bản án bi thảm. Không có triển vọng đầy hy vọng nào. Nhưng chiến thắng của người nữ, hay của dòng dõi người nữ, một ngày kia cũng sẽ kéo người nam ra khỏi bụi đất mà vào sự sống.*

2.2.3 Ngươi sẽ khao khát chồng, và chồng sẽ cai trị ngươi

Lời phán phạt này thuộc về những lời bi thảm nhất của Kinh Thánh và (đáng tiếc thay) cho đến nay vẫn được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Nó thuộc về trọng tâm của cuộc khảo sát này. Bản Gute Nachricht (bản dịch Kinh Thánh tiếng Đức) đọc ở đây: *Ngươi sẽ bị cuốn hút về chồng mình, nhưng chồng sẽ cai trị ngươi.* Từ mà bản Elberfelder dịch là *khao khát* có nghĩa là sự hiến dâng dứt khoát, không lay chuyển cho chồng mình.

Bản thân từ *cai trị* là trung tính. Chưa rõ đó là sự cai trị tốt hay xấu. Nhưng người ta cảm thấy rằng sự mô tả mối liên hệ và mối quan hệ của hai người ở đây không phải là điều Sáng Thế Ký 1 và 2 cho thấy. Ở đây có một sự đổ vỡ, một sự bất cân xứng. *Một vùng căng thẳng, trong đó sự bất bình đẳng và sự mất cân bằng sẽ chiếm ưu thế.* Một mặt, người nữ, vốn được dựng nên để hướng về người nam, nếm trải sự thất vọng. Bà phó thác mình cho người nam trong sự yếu đuối và dễ tổn thương của mình. Yếu đuối, vì bà là người yếu hơn về thể chất, về thân thể. Nhưng cũng vì những điều kiện xã hội và văn hóa của bà đã trở nên yếu kém và thiệt thòi hơn (1 Phi-e-rơ 3:7).

Nhưng nơi người nam, bà không tìm được sự đáp lại thích hợp cho sự khao khát của mình. Điều đến với bà không phải là sự cảm thông hay sự cuốn hút lẫn nhau (xem chương 2:24). Cũng không phải là việc "một thịt". Có lẽ trong sự kết hợp xác thịt và việc sinh con thì có, nhưng không phải trong mọi lĩnh vực của đời sống chung. Sự hiệp một trong lòng gặp nguy hiểm. Sự cai trị là câu trả lời của người nam. Không phải cùng nhau, ngang hàng, mà sự khuất phục, áp bức và phân biệt đối xử sẽ đi theo mối quan hệ giữa hai giới. Đó không phải là phước lành. Đó là hậu quả của tội lỗi. Là sự tiếp nối của tội lỗi, ở đây là tội lỗi của người nam. *Việc cai trị người vợ, hay người nữ nói chung, đã*

không phải và không bao giờ được là một phần trong mối quan hệ của họ. Không nơi nào Kinh Thánh truyền cho người nam phải cai trị người nữ!

Đó không phải là điều Đức Chúa Trời đã hoạch định, cũng không phải là cách Ngài đã dựng nên hai người. Sự dựng nên Ê-va và cuộc gặp gỡ đầu tiên của họ đã hứa hẹn biết bao. Nhưng "Phía đông vườn Ê-đen" thổi một luồng gió khác. Ở đó, phái nam hiếm khi tỏ ra là người lịch thiệp, mà thường là bạo chúa và kẻ gia trưởng.[15] Thế mà ngay cả với những người như vậy, nhiều phụ nữ vẫn cảm thấy bị cuốn hút.

Một cách giải thích khác hiểu lời này như thể người nữ sẽ tìm cách cai trị người nam.[16] Nhưng ông – dĩ nhiên trừ những trường hợp ngoại lệ – sẽ thắng thế trước sự đó và bảo vệ quyền lực và địa vị tối cao của mình. Tôi đã nghe cách đọc này nhiều lần. Như thể tự bản chất, người nữ vươn tay chụp lấy vương miện. Được đằng chân, lân đằng đầu. Sẽ có những người phụ nữ như thế. Những người muốn thao túng và điều khiển chồng mình. Không có gì phải bàn. Nhưng đặt cả nữ giới dưới sự nghi ngờ vơ đũa cả nắm ấy, hay bắt cả giới phải chịu tội tập thể, thì xuất phát nhiều hơn từ tâm tính và thái độ suy đồi của nam giới. Còn nam giới thì không chỉ bị nghi ngờ, mà theo lời Đức Chúa Trời, bị phán xét là kẻ ham quyền. Ở đây cũng phải nói thêm: trừ những trường hợp ngoại lệ. Cả hai lối cư xử đều có ở mọi mức độ, mạnh hay yếu. *Và điều đó không bao giờ loại trừ việc có những mối quan hệ đôi lứa tích cực, đầy yêu thương! Dĩ nhiên cả bên ngoài các cuộc hôn nhân Cơ Đốc.*

Sự khao khát của người nữ không phải là tham vọng thống trị. Cũng không phải là ham muốn tính dục để có con. Điều đó có thể nằm trong ấy. Nhưng sâu xa hơn, đó là sự hướng về người nam, việc tìm sự che chở, việc tìm sự gắn bó với nhau, như đã được đặt để trong sự sáng tạo. Và trong vai trò của người yếu hơn và phần nhiều không có tài sản, điều đó trở thành số phận của bà: "Ý tưởng cơ bản là sự khao khát của người nữ, điều khiến bà trở nên lệ thuộc, bắt nguồn từ nhu cầu muốn thỏa mãn bản năng làm mẹ của bà ... Chúng ta hãy nhớ đến điều mà các nhà xã hội học gọi là nguyên tắc ít quan tâm hơn hay ít quan tâm nhất: trong một mối quan hệ có hai người tham gia,

15. Người ta tự hỏi liệu lời phán phạt này của Đức Chúa Trời có liên quan cả đến một phần của thế giới loài vật không.
16. Xem cùng cấu trúc câu như 4:7; nhưng cũng xem Nhã Ca 7:10. Từ này chỉ xuất hiện thêm ở hai chỗ này.

người nào lệ thuộc nhiều hơn vào người kia là người dễ bị tổn thương hơn, còn người nào ít quan tâm gắn bó với mối quan hệ hơn thì ở vào vị thế thống trị."[17]

Nếu chấp nhận cách nhìn tương hỗ[18] của Freedman về Sáng Thế Ký 1-2, thì cách đọc Sáng Thế Ký 3:16 sẽ hoàn toàn khác: "Một thảm kịch ở một tầm mức hoàn toàn khác. *Mối quan hệ ban đầu của sự nâng đỡ và sức mạnh lẫn nhau, của sự bình đẳng và chia sẻ, của sự công nhận giữa những người ngang hàng và của việc xem người kia là người bạn đồng hành thân thiết nhất, đã trở thành một mối quan hệ hỗn loạn khủng khiếp, bất bình đẳng về cảm xúc, dựa trên quyền lực và thiếu tình yêu.* Người nữ sẽ khao khát chồng mình, nhưng ông sẽ thống trị bà. Đó là một sự đổ vỡ và đảo lộn đáng sợ."

Andrew Macintosh chỉ ra rằng hậu quả tội lỗi của Ê-va "được xác định trên nền tảng của tính bổ sung triệt để (bình đẳng và bổ sung cho nhau) giữa hai giới trong sự sáng tạo: *chính tại nơi mà người nữ tìm được sự thỏa nguyện đầy vui mừng trong cuộc sống, nay xuất hiện gánh nặng của đau đớn và sự khuất phục*."

Matthew Lynch bình luận câu này như sau: "Cũng như việc sinh con của bà là một 'điều tốt' nay bị đau đớn làm hoen ố (3:16a), thì 'sự hiến dâng' của bà cũng là một điều tốt nay bị sự cai trị làm hoen ố (3:16b)."[19]

Câu này là dấu hiệu của sự rối loạn, sự đổ vỡ và bi kịch nơi cả nữ giới lẫn nam giới. Trong sự đổ vỡ và dễ tổn thương của mình, một người phụ nữ hướng về một người đàn ông hơn là về Đức Chúa Trời để thỏa mãn nhu cầu của mình; và thay vì sự tử tế và lòng cảm thông, bà gặp phải nhu cầu đổ vỡ và rối loạn của ông là muốn cai trị bà. Một bi kịch diễn ra suốt dòng lịch sử với sự đều đặn đáng sợ.

A-đam phải nhận lấy trách nhiệm về sự sa ngã. Ê-va là nạn nhân (và dĩ nhiên vẫn có trách nhiệm). A-đam là kẻ gây ra. Ông đã phạm tội "cố ý, ngang nhiên". Mở mắt thấy rõ, và biết trọn điều răn của Đức Chúa Trời, ông đã ăn

17. Walton, 228, Genesis, The NIV Application Commentary, Zondervan, Grand Rapids, 2001
18. "Tương hỗ" (mutualistisch) có nghĩa là hỗ tương, cần đến nhau và lệ thuộc lẫn nhau, trong sự bình đẳng và hiệp một.
19. Lynch, Contrary Women Genesis 3:16b on the ESV

trái cây. Chính ông, chứ không phải Ê-va, trở thành đầu của nhân loại sa ngã (Rô-ma 5; 1 Cô-rinh-tô 15), dù bà là mẹ của mọi loài sống.

Đất bị rủa sả sẽ chi phối đời sống A-đam, cai trị ông và làm cho đời ông vất vả. Rồi về phần mình, ông cũng sẽ cư xử như thế với vợ mình và với nữ giới nói chung.

Suốt lịch sử loài người, người nữ nhiều lần rơi vào tình trạng hoàn toàn lệ thuộc và bị khuất phục. Cả những xã hội được định hình như thế. Ở đây không phải là chuyện ngoại lệ, mà là chuyện thông thường. Trong đa số các nền văn hóa, đó là điều bình thường và đến nay vẫn thường còn như vậy.

Cả hai, người nam và người nữ, giờ đây đều là tội nhân. Những người đã sa ngã. Là tội nhân, người nam sẽ cai trị vợ mình, và là người nữ tội nhân, bà sẽ tận dụng mọi khả năng của riêng mình để không bị thiệt thòi trong mối quan hệ này, để tự vệ và tìm ra con đường của mình. Và để thao túng chồng mình và dù sao cũng gây ảnh hưởng cách gián tiếp, điều mà phần nhiều bà bị khước từ.

"Cuộc chiến giữa hai giới này về sau sẽ bày tỏ ra trên mọi tầng lớp văn hóa của mọi dân tộc. Nó chỉ có thể được chữa lành khi điều ác gây ra nó bị nhổ tận gốc."[20]

2.3 Những phản bác đối với sự bình đẳng

Đối với lập trường mà tôi tìm thấy trong câu chuyện sáng tạo, có một cách đọc ngược lại chính mấy bản văn ít ỏi ấy. Những người tin vào việc người nam làm đầu và có địa vị ưu tiên đọc câu chuyện sáng tạo như bằng chứng rằng A-đam là đầu của Ê-va[21] và rằng trong thứ bậc, bà đứng dưới sự lãnh đạo của người nam.

A-đam vừa là tên riêng vừa là danh xưng của loài người.

Trong trường hợp này, Ê-va cũng là "Adam", nghĩa là con người. Đức Chúa Trời không gọi loài người là "người nữ". Điều đó sẽ "phảng phất mùi" sự

20. Schmalenbach, 87, Frausein zur Ehre Gottes: ... im Kontext verschiedener Kulturen, 2007
21. Bên cạnh các tác giả khác, tôi chủ yếu nêu những lý lẽ mà Alexander Strauch đưa ra. Strauch, Alexander, 2001, Die Revolution der Geschlechter, Bielefeld

lãnh đạo của người nam.[22] Tôi thấy trong đó sự nhấn mạnh rằng người nam và người nữ gắn liền với đất. A-đam được lấy ra từ adama (đất), rồi Ê-va được lấy ra từ A-đam. Bà cũng sẽ như A-đam, một ngày kia trở về với đất. Thật khó nhận ra ở đây một vai trò lãnh đạo, nếu người ta không cố tìm cho ra.

Đức Chúa Trời đặt A-đam làm trung tâm.

Với A-đam, dự án "nhân loại" bắt đầu. Trước hết là về ông. Cho đến khi hóa ra có một điều còn thiếu. Một nửa còn lại của sự sống. Quá trình làm lộ rõ sự thiếu hụt này (việc đặt tên cho các loài vật) đồng thời cho thấy giá trị của người nữ, là người lấp đầy sự thiếu hụt ấy. Con người – là người nam và người nữ – cùng nhau là trung tâm của cuộc sáng tạo. Sáng Thế Ký 1:26-27 cho thấy điều đó.

A-đam, chứ không phải Ê-va, được dựng nên trước. Vì vậy ông ở trên Ê-va trong trật tự thứ bậc.

Không biết đã có bao nhiêu hay bao ít thời gian trôi qua giữa việc dựng nên A-đam và Ê-va? Dù ở thời cổ, khác với ngày nay, điều xưa cũ hay người lớn tuổi hơn luôn là điều có trọng lượng và được ưu tiên hơn, kết luận này vẫn không đủ cơ sở cho một sự ấn định như thế. Không nơi nào Kinh Thánh nói rằng thứ tự này là lý do cho vai trò lãnh đạo của người nam. Đó vẫn chỉ là những kết luận tùy tiện. Thứ tự này không nên được giải thích như thứ hạng. Khi Phao-lô – điều mà tôi sẽ còn bàn kỹ – nhấn mạnh trong 1 Ti-mô-thê 2 rằng A-đam được dựng nên trước, thì ở đó không phải là một bài học bổ túc về Kinh Thánh, mà là những câu hỏi khác, không liên quan gì đến một trật tự thứ bậc.

Như ai cũng biết, quyền trưởng nam vận hành theo nguyên tắc thứ tự thời gian này. Nhưng không nơi nào nó được áp dụng cho mối quan hệ giữa người nam và người nữ.

Tùy theo cách chúng ta đọc Kinh Thánh, điều đó có thể củng cố những quan điểm sai hay đúng của chúng ta. *Không hiếm khi sự hiểu biết Kinh Thánh của chúng ta không phản chiếu ý muốn của Đức Chúa Trời, mà phản chiếu lối nghĩ hay thái độ lòng của chính chúng ta.*

22. Ortlund, 119

Người ta cũng có thể giải thích thứ tự này cách khác: không phải điều đến trước là điều được ưu tiên, mà điều đến sau là cao trào, là đỉnh điểm trong câu chuyện văn chương về sự dựng nên con người. Trong bản tường thuật thứ nhất, con người (người nam và người nữ) là đỉnh cao của cuộc sáng tạo. Trong bản tường thuật thứ hai, đỉnh cao không phải là người nam, mà là người nữ. Tôi nêu điều này làm ví dụ, không phải để đặt luận điểm của mình trên đó, mà để cho thấy các góc nhìn có thể khác nhau đến mức nào, và những kết luận sai có thể đi xa đến đâu khi chúng ta nghĩ rằng chỉ có một góc nhìn, hay chỉ có góc nhìn của chúng ta.

A-đam, chứ không phải Ê-va, nhận từ Đức Chúa Trời các điều răn về cây biết điều thiện và điều ác, điều này cho thấy ông là đầu / người lãnh đạo tự nhiên.

Theo câu chuyện sáng tạo, khi Đức Chúa Trời ban điều răn này, Ê-va còn chưa có mặt. Ý nghĩ ấy chỉ có cơ sở nếu lúc đó bà đã có mặt mà Đức Chúa Trời chỉ nói với A-đam.

Người nữ được làm ra từ người nam và vì thế lệ thuộc vào ông.

Trong các lối sống phụ quyền, sự lệ thuộc này có thật. Nhưng Kinh Thánh không bao giờ tán thành điều đó như là lý tưởng. Dù mọi nhân vật trong Cựu Ước đều sống trong đó và Kinh Thánh mô tả điều ấy. Ngày nay, người nữ không lệ thuộc vào người nam. Cả hai đều có thể tự lập hay sống một mình. Nhìn cách trung lập, người ta có thể xem đó là một sự tiến bộ. Điều đó là tốt.

A-đam đặt tên cho người nữ là Ê-va, đó là dấu hiệu cho thấy ông có thẩm quyền trên bà.

Việc đặt tên không liên quan gì đến thẩm quyền. Đúng hơn, nó liên quan đến sự hiểu biết, sự nhận định và sự nhận thức, vì trong Kinh Thánh, tên thường diễn tả bản chất của một người. Vì vậy A-đam gọi Ê-va là "mẹ của mọi loài sống". Ai gắn việc đặt tên với thẩm quyền thì nên để ý rằng điều này không xảy ra trước, mà ngay sau sự sa ngã.

Người nữ được dựng nên từ người nam để làm "người phụ giúp" của ông.

Theo cách người viết dùng khái niệm "sự giúp đỡ", điều được nhắm đến không phải là một người dưới quyền, mà là một người mạnh mẽ ngang bằng

và ngang hàng.

Đàn ông thích vai trò người giúp đỡ của phụ nữ, để đạt được những mục tiêu mà chỉ một mình họ đặt ra. Nhưng đó không phải là ý tưởng ở đây. Sự giúp đỡ không bao giờ tạo nên sự khác biệt về thẩm quyền hay thứ hạng. Người ta sẽ áp dụng điều đó thế nào cho Đức Chúa Trời, là Đấng giúp đỡ chúng ta? Vả lại, chẳng lẽ người nam lại không muốn làm người giúp đỡ cho người vợ yêu dấu của mình sao? Mà không vì thế mà sinh ra một thứ bậc?

Ê-va được dựng nên vì người nam. Không phải ngược lại.

Kinh Thánh thuật lại như vậy. Dù thế, Ê-va không trở thành của cải hay tài sản của A-đam. Bà được dựng nên từ cạnh sườn A-đam, như một người đối diện mạnh mẽ ngang bằng. Khi nói về giao ước hôn nhân, thì sự khao khát của người nam đối với người nữ là một chiều hướng hay một chuyển động mà từ đó người ta cũng có thể kết luận – nếu muốn – rằng bà là người mạnh hơn. Ông cảm thấy bị cuốn hút về bà.

Ê-va phạm tội trước. Đó là dấu hiệu cho thấy người nữ là phái yếu, dễ bị cám dỗ và lừa dối hơn.

Ngay cả nếu kết luận này đúng – điều tôi không tin –, thì điều đó cũng không tạo nên thứ bậc nào, khi nhìn đến vô số người nam đã bị phụ nữ quyến dụ và sa vào tội lỗi.

Làm sao kẻ cám dỗ biết được rằng bà là phái yếu? A-đam thậm chí không cần bị cám dỗ mới phạm tội!

A-đam đã không làm tròn bổn phận đảm nhận sự lãnh đạo và làm đầu. Vì thế mới xảy ra thảm kịch.

Để ngăn chặn diễn biến này và tội đầu tiên này, người ta không cần một thứ bậc. Mỗi ngày, những tình huống như thế xảy ra hàng ngàn lần. Tội lỗi được ngăn chặn bằng một lời "Không" dứt khoát. Đúng vậy, vì đã nhận điều răn của Đức Chúa Trời, A-đam lẽ ra phải phản đối Ê-va. Diễn biến này không chứng minh được gì về một thứ bậc. Nơi cả hai, đó là quyết định tự do của một con người có trách nhiệm và có quyền quyết định.

Nếu A-đam là đầu, có vai trò lãnh đạo và đã thất bại trong vai trò ấy, thì tại sao Ê-va lại bị buộc phải cùng chịu trách nhiệm? Khi đó lẽ ra chỉ một mình A-đam phải chịu trách nhiệm. Nhưng chính vì cả hai có trách nhiệm như nhau, nên cả hai đều phải chịu trách nhiệm như nhau. Tội của A-đam lớn hơn tội của Ê-va rất nhiều. Bà đã bị dỗ dành bằng mưu kế, và bà đã nhận ra ngay điều đó và chính đáng quy phần tội chính cho con rắn. A-đam phạm tội không chút do dự, "cố ý, ngang nhiên", rồi còn đổ trách nhiệm cho Ê-va, và sau cùng cho cả Đức Chúa Trời, Đấng đã ban người nữ cho ông.

Chẳng phải cũng có thể lập luận ngược lại sao? Nếu ở đây Ê-va đảm nhận vai trò dẫn dắt, dù là dẫn đến tội lỗi, thì điều đó há chẳng cho thấy rằng trong hôn nhân, người vợ cũng có thể dẫn dắt như người chồng sao? Trong một "đội vợ chồng", ai cũng có lúc yếu và có lúc mạnh. Vì vậy, tùy hoàn cảnh, mỗi người cũng sẽ đảm nhận sự dẫn dắt để giúp đỡ nhau và trong sự thuận phục lẫn nhau.

Có lẽ còn nhiều lý lẽ hơn, nhưng không lý lẽ nào có thể làm nghiêng đổ sự cân bằng giữa người nam và người nữ theo ý muốn của Đức Chúa Trời. Bản văn nguyên thủy của Kinh Thánh vẫn là lý lẽ mạnh nhất cho một mối quan hệ đối tác ngang hàng. Không có bất cứ dấu hiệu nào về một vai trò lãnh đạo của A-đam do Đức Chúa Trời muốn hay được định rõ. Mọi điều chúng ta có đều chỉ về sự cùng nhau của những người đồng hành. Tuy vậy, cách đọc bản văn sáng tạo dẫn đến những lập trường khác nhau rõ rệt. *Chính ở đây, ở lúc ban đầu, quyết định được đưa ra về việc người ta trả lời và thực hành câu hỏi về giới tính thế nào, và chúng ta giải thích những lời của Tân Ước về đề tài này ra sao.*

2.4 Sự khác biệt giữa nam và nữ

Vì tôi nhấn mạnh sự bình đẳng và sự ngang hàng giữa người nữ và người nam, người ta sẽ phản bác rằng tôi bỏ qua những điểm khác biệt. Nhưng không chỗ nào tôi làm như vậy. Trái lại, tôi dứt khoát phản đối mọi sự "cào bằng" hay đồng hóa các vai trò. *Nhưng nếu có những vai trò khác nhau, thì không vì thế mà người nam là cái đầu cai trị và lãnh đạo.* Sự phân biệt này rất quan trọng. Nếu không phân biệt như vậy, người ta sẽ trộn lẫn cách thiên

lệch một trật tự sáng tạo do mình tưởng tượng (người nam là đầu của người nữ) với những hậu quả của sự sa ngã, nơi có chép "chồng sẽ cai trị ngươi".

Hiển nhiên phải có những khác biệt. Vì nếu không, Ê-va sẽ không phải là người tương ứng, không phải là một người đối diện thích hợp. Khi A-đam bị "lấy đi" một bên, cả một nửa, thì ông thiếu một điều mà ông tìm lại hay nhận lại nơi người nữ. Cả hai cùng nhau tạo thành một tổng thể.

Dù vậy, Kinh Thánh không phải là sách giáo khoa về những khác biệt giữa nam và nữ. Kể cả khi người ta không ngừng nhắc đến những khác biệt ấy. Người ta bỏ qua rằng đó thường là những khác biệt nảy sinh từ lịch sử, từ sự phát triển của các nền văn hóa và xã hội, chứ không phải là sự biểu hiện thuần khiết và trọn vẹn của ý muốn Đấng Tạo Hóa.

"Bản tường thuật sáng tạo không đưa ra dấu hiệu nào về sự cai trị của người này trên người kia, cũng không về sự phân chia nhiệm vụ theo giới tính. Sự tách biệt rạch ròi giữa các lĩnh vực hoạt động và phạm vi trách nhiệm, được thấy về sau trong các nền văn hóa của loài người – lĩnh vực công cộng, kiến tạo văn hóa, dành cho người nam và lĩnh vực riêng tư của việc sinh sản dành cho người nữ – không thể được lập luận từ sự sáng tạo. Sự tách biệt ấy dễ nảy sinh do những điều kiện sinh học, nhưng không thể được suy ra và đòi hỏi từ những lời của Kinh Thánh như là ý muốn của Đấng Tạo Hóa. *Đúng hơn, ở đây Đức Chúa Trời để cho người nam và người nữ một khoảng tự do rộng lớn trong việc phân chia trách nhiệm, trong khuôn khổ những điều kiện sinh học.*"[23]

Tôi chỉ nêu vắn tắt một vài khác biệt đặc thù theo giới tính mà – bên cạnh những điều quá hiển nhiên – nghiên cứu cũng ít nhiều đã nhận ra. Đề tài này phức tạp, và trừ vài ngoại lệ, tôi chỉ có thể thuật lại điều người khác đã tìm ra. Về phương diện này, chính Kinh Thánh không phải là sách chuyên môn.

Vóc dáng và tầm vóc của người nam mạnh hơn và lớn hơn. Vì thế trong các cuộc thi đấu thể thao, người ta tách riêng hai giới.

Người nam ít nhiều có năng khiếu hơn về tư duy không gian và trừu tượng. Người nữ có khả năng giao tiếp lớn hơn.

Nhu cầu trò chuyện của phụ nữ trung bình lớn hơn. Phụ nữ hướng về con người nhiều hơn, còn đàn ông hướng về sự việc nhiều hơn.

23. Schmalenbach, 72

Cảm nhận tính dục về căn bản là khác nhau.

Việc phụ nữ tự nhiên sinh con chứ không phải đàn ông thì chẳng cần phải nhắc đến. Nhưng trong đó có một khác biệt sinh học lớn.

Tôi bênh vực một sự phân chia vai trò dựa trên ân tứ, không dựa vào những quy định văn hóa, xã hội hay cộng đồng của quá khứ. Ở nơi mà quyền bình đẳng là một phần của hiến pháp, những khả năng tốt nhất, bất kể giới tính, nên được phát huy và được trân trọng vì lợi ích của mọi người. *Trong Nước Đức Chúa Trời và trong Hội Thánh của Ngài, đàn ông nên lo liệu sao cho những cơ hội ấy được mở ra cho phụ nữ, không chút hạn chế. Ở đó có thể bù đắp được nhiều điều.*

Trong thời đại (hậu hiện đại) của chúng ta, cùng với sự biến đổi của xã hội, vai trò của người nữ và người nam cũng đã thay đổi nhiều mặt. Duy trì trong đó một trật tự sáng tạo do mình tưởng tượng là điều khó khăn, thậm chí không thể. Sự thích nghi với hoàn cảnh xã hội không phải là sự thế tục, mà là một phần của việc đương đầu với cuộc sống. Điều đó không thành vấn đề khi người ta chấp nhận rằng Kinh Thánh không quy định một quan niệm về vai trò. Làm đàn ông và làm đàn bà là đề tài của một số sách, như lời khuyên sống đầy thiện ý. Chính Kinh Thánh đưa ra hầu như mọi lời chỉ dẫn cho người nam và người nữ như nhau.

Ngày nay, khi một người chồng lo việc nhà và chăm sóc con cái, còn người vợ làm ra thu nhập cần thiết, thì sự phân chia vai trò ấy ngày càng trở thành thực tế của cuộc sống. Liệu đó có phải là sự phân chia tối ưu hay không thì không thể đánh giá từ góc nhìn Kinh Thánh.



2.5 TRẬT TỰ SÁNG TẠO

Thuật ngữ này thường được dùng. Một từ rất đặc trưng của tiếng Đức. Người Đức chúng tôi yêu trật tự. Chúng tôi muốn biết điều gì có hiệu lực và điều gì không. Điều đó có những ưu điểm và có thể hữu ích. Thuật ngữ này thường được dùng khi người ta muốn biện minh cho những bản văn Tân Ước nói về sự thuận phục của người nữ đối với người nam.

Sự sáng tạo tốt lành được mô tả trong hai chương đầu tiên của sách Sáng Thế Ký. Đó là khuôn mẫu và là sự bày tỏ điều Đức Chúa Trời muốn. Trước sự sa ngã!

Kinh Thánh không biết đến từ "trật tự sáng tạo". Tự nó, điều đó không phải là vấn đề, cũng như với những "thuật ngữ hỗ trợ" thần học khác. Có điều, chúng ta muốn rút ra những trật tự nào từ các chương này, hay thậm chí đặt chúng làm nền tảng ràng buộc cho mọi thời đại? Chẳng hạn chủ nghĩa ăn chay hoàn toàn, vì trong vườn địa đàng không ai ăn thịt? Còn những cặp vợ chồng không có con và không thể sinh sản thì sao? Còn số lượng lớn và ngày càng tăng những hộ gia đình chỉ có một người thì sao? Còn những người sinh ra mang cả hai giới tính thì sao? Chúng ta có nên đi lại trần truồng không? Dĩ nhiên là không. Nhưng đó là điều bình thường trước sự sa ngã. Từ ngữ nặng ký *trật tự sáng tạo* phải được dùng một cách phân biệt rõ ràng, nếu nó thật sự hữu ích.

Quả thật: điều được mô tả trong Sáng Thế Ký 1 và 2 về người nam và người nữ phải có hiệu lực như vậy cho mọi thời đại. Điều gì khác đi hoặc tệ hơn ở đó là do tội lỗi mà đến, và không phù hợp với kế hoạch và ý muốn của Đức Chúa Trời.

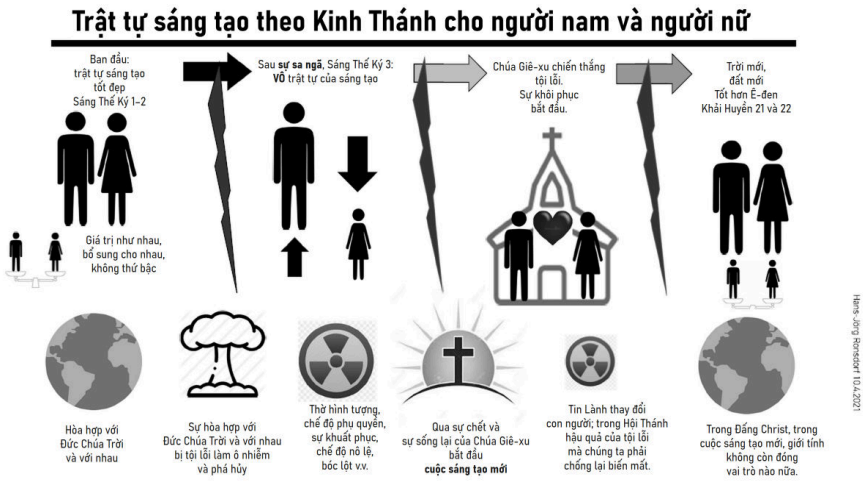
Người nam và người nữ có giá trị như nhau, phẩm giá như nhau, được giao sứ mạng như nhau, ngang hàng, bình đẳng. Không có thứ bậc nào trong chương 1 và 2. Đó là sự hiệp một trong sự khác biệt. Sự bổ sung trên cùng một tầm mức. Sự bổ sung cho nhau hai chiều, chứ không phải một chiều. Sự giúp đỡ được mô tả trong Sáng Thế Ký 2 không phải là phần của kẻ dưới. Người giúp đỡ ấy là một người đối diện trọn vẹn cho A-đam. Cùng nhau, ngang hàng, họ là một đội mạnh mẽ. Được trang bị và ban ân tứ khác nhau, họ giúp đỡ lẫn nhau. Trong đó, sự khác biệt giới tính là một phần cốt yếu và không thể thiếu của tổng thể. Sự khác biệt là một điều cần thiết, nhưng không liên quan gì đến sự thuận phục hay thẩm quyền. Sự khác biệt giới tính làm trọn vẹn hình ảnh của Đức Chúa Trời, và nhờ vậy giúp con người đáp ứng được sứ mạng sáng tạo rộng lớn.

Bức tranh về người nam và người nữ trước sự sa ngã này là chuẩn mực thiên thượng: trật tự sáng tạo của Đức Chúa Trời. Nó có hiệu lực mãi mãi. Phổ quát và vượt thời gian. Mọi sự phải được đo lường theo nó. Đó là một chuẩn mực đời đời, tồn tại cho mọi thời đại.

Chúng ta thấy chuẩn mực này – hay nếu muốn, trật tự này – vì tội lỗi mà mất thăng bằng, bị tấn công và, ngoại trừ một vài trường hợp, bị phá hủy. Mãi hàng ngàn năm sau, chuẩn mực này mới được khôi phục trong Đấng Christ (Ga-la-ti 3:28), để tồn tại mãi mãi và không bao giờ bị tấn công nữa.

Từ *trật tự sáng tạo* thường được đem ra khi người ta muốn nhấn mạnh sự thuận phục của người nữ và lệnh cấm người nữ phát biểu, dạy dỗ và lãnh đạo nơi công cộng (trước mặt người nam). Một phản xạ đã thành nếp, khi người ta khăng khăng đòi trật tự. Nhưng sau sự sa ngã, khó có thể còn nói đến trật tự của sự sáng tạo. *Đúng hơn, đó là sự VÔ trật tự của sáng tạo, khi giờ đây người nam cai trị người nữ, và vai trò giới tính từ đó bị quy định bởi điều này. Nhờ thể chất mạnh hơn, người nam đã giành lấy thẩm quyền về tay mình.*

Một trật tự sáng tạo phổ quát là nền tảng của đạo đức Cơ Đốc. Nó không bao hàm sự khác biệt về thứ bậc nào giữa người nam và người nữ. Thuộc về trật tự ấy, ngoài phẩm giá con người có được vì mang hình ảnh của Đức Chúa Trời, còn có những phẩm tính bắt rễ trong chính Đức Chúa Trời: *sự công chính, tình yêu và sự thật. Những điều này giúp con người sống tốt đẹp với nhau.*



2.5.1 Từ vườn Ê-đen đến Giê-ru-sa-lem Mới

Cơ Đốc nhân đang trên đường đến với sự sáng tạo mới (2 Phi-e-rơ 3:13). Một Ê-đen mới và tốt đẹp hơn đang chờ đợi họ. Một sự sáng tạo mới, theo cách nào đó tiếp nối sự sáng tạo hiện tại, đồng thời lại là một sự sáng tạo mới. Điều mới ấy giờ đây được mô tả như một thành phố, trong đó người ta gặp lại những yếu tố của Ê-đen. Vậy, không phải là quay trở lại tình trạng trước sự sa ngã. Mà là đi tới phía trước, đến thành phố mới và đời đời.

Trong sự sáng tạo mới, người nam và người nữ sẽ đối xử với nhau tự nhiên như anh chị em, như anh em trai và chị em gái. Trong tình yêu và sự tôn trọng. Không có thứ bậc. Khi ấy, sứ mạng sinh sản và thêm nhiều đã chấm dứt. Sẽ không còn tình dục nữa. Mọi điều liên quan đến nó khi ấy đều đã thuộc về quá khứ. Điều bây giờ đóng vai trò lớn thì ở đó sẽ không ai thấy thiếu. Dù chúng ta luôn vẫn là những nhân cách riêng biệt mà Đức Chúa Trời đã cho chúng ta trở thành, giới tính – nam và nữ – trong Đấng Christ đã trở nên không còn ý nghĩa (Ga-la-ti 3:28). Khi ấy còn lại bao nhiêu "giới tính", chúng ta không biết.

Trong thế giới sa ngã của chúng ta, có một số ít người sinh ra mang *cả hai* giới tính, phát triển nhiều hay ít. Đối với họ, đó là một hoàn cảnh khó khăn. Đối với họ, Thế giới Mới là một sự cứu chuộc (cũng như đối với tất cả chúng ta).

Vì sự sáng tạo mới đã bắt đầu ngay từ bây giờ trong Hội Thánh, nên cách chúng ta đối xử với nhau ngay từ bây giờ được phép mang dấu ấn của nó. *Trong thân thể của Đấng Christ, giới tính không còn đóng vai trò gì nữa.* Nhưng vì Hội Thánh vẫn còn đang đi trong sự sáng tạo thứ nhất, nên Hội Thánh gặp những thách thức văn hóa hết sức khác nhau. Vì có Tin Lành, có thể có những sự điều chỉnh, ở những chỗ giới tính vẫn còn được lưu ý đến. Về điều này sẽ nói thêm sau.

Trong sự sáng tạo mới sẽ không có thứ bậc hay sự thuận phục nào, vì trong Đấng Christ tất cả chúng ta đều là một. Chúng ta hãy sống đời sống của sự sáng tạo mới!

2.6 Chồng sẽ cai trị ngươi – lịch sử

Trong chương này, tôi đi tìm câu trả lời cho câu hỏi bi thảm: những lời phán phạt trong Sáng Thế Ký 3:16 đã được ứng nghiệm như thế nào. Tôi chỉ có thể làm điều đó trong giới hạn. *Sự ứng nghiệm này bao gồm cả một vũ trụ của sự áp bức, bóc lột, phân biệt đối xử và thiệt thòi. Một biển khổ đau và nước mắt.* Cho đến tận thế kỷ 21. Thế giới đã và đang là một nơi nguy hiểm cho tất cả những ai không có quyền lực, dù là phụ nữ, đàn ông hay trẻ em.

Nhờ công trình nghiên cứu của nhiều sử gia, nhà khảo cổ học và nhà thần học, ngày nay chúng ta có nhiều bằng chứng cho thấy hoàn cảnh của người phụ nữ ra sao. Internet giúp nhiều thông tin trở nên dễ dàng và nhanh chóng tiếp cận. Sau đây là một tập hợp những lời trích dẫn từ nhiều thời kỳ khác nhau, cho thấy những người đàn ông có ảnh hưởng và nổi tiếng đã nghĩ gì về phụ nữ. Trong khuôn khổ ngắn gọn, người ta không bao giờ có thể trình bày thỏa đáng đề tài này. *Nhưng như thế cũng đủ để nhận ra gánh nặng nào không chỉ có trong thế gian, mà còn từ đó bị mang vào giáo hội, được Cơ Đốc hóa và được vun trồng.*

Không thể không thấy một thái độ cơ bản khinh miệt phụ nữ đã thông qua các nhà tư tưởng lớn của Hy Lạp mà ăn sâu vào Do Thái giáo như thế nào. Đến lượt nó, điều này đã để lại dấu vết trong giáo hội. Hơn thế nữa, các giáo phụ đã coi trọng di sản Hy Lạp trong vấn đề này hơn quan điểm của Kinh Thánh. Ảnh hưởng của họ cho đến ngày nay vẫn còn thấy rõ. Vì thế, điều đó ngày nay cũng nên thúc đẩy chúng ta phơi bày và phản bác.

Trong vấn đề này chỉ có một khẩu hiệu: Trở về với Kinh Thánh! Trở về với Chúa Giê-xu!

2.6.1 Thời cổ đại

Phụ nữ thời cổ đại[24] là hiện thân của vẻ đẹp, phải thuận phục người nam, nhưng cũng kém hơn về sức lực thể chất. Nếu giàu có, họ mặc áo dài bằng

24. Thời cổ đại là tên gọi nền văn hóa Hy Lạp và La Mã, khoảng từ năm 600 TCN đến năm 400 SCN.

lụa và có những kiểu tóc được chải chuốt công phu. Nếu một người đàn ông có một người vợ đẹp bên cạnh, điều đó hoàn toàn có thể mang lại lợi thế về kinh doanh và chính trị. Trong xã hội, phụ nữ chỉ có quyền hạn chế hoặc không có quyền gì cả. Khi ngoại tình, phụ nữ có thể bị kết tội, bị tước đoạt tài sản hoặc cũng có thể bị lưu đày. Các chức vụ công chỉ do đàn ông nắm giữ. Vai trò của người phụ nữ được quy định rõ ràng. Người ta mong họ sinh được càng nhiều con trai càng tốt. Người giàu cũng có nô lệ lo việc nhà. Các nữ nô lệ không có quyền gì và phải làm nhiều việc phục dịch. Nhưng cũng có những ngoại lệ, trong đó một số phụ nữ khá giả có địa vị cao hơn và có thể ảnh hưởng mạnh đến các quyết định. Sức quyến rũ của phái nữ thường là một phương tiện hữu ích trong một thế giới do đàn ông thống trị.

"Thời cổ đại, 'người nam tự do' hay 'công dân' (đàn ông) được xem là mẫu mực hoàn hảo của con người, cũng được phân biệt rõ ràng với 'người nữ tự do' hay 'nữ công dân' (đàn bà). *Người phụ nữ bị xem là thấp kém hơn người đàn ông vì thể chất và sự thua kém được gán cho bà. Sự thấp kém ấy được xem là bẩm sinh và không thể thay đổi; người ta dựa vào đó để biện minh cho việc người phụ nữ không có năng lực pháp lý và luôn luôn cần một người giám hộ là nam giới.* Tương ứng với vai trò của mình trong xã hội, người phụ nữ bị xem là thụ động, và điều này cũng mở rộng đến quan hệ tình dục (dị tính, có sự xâm nhập). Một vai trò chủ động của phụ nữ, chẳng hạn như lấn át trong gia đình, xuất hiện quá nhiều nơi công cộng hay giữ vị trí chủ động trong quan hệ tình dục, bị xem là đáng hổ thẹn và đe dọa địa vị đáng kính của cả gia đình. Ngược lại, người đàn ông có nguy cơ bị tước quyền công dân nếu ông không cai quản được nhà và những người thuộc về nhà mình (phụ nữ, trẻ em, nữ nô lệ), không kiểm soát được những nhu cầu riêng (ăn, uống, đam mê, tình dục, giấc ngủ), dành quá ít thời gian nơi công cộng, hay giữ vai trò thụ động trong quan hệ tình dục."[25]

Phụ nữ ở A-thên phải phục dưới quyền người đàn ông, tương tự như thời Cộng hòa La Mã, và phải theo ý người đàn ông. Phụ nữ luôn luôn là người chưa có quyền tự quyết, nghĩa là họ cần một người điều khiển và dẫn dắt mình. Là con gái hay là phụ nữ, người ta đều phó mặc cho người giám hộ và những ý thích thất thường của ông ta.

25. Voß, Heinz-Jürgen, Das differenzierte Geschlechterverständnis der Antike, Gender, 2/2009

2.6.2 Aristotle

Aristotle (384-322 TCN), một trong những triết gia và học giả uyên bác vĩ đại nhất của Hy Lạp, đã biến sự thấp kém của người phụ nữ thành một sự thật có giá trị phổ quát. Trong vấn đề giá trị của người phụ nữ, mọi sự uyên bác của ông đều không giúp được gì, và trong điều này ông vẫn là đứa con của thời đại mình. "*Con cái là những con đực bị què quặt*" là một trong những phát biểu để lại hậu quả nặng nề trong thế giới quan của ông. Vì chính tâm trí mới là cái sinh ra sự sống, nên phụ nữ chỉ còn là những người phụ việc "không có tâm trí", đem thân thể/tử cung của mình làm buồng ấp cho hạt giống nam giới "có tâm trí". Sau khi Aristotle khởi đi từ sự thấp kém trong cấu tạo sinh học của người phụ nữ, và qua đó hợp thức hóa việc người phụ nữ phải phục dưới người đàn ông trong xã hội, ông còn quy cho bà trách nhiệm về mọi sự thất bại có thể xảy ra, vì khi phần nữ chiếm ưu thế trong việc thụ thai, thì điều đó "... gây ra việc sinh ra những hình hài quái dị."

Trong hình thái xã hội này, phụ nữ không có vị trí nào về pháp lý hay xã hội. Phụ nữ bị loại khỏi chính trị; họ lệ thuộc chồng mình, người chủ trong nhà, về kinh tế và về mọi phương diện khác, nghĩa là suốt đời là người chưa có quyền tự quyết, dưới sự giám hộ của một người đàn ông. Đàn ông thường cưới những người vợ trẻ hơn mình rất nhiều, điều này càng làm tăng thêm sự thống trị của họ. "Nhiệm vụ chủ yếu của người vợ là lo sinh con trai nối dõi và quản lý việc nhà cho chồng."

Con gái sau khi sinh ra thường bị bỏ rơi theo quyết định của người cha. Những bé gái sống sót được đòi hỏi phải giữ trinh tiết trước khi lấy chồng, và về sau phải chung thủy trong hôn nhân. Những phụ nữ đáng kính trải qua phần lớn cuộc đời mình ở trong nhà.

Trong thế giới quan của Aristotle, thứ bậc là điều "do tự nhiên ban cho", và cũng theo lẽ tự nhiên mà một số người cai trị và có mọi quyền, còn những người khác bị cai trị và không có quyền gì. Theo thế giới quan của ông, có những người sinh ra để cai trị, và có những người sinh ra để bị cai trị. Với ông, nam tính có giá trị hơn nữ tính, và vì thế nữ tính có mặt là để bị nam tính cai trị.

"Vậy, cũng như loài người là hoàn hảo nhất trong mọi loài vật, thì trong loài người, đàn ông hoàn hảo hơn đàn bà, và lý do khiến ông hoàn hảo là vì có nhiều nhiệt hơn, vì nhiệt là công cụ quan trọng nhất của tự nhiên."

Bằng cách này, Aristotle đã đặt một nền tảng triết học lâu bền cho quan niệm rằng phụ nữ thấp kém hơn đàn ông. Ông đã hệ thống hóa việc thực hành phân biệt đối xử về giới tính, và đưa ra một thứ quyền cai trị mang dáng vẻ học thuật, tin vào sự bất bình đẳng giữa hai giới. *Nhiều thế kỷ sau, những người lãnh đạo giáo hội, chính họ cũng là sản phẩm của văn hóa và nền giáo dục Hy Lạp, đã giải thích các thư của Phao-lô từ góc nhìn của triết học Aristotle.*

Các triết gia A-thên đã để lại cho thế giới một bản cáo trạng kép chống lại nữ giới. Từ thời kỳ cổ điển, đặc biệt từ sự dạy dỗ của Aristotle, đến niềm tin rằng phụ nữ thấp kém hơn đàn ông. Vì thế, phụ nữ phải bị đàn ông sai khiến, và phải được dùng để làm vui lòng đàn ông. Rồi từ các triết gia phái Khắc kỷ (Stoic) đến niềm tin rằng phụ nữ là sự xao lãng và cám dỗ đối với đàn ông. Vì thế, đàn ông phải tránh xa phụ nữ; nếu không vướng bận, họ được tự do vun đắp những phẩm chất làm cho đàn ông trở nên vượt trội. Cả hai quan điểm này nằm bên dưới những cách giải thích truyền thống về các thư của Phao-lô liên quan đến phụ nữ và hôn nhân. Đó là sự thuận phục của người phụ nữ, và đời sống độc thân – điều mà cho đến thời Cải cách Tin Lành vẫn thường được xem là lý tưởng.

Chính Socrates (470-399 TCN) đã làm cho sự khinh miệt phụ nữ của người A-thên trở nên bất hủ. Khi thường gọi phụ nữ là phái yếu, ông lập luận rằng làm phụ nữ là một hình phạt của thần linh, vì người phụ nữ là một thứ ở giữa đàn ông và con thú.

Theo Euripides (480-407 TCN), nhà thơ bi kịch Hy Lạp, mạng sống của một người đàn ông duy nhất có giá trị bằng một ngàn người phụ nữ.

Còn có nhiều lời trích dẫn khác nữa, thậm chí còn hạ nhục hơn, chỉ càng xác nhận người ta nói chung đã nghĩ về phụ nữ như thế nào.

2.6.3 Người phụ nữ như một món tài sản

Phụ nữ phần lớn bị tước mất quyền tự quyết; có lúc họ thậm chí bị đối xử như một thứ tài sản. Con trai, với tư cách người thừa kế tài sản của cha và người đứng đầu gia đình, được quý trọng hơn con gái – những người có thể bị bán cho những người đàn ông khác như một nguồn lợi quý giá, để đổi lấy sính lễ.

Như văn chương thời cổ đại cho thấy, phụ nữ tuy không phải lúc nào và ở đâu cũng hoàn toàn không có quyền, nhưng rõ ràng phải phục dưới đàn ông. Rốt cuộc, những người chồng đã tận dụng lợi thế của mình để bảo đảm cho mình quyền sử dụng tình dục nơi phụ nữ càng nhiều càng tốt.

Phụ nữ không có mặt trong lĩnh vực công cộng và chính trị, và thường bị giới hạn trong việc nhà và công việc sinh sản. Về nguyên tắc, phụ nữ ở dưới quyền giám hộ và hoàn toàn lệ thuộc về kinh tế vào một người đàn ông (chồng, cha hoặc anh em trai).

Quyền quyết định trong hôn nhân thuộc về người chồng. Ông là người giám hộ của vợ và con cái, và trong mọi vấn đề liên quan đến tài sản và gia đình, ông có quyền quyết định sau cùng, và thường là duy nhất. Vai trò của người vợ hầu như chỉ gói gọn trong việc nhà và việc chăm sóc con cái.

Khả năng sinh sản của họ được đặc biệt chú ý, và sự trinh khiết ngoài hôn nhân của họ được xã hội đặc biệt tôn trọng. Ngược lại, những phụ nữ không có chồng (nàng hầu, nữ nô lệ) bị đòi hỏi phải phục vụ việc thỏa mãn nhu cầu tình dục của những người đàn ông tự do, trên đất đai của những người ấy mà họ làm việc.

2.6.4 Chế độ phụ quyền

Các tôn giáo lớn và Ấn Độ giáo, với những luật lệ và quy định của mình, đã góp phần vào sự hình thành chế độ phụ quyền trên khắp thế giới.

Về mặt ngôn ngữ, thuật ngữ này bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp *patér* – "cha" và *archê* – "khởi nguồn" và "quyền cai trị". Chế độ phụ quyền, còn gọi là

androcracy (nam quyền)[26], theo nghĩa truyền thống mô tả một hệ thống, về mặt lịch sử bắt nguồn từ luật pháp Hy Lạp và La Mã. Trong hệ thống ấy, người đàn ông đứng đầu gia đình và gia hộ nắm quyền lực pháp lý và kinh tế trên những thành viên gia đình, nữ cũng như nam, lệ thuộc vào ông.

Trong cùng một tầng lớp xã hội, đàn ông đứng trên những phụ nữ thuộc về họ với tư cách con gái, chị em gái hay vợ. Tuy vậy, không nên hiểu sai chế độ phụ quyền trong Kinh Thánh đơn giản là sự thống trị của đàn ông, vì phụ nữ thuộc tầng lớp trên có quyền lực trên những người, nữ cũng như nam, ở dưới họ.

Chế độ phụ quyền là hình thức sống xã hội chủ đạo của gia hộ, như người ta đã có thể nhận thấy nơi các tổ phụ. Nó đã phát triển như vậy và đã là điều bình thường. Nó không phải là một lý tưởng Đức Chúa Trời đòi hỏi, mà là một phần của lịch sử văn hóa "phía đông vườn Ê-đen". Với mọi ưu điểm và khuyết điểm của nó.

Có người cho rằng chế độ phụ quyền phản ánh tư cách làm Cha của Đức Chúa Trời, và vì thế tương ứng với một khuôn mẫu thiên thượng. Nhưng một ý tưởng như vậy cho một cơ cấu gia đình không được Kinh Thánh ủng hộ theo cách ấy. Dù cơ cấu ấy có thể vận hành tốt dưới "ân điển chung" của Đức Chúa Trời. Cơ cấu gia đình này là một phần của một thế giới sa ngã và là một bước phát triển trong lịch sử của thế giới ấy. Nó không phát sinh từ một khuôn mẫu hay một mệnh lệnh của Đức Chúa Trời. Nó đã thắng thế như một mô hình bảo đảm sự sống còn, và ở nhiều nơi trên hành tinh này vẫn còn bảo đảm sự sống còn. Là một cơ cấu xã hội như vậy, nó phải được đánh giá dưới ánh sáng của Kinh Thánh.

2.6.5 Ảnh hưởng Hy Lạp trong tư tưởng Do Thái

Sở dĩ ở trên tôi đã trích dẫn Aristotle là vì lối suy nghĩ này cũng đã ảnh hưởng đến Do Thái giáo.

26. Androcracy (tiếng Đức: Androkratie), dịch từ tiếng Hy Lạp, có nghĩa là sự cai trị của người nam. Từ này khá hiếm khi được dùng như một từ đồng nghĩa với hình thức cai trị quen thuộc hơn là chế độ phụ quyền.

"Khi đến với Tân Ước, chúng ta thấy phần lớn đàn ông Do Thái không nhìn phụ nữ với sự kính trọng cao được phản ánh trong Cựu Ước. Ba yếu tố đã khiến người Do Thái bóp méo mối quan hệ nam nữ mà Đức Chúa Trời đã định.

1. Hành vi tội lỗi. Tội lỗi bóp méo sự hiểu biết và các mối quan hệ.

2. Sự giải thích sai các bản văn Kinh Thánh.

3. Ảnh hưởng của các tư tưởng Hy Lạp hóa (Hy Lạp).

Vào thế kỷ 3 TCN, các tư tưởng Hy Lạp hóa bắt đầu thâm nhập vào tư tưởng Do Thái. Sự thâm nhập này được đẩy nhanh dưới thời cai trị của Antiochus Epiphanes, người bắt đầu cầm quyền năm 175 TCN. Rồi Antiochus xâm chiếm xứ Giu-đê và tìm cách dùng bạo lực để Hy Lạp hóa xứ ấy. Kết quả là tư tưởng Do Thái bị triết học Hy Lạp ảnh hưởng. Điều này đã nhuộm màu quan điểm của người Do Thái về phụ nữ."[27]

"Nhìn chung, vị trí của phụ nữ trong luật lệ tôn giáo có thể được diễn tả rõ nhất qua công thức được lặp đi lặp lại không ngừng này: 'Phụ nữ, nô lệ (không phải người Do Thái) và trẻ em (người chưa thành niên)'. Giống như một nô lệ không phải người Do Thái và một đứa trẻ chưa thành niên, người phụ nữ có một người đàn ông ở trên mình làm chủ; điều này cũng giới hạn việc bà tham dự vào sự thờ phượng, vì xét về mặt tôn giáo, bà thấp kém hơn một người đàn ông.

Có thể thêm vào tất cả những điều này rằng có rất nhiều ý kiến khinh miệt phụ nữ đã được bày tỏ. *Thật đau lòng khi thấy những quan điểm như thế lấn át những ý kiến hết sức quý trọng phụ nữ – vốn chẳng phải là không có.* Điều điển hình là khi một bé trai ra đời thì có niềm vui, còn sự ra đời của một bé gái thường được đón nhận với sự thờ ơ, thậm chí với nỗi buồn. Vì vậy chúng ta có ấn tượng rằng Do Thái giáo vào thời Chúa Giê-xu cũng có một cái nhìn rất thấp về phụ nữ. Như thường thấy ở phương Đông, nơi người phụ nữ được quý trọng chủ yếu vì khả năng sinh sản của mình, nhưng hết sức có thể thì bị tách biệt khỏi thế giới bên ngoài. Và bị khuất phục dưới quyền lực của cha

27. WKG-Studienpapier (tài liệu nghiên cứu của WKG), tháng 9 năm 2003

hay chồng mình, và nơi mà xét về quan điểm tôn giáo, bà thấp kém (ở bậc dưới) so với đàn ông."[28]

2.6.6 Các giáo phụ

Ở đây cũng chỉ có thể nêu ra một vài lời trích dẫn, cho thấy dấu vết của triết học Hy Lạp ngay cả trong Cơ Đốc giáo buổi ban đầu.

"Nơi người phụ nữ, ngay cả ý thức về bản chất của chính mình cũng phải gây ra sự hổ thẹn." *Clement thành Alexandria*, 150-215 SCN, Der Erzieher (Người dạy dỗ)

"Một ví dụ tiêu biểu là giáo phụ *Augustine* (354-430 SCN), người đã góp phần đặc biệt vào sự hình thành hình ảnh 'Cơ Đốc' về người phụ nữ. Chịu ảnh hưởng của triết học Aristotle, ông thấy khó mà công nhận người phụ nữ mang trọn vẹn hình ảnh của Đức Chúa Trời: 'Người phụ nữ cùng với chồng mình là hình ảnh của Đức Chúa Trời, nghĩa là cả hai cùng nhau là một hình ảnh trọn vẹn. Nhưng trong chức năng là người phụ giúp, một nhiệm vụ chỉ riêng mình bà đảm nhận, thì bà không phải là hình ảnh của Đức Chúa Trời. Còn về người đàn ông, thì dù xét riêng một mình, ông cũng là hình ảnh của Đức Chúa Trời một cách trọn vẹn và đầy đủ, như thể ông được kết hợp làm một với người phụ nữ'."[29]

Vào thế kỷ 5, người ta dùng Phao-lô để xác nhận bức tranh về sự bất bình đẳng và sự phân chia theo thứ bậc mà Aristotle đã phát triển. Sự tự do ban đầu của Tin Lành lại phải lùi bước. *Các cơ cấu của giáo hội càng được củng cố, thì sự ngang hàng giữa các chi thể của Đấng Christ càng bị bỏ rơi dọc đường. Bằng chứng là việc phụ nữ ngày càng ít giữ và rồi bị loại khỏi các chức vụ trong giáo hội.*

"Năm 585, tại một hội nghị ở Mâcon, Pháp, có 63 giám mục và người đại diện của họ hiện diện, khi biểu quyết câu hỏi 'Phụ nữ có phải là con người không?', 32 người bỏ phiếu thuận và 31 người bỏ phiếu chống. Vậy là phụ nữ đã được tuyên bố là con người, với đa số hơn đúng một phiếu!"[30]

28. Jeremias, Joachim, tr. 359-375 Jerusalem zur Zeit Jesu, 1963
29. Schmalenbach, 196
30. Smith/Kern, Frauen und Männer im Dienst für Gott, Gießen, 2000, tr. 114

Nhà thần học có ảnh hưởng lớn của thời Trung cổ, *Thomas Aquinas*, xác nhận quan điểm của Aristotle (Prima Pars, Quaestio 92):[31]

"a) Dường như việc tạo ra người nữ không nên được nhắc đến trong số những công việc đầu tiên của sự sáng tạo. Vì:

I. Aristotle gọi người nữ là một thứ hình hài con người kém hoàn hảo hơn người nam. Mà điều tự nó không hoàn hảo và khiếm khuyết thì không được phép nhắc đến trong phần mô tả sự thiết lập ban đầu của muôn vật.

II. Sự khuất phục và sự giảm sút là do tội lỗi mà ra. Vì người nữ đã được phán rằng: 'Ngươi sẽ ở dưới quyền của người nam', và Gregory Cả (Gregory the Great) viết: 'Ở điều gì chúng ta không phạm tội, thì ở điều ấy tất cả chúng ta đều như nhau.' Nhưng xét theo bản tính, người nữ yếu hơn người nam, cả về phẩm giá lẫn về sức lực.

III. Phải tránh những dịp đưa đến tội lỗi. Nhưng Đức Chúa Trời biết rằng về sau người nữ sẽ trở thành dịp tội cho người nam. Vậy Ngài đã không được phép tạo ra người nữ. Ở phía bên kia là thẩm quyền của Kinh Thánh. (Sáng Thế Ký 2:18.)

b) Tôi trả lời: điều cần thiết là người nữ được tạo ra để làm 'người trợ giúp của người nam'. Mà không phải để trợ giúp trong bất cứ công việc nào khác, vì trong mọi trường hợp ấy, một người nam khác hẳn đã trợ giúp người nam tốt hơn; nhưng là để trợ giúp trong công việc sinh sản. Điều này thấy rõ nhất khi chúng ta xem xét các cấp độ khác nhau của sự sinh sản. ... Chỉ khi xét đến bản tính con người riêng biệt, cá thể, thì người nữ mới là một điều gì đó khiếm khuyết và yếu kém hơn."

Ở một chỗ khác, ông viết rằng người phụ nữ sẽ bị dục vọng tình dục dẫn dắt, còn người đàn ông thì được lý trí dẫn dắt. Hoặc: người phụ nữ là một sự sai sót của tự nhiên, thấp kém hơn về thể chất lẫn tinh thần, một thứ đàn ông bị cắt xén, hỏng hóc, không thành.

Lằn ranh đỏ ấy đi từ Aristotle qua Phao-lô (người ta tưởng như vậy), qua Augustine và Thomas, rồi đi vào cả thần học của các nhà Cải cách. Ngày nay nhiều người (nhất là các Cơ Đốc nhân thuộc truyền thống Cải cách) hiểu quan điểm này là trật tự sáng

31. Để tìm hiểu thêm, tôi giới thiệu thư viện các giáo phụ (Bibliothek der Kirchenväter) được truy cập miễn phí tại www.unifr.ch/bkv/.

tạo phổ quát của Đức Chúa Trời. Thật ra, đó là một quan niệm về con người đã bị triết học đầu độc, mà ngay cả những nhà tư tưởng và nhà thần học vĩ đại nhất cũng đã sa bẫy. Thật đáng than thở trước mặt Đức Chúa Trời!

2.6.7 Cuộc Cải cách Tin Lành

Cuộc Cải cách Tin Lành đã dẫn đến sự đoạn tuyệt với giáo hội Công giáo thời Trung cổ. Điều đó mang lại cho người phụ nữ một sự tự do mới và một sự quý trọng mới. Việc Luther nâng cao giá trị người phụ nữ trong hôn nhân và gia đình không thể nào đánh giá quá cao, khi người ta nghĩ đến thái độ phổ biến và có ảnh hưởng trong xã hội đối với phụ nữ lúc ấy, ít nhiều là sự khinh miệt khắc nghiệt.

Đối với Luther, sự thuận phục của người phụ nữ là một điều hiển nhiên do tự nhiên mà có. Ông quý trọng vợ mình, Katharina von Bora, người là một người đối diện mạnh mẽ của ông, và cũng biết khi nào phải hãm bớt, thậm chí phải chặn Martin của mình lại. Thế nhưng những câu nói của ông về phụ nữ nói chung có lẽ phản ánh thứ ngôn ngữ thô lỗ, tục tĩu và bẩn thỉu của thế kỷ 16. "… sự cai trị của đàn bà từ khi tạo thiên lập địa chưa bao giờ làm nên được điều gì tốt, như người ta thường nói: đàn bà cai trị thì ít khi có kết cục tốt! Khi Đức Chúa Trời đặt A-đam làm chủ trên mọi loài thọ tạo, thì mọi sự còn tốt đẹp và đúng đắn, và mọi sự đều được cai quản cách tốt nhất; nhưng khi người đàn bà đến và cũng muốn nhúng tay vào nồi và tỏ ra khôn ngoan, thì mọi sự đều sụp đổ và trở thành một sự hỗn loạn hoang tàn. … Khi đàn bà ăn nói lưu loát, thì đó không phải là điều đáng khen nơi họ; đối với họ, ấp úng và không nói giỏi thì hợp hơn. Điều đó tô điểm cho họ hơn nhiều." Hoặc: "Trật tự đòi hỏi phép tắc và danh dự, rằng đàn bà phải im lặng khi đàn ông nói." Hoặc: "Cỏ dại mọc nhanh, vì thế con gái lớn nhanh hơn con trai." Chính ông đã hiểu theo nghĩa đen, hết sức nghiêm túc, khi trong một bài giảng ông trích Xuất Ê-díp-tô Ký 22:18: "Ngươi chớ để nữ phù thủy (mụ phù thủy) sống." Luther thời trẻ và Luther về già đóng vai trò đến mức nào trong vấn đề này, vào lúc này tôi không thể nói được. Vấn đề không phải là phán xét hay lên án, mà là tìm hiểu nguyên nhân. Hiển nhiên câu hỏi này cần được làm sáng tỏ lại mãi, kể cả trong thời đại chúng ta.

Mối quan tâm của tôi là cho thấy ngay cả những người vĩ đại của Đức Chúa Trời cũng đã sa vào sự sai lầm lớn này như thế nào, và Đức Chúa Trời đã chịu đựng và dung thứ điều đó. Như Ngài ngày nay vẫn thường làm. Ngài ban phước và hành động, và trong khi đó Ngài phải chịu đựng những quan điểm, những cách làm và những lối cư xử của con cái Ngài mà Ngài không bao giờ muốn.

Sau khi các tu viện bị giải thể, sự phục vụ và chỗ đứng của người phụ nữ bị giới hạn trong phạm vi gia đình. *Các chức vụ trong giáo hội không được mở ra cho phụ nữ. Phẩm giá của bà với tư cách con người và người vợ được nâng cao, nhưng vị trí của bà trong Hội Thánh của Chúa Giê-xu thì không.*

Tóm lại, sử gia Arnold Angenendt viết: *"Trong vô số tài liệu thành văn của mọi thời đại và mọi nền văn hóa, nữ giới đã là đối tượng của sự coi thường, thậm chí của sự chế nhạo".* Điều này cũng đúng y như vậy đối với Cơ Đốc giáo, không hiếm khi cho đến tận ngày nay.

"Cơ Đốc nhân chúng ta rất muốn mình là những người tốt hơn. Nhưng chúng ta không phải vậy. Trong trường hợp tốt nhất, chúng ta chỉ ở trong hoàn cảnh tốt hơn mà thôi."[32] *Ngày nay Cơ Đốc nhân cũng không phải là những người tiên phong mạnh mẽ cho một thế giới công bằng hơn cho mọi người. Tôi không thể phản bác một người phụ nữ khi bà nói: "Trong lịch sử giáo hội có nhiều sự khinh miệt phụ nữ đến nỗi là phụ nữ, người ta phải nghẹn thở."*

Dù vậy, theo Angenendt, trong những thế kỷ đầu tiên Cơ Đốc giáo đã trở về với trật tự sáng tạo ban đầu của Đức Chúa Trời: "Vì thế không có gì lạ khi chính phụ nữ cảm thấy bị Cơ Đốc giáo thu hút; trong ba thế kỷ đầu, họ chiếm đa số trong các Hội Thánh. *Lý do không khó tìm ra. Ở đâu khác người phụ nữ lại được bình đẳng với người đàn ông đến như thế?"* Đáng tiếc là ánh sáng này của Tin Lành lại bị lu mờ đi.

Vào thế kỷ 18 và 19 đã có những phong trào phục hưng lớn. Trong các phong trào ấy, thường chính phụ nữ là những người lãnh đạo và rao giảng Lời Chúa.[33] Trong những thời kỳ khởi phát như thế, khi mọi sự chưa được tổ chức chặt chẽ, khi chưa có cơ cấu, khi Thánh Linh của Đức Chúa Trời thổi mạnh mẽ, thì Ngài được tự do để cho các ân tứ hành động không bị cản trở,

32. Schmidt, 118, Endlich gleich, Holzgerlingen, 2019
33. Krüger, Hartmut, Frauen im Pietismus, Marburg, 2005

vì sự khác biệt giới tính được phép hoàn toàn bị gác sang một bên. *Đó là một điều kiện tốt, khi sự khác biệt này không đóng vai trò gì.*

2.6.8 Phong trào thế tục đấu tranh cho quyền phụ nữ

Thuật ngữ nữ quyền thường bị các Cơ Đốc nhân bảo thủ chê bai. Nhưng chính họ phải biết rằng những người phụ nữ, và cả những người đàn ông, can đảm đã đạt được điều mà chính họ lẽ ra phải đứng ra bênh vực. Ngày nay chính họ, và nhất là vợ của họ, đang hưởng lợi từ những gì các phong trào ấy đã đạt được. Đây không phải là phong thánh cho chủ nghĩa nữ quyền. Đây là sự ghi nhận và cũng là sự trân trọng những sự thật, cũng giống như đối với những thành quả của các công đoàn mà các Cơ Đốc nhân (bảo thủ) được hưởng (dù không xứng đáng). *Chúng ta không bao giờ có thể nói một cách mặc nhiên rằng những phong trào như thế của văn hóa hiện đại là xấu hay là một sự tấn công vào Kinh Thánh, khi chính chúng ta đã được hưởng lợi từ đó dưới hình thức này hay hình thức khác, và không muốn từ bỏ những thành quả ấy.*

"Chủ nghĩa nữ quyền bắt rễ trong phong trào phụ nữ thế tục. Làn sóng thứ nhất của phong trào này vào cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20 là một phong trào đòi quyền phụ nữ, đấu tranh cho quyền bình đẳng được tham gia chính trị. Trên hết là quyền bầu cử và quyền được giữ các chức vụ chính trị, đấu tranh cho quyền được học hành, đặc biệt là việc học hành của các em gái, đấu tranh cho quyền tự do chọn nghề và được đi làm. Năm 1896, lần đầu tiên phụ nữ được nhận vào các trường đại học với tư cách người dự thính; được học chính quy lần đầu tiên là ở Baden từ năm 1900, ở các tiểu bang khác của Đức thì muộn hơn đáng kể; năm 1918, quyền bầu cử của phụ nữ được thiết lập; năm 1949, quyền bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới được ghi vào Hiến pháp (Luật Cơ bản); năm 1954, lệnh cấm phụ nữ có chồng làm việc trong khu vực công bị bãi bỏ; năm 1957, quyền quyết định sau cùng của người chồng bị bãi bỏ; cuối cùng là năm 1958, cái gọi là 'luật độc thân của nữ giáo viên', buộc các nữ giáo viên phải sống độc thân và phải bỏ nghề khi lập gia đình, cũng bị bãi bỏ.

Làn sóng thứ hai của phong trào phụ nữ vào những năm 1970 tự xem mình là phong trào giải phóng phụ nữ. Vì dù ít nhất trên giấy tờ về mặt pháp lý

phần lớn đã được bình đẳng, phụ nữ vẫn cảm thấy mình bị phân biệt đối xử và không được tự do: vì cơ hội học hành không đồng đều – thời ấy số con trai học trung học phổ thông vẫn nhiều hơn con gái, số đàn ông học đại học nhiều hơn phụ nữ rõ rệt; vì cơ hội kém hơn trên thị trường lao động – trong thời kỳ thất nghiệp cao, họ bị trách móc là 'nhà có hai người kiếm tiền' hoặc hoàn toàn không được tuyển dụng, cũng vì có thể phải nghỉ việc do mang thai; vì đồng lương thấp hơn cho cùng một công việc; và không kém phần quan trọng, vì gánh nặng kép hay nhiều tầng của gia đình, nghề nghiệp và việc chăm sóc người thân. Ngôn ngữ tôn trọng phụ nữ trở thành tâm điểm chú ý, những người phụ trách vấn đề bình đẳng cho phụ nữ được bầu ra, những kế hoạch hỗ trợ phụ nữ được soạn thảo."[34]

Tất cả những điều này chỉ là một phần nhỏ trong những gì có thể nêu ra ở đây. *Tôi hy vọng rằng mấy dòng ít ỏi này làm rõ con đường gian khổ của phụ nữ "phía đông vườn Ê-đen". Tư tưởng của thế gian đã ảnh hưởng mạnh đến tư tưởng của giáo hội đến mức nào, điều đó thấy rõ ở chỗ ngày nay người ta vẫn còn biện minh cho một thứ "Aristotle light" (Aristotle phiên bản nhẹ) bằng lời của Phao-lô. Chỉ những quyền lực tối tăm, mà kẻ cầm đầu là con rắn xưa, mới có thể vui thích trên con đường đầy đá sỏi này của phụ nữ. Với Chúa Giê-xu, thái độ của Đức Chúa Trời đối với các con gái của Ê-va cũng được bày tỏ một cách dứt khoát.*

Có lẽ bạn nghĩ rằng tất cả những điều đó đã là lịch sử. Đã lâu lắm rồi, và ngày nay ở đâu cũng hoàn toàn khác. Hoàn toàn sai: tổ chức World Vision đã báo cáo (cách đây 10 năm) về những quốc gia không có di sản Cơ Đốc: 450 triệu phụ nữ bị khuyết tật về thể chất do suy dinh dưỡng thời thơ ấu. Trong nhiều xã hội, các bé gái và mẹ của chúng chỉ được ăn sau khi đàn ông và các bé trai đã ăn no. Phụ nữ chiếm một nửa dân số thế giới, nhưng chỉ sở hữu một phần trăm tài sản. Trong số 1,3 tỷ người sống trong nghèo đói, 70% là phụ nữ. Một bé gái có nguy cơ không được đi học cao gấp đôi một bé trai.

Hai triệu bé gái, phần lớn ở châu Phi và Trung Đông, bị cắt xén qua việc cắt bộ phận sinh dục, nhằm triệt tiêu khoái cảm tình dục của các em. Nếu sống sót qua thủ thuật này, các em lớn lên và phải đối mặt với việc giao hợp đau đớn, có thể bị vô sinh, và nguy cơ tử vong khi sinh con cao hơn. Những thống kê mới hơn cho thấy trong thế hệ hiện nay thật sự có 100 triệu bé gái bị

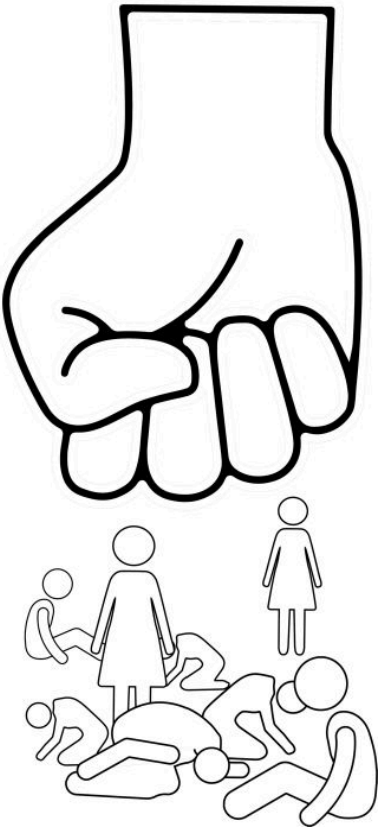
34. Wikipedia (nhiều bài viết khác nhau)

mất tích. Các em đã bị chính gia đình mình giết vì giới tính. Hàng triệu bé gái như vậy bị thiếu ở Ấn Độ và Trung Quốc, nơi các bà mẹ thường xuyên phá thai khi biết mình đang mang thai con gái. Hoặc, như thời cổ đại, các em bị bỏ rơi cho đến chết. Các em bị từ chối chăm sóc y tế.

Đã có bao nhiêu nước mắt tuôn rơi trong thầm kín? Cả thiên đàng cũng khóc khi Yahweh Elohim thấy những gì xảy đến cho các con gái của Ê-va. Ai sẽ đến giúp đỡ họ? Ai sẽ đứng ra bênh vực họ? Lòng ai vẫn không xúc động trước những thực tế này?

Thứ bậc là nguồn gốc của chế độ phụ quyền, và chế độ phụ quyền là nguồn gốc của sự lạm dụng tình dục và quyền lực.

Beth Allison Barr



3 Chúa Giê-xu, Đấng Mê-si-a, và phụ nữ

Cách tính năm của chúng ta bắt đầu với một phép lạ chưa từng có: Đức Chúa Trời trở nên người. Đấng Đời Đời, Đấng Tạo Hóa, chính Ngài đến. Ngài bắt đầu từ con số không như mọi người, trải qua thời thơ ấu, tuổi thanh niên và những năm lao động làm thợ xây dựng ở Na-xa-rét và vùng lân cận. Về sau, khi bắt đầu thi hành chức vụ công khai, Ngài sống ở Ca-bê-na-um, xứ Ga-li-lê. Tất cả những điều đó diễn ra trong môi trường Do Thái giáo của thế kỷ thứ nhất.

Đối với phụ nữ, cùng với Ngài cũng bắt đầu một kỷ nguyên mới. Đó chính là Đấng ngày xưa đã gặp A-đam và Ê-va trong vườn lúc trời mát. Yahweh Elohim, với tư cách Con của A-đam, Con Người, Ngài là dòng dõi người nữ. Và là Đấng giải phóng người nữ. Một Đấng thấu hiểu phụ nữ. Dù không lập gia đình, Ngài đã sống bên mẹ và các em gái mình. Mỗi ngày Ngài cảm nhận và nhìn thấy đàn ông cư xử thế nào với vợ mình và với phụ nữ nói chung. Có lẽ chính Ngài, là con trưởng, đã phải lo cho gia đình, nếu Giô-sép, cha Ngài, đã qua đời và Ngài phải đảm nhận vai trò của ông. Không biết các em gái đã trải nghiệm về Ngài như thế nào?

Ngài nhìn thấy những gì ở phía sau hậu trường. Muộn nhất là trong chức vụ công khai, Ngài phá đổ những bức tường và làm đảo lộn thế giới Do Thái thời ấy. *Nếu có ai là gương mẫu cho chúng ta, thì đó là Đấng đã bày tỏ Đức Chúa Trời.* Ngài chấm dứt mọi sự tranh cãi.

Chương này không bàn về giáo lý, tín lý hay lập trường. Chương này nói về thực tế của đời sống. Những câu chuyện. Những cuộc gặp gỡ. Những thái độ. Những khám phá.

Tất cả những cuộc gặp gỡ giữa Chúa Giê-xu và phụ nữ được nêu ra ở đây đã được nhiều người xem xét.[35] Và chúng có tầm quan trọng quyết định. Thậm chí là trọng tâm, vì trong những bản văn này chúng ta thấy *quyền năng cứu*

35. Vì thiếu chỗ và thiếu thời gian, tôi không xem xét những người phụ nữ can đảm trong Cựu Ước đã giữ vai trò lãnh đạo hay đã nói tiên tri, cũng như không xem xét Ê-li-sa-bét hay Ma-ri. Mẹ của Chúa Giê-xu là một người phụ nữ có một không hai, can đảm, tự lập, thuộc linh và dũng cảm, mà ở đây tôi không xem xét thêm.

chuộc và phục hồi của Đức Chúa Trời trở thành hiện thực trong đời sống của phụ nữ ra sao. Họ được đưa trở về địa vị mà người nữ đã có trong vườn Ê-đen ra sao. Đó là mục đích của Đức Chúa Trời. Phá hủy công việc của ma quỷ, kể cả sự cai trị tiêu cực, lấn lướt và đè nén của người nam trên người nữ dưới mọi hình thức.

Phụ nữ đã trải nghiệm Chúa Giê-xu như thế nào? Họ có mặt khi Chúa Giê-xu ra đời, khi Ngài bị hành hạ trên thập tự giá và khi Ngài đã sống lại. Mời bạn đọc lời trích dẫn mạnh mẽ và nổi tiếng khắp thế giới này của Dorothy L. Sayers:

"Có lẽ không có gì lạ khi phụ nữ là những người đầu tiên đến bên máng cỏ và những người cuối cùng còn ở lại bên thập tự giá. *Họ chưa từng thấy một người đàn ông nào như người này – và cũng chưa bao giờ có một người như thế nữa.* Một nhà tiên tri và một người thầy quở trách mà không cằn nhằn, khen ngợi mà không kẻ cả; Ngài xem trọng những câu hỏi và lý lẽ của họ; Ngài không bao giờ thúc ép họ phải cho ra dáng đàn bà, và cũng không bao giờ chế nhạo họ vì nữ tính của họ; Ngài chấp nhận họ đúng như họ là, và đối xử với họ hoàn toàn tự nhiên, không chút e dè."

Chúa Giê-xu gặp gỡ phụ nữ không với tiêu chuẩn kép, không loại trừ, không kẻ cả, không phải chỉ chịu đựng cho qua, mà với sự quan tâm và cảm thông, thậm chí với lòng nhân hậu và tình yêu.

Có lẽ không có quá nhiều sự kiện được thuật lại. Nhưng những sự kiện ấy thật có sức nặng. Hẳn còn có nhiều sự kiện khác nữa mà chúng ta không được thuật lại. Nhưng có lẽ một ngày kia chúng ta sẽ được nhìn lại, khi Nước đời đời của Đức Chúa Trời đã đến.

Bạn đã đọc hay nghe những câu chuyện này cả trăm lần. Dù vậy, tôi vẫn sẽ xem xét chúng và chỉ ra ngắn gọn những điểm đặc biệt, kể cả những điểm về văn hóa. Tôi chép lại trọn các bản văn, bạn không cần mở Kinh Thánh kèm theo. Và tôi chỉ chia sẻ vài suy nghĩ về chúng. Hãy tự mình đắm mình vào những giây phút thánh này!

3.1 Những nữ môn đồ phục vụ

> [Lu-ca 8:1-3, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder] Sau đó, Ngài đi khắp thành này đến làng kia, giảng dạy và rao truyền Nước Đức Chúa Trời. Có mười hai sứ đồ ở với Ngài, *và mấy người đàn bà đã được chữa khỏi tà ma và bệnh tật: Ma-ri, gọi là Ma-đơ-len, là người bảy quỷ đã ra khỏi, Gian-nơ, vợ Chu-xa, quan quản lý của Hê-rốt, Su-xan-nơ, và nhiều người đàn bà khác nữa, là những người lấy của cải mình mà phục vụ Ngài.*

Không chỉ Chúa Giê-xu, mà các ra-bi khác thời ấy cũng có các môn đồ vây quanh. Nhưng: các ra-bi không có, và cũng không muốn có phụ nữ làm môn sinh của mình. Học với một ra-bi là đặc quyền riêng của đàn ông. Khi nói về các môn đồ của Chúa Giê-xu, chúng ta luôn nghĩ đến mười hai sứ đồ. Lu-ca nói về những phụ nữ mà ông có thể nêu tên, và về nhiều phụ nữ vô danh. Chúng ta biết rằng không chỉ có mười hai người nam. Lu-ca nói đến 70 người (Lu-ca 10:1, 17). Nhưng có lẽ trong số ấy đã có cả phụ nữ. Dù sao đi nữa, đoàn môn đồ như Lu-ca mô tả hiện ra trước mắt chúng ta như một đoàn người pha trộn cả nam lẫn nữ. Một số phụ nữ đã được vị ra-bi này giải cứu và từ đó đi theo Ngài. Và đã đóng góp tài sản của mình. Họ phục vụ Ngài, Thầy của họ, và có lẽ phục vụ tất cả những người cùng đi với Chúa Giê-xu. Điều đó không có nghĩa là nấu ăn và giặt giũ – mà có lẽ là: họ phục vụ bằng của cải mình. Họ, hay ít nhất là một số người trong họ, đã *tài trợ* cho sứ mạng của Chúa Giê-xu cùng với những người theo Ngài.

Đó là một sự phá vỡ điều cấm kỵ chưa từng có: Chúa Giê-xu nhận phụ nữ vào vòng các môn đồ của Ngài. Chúa Giê-xu muốn họ được học. Vì Ngài biết những phụ nữ này – những người mà Ngài có thể tin cậy hơn cả đàn ông – về sau sẽ còn giữ một vai trò quan trọng to lớn biết bao cho Nước Đức Chúa Trời và Hội Thánh của Ngài. Lu-ca nhắc đến họ cách tích cực, không hề nêu ra điểm khác biệt nào so với các môn đồ nam.

3.2 Phụ nữ phải được học

[Lu-ca 10:38-42, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder] Khi họ đang đi đường, Ngài vào một làng kia; có một người đàn bà tên là Ma-thê tiếp rước Ngài vào nhà mình. Người có một em gái tên là Ma-ri, cũng ngồi dưới chân Chúa Giê-xu mà nghe lời Ngài. Còn Ma-thê thì bận rộn về nhiều việc phục dịch; bèn đến gần mà thưa rằng: Lạy Chúa, em tôi để một mình tôi phục dịch, Chúa há không nghĩ đến sao? Xin Chúa biểu nó giúp tôi. *Nhưng Chúa Giê-xu đáp rằng: Ma-thê, Ma-thê ơi! Ngươi lo lắng và bối rối về nhiều việc; nhưng chỉ có một việc cần mà thôi. Ma-ri đã chọn phần tốt, là phần sẽ không bị cất khỏi người.*

Chúa Giê-xu yêu ba chị em này. Ngài thích đến nhà ấy. Ngài được chào đón ở đó. Những giờ Ngài dạy dỗ giống như được cất lên một thế giới khác. Những lời sự sống, những lời có quyền năng, ra từ miệng Ngài. Và Ma-ri thấy điều đó thú vị hơn là lo cơm nước cho đám đông môn đồ. Dễ hiểu là giữa hai chị em có xích mích. Nhưng Chúa Giê-xu – Ma-thê dường như quay sang Ngài với giọng trách móc – đã ban cho Ma-ri, và qua đó cho mọi phụ nữ, đặc quyền được làm môn sinh, được làm người học. Không phân biệt môn đồ nam hay môn đồ nữ. Dưới chân Chúa Giê-xu, mọi sự khác biệt đều được san bằng. Ở đó mọi người đều như nhau! Ngày nay cũng vậy. Đối với phụ nữ, được dạy dỗ trong lẽ thật và được đặt nền vững chắc trong đức tin cũng quan trọng y như vậy. Họ cũng được tham gia trao đổi và đặt câu hỏi như đàn ông.

3.3 Mọi người đều như nhau

[Mác 3:33-35, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder] Ngài đáp lại họ và phán: Ai là mẹ Ta, ai là anh em Ta? Ngài đưa mắt nhìn quanh những người ngồi chung quanh mình mà phán: *Kìa là mẹ Ta và anh em Ta; vì hễ ai làm theo ý muốn Đức Chúa Trời, nấy là anh em, chị em Ta và mẹ Ta.*

Gia đình Chúa Giê-xu nghĩ rằng Ngài đã hoàn toàn mất tự chủ. Ở đây Chúa Giê-xu không xuất hiện như một người của gia đình. Với Ngài, gia đình mới của Nước Đức Chúa Trời và của sự sáng tạo mới có giá trị hơn. Như đã thấy ở điểm trước, trong mối quan hệ với Chúa Giê-xu, trong tư cách môn đồ, giới tính không bị xóa bỏ, nhưng không còn ý nghĩa gì nữa. Càng không có ý nghĩa thứ bậc, như thể phụ nữ phải thuận phục đàn ông. Để hiểu vai trò của người nam và người nữ, điều có tính quyết định là Chúa Giê-xu không bao giờ nói về một thứ bậc nào, cũng không bao giờ dạy một thứ bậc nào. Không cần lời nói, chỉ bằng hành động, Chúa Giê-xu đã phá vỡ những quy ước văn hóa và "đạo đức" của thời Ngài. Ngài gọi những người vâng lời Ngài là anh em và chị em!

3.4 Kinh nguyệt không còn là sự ô uế

> [Mác 5:32-34, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder] Ngài nhìn quanh để thấy người đã làm điều đó. Người đàn bà biết điều đã xảy ra cho mình, thì sợ hãi run rẩy, đến sấp mình trước mặt Ngài, và tỏ hết sự thật. *Nhưng Ngài phán với người rằng: Hỡi con gái, đức tin của ngươi đã chữa lành ngươi; hãy đi bình an, và được lành khỏi bệnh ngươi.*

Tự thân kinh nguyệt là điều đối với người phụ nữ không phải là một phước lành, mà là một gánh nặng. Đàn ông chúng tôi không thể đặt mình vào hoàn cảnh ấy. Tại Y-sơ-ra-ên, phụ nữ trong những ngày có kinh bị xem là ô uế về mặt nghi lễ. Ô uế vì một điều mà họ không có lỗi gì. Số phận chăng? Tệ hơn thế nữa là khi máu không ngừng chảy. Ngày nay căn bệnh này vẫn còn. Như vậy người phụ nữ bị ô uế thường xuyên. Giống như một người phung, bà hầu như không thể tham gia đời sống xã hội, và hoàn toàn không thể tham gia đời sống tôn giáo. Lòng can đảm của bà khi nắm lấy sự chữa lành nơi Chúa Giê-xu là một trong những câu chuyện cảm động trong các sách Phúc Âm. Chúa Giê-xu gọi căn bệnh này là một tai họa. Chính Ngài là Đấng chấm dứt nó. Ngài đưa người phụ nữ trở lại với cuộc sống. Tương tự như Ngài làm cho con gái của Giai-ru sống lại ngay sau đó. Ngài đang trên đường đến đó. *Ngài gọi bà cách cảm động là con gái.* Như một người cha, Ngài khơi dậy trong bà cảm giác được chấp nhận, được quan tâm và được quý trọng mà bà

đã thiếu thốn suốt 12 năm. Như khi một người con gái kinh nghiệm sự chăm sóc ân cần của cha mình. Trước mặt mọi người – đường phố chật ních – Ngài nói như thế với người *"ô uế"* này, và làm điều chỉ mình Ngài làm: công khai nói chuyện với một người phụ nữ, và trả lại cho bà sự sống và phẩm giá của bà trước mặt mọi người. Những người đàn ông đã nghĩ gì? Còn những người phụ nữ thì sao!

3.5 Bị ruồng bỏ và được tìm thấy

> [Giăng 4:6-9, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder] Tại đó có giếng của Gia-cốp. Chúa Giê-xu đi đường mỏi mệt, nên ngồi ngay bên giếng. Lúc đó độ chừng giờ thứ sáu. Có một người đàn bà Sa-ma-ri đến múc nước. Chúa Giê-xu phán với người rằng: Hãy cho Ta uống! (Vì các môn đồ Ngài đã vào thành mua đồ ăn.) Người đàn bà Sa-ma-ri thưa rằng: *Sao ông là người Do Thái, lại xin uống nước cùng tôi, là một người đàn bà Sa-ma-ri? (Vì người Do Thái chẳng hề giao thiệp với người Sa-ma-ri.)*
>
> [Giăng 4:27-30, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder] *Khi ấy, các môn đồ đến, đều sững sờ vì thấy Ngài nói với một người đàn bà.* Dầu vậy, chẳng ai hỏi: Thầy tìm gì? hay là: Sao Thầy nói với người? Người đàn bà bèn để vò nước lại và vào thành, nói với người ta rằng: Hãy đến xem một người đã bảo tôi mọi điều tôi đã làm! Ấy chẳng phải là Đấng Christ sao? Họ bèn ra khỏi thành và đến cùng Ngài.

Thời niên thiếu, đã bao lần tôi nghe những lời từ chương 4 của sách Phúc Âm Giăng. Phần nhiều là lời nói rằng Đức Chúa Cha chỉ tìm những người thờ phượng bằng tâm thần và lẽ thật. Thuộc về lẽ thật trong thời niên thiếu của tôi là: phụ nữ không làm điều đó. Họ im lặng trong các buổi nhóm.

Vậy tại sao Chúa Giê-xu lại nói những lẽ thật sâu sắc và quan trọng ấy với một người phụ nữ? Lại là một phụ nữ Sa-ma-ri? Một người đã ly dị nhiều lần? Một người vừa mới biết Đấng Mê-si-a?

Ngài được tự do. Ngài là Yahweh Elohim, Đấng đã dựng nên người nam và người nữ ngang hàng nhau. Ngài có thể gặp gỡ phụ nữ đúng như điều phải có. Các môn đồ sững sờ vì Ngài nói chuyện với một người phụ nữ. Cái nhìn

về phụ nữ thời ấy đã sa sút đến mức nào! Chúa Giê-xu đã đi con đường vất vả này để biến câu chuyện đời bi thảm của người phụ nữ đã nhiều lần bị đuổi đi ấy thành một câu chuyện cứu rỗi. Không, Chúa Giê-xu đã không nói những lời như thế với một người đàn ông; đó là một người phụ nữ đã mất hết lòng tự trọng và phải phó thác mình cho thêm một người đàn ông nữa để sống còn. Người đàn ông bên giếng Si-kha này thì khác. Như mọi người đàn ông lẽ ra phải như vậy. Đó là Đấng Mê-si-a.

Bà trở thành nhà truyền giáo nữ đầu tiên. Cả làng của bà đến với đức tin, vì bà kể lại câu chuyện của mình và vượt qua nỗi sợ hãi. Đó thật là một câu chuyện ngoạn mục, làm nước mắt tôi trào ra. Không có nhiều người được Chúa Giê-xu trực tiếp bày tỏ rằng Ngài là Đấng Mê-si-a. Nhưng với người phụ nữ này, Ngài mở cửa thiên đàng.

Phải đặt câu hỏi: làm sao người ta có thể giải thích lệnh cấm phát biểu của Phao-lô như thế, và mở rộng nó ra cho mọi phụ nữ trong giáo hội ở mọi thời đại, khi ở đây Chúa Giê-xu dạy dỗ một người phụ nữ về bản chất của sự thờ phượng? Về sự thờ phượng, vốn là một đặc điểm cốt yếu của giáo hội!?

3.6 Ngoại tình phải có hai người

[Giăng 8:1-11, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder] Chúa Giê-xu lên núi Ô-li-ve. Sáng sớm, Ngài lại vào đền thờ, cả dân chúng đều đến cùng Ngài; Ngài ngồi xuống dạy dỗ họ. Các thầy thông giáo và người Pha-ri-si dẫn đến cho Ngài một người đàn bà bị bắt đang ngoại tình, đặt người đứng ở giữa, rồi nói với Ngài: Thưa Thầy, người đàn bà này bị bắt quả tang đang phạm tội ngoại tình. Trong luật pháp, Môi-se có truyền cho chúng tôi ném đá những người như thế; còn Thầy, Thầy nói thế nào? Họ nói vậy để thử Ngài, hầu có cớ mà cáo Ngài. Nhưng Chúa Giê-xu cúi xuống, lấy ngón tay viết trên đất. Vì họ cứ hỏi mãi, Ngài đứng dậy mà phán với họ: *Ai trong các ngươi là người vô tội, hãy là người đầu tiên ném đá người. Rồi Ngài lại cúi xuống viết trên đất. Khi họ nghe điều đó, thì lần lượt từng người một đi ra, bắt đầu từ những người già cả cho đến người sau chót;* và Chúa Giê-xu ở lại một mình với người đàn bà đứng ở giữa. Khi Chúa Giê-xu đứng dậy và không thấy ai ngoài người đàn bà, thì phán với

người: Hỡi người đàn bà kia, những kẻ cáo ngươi ở đâu? Không ai định tội ngươi sao? Người thưa: Lạy Chúa, không ai cả. *Chúa Giê-xu phán với người: Ta cũng không định tội ngươi; hãy đi, đừng phạm tội nữa!*

Nhiều bản Kinh Thánh đặt tiêu đề: Chúa Giê-xu và người đàn bà ngoại tình. Nhưng: người đàn ông ngoại tình ở đâu? Các giáo phụ cho rằng, và ngày nay một số người vẫn còn nghĩ như vậy, phụ nữ là nguồn cám dỗ dẫn đến tội lỗi tình dục. Quan niệm Do Thái về phụ nữ quy cho họ trách nhiệm về sự cám dỗ tình dục. Ngược lại, Chúa Giê-xu đặt trách nhiệm lên người đàn ông (Ma-thi-ơ 5:28). Khi nhìn một người phụ nữ, người đàn ông phải để ý và kiềm chế ham muốn tình dục của mình. Nói cách khác: đừng nhìn quá lâu, nếu bạn không kiểm soát được sự thèm muốn của mình. Tôi nghi ngờ việc người phụ nữ là người quyến dụ. Đàn ông, vốn dễ bị kích thích hơn phụ nữ, làm mọi cách để nhanh chóng chinh phục một người phụ nữ. Ở đây chuyện đã xảy ra thế nào, chúng ta không biết. Người tình đã hèn nhát bỏ rơi bà, hoặc đã được những người đàn ông đồng bọn che chở.

"Chúa Giê-xu chỉ nói vài lời, nhưng những lời ấy nói lên rất nhiều điều. Tội lỗi là tội lỗi – dù do một người đàn ông hay một người đàn bà phạm. Mỗi người chúng ta sẽ đứng trước sự phán xét của Đức Chúa Trời. Không ai có thể trốn tránh hay thoát khỏi. Không ai có thể chỉ tay vào người khác. Tội của người đàn bà không tệ hơn tội của người đàn ông – nhưng cũng không tốt hơn. Khi sự ngang hàng là tiêu chuẩn, sẽ hiếm có hòn đá nào được ném ra."[36]

3.7 Đứng thẳng, trọn cả vóc dáng

[Lu-ca 13:10-17, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder] Ngày Sa-bát, Ngài giảng dạy trong một nhà hội kia. Và kìa, *có một người đàn bà đã bị quỷ ám làm cho tàn tật mười tám năm; lưng còng hẳn, không thể đứng thẳng lên được. Chúa Giê-xu thấy người, bèn gọi đến mà phán rằng: Hỡi người đàn bà kia, ngươi đã được giải thoát khỏi bệnh tật mình! Ngài đặt tay trên người; tức thì người đứng thẳng lên được và ngợi khen Đức Chúa Trời.* … Còn người đàn bà này, là *con gái của Áp-ra-ham*, mà Sa-tan đã cầm buộc, kìa, mười tám năm rồi, há chẳng nên mở trói cho người trong ngày Sa-bát sao? Ngài

36. Hamilton, David

phán như vậy thì những kẻ chống nghịch Ngài đều hổ thẹn; còn cả đoàn dân đều vui mừng về mọi việc vinh hiển Ngài đã làm.

Nhà hội là chỗ của đàn ông. Họ ở hàng đầu. Họ là người lên tiếng. Nhưng Chúa Giê-xu thấy người phụ nữ này và gọi bà lên phía trước. Vào chính giữa. Một người phụ nữ. Lại là một người có dáng vẻ thật đáng sợ. Vị Thầy thuốc vĩ đại đem bà đến trước mặt Ngài. Những người đàn ông hẳn đã không hoan nghênh sự phá vỡ truyền thống này. Chỉ việc hôm ấy là ngày Sa-bát mới cho họ một lý do mỏng manh để tấn công Chúa Giê-xu. Danh xưng "con gái của Áp-ra-ham" là có một không hai. Thế là người phụ nữ còng lưng đứng thẳng lên. Với lòng thương xót, hướng về người phụ nữ khốn khổ, Ngài đặt tay trên bà. Rồi bà đứng ở nơi mà thường chỉ có đàn ông. Thẳng lưng. Yahweh Elohim không chỉ trả lại cho bà sức khỏe, mà cả phẩm giá: Ngài gọi bà là con gái của Áp-ra-ham. Ở nơi thường chỉ nghe tiếng đàn ông, bà cất tiếng tôn vinh Đức Chúa Trời. Phải, có thể nói bà đã cất lên lời ngợi khen Đức Chúa Trời trong nhà hội. Thật là một giây phút thánh!

Nhà hội Do Thái, nơi phụ nữ ở phía sau, gần như bị giấu kín, và chỉ một mình đàn ông lên tiếng, không bao giờ là khuôn mẫu cho cách Hội Thánh của Chúa Giê-xu Christ vận hành.

3.8 KHÔNG CÓ TIÊU CHUẨN KÉP

[Ma-thi-ơ 19:8-9 (5:31-32), dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder] Ngài phán với họ: Vì có lòng cứng cỏi của các ngươi, nên Môi-se cho phép các ngươi để vợ; nhưng từ lúc ban đầu không có như vậy. Còn Ta phán với các ngươi: Ai để vợ mình không phải vì có gian dâm, mà cưới vợ khác, thì phạm tội ngoại tình; và ai cưới người đàn bà bị để, thì phạm tội ngoại tình.

Đàn ông Do Thái có thể bỏ vợ tương đối dễ dàng. Lúc nào người ta cũng tìm được một lý do. Như vậy người phụ nữ bị bỏ – hay nói đúng hơn, bị đuổi đi – thật sự bị ruồng bỏ và khó có thể sống còn. Chính Chúa Giê-xu đã vạch trần người Pha-ri-si và các thầy thông giáo, và đưa họ trở về lúc ban đầu.

Người nam và người nữ được dựng nên ngang hàng nhau, như hình ảnh của Đức Chúa Trời, và được hiệp nhất trong hôn nhân. Đó là trật tự sáng tạo.

Đàn ông cũng như đàn bà phải giữ cùng một luật chơi. Tạ ơn Đức Chúa Trời, ngày nay ở chỗ chúng tôi không còn như thời xưa nơi người Do Thái. Nhưng ly dị vẫn là điều gây tổn thương sâu sắc nhất, và cũng làm tan nát lòng Đức Chúa Trời. Dựa vào câu chuyện sáng tạo, Chúa Giê-xu bênh vực người phụ nữ và kêu gọi đàn ông đừng vì những lý do không chính đáng mà bỏ vợ mình, ngoại trừ trường hợp ngoại tình. Ngài đứng về phía phụ nữ. Ngài lên tiếng cho họ và quở trách lòng cứng cỏi mà Ngài xem là nguyên nhân của những vụ bỏ vợ ấy.

3.9 Ân điển táo bạo

> [Mác 14:3-9, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder] Khi Ngài ở Bê-tha-ni, trong nhà Si-môn là người phung, đang ngồi ăn, thì có một người đàn bà đến, mang một bình ngọc trắng đựng dầu thơm cam tùng nguyên chất, rất quý giá. Người đập bể bình ngọc trắng và đổ dầu trên đầu Ngài. Có vài người tức giận trong lòng mà nói: Sao lại phí dầu thơm như vậy? Vì dầu thơm này có thể bán được hơn ba trăm đơ-ni-ê để bố thí cho người nghèo. Rồi họ gắt gỏng với người đàn bà. Nhưng Chúa Giê-xu phán: *Hãy để mặc người; sao các ngươi làm rầy người? Người đã làm một việc tốt cho Ta;* vì các ngươi thường có kẻ nghèo ở với mình, khi nào muốn, các ngươi có thể làm phước cho họ; còn Ta, các ngươi chẳng có Ta luôn luôn. *Người đã làm điều mình có thể làm; người đã xức xác Ta trước để sẵn sàng chôn cất. Quả thật, Ta nói cùng các ngươi: Khắp cả thế gian, hễ nơi nào Tin Lành được giảng ra, thì việc người đã làm cũng sẽ được kể lại để nhớ đến người.*

Đó là một tình huống không thể tưởng tượng được, thậm chí thật ngượng ngùng. Người phụ nữ này đã gặp Chúa Giê-xu trước đó, và Ngài đã làm mới đời sống bà. Bà lấy hết can đảm xông vào giữa nhóm đàn ông này và chịu để mọi người nhìn mình. Rồi làm điều mình có thể làm. Chúa Giê-xu biết bà không thể làm hơn thế. Số tiền dành dụm bằng lương cả một năm, tất cả những gì bà có, bà thấy đáng để dâng cho Chúa Giê-xu. Chưa bao giờ có thứ

gì quý giá như thế được đổ trên đầu người đàn ông thành Na-xa-rét. Chưa bao giờ Ngài tỏa hương thơm như vậy. Và Chúa Giê-xu tôn người phụ nữ này lên trước mặt mọi người, và ban cho bà một chỗ đứng trong lịch sử mà Ngài chưa ban cho một người đàn ông nào. Ngài quý trọng việc ấy vô cùng – không ai hiểu rằng sứ mạng của Ngài rốt cuộc sẽ đạt đến điểm thấp nhất và cũng là đỉnh cao của nó tại Gô-gô-tha.

"Bà không chỉ là một người nữ tội nhân đã được tha thứ. Những giọt nước mắt vui mừng tuôn trào của bà khi phục vụ Chúa Giê-xu tương phản với nước mắt của Phi-e-rơ, người khóc lóc đắng cay sau khi từ bỏ sự phục vụ và chối Chúa Giê-xu (Lu-ca 22:62). Những nụ hôn không dứt của bà tương phản với nụ hôn phản bội của Giu-đa (Lu-ca 22:47). Vị trí của bà dưới chân Chúa Giê-xu là vị trí của một người đầy tớ, là vị trí mà chính Chúa Giê-xu đã nhận lấy (Lu-ca 22:26-27). Hành động đầy yêu thương của bà khi đập bể bình ngọc trắng và đổ ra thứ chứa bên trong quý giá là một sự bắt chước mang tính biểu tượng Đấng Christ, Đấng chịu để thân thể mình bị tan vỡ và huyết quý báu của mình đổ ra cho tất cả những người Ngài yêu (Lu-ca 22:20). Bà là một biểu tượng thánh (hình ảnh) của Đấng Christ!"[37]

Hỡi tất cả những người đàn ông buộc phụ nữ im lặng và cấm họ giảng đạo: các anh đã bao nhiêu lần nhắc đến người phụ nữ này khi rao giảng và giảng Tin Lành?

3.10 Thập tự giá: những người nam ở đâu?

[Ma-thi-ơ 27:55-56, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder] *Có nhiều người đàn bà ở đó, đứng xa mà nhìn; ấy là những người đã theo Chúa Giê-xu từ xứ Ga-li-lê để phục vụ Ngài.* Trong số đó có Ma-ri Ma-đơ-len, Ma-ri là mẹ của Gia-cơ và Giô-sê, và mẹ của các con trai Xê-bê-đê.

[Mác 15:40-41, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder] Cũng có những người đàn bà đứng xa mà nhìn; trong số đó có Ma-ri Ma-đơ-len, Ma-ri là mẹ của Gia-cơ nhỏ và của Giô-sê, và Sa-lô-mê, *là những người đã*

37. Reid, Barbara E., tr. 76, Wisdom's Feast, 2016

theo Ngài và phục vụ Ngài khi Ngài ở xứ Ga-li-lê; lại có nhiều người đàn bà khác nữa đã cùng Ngài lên thành Giê-ru-sa-lem.

[Lu-ca 23:55-56, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder] Những người đàn bà đã cùng Ngài từ xứ Ga-li-lê đến thì đi theo sau, nhìn thấy mộ và cách người ta đặt xác Ngài vào đó. Rồi họ trở về, *sửa soạn thuốc thơm và dầu thơm;* và ngày Sa-bát họ nghỉ ngơi theo điều răn.

[Ma-thi-ơ 28:9-10, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder] Khi họ đang đi báo tin cho các môn đồ Ngài, kìa, Chúa Giê-xu gặp họ mà phán rằng: *Mừng các ngươi! Họ bèn đến gần, ôm chân Ngài và thờ lạy Ngài.* Chúa Giê-xu bèn phán với họ: Đừng sợ; hãy đi báo cho anh em Ta để họ đi qua xứ Ga-li-lê, tại đó họ sẽ thấy Ta.

Chẳng phải là điều đáng chú ý sao, khi những người viết sách Phúc Âm, vốn là đàn ông, viết về những người phụ nữ này như vậy? Họ không bỏ qua những người phụ nữ ấy. Không quên họ. Vì chính họ đã trải nghiệm những người phụ nữ này như những người đồng môn đồ, cùng với mười hai sứ đồ đi theo Chúa Giê-xu. Những người viết này cũng đã lớn lên với cái nhìn về phụ nữ của Do Thái giáo và sách Talmud. Nhưng Chúa Giê-xu cũng đã làm mới cái nhìn của họ về phụ nữ. Phải mất một số năm, nhưng về điểm này, họ bước theo dấu chân Chúa Giê-xu.

Hơn nữa, đối với họ, là đàn ông, thật đáng ngượng khi phải viết rằng những người phụ nữ ít nhất đã đứng từ xa nhìn cảnh đóng đinh, trong khi chính họ – ngoại trừ Giăng – đã bỏ chạy.

Cách Chúa Giê-xu đối xử với phụ nữ đã làm cho họ mạnh mẽ và can đảm. Ngài đã nâng đỡ họ. Đã quý trọng sự phục vụ của họ. Điều chúng ta đọc ở đây là tiếng vang của sự tôn trọng mà Chúa Giê-xu đã dành cho họ. Trái với truyền thống và các quy ước, Ngài đã nhận họ vào vòng các nữ môn đồ và môn đồ. Có nhiều điều chúng ta không biết, nhưng những sự kiện đã nêu làm rõ một điều: Ngài tôn trọng họ như nhau, môn đồ nam cũng như môn đồ nữ. Dù trong vòng thân cận nhất không có phụ nữ.

3.11 Ma-ri, nữ sứ đồ

> [Giăng 20:15-18, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder] Chúa Giê-xu phán với người rằng: Hỡi người đàn bà kia, sao ngươi khóc? Ngươi tìm ai? Người tưởng là người làm vườn, nên thưa rằng: Thưa ông, nếu ông đã đem Ngài đi, xin nói cho tôi biết ông đã để Ngài ở đâu, thì tôi sẽ đến lấy Ngài về. Chúa Giê-xu phán với người: Ma-ri! Người quay lại và thưa với Ngài bằng tiếng Hê-bơ-rơ: Ra-bu-ni! – nghĩa là Thầy. Chúa Giê-xu phán với người: Đừng rờ đến Ta, vì Ta chưa lên cùng Cha Ta. *Nhưng hãy đi đến cùng anh em Ta, và nói với họ rằng: Ta lên cùng Cha Ta và Cha các ngươi, cùng Đức Chúa Trời Ta và Đức Chúa Trời các ngươi. Ma-ri Ma-đơ-len đi báo tin cho các môn đồ rằng mình đã thấy Chúa, và Ngài đã phán với mình những điều ấy.*

Trong một vụ xử án, phụ nữ không được làm nhân chứng. Họ bị xem là không xứng đáng làm nhân chứng. Sự việc đã đi đến mức ấy. Việc Chúa Giê-xu giao phó và ủy thác cho phụ nữ sứ điệp quan trọng nhất mọi thời đại – kể cả đối với chính các môn đồ – không thể nào đánh giá quá cao. Chưa bao giờ có một sứ điệp quan trọng hơn và lớn lao hơn được rao báo ngay sau sự đóng đinh. Ma-ri là người duy nhất có mặt ở nơi có thể nghe được sứ điệp này. Bà được sai đi rao báo lẽ thật ấy cho các môn đồ, là những người đang sợ hãi trốn tránh. Trước sứ mạng này, câu hỏi phụ nữ có được giảng đạo không cho thấy thật thiếu hiểu biết.

Trong sự sai phái có một không hai này, tôi gọi Ma-ri là một nữ sứ đồ, một người phụ nữ được Đấng Phục Sinh ủy thác. Trong một khu vườn, Ê-va đã để mình bị dỗ dành. Trong khu vườn này không thấy một người đàn ông nào. Chỉ có một người phụ nữ nhớ thương Chúa và Đấng giải phóng mình, và đang tìm kiếm Ngài. Không phải tìm Chúa Giê-xu đang sống, mà tìm Chúa Giê-xu đã chết. Bà đã gắn cả cuộc đời mình vào Ngài. Ngài là tất cả của bà. Lòng trung tín và tình yêu này được Chúa Giê-xu quý trọng và tôn vinh.

Vì *Ma-ri Ma-đơ-len* được nêu ra là người đầu tiên đã gặp Đấng Phục Sinh và được Ngài chỉ định rao báo sứ điệp về sự sống lại của Ngài cho các môn đồ

(Giăng 20:11-18), nên ngay từ thời giáo hội sơ khai, bà đã được tôn kính như người ngang hàng với các sứ đồ. Vào thế kỷ 3, Hippolytus thành Rô-ma đã đặt ra danh hiệu tôn quý *apostola apostolorum*, nghĩa là nữ sứ đồ của các sứ đồ; danh hiệu này được các nhà thần học Hrabanus Maurus và thậm chí cả Thomas Aquinas tiếp nhận – người mà tôi đã nói sơ qua về cái nhìn của ông đối với phụ nữ.

"Chúa Giê-xu không lập ra một phong trào phụ nữ, mà là một phong trào cho con người. Tuy nhiên, không có gì lạ khi phụ nữ đặc biệt dễ đón nhận những tư tưởng của Ngài. Bị giam hãm trong sự cô lập của một gia đình đôi khi thù nghịch, phụ nữ biết thế gian này bấp bênh, bất công và cô đơn biết bao."[38]

Nơi Chúa Giê-xu, tôi không tìm thấy bất cứ dấu hiệu nào về sự thuận phục theo thứ bậc của người phụ nữ, hay về việc loại họ khỏi một chức vụ công khai hay chức vụ lãnh đạo trong Hội Thánh. Qua cách Ngài cư xử với phụ nữ, người ta thấy rõ cái nhìn của các ra-bi về phụ nữ đã đi xa khỏi bản thiết kế của Đấng Tạo Hóa đến mức nào.

Đấng Mê-si-a đã đứng ra chăm lo cho các con gái của Ê-va. Ngài là Đấng đã bày tỏ trọn vẹn Đức Chúa Trời trong bản chất sâu xa nhất của Ngài.

Chúa luôn luôn tốt lành và làm cho con biết bao điều tốt! Lạy CHÚA, xin giúp con nhận biết ý muốn Chúa!

Thi Thiên 119:68 (Gute Nachricht, bản dịch Kinh Thánh tiếng Đức)

38. Boulding, Elsie, 358, A View of Woman through Time, 1976



Lạy Chúa, lời Chúa còn đến đời đời, vững bền như các tầng trời.

Thi Thiên 119:89 (Neue Genfer Übersetzung NGÜ, bản dịch Kinh Thánh tiếng Đức)

4 PHAO-LÔ, NGƯỜI BẠN CỦA PHỤ NỮ

Tôi đã nhiều lần nghe, và đôi khi chính tôi cũng nghĩ, rằng Chúa Giê-xu và Phao-lô không có cùng một ý và không nói cùng một điều. Như thể giữa Chúa Giê-xu và Phao-lô có sự mâu thuẫn. Nếu muốn nhìn như vậy, người ta sẽ dựng lên được lý do. Tôi cho rằng Phao-lô bước theo dấu chân Chúa Giê-xu, kể cả khi nói về phụ nữ. Về phẩm giá, sự tận hiến và lòng trung tín của họ. Quả thật, chính Phao-lô, qua các thư của ông, đã định hình hình ảnh người phụ nữ trong giáo hội còn nhiều hơn Chúa Giê-xu. Tuy nhiên, ai hiểu sai ông thì sẽ dựng lên một sự đối lập với Chúa Giê-xu.

Chính Phao-lô, trong một vài đoạn thư của ông, đã tạo cớ khiến ông đi vào lịch sử như một người ghét phụ nữ trong mắt nhiều người. Nhưng cách nhìn ấy đang thay đổi. Đó là vì chúng ta có lẽ có thể, và phải, hiểu những đoạn văn nói trên một cách khác. Về điều này sẽ nói thêm sau.

Dù xuất thân từ truyền thống Pha-ri-si, vốn có một cái nhìn không mấy quý trọng phụ nữ, bị ảnh hưởng bởi tư tưởng Hy Lạp, ông đã được giải phóng hoàn toàn khỏi điều đó.[39] Ở một chỗ khác trong cuốn sách này, tôi nêu ra giả thuyết rằng ba năm ở A-ra-bi, ngay sau khi gặp Đấng Christ trên đường đến Đa-mách, là một trường học khắc nghiệt để trút bỏ mọi gánh nặng của sự uốn nắn theo lối Pha-ri-si. *Vì những hình ảnh về phụ nữ trong sách Talmud, mà Chúa Giê-xu đã phá vỡ, không có chỗ trong Nước Đức Chúa Trời.*

Công việc của người đầy tớ không biết mệt mỏi là Phao-lô được bao quanh và đan kết với nhiều phụ nữ. Họ gắn bó với sứ mạng của ông, và như những mắt xích trong một sợi dây xích, họ là những cộng sự không thể thiếu. Tôi e rằng có những người đàn ông đã không nhận ra Đức Chúa Trời đã làm nên những công việc và bông trái lớn lao biết bao trong Nước Ngài qua phụ nữ. Trong mọi thế kỷ, đặc biệt là thế kỷ 18 và 19. Khi mà đối với Đức Chúa Trời, dường như hoàn toàn không quan trọng việc phụ nữ có được phép công khai dạy dỗ và lãnh đạo hay không. Người ta có thể xoay qua xoay lại tùy ý: *vấn đề nảy sinh khi những "ông chúa tể muôn loài" khăng khăng giữ cách giải thích*

39. Cũng có giả thuyết cho rằng thầy Ga-ma-li-ên có và dạy một cái nhìn tích cực hơn về phụ nữ so với các đồng nghiệp của ông, và Phao-lô cũng đã tiếp thu điều đó.

Kinh Thánh do đàn ông chi phối của họ, và gần như làm cho ý định của Đức Chúa Trời về sự phục vụ của phụ nữ trở nên vô hiệu (Lu-ca 7:30).

Trong chương này, tôi đưa ra một vài ví dụ cho thấy Phao-lô, người không lập gia đình, trong các thư của ông đã gọi tên phụ nữ như thế nào. Trước hết, đây không phải là những điều có tính nguyên tắc hay tín lý về việc làm người nam và làm người nữ; tôi sẽ nói đến điều đó sau. Đây là về những phụ nữ có thật mà Phao-lô đã làm việc chung. "Nếu xét số phụ nữ đã cùng phục vụ với Phao-lô, thì dường như việc phụ nữ tích cực dấn thân vào việc rao giảng Tin Lành và vào các chức vụ có trong các Hội Thánh non trẻ là điều bình thường. *Về căn bản, Phao-lô dùng cùng một ngôn ngữ để mô tả các cộng sự nữ và nam*".[40]

Về điểm này, danh sách lời chào trong chương 16 của thư Rô-ma rất nổi tiếng: ở đó phụ nữ không chỉ được nêu tên, mà còn được nhắc đến kèm theo những đặc điểm về sự phục vụ của họ. Những người chủ trương loại phụ nữ khỏi các chức vụ lãnh đạo công khai đọc những bản văn này khác với tôi. Bạn hãy tự quyết định xem ý nghĩa của chúng có thể là gì. Xuất phát từ bản tường thuật sáng tạo, và được triển khai trong những chương tiếp theo của cuốn sách này, cách đọc của tôi về sự bình đẳng giữa hai giới, kể cả trong chức vụ công khai của Hội Thánh, không chỉ là điều có thể, mà trong một số trường hợp còn là điều rõ ràng.

4.1 Ly-đi

Cơ Đốc nhân đầu tiên của châu Âu là một nữ Cơ Đốc nhân: bà Ly-đi, người buôn hàng sắc tía tại Phi-líp, một thuộc địa La Mã. Bà dành nhà mình cho Phao-lô, các bạn đồng hành của ông và Hội Thánh Cơ Đốc đầu tiên ở châu Âu. Bà không chỉ là người nhận sự dạy dỗ của Phao-lô, mà còn là người trò chuyện với Phao-lô. Bà là bà chủ duy nhất trong nhà. Bà nài ép Phao-lô và bạn đồng hành của ông là Si-la đến ở nhà mình:

> [Công Vụ Các Sứ Đồ 16:14-15, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder] Có một người đàn bà tên là Ly-đi, buôn hàng sắc tía, ở thành Thi-a-ti-rơ, là người kính thờ Đức Chúa Trời, đang nghe; Chúa mở lòng

40. Tucker, Liefeld, 436, trích theo Kuen, Alfred, Die Frau in der Gemeinde, 1998

cho người để chăm chú nghe điều Phao-lô nói. Khi người và cả nhà đã chịu báp-têm, thì xin rằng: Nếu các ông xét rằng tôi trung tín với Chúa, thì hãy vào ở nhà tôi. Rồi người ép mời chúng tôi.

[Công Vụ Các Sứ Đồ 16:40, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder] Ra khỏi ngục rồi, hai người đến nhà Ly-đi; và khi đã gặp các anh em (hay: các anh chị em đang nhóm lại tại nhà Ly-đi), thì khích lệ họ rồi đi.

"Điều đó cho thấy nhà bà cũng đã nhanh chóng trở thành điểm hội tụ của một Hội Thánh tại gia. Các Hội Thánh nhóm họp trong nhà riêng. Và không chỉ bà Ly-đi, mà cả những phụ nữ khác cũng xuất hiện như những người đã dành nhà mình cho các Hội Thánh. Và trong đó cũng có một vai trò lãnh đạo tự nhiên của những người ấy – vai trò lãnh đạo trong Hội Thánh với tư cách những bà chủ nhà và ông chủ nhà, là những người khi ấy cũng có thể đã lãnh đạo các Hội Thánh ấy, và cũng có thể đã chủ tọa các buổi thờ phượng."[41]

4.2 PHÊ-BÊ

[Rô-ma 16:1-2, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder] Tôi gửi gắm Phê-bê, chị em chúng ta, cho anh em; người cũng là *người nữ phục vụ của Hội Thánh tại Xen-cơ-rê*, để anh em tiếp rước người trong Chúa một cách xứng đáng với các thánh đồ, và giúp đỡ người trong mọi việc người cần đến anh em; vì chính người cũng đã là *người trợ giúp* (tiếng Hy Lạp: prostatis) cho nhiều người, và cho chính tôi nữa.

Công thức lời chào, mở đầu bằng Phê-bê, cho thấy bà là người đã mang thư gửi người Rô-ma từ Cô-rinh-tô đến thủ đô của đế quốc La Mã. Ở đó, có lẽ bà đã đọc thư này trong Hội Thánh (hay trong các Hội Thánh tại gia) và giải thích khi có người đặt câu hỏi. Bà là nữ chấp sự của Hội Thánh Xen-cơ-rê, một khu ngoại ô hải cảng của Cô-rinh-tô. Phao-lô giao cho bà một nhiệm vụ hết sức hệ trọng, vượt xa công việc của một người đưa thư.

41. Sabine Bieberstein, nhà nghiên cứu Tân Ước tại Eichstätt, phỏng vấn trên đài Deutschlandfunk, 2013

"Tôi muốn nhấn mạnh rằng nhận xét này trong thư Rô-ma không phải là, và không thể là, điểm kết thúc của cuộc thảo luận về phụ nữ trong chức vụ. Còn có những bản văn, những ngữ cảnh và những cách giải thích khác mà chúng ta phải xem xét. Nhưng tôi lưu ý rằng Phao-lô dường như không gặp vấn đề gì với việc phụ nữ giữ một vai trò phát biểu nào đó trong các Hội Thánh. Nếu ông thật sự có điều e ngại, thì việc gửi Phê-bê đến Rô-ma quả là điều rất, rất lạ lùng. Kết luận của tôi là: lời khen của Phao-lô dành cho nữ chấp sự Phê-bê, địa vị của bà là ân nhân của ông (người bảo trợ của Hội Thánh), và vai trò của bà là người mang thư và là người đại diện cho ông trong các Hội Thánh ở Rô-ma, cho thấy phụ nữ là một phần trong đời sống dạy dỗ của giáo hội, và Phao-lô đã khích lệ họ cách rõ ràng".[42]

"Có thể cho rằng Phê-bê đơn giản là người phụ nữ trung tâm của Hội Thánh tại gia ở Xen-cơ-rê, người có lẽ đã dành nhà mình cho Hội Thánh, người đã tài trợ cho bữa ăn của Chúa, tức Tiệc Thánh. Rằng Phê-bê phụ trách tất cả những điều đó, vì bà cũng đã làm người bênh vực hay người bảo trợ của Hội Thánh này – tất cả những điều ấy có thể nói được dựa trên Rô-ma 16."[43]

Phao-lô gọi bà là *prostatis*, mà trong bản Elberfelder (bản dịch Kinh Thánh tiếng Đức) được dịch là "người trợ giúp". Nhưng từ này, chỉ xuất hiện một lần duy nhất trong Tân Ước ở chỗ này, cũng có nghĩa là *đứng đầu, chủ tọa*. "Chúng ta có thể hợp lý mà cho rằng Phao-lô, một người Do Thái chịu ảnh hưởng văn hóa Hy Lạp và lớn lên ở vùng Do Thái tản lạc, đã rất quen thuộc với khái niệm prostates trong tiếng Hy Lạp, chỉ người đứng đầu, người thầy, người bênh vực hay viên chức chủ tọa của thành phố. Điều này có nghĩa là khi các nhà lãnh đạo Cơ Đốc tại Rô-ma tiếp đón Phê-bê, họ ý thức rằng bà là một nữ lãnh đạo Cơ Đốc ở nơi bà ra đi."

Theo Rô-ma 12:8, việc đứng đầu, chủ tọa là một ân tứ trong thân thể Đấng Christ, và vì thế chắc chắn không phải là việc riêng của đàn ông. Phụ nữ có ân tứ này y như đàn ông. Việc đứng đầu, chủ tọa thuộc về nhiệm vụ của trưởng lão (1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:12; 1 Ti-mô-thê 5:17/3:4, 5, 12). Trước những lời này của Phao-lô, việc phụ nữ làm nữ trưởng lão hay người nữ đứng đầu hẳn cũng không có gì xa lạ. Người ta sẽ không bao giờ có thể siêng năng thi hành chức vụ đứng đầu và chăm lo cho Hội Thánh, cùng với công việc giảng dạy Lời và

42. Bird, 37

43. Heininger, Bernhard, Würzburg, Như trên.

giáo lý đi kèm theo (1 Ti-mô-thê 5:17), nếu phải im lặng trong buổi nhóm hay không được phép công khai phát biểu hay lãnh đạo.

"Bà là một prostatis, một người nữ đứng đầu; bà cũng được gọi là diakonos, và chính từ đó vấn đề bắt đầu: đó là một người nữ phục vụ, hay một người giúp việc trong Hội Thánh, phải dịch thế nào đây?" Cho đến ngày nay các nhà giải kinh vẫn còn tranh luận về điều đó. Bản Einheitsübersetzung (bản dịch Kinh Thánh tiếng Đức) của Tân Ước nói đơn giản là "người nữ phục vụ của Hội Thánh tại Xen-cơ-rê". "... Lịch sử giải nghĩa, hay lịch sử ảnh hưởng của khái niệm này, đã diễn ra như sau: khi một người đàn ông như Phao-lô tự gọi mình là diakonos, thì ông là người phục vụ Lời, tức là một sứ đồ, một người đàn ông ngay thẳng, tự do, đơn giản phục vụ Lời. *Nhưng khi một người phụ nữ được gọi như thế, thì bà là một người giúp việc trong Hội Thánh theo nghĩa: bà chỉ giúp việc mà thôi*."[44] Phê-bê thuộc về vòng lớn những người cùng với Phao-lô làm việc để truyền bá sứ điệp về Đấng Christ. Phao-lô gọi bà là chị em, điều đó cho thấy sự quý trọng cá nhân của ông và mối quan hệ giữa hai người. Là người mang thư, Phê-bê là người đầu tiên mà Hội Thánh Rô-ma tìm đến khi có điều cần hỏi lại. Bà quen thuộc với những dòng tư tưởng của Phao-lô, và như vậy có thể được xem là người đầu tiên giải thích bản văn này.

Phao-lô đã giao cho Phê-bê, một người phụ nữ, có lẽ là văn kiện quan trọng nhất của Cơ Đốc giáo. Đó không chỉ là một dấu hiệu, đó là một bằng chứng cho thấy về chức vụ và vai trò trong Nước Đức Chúa Trời, ông không phân biệt giữa hai giới.

4.3 Bê-rít-sin

> [Rô-ma 16:3-5, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder] Hãy chào Bê-rít-sin và A-qui-la, những người cùng làm việc với tôi trong Đấng Christ Giê-xu (là những người đã liều mạng sống mình vì sự sống tôi; chẳng những một mình tôi tạ ơn họ, mà cả các Hội Thánh của dân ngoại cũng vậy), và cũng hãy chào Hội Thánh nhóm tại nhà họ.

44. Sutter Rehmann, Luzia, Basel

Cặp vợ chồng Bê-rít-sin và A-qui-la, được nhắc đến nhiều nhất, có lẽ là những cộng sự lâu năm nhất và thân thiết nhất của Phao-lô trong công cuộc truyền giáo của ông. Họ là những Cơ Đốc nhân gốc Do Thái. Dù đối với các cặp vợ chồng, người chồng luôn được nêu tên trước, Tân Ước lại nêu tên Bê-rít-sin, người vợ, trước bốn lần (trong sáu lần được nhắc đến). Tại sao? Vì bà đi trước và dẫn đầu trong chức vụ. Có lẽ vì bà có ân tứ hơn chồng mình. Thế nhưng cả hai đã cùng làm việc với nhau như những người cộng sự trong một đội, có giá trị như nhau và ngang hàng nhau, trong sự hiệp một. Mỗi người biết điểm mạnh và điểm yếu của người kia. Là một phụ nữ, Bê-rít-sin cũng quan trọng về mặt chiến lược, vì phụ nữ phần nhiều được phụ nữ truyền giáo cho, chứ không phải đàn ông. Cả hai, với Bê-rít-sin đi trước, đã dạy dỗ A-bô-lô. Được chính Phao-lô dạy dỗ, được đào tạo qua những câu hỏi và câu trả lời trong nhiều giờ cùng nhau may lều, cả hai đều đủ sức để dạy dỗ người khác. Ở đây phải đặc biệt nhắc đến Bê-rít-sin, một người phụ nữ. Chồng bà đứng phía sau bà, ở hàng thứ hai, nhưng không vì thế mà có một thứ bậc nào.

4.4 GIU-NI-A

> [Rô-ma 16:7, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder] Hãy chào An-trô-ni-cơ và Giu-ni-a, là bà con và bạn đồng tù với tôi, *là những người nổi danh trong vòng các sứ đồ*, và đã thuộc về Đấng Christ trước tôi.

Thêm một cặp vợ chồng truyền giáo nữa được Phao-lô khen ngợi. Những người giải nghĩa Tân Ước sớm nhất, các giáo phụ, nói về bà Giu-ni-a với sự kính trọng sâu xa. John Chrysostom (344-407 SCN) viết về bà Giu-ni-a: "Làm một sứ đồ là điều lớn lao. Nhưng nổi danh trong vòng các sứ đồ – hãy nghĩ xem đó là một lời khen lớn biết bao. Sự khôn ngoan của người phụ nữ này hẳn lớn lao biết bao, đến nỗi bà được xem là xứng đáng với danh hiệu sứ đồ."

Tuy nhiên, trong một số bản dịch, cho đến ngày nay người ta vẫn đọc thấy một tên khác thay cho *Giu-ni-a* (Junia): *Junias* – một người nam. Nhưng tên Junias, theo những gì có thể chứng minh được, xuất hiện lần đầu tiên vào thế

kỷ 13 – nơi Aegidius thành Rô-ma (Giles of Rome), một tu sĩ dòng ẩn tu Augustine và là môn đệ của tiến sĩ Hội Thánh Thomas Aquinas. *Vậy tại sao Giu-ni-a lại biến thành Junias? Vì trong thế giới quan của nhiều Cơ Đốc nhân, không thể có, hay không được phép có, một nữ sứ đồ.*

Trong giới nghiên cứu, hiện nay quan điểm đã được chấp nhận rộng rãi là Junia, dạng tên nữ, hẳn là cách viết nguyên thủy của Phao-lô. "Vào giữa thế kỷ trước, người ta đã xác định rằng tên nam Junias hầu như không có trong thời cổ đại, tức là không được chứng thực, trong khi tên nữ Junia được chứng thực rất thường xuyên. Điều đã biến Junia thành Junias có lẽ chỉ có thể giải thích được trên cơ sở một sự hiểu biết sai lầm về chức vụ. Trong Rô-ma 16:7, An-trô-ni-cơ và Giu-ni-a được gọi là nổi bật trong vòng các sứ đồ, và việc kể Giu-ni-a vào số các sứ đồ đã là, hay vẫn còn là, một điều khó khăn."[45]

Những lập luận và những ấn phẩm ủng hộ và phản đối việc bà Giu-ni-a là một nữ sứ đồ thì nhiều vô kể. Nếu bà là sứ đồ, thì không phải theo nghĩa của mười hai sứ đồ hay của một Phao-lô, mà là một nhà truyền giáo có tính chiến lược và đầy hiệu quả. Ngay cả nếu bà không phải là một nữ sứ đồ, thì bà hẳn cũng đã được quý trọng vô cùng. Trong nền văn hóa cổ đại, điều đó không phải là thông thường. *Điều đó cho thấy tác động chữa lành của Tin Lành cũng đã lan rộng đến vấn đề giới tính như thế nào. Nhưng cũng cho thấy một thế giới giáo hội do đàn ông chi phối gặp khó khăn biết bao với vấn đề này.*

"Có thể An-trô-ni-cơ và Giu-ni-a, có lẽ là một cặp vợ chồng, là sứ đồ theo nghĩa là người được một Hội Thánh sai đi như một nhà truyền giáo, như Ép-ba-phô-đích trong Phi-líp 2:25 và Tít trong 2 Cô-rinh-tô 8:23. Tuy nhiên, những người như vậy thường được Hội Thánh nơi họ xuất thân gọi là 'sứ đồ của các Hội Thánh' hay 'sứ đồ của anh em', hoặc thậm chí, như Phê-bê, là 'người phục vụ (nữ chấp sự) của Hội Thánh Xen-cơ-rê'. Hoặc, An-trô-ni-cơ và Giu-ni-a có thể là sứ đồ theo nghĩa là họ đã làm chứng nhân cho sự sống lại của Chúa Giê-xu, và lúc ấy đã được ủy thác cho chức vụ mà nay họ thi hành bên ngoài xứ Pa-lét-tin (1 Cô-rinh-tô 15:6-7). Điều này được củng cố bởi sự kiện Phao-lô nói rằng họ 'đã thuộc về Đấng Christ trước tôi', nên họ đã được cải đạo vào khoảng năm 30-32 SCN tại Pa-lét-tin. Những lần duy nhất khác mà từ 'sứ đồ' xuất hiện trong thư Rô-ma đều mô tả sứ mạng của Phao-lô là đi

45. Heininger, Bernhard, Như trên.

đến với dân ngoại (Rô-ma 1:1; 11:13). Eldon Epp gần đây đã nhận định: *'Sự thật vẫn là trong thế hệ sớm nhất của Cơ Đốc giáo đã có một nữ sứ đồ được gọi đích danh như vậy, và các Cơ Đốc nhân ngày nay – tín hữu cũng như giáo sĩ – phải đối diện với điều đó (và rốt cuộc cũng sẽ làm như vậy).'"*[46]

4.5 Ma-ri, Try-phe-nơ và Try-phô-sơ, Bẹt-si-đơ

> [Rô-ma 16:6, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder] Hãy chào Ma-ri, *là người đã làm việc nhiều vì anh em.*
>
> [Rô-ma 16:12, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder] Hãy chào Try-phe-nơ và Try-phô-sơ, *là những người làm việc trong Chúa*. Hãy chào Bẹt-si-đơ, người rất yêu dấu, *là người đã làm việc nhiều trong Chúa.*

Người ta nghĩ đến điều gì khi Phao-lô nói về công việc và sự phục vụ? Phao-lô tóm gọn toàn bộ chức vụ của mình, mọi điều ông đã làm, bằng chữ *công việc* (chẳng hạn 1 Cô-rinh-tô 15:10; 16:10; Ga-la-ti 4:11; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 3:5; 5:12): truyền giáo, dạy dỗ, khuyên bảo; tất cả đều là những chức vụ thường diễn ra nơi công cộng và là những chức vụ phục vụ Lời. *Chúng ta có lý do gì để hiểu sự phục vụ của những phụ nữ này khác với sự phục vụ của Phao-lô?* Đó là những người phụ nữ can đảm, đã phục vụ Đấng Christ trong môi trường của mình, trong hoàn cảnh riêng của mình. Không chỉ bên bếp lửa hay trong nhà, mà cả trong Hội Thánh tại gia. Khi ấy chưa có nhà thờ. Mà chỉ có nhà riêng hay ngoài trời. Cơ Đốc nhân cũng nhóm lại ở những nơi công cộng, trong xưởng thợ hay trong quán trọ. Hoặc, như bà Ly-đi bên bờ sông, kể cả trong các lễ báp-têm, những phụ nữ như thế đã đứng vững mạnh mẽ, y như các anh em của họ trong Chúa. Điều Phao-lô khen ngợi là công việc cho Nước Đức Chúa Trời mà ai nấy đều có thể thấy và nghe nơi công cộng.

Tổng cộng, Phao-lô nhắc đến 10 phụ nữ trong Rô-ma 16, nếu chúng ta tính cả Phê-bê ở Xen-cơ-rê. Nếu tính cả những phụ nữ trong các thư khác của Phao-lô, số phụ nữ được ông nhắc đến tăng lên 18. Phao-lô quý trọng sự phục vụ của phụ nữ, và ông xem nhiều người trong họ là những người đồng công trong chức vụ. Ông chưa bao giờ gọi họ là nữ mục sư hay nữ trưởng lão,

46. Bird, Michael, Như trên.

nhưng ông cũng chưa bao giờ gọi những người đồng công nam của mình là mục sư hay trưởng lão. Phao-lô không bao giờ nói về các cộng sự của mình bằng những từ ngữ hàm ý quyền lực, thẩm quyền hay uy thế. Ông hiểu rằng họ là anh em và chị em của ông, và cũng như ông, họ là những người được Chúa Giê-xu Christ ủy thác. Đó là sự hiểu biết của ông về chức vụ và sự cộng tác.

4.6 Ê-vô-đi và Sin-ty-cơ

> [Phi-líp 4:2-3, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder] Tôi khuyên Ê-vô-đi và khuyên Sin-ty-cơ phải hiệp một ý trong Chúa. Phải, tôi cũng xin bạn, là bạn đồng lao trung tín của tôi, hãy giúp đỡ hai người ấy, *là những người đã cùng chiến đấu với tôi vì Tin Lành*.

Cùng chiến đấu vì Tin Lành không thể có nghĩa nào khác hơn là cũng đã rao giảng Tin Lành. Và rao giảng đến mức họ cũng đã gặp sự chống đối nơi công cộng.

Hai người phụ nữ này có sự bất đồng. Điều đó có ảnh hưởng trực tiếp đến cộng đồng. Đó không phải là một mặt trận phụ, mà đánh trúng vào trái tim của Hội Thánh. Từ đó có thể suy ra rằng họ giữ những chức năng dẫn dắt hay lãnh đạo nhất định. Phao-lô nhắc đến họ cùng một hơi với Cơ-lê-măn và những cộng sự khác. Như một đội, trong đó hai cầu thủ phải được khuyên nhủ đừng từ bỏ tinh thần đồng đội.

Có lẽ họ thuộc về các giám mục (người coi sóc, *episkopos*) và các chấp sự (người phục vụ, *diakonos*) mà Phao-lô chào và gửi thư cho ở đầu thư Phi-líp. Cách đọc này không gây ra vấn đề gì, nếu người ta xác tín rằng không có sự thuận phục theo thứ bậc của người nữ đối với người nam, và rằng phụ nữ cũng như đàn ông cùng làm việc với nhau trong Hội Thánh một cách ngang hàng.

4.7 Cơ-lô-ê

> [1 Cô-rinh-tô 1:11, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder] Hỡi anh em, bởi người nhà Cơ-lô-ê, tôi có được tin về anh em rằng giữa anh em có sự tranh cãi.

Có lẽ có thể nói rằng Phao-lô đã cố ý viết ngay ở đầu thư thứ nhất gửi người Cô-rinh-tô: ông đã nghe từ người nhà Cơ-lô-ê về tình trạng đang diễn ra ở Cô-rinh-tô. Vì điều đó có nghĩa là: bà Cơ-lô-ê này giữ một vai trò quan trọng, một vai trò công khai, trong Hội Thánh. Hoàn toàn có thể bà là một nữ lãnh đạo và chính bà đã gửi phái đoàn đến gặp Phao-lô.

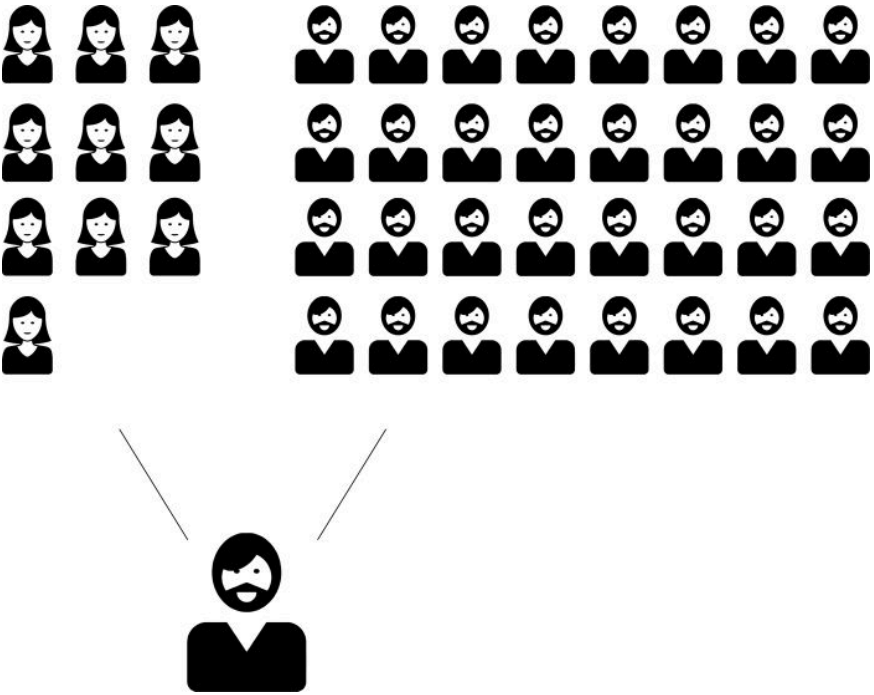
Dù sao đi nữa, bà là một người phụ nữ không chỉ là người quen thân của Phao-lô, mà ông nhắc đến bà vì bà có một tầm quan trọng đặc biệt giữa vòng người Cô-rinh-tô. Với Phao-lô, người ta không có được tầm quan trọng như vậy nhờ giàu có, nhờ giới tính hay nhờ những mối quan hệ tốt, mà nhờ sự phục vụ các tín hữu.

4.8 Nim-pha

> [Cô-lô-se 4:15, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder] Hãy chào các anh em ở Lao-đi-xê, và Nim-pha, cùng *Hội Thánh nhóm tại nhà bà*.

Điều dễ hiểu là những bà chủ của một ngôi nhà có thể tiếp đón cả một Hội Thánh tại gia cũng đảm nhận những nhiệm vụ lãnh đạo. Điều đó không bắt buộc, nhưng rất có thể. Nói chung, thật đáng chú ý khi một người phụ nữ mời các anh chị em trong đức tin đến nhà mình. Là chủ nhà, bà có thể là một góa phụ. Nếu bà có chồng và chồng cũng là tín hữu, thì càng đáng chú ý hơn khi chính bà, chứ không phải ông, được nêu ra là chủ nhà. Tương tự như thứ tự tên của Bê-rít-sin và A-qui-la. Trong gia đình thời cổ, người vợ thường là người quản lý, tuy ở dưới quyền chồng nhưng tại đó lại hành động rất tự chủ. Đáng chú ý là trong thư Cô-lô-se cũng có cái gọi là bảng bổn phận gia đình, gần như là nội quy của gia đình phụ quyền: [Cô-lô-se 3:18] "Hỡi người

làm vợ, hãy thuận phục chồng mình, như điều phải lẽ trong Chúa." Thế nhưng, chính Nim-pha là người đứng ra mời.



Trong Tân Ước, Phao-lô nêu đích danh 39 người là cộng sự của ông. 10 người trong số đó là phụ nữ. Ông nói về tất cả họ theo cùng một cách, không hề phân biệt. Nhà thần học nổi tiếng F. F. Bruce, một nhà thần học được kính trọng khắp thế giới, xuất thân từ phong trào Anh Em (các hội chúng Anh Em tự do – Open Brethren), nhận xét: "*(Phao-lô) dường như không phân biệt nam và nữ giữa các cộng sự của mình. Cả nam lẫn nữ đều được khen ngợi vì đã cộng tác trong sự phục vụ Tin Lành, không hề có dấu hiệu nào về một sự khác biệt ngầm giữa người này hay người kia về địa vị hay chức năng.*" Có lẽ còn có thể nêu thêm nhiều phụ nữ khác và xem xét kỹ hơn tên tuổi và những đặc điểm của họ. *Nhưng giờ đây hẳn đã rõ ràng rằng đối với thời đại của mình, một Phao-lô là một người bạn cách mạng của phụ nữ, người đã phá đổ những bức tường thứ bậc. Một người đã học trong trường của Chúa Giê-xu*, dù ông không trực tiếp gặp Chúa Giê-xu khi Ngài còn ở trên đất. Nhưng ông đã tận dụng nhiều dịp để tìm

hiểu về Ngài càng nhiều càng tốt. Hẳn ông đã được nghe nhiều về Chúa Giê-xu từ Phi-e-rơ và từ cộng sự của mình là Lu-ca. Trong đó có cả cách Ngài cư xử với phụ nữ. Nếu trong nhóm đồng hành của ông, theo chỗ chúng ta biết, chỉ có các cộng sự nam, thì như những bản văn này cho thấy, ông đã không phân biệt theo cách đẩy phụ nữ xuống hàng thứ hai. Với ông, điều quyết định là họ trung tín đến đâu, có ân tứ đến đâu, sẵn sàng dấn thân đến đâu. Với ông, giới tính không đáng kể!

4.9 PHAO-LÔ, NGƯỜI MẸ CHO CON BÚ

Phao-lô là người đi tiên phong. Đi ngược xu hướng của thời đại mình. Lý tưởng nam tính của thế giới Hy Lạp – La Mã, vốn siêng năng bảo đảm, bảo vệ và sống theo trật tự thứ bậc của xã hội, không hề tìm được tiếng vang tích cực nào nơi Phao-lô. Đối với Hội Thánh, lối cư xử phụ quyền và hướng về quyền lực này – muốn để người yếu cứ mãi yếu và củng cố địa vị quyền lực của chính mình – là một mối nguy lớn. Lối cư xử này ẩn sau hầu hết những căng thẳng và chia rẽ tại Cô-rinh-tô. *Ngày nay, giữa đàn ông với nhau, những vấn đề quyền lực vẫn còn đóng một vai trò, thường được đặt trên cả nội dung. Ở đây, chỉ riêng sự hiện diện của phụ nữ, chẳng hạn của vợ các anh em lãnh đạo hay của các trưởng lão, cũng có thể mang lại tác động chữa lành.*

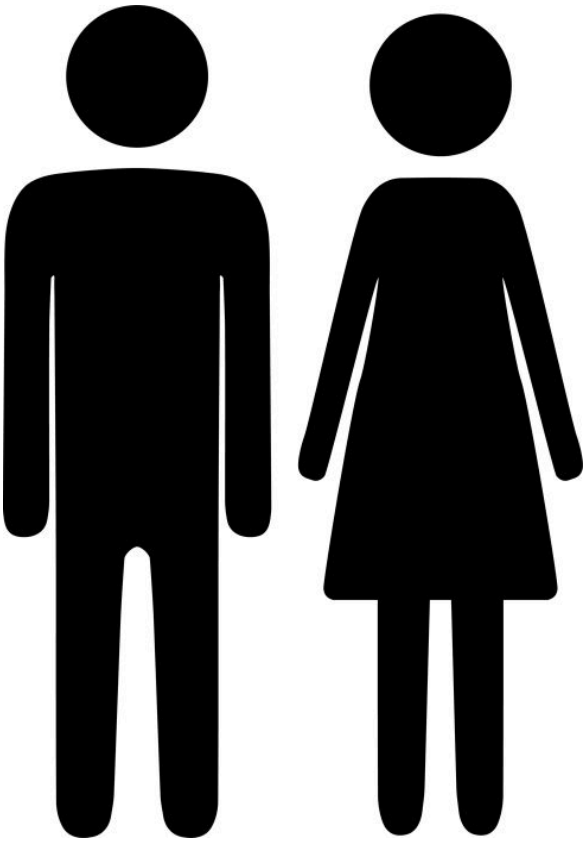
Phao-lô nhiều lần tự giới thiệu mình là người mà người ta nên bắt chước, cũng như ông là người bắt chước Đấng Christ (1 Cô-rinh-tô 4:16; 11:1; Phi-líp 3:17; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 1:6). Ông là một người đàn ông ăn nói không giỏi, một người dại vì cớ Đấng Christ, một người mẹ cho con bú, một người cha đem sự xấu hổ đến cho con cái mình, và một người đàn ông sống độc thân (1 Cô-rinh-tô 1-7). Trong xã hội thời ấy, một người đàn ông như vậy tất yếu sẽ ở vào một vị trí thấp kém, và do đó bị loại khỏi những thiết chế và địa vị dành riêng cho đàn ông.

"Theo quan điểm của Phao-lô, các thiết chế của chế độ phụ quyền là những cơ cấu áp bức của thời đại hiện tại, và không tiêu biểu cho cách dân sự Đức Chúa Trời phải sống. ... Đàn ông phải là những người dại, không phải những diễn giả lấn át người khác, không lợi dụng địa vị của mình tại các tòa án La Mã, mà phải chỉ định những người đàn ông có địa vị thấp hơn để phân xử

các vụ tranh chấp, phải đặt thân thể mình dưới quyền của vợ, và phải thích nghi với thói quen ăn uống của những người yếu. Mục đích của những cách làm ấy là ngăn ngừa tinh thần bè phái đang đe dọa xé nát người Cô-rinh-tô, bằng cách chấm dứt những lối cư xử tạo ra sự ganh đua và sự tranh giành quyền lực và địa vị, vốn tràn lan tại thành Cô-rinh-tô của La Mã. *Phao-lô tạo nên một bản sắc nam giới riêng biệt, giống Đấng Christ, mà ông biết sẽ phá ngầm thứ trò chơi địa vị và quyền lực vốn là chuẩn mực trong môi trường đô thị La Mã. Mục tiêu của Phao-lô là sự hiệp một của cộng đồng tín hữu.* Để đạt được sự hiệp một này, Phao-lô trực tiếp đặt vấn đề với những trật tự thứ bậc đặt một số thành viên của cộng đồng lên trên những người khác, bằng cách kêu gọi những thành viên có thể được hưởng lợi từ những hệ thống như vậy hãy cố ý mang lấy những bản sắc khiến họ đồng hóa mình với những thành viên có địa vị thấp hơn trong cộng đồng. *Sự gắn kết có mặt khắp nơi giữa quyền lực và nam tính đòi hỏi Phao-lô phải đề cập đến thứ nam tính mà đàn ông ở Cô-rinh-tô đang theo đuổi."*[47]

Về vấn đề vai trò của người đàn ông trong xã hội cổ đại, Tom Holland, nhà văn nổi tiếng người Anh, đưa ra những nhận xét sau: "Nền kinh tế tình dục (của thế giới cổ đại) dựa trên quyền tuyệt đối của những người đàn ông La Mã tự do được quan hệ tình dục với bất cứ ai họ muốn, và theo bất cứ cách nào họ thích." Ông nói tiếp, liên quan đến lối cư xử chung của những người đàn ông nắm quyền: "Gần như về mọi phương diện, đây là một thế giới tàn nhẫn không thể tả đối với lối suy nghĩ của chúng ta". *Theo cái nhìn của Holland, các thư và tư tưởng của Phao-lô đã đi vào thế giới ấy với tác động lớn lao, và đặc biệt đã làm xáo trộn thế giới do đàn ông thống trị.*

47. Being Subordinate Men: Paul's Rhetoric of Gender and Power in 1 Corinthians, Brian J. Robinson, Lanham, 2019, 214



5 Nam và nữ trong hôn nhân

Từ câu chuyện sáng tạo, tôi đã rút ra rằng không có sự thuận phục theo thứ bậc của người nữ đối với người nam. Cựu Ước không đòi hỏi điều đó. Thế nhưng khi đọc các thư của các sứ đồ, người ta thấy không chỉ một lần có lời chỉ dẫn rằng người vợ phải thuận phục người chồng. Từ đó – dù là vài ngàn năm sau – người ta có thể nhận ra một thứ bậc mà nay phải được sống trong hôn nhân. Phải hiểu những chỉ dẫn này như thế nào? Để hiểu, cần phải nhìn lại đời sống hôn nhân và gia đình của thế kỷ thứ nhất. Nhiều điều tôi đã mô tả và trích dẫn về mối quan hệ giữa người nam và người nữ trong lịch sử sẽ được nhắc lại một cách sống động ở đây.

5.1 Gia đình thời cổ và các quy tắc của nó

Oikos (tiếng Hy Lạp: οἶκος) trong thời Hy Lạp và La Mã cổ đại là cộng đồng chung sống và làm ăn của một nhà, là trung tâm của đời sống. Oikos bao gồm gia đình cùng gia nhân và nô lệ, đất đai, nhà cửa và mọi tài sản có thể di chuyển – tương tự như villa của người La Mã. Người đứng đầu gia đình là chủ nhà, tức Kyrios, người cai quản vợ con mình theo lối gia trưởng, và thường cả những người con trai đã trưởng thành cùng vợ của họ đang sống trong Oikos.

Ngôi nhà là không gian sống và là hình thức thời cổ của điều chúng ta gọi là gia đình. Không phải gia đình nhỏ với một hay hai con, mà là đại gia đình gồm cha mẹ hoặc cha mẹ chồng và những người thân chưa lập gia đình. Dĩ nhiên quy mô của một nhà tùy thuộc vào khả năng tài chính. Đại đa số người ta nghèo và sống ở mức tối thiểu để tồn tại hoặc dưới mức đó. Dù họ sống trong những túp lều đất, cấu trúc gia đình xã hội của họ vẫn là cấu trúc của gia đình thời cổ.

Gia đình thời cổ là xương sống của xã hội thời cổ. Việc đứng đầu và điều hành gia đình thuộc về chủ nhà, tức *paterfamilias*. Ngôi nhà (domus) – được các tác giả thời cổ gọi là tế bào mầm của xã hội và là một thành phố thu nhỏ –

đồng thời cũng trở thành một trong những ẩn dụ quan trọng nhất cho các Hội Thánh Cơ Đốc đầu tiên. Chẳng hạn khi giáo hội hay Hội Thánh được gọi là một nhà hay một cộng đồng gia đình, mà Đức Chúa Trời là chủ nhà đứng đầu (xem các thư gửi Ti-mô-thê và thư gửi Tít).

Như vậy, ngôi nhà là hình ảnh tiêu biểu của gia đình thời cổ, là một ngôi nhà thật, đồng thời là hình ảnh của nhà Đức Chúa Trời, tức Hội Thánh. Các buổi nhóm của Cơ Đốc nhân được tổ chức trong những ngôi nhà ấy.

Sách Công Vụ và Phao-lô thường nói đến *cái nhà*. Chúng ta phải hiểu khái niệm "nhà" trong môi trường văn hóa thời Phao-lô, chứ không qua lăng kính của thời đại chúng ta.

Có những người phụ nữ đứng đầu nhà mình, trong đó không ít người là góa phụ. Họ trở thành chủ nhà tiếp đón các Hội Thánh tại gia, và với tư cách đó họ cũng nắm giữ những chức vụ lãnh đạo.

Gia đình thời cổ là một nơi thiêng liêng, có bàn thờ trong nhà, nơi hằng ngày người ta dâng của tế lễ cho các thần. Sự an lành của cộng đồng người trong nhà tùy thuộc vào việc vun đắp (cultus) mối quan hệ với các thần linh, là điều được cho là bảo đảm sự bình an với các thần. Ngôi nhà là không gian của người phụ nữ, và chính bà là nữ thầy tế lễ thực hiện các nghi lễ ấy. Hãy thử hình dung, khi một người vợ trở thành Cơ Đốc nhân mà người chồng thì không, những tình huống khó khăn nào đã nảy sinh.

Tại sao những sự kiện lịch sử này lại quan trọng cho đề tài của chúng ta? Vì các sứ đồ đã nói những chỉ dẫn của mình vào chính những cấu trúc quan hệ thời cổ ấy, là những cấu trúc mà chúng ta không biết đến từng chi tiết và ngày nay chúng ta cũng không còn sống trong đó.

Ngôi nhà, tức là đại gia đình, được Tân Ước mô tả như một thực tại có sẵn. Nó không bị đánh giá là tốt hay xấu. Nó là một "sản phẩm văn hóa" rất xa xưa. Nó đã phát triển như thế qua hàng ngàn năm, với nhiều ưu điểm và khuyết điểm. Tin Lành đã đến ngay giữa thực tại ấy.

5.1.1 Các bảng bổn phận gia đình trong Tân Ước

"Một bảng bổn phận gia đình trong Tân Ước là một quy định về địa vị, chức năng hay vai trò dành cho các thành viên của một gia đình Cơ Đốc thời cổ trong mối quan hệ với nhau. Thuật ngữ do Martin Luther đặt ra (phụ lục thứ hai của Sách Giáo lý Nhỏ năm 1529) được dùng trong các bản Kinh Thánh Luther dưới dạng 'Bảng bổn phận gia đình Cơ Đốc' làm tiêu đề phụ cho Ê-phê-sô 5:21-6:9 và Cô-lô-se 3:18-4:1. Thuật ngữ này được dùng cho những bản văn Tân Ước mang tính đạo đức, liên quan đến các nhóm người trong gia đình, đôi khi cũng trong Hội Thánh (như 'nhà của Đức Chúa Trời', 1 Ti-mô-thê 3:15), nhưng không liên quan đến lĩnh vực xã hội – chính trị."[48]

Những đoạn văn nói về cách người chồng và người vợ nên cư xử trong hôn nhân, hay nên hiểu vai trò của mình trong mối quan hệ với nhau, thuộc về cái gọi là các bảng bổn phận gia đình hay các bộ luật gia đình. *Sự dạy dỗ của Tân Ước về hôn nhân gắn liền với câu hỏi: cả một gia đình nên nhìn vị trí mới của họ đối với nhau như thế nào, nay khi một số người hoặc tất cả họ đã là Cơ Đốc nhân.* Trong Tân Ước và các văn phẩm Cơ Đốc thời kỳ đầu có rất nhiều ví dụ về điều đó:

Ê-phê-sô 5:21-6:9; Cô-lô-se 3:18-19; 1 Ti-mô-thê 2:8-15 (nam – nữ)

1 Ti-mô-thê 6:1-2 (nô lệ – chủ)

Tít 2:1-10 (đàn ông lớn tuổi, đàn bà lớn tuổi, thanh niên, nô lệ)

1 Phi-e-rơ 2:18-3:7 (nô lệ, người vợ, người chồng)

Trong các văn phẩm Cơ Đốc về sau, kể cả sách Didache, chúng được phát triển thêm theo những hướng khác: Didache 4:9-11 (cha, con cái, chủ, nô lệ); thư Barnabas 19:5-7 (cha, con cái, nô lệ, chủ); 1 Clement 1:3 (người lãnh đạo, người trẻ, phụ nữ), 21:6-9 (người lãnh đạo, người lớn tuổi/người trưởng thành, người trẻ, người vợ, con cái); thư Ignatius gửi Polycarp 4:1-6:2 và thư Polycarp gửi tín hữu Phi-líp 4:2-6:1 (người vợ, góa phụ, chấp sự, thanh niên, trinh nữ, trưởng lão).

48. WiBiLex, Das wissenschaftliche Bibellexikon im Internet (từ điển Kinh Thánh học thuật trên mạng, bằng tiếng Đức)

Những bài dạy căn bản như thế dành cho các nhóm xã hội cũng xuất hiện trong các bản văn không thuộc Cơ Đốc giáo, có lẽ rõ nhất là trong tác phẩm Chính trị luận (Politics) của Aristotle, rồi đến Arius Didymus cũng như nơi các triết gia đường phố (Pseudo-Charondas, Pseudo-Zaleucus).

"McKnight nhận xét rằng các quy tắc gia đình này nói với những người đọc khác nhau theo những cách khác nhau. Với một số người, chúng ủng hộ rõ ràng các cấu trúc phụ quyền; chúng xác nhận quan niệm theo thứ bậc rằng người cha và người chồng là đầu của gia đình, và qua đó họ muốn nói rõ rằng ông có thẩm quyền trên mọi người dưới sự chăm sóc của mình. Với những người khác, chúng cho thấy một điều khác. '*Trong khi một số người khám phá trong những đoạn văn này sự thiết lập chế độ phụ quyền, thì những người khác thấy chính cấu trúc ấy bị truất ngôi, hoặc ít ra có cơ hội bị truất ngôi.* Vậy có vẻ như, giống như rất thường thấy trong Kinh Thánh, các bảng bổn phận gia đình này kể cho chúng ta đôi điều về quan điểm xưa của các tác giả và đôi điều về chính chúng ta khi chúng ta đọc chúng! ... *Tất cả chúng ta nên đồng ý rằng việc giải nghĩa bảng bổn phận gia đình mang theo những quan niệm xã hội của riêng chúng ta.*'"[49]

Thật vậy, vào thời đó, đối với một người vợ Cơ Đốc, việc nghe rằng người ta trông đợi nơi mình sự thuận phục chẳng có gì mới. Nhưng tôi hình dung rằng lời chỉ dẫn dành cho người chồng, được đọc to lên cho mọi người cùng nghe, tức cả Hội Thánh tại gia, đã gây nên những làn sóng lớn trong cả gia đình. Giờ đây bà và những người chung quanh biết rằng cách cư xử ấy cũng được trông đợi nơi ông, người paterfamilias. Cuộc cách mạng Cơ Đốc xảy ra ở chính chỗ này.

5.1.2 Tác động của các bảng bổn phận gia đình Cơ Đốc

"Scot McKnight chỉ ra rằng các bảng bổn phận gia đình Cơ Đốc có một mục đích cụ thể. Chúng 'được soạn ra để khuyến khích những cách cư xử đáng kính trọng trong xã hội, làm nền tảng cho sự an toàn xã hội, cho việc biện giáo và truyền giảng Tin Lành' (1 Phi-e-rơ 2:13-3:7, nhất là 2:12, 14; 3:2).

49. Peppiatt, Lucy, tr. 87-88, Rediscovering Scripture's Vision for Women: Fresh Perspectives on Disputed Texts, 2020, IVP Academic, Downers Grove, Illinois

Cơ Đốc nhân phải "sống như người tự do, nhưng đừng dùng tự do mình để làm điều ác; hãy sống như nô lệ của Đức Chúa Trời" (1 Phi-e-rơ 2:16). *Cơ Đốc nhân bị nghi ngờ là rao giảng một sứ điệp có tính lật đổ, vì thế họ bị đem ra soi xét; và vì trong triết học đạo đức Hy Lạp – La Mã, gia đình được hiểu là "đơn vị nền tảng của nền văn minh", nên ảnh hưởng của các tôn giáo đáng ngờ trên gia đình bị theo dõi chặt chẽ.*

Trong các bảng bổn phận gia đình, các thư tín có những yếu tố âm thầm làm lung lay trật tự cũ, khi xoay lưng lại và đảo ngược quan niệm về thứ bậc thời bấy giờ. Những người ở địa vị thấp được nói đến trực tiếp trong các thư. Đó là một điều mới mẻ hết sức Cơ Đốc, dường như độc nhất trong môi trường thời cổ. Các bảng bổn phận gia đình trong Tân Ước nói trực tiếp với phụ nữ, nô lệ và con cái bên cạnh chồng, chủ và cha của họ, và điều đó cho thấy tác giả công nhận cả khả năng hành động lẫn phẩm giá của họ.

Hurtado viết: "*Chúng ta không nên vội vàng bỏ qua ý nghĩa của điều này – dù chỉ là một sự công nhận phẩm giá khiêm tốn như vậy – trong môi trường xưa ấy, đối với những người vốn không có khả năng thay đổi hoàn cảnh của mình*. Điều không hiển nhiên đối với người đọc hiện đại là các bảng bổn phận gia đình Cơ Đốc xem những nhóm ở địa vị thấp là những chủ thể đạo đức, 'có khả năng và có trách nhiệm đáp ứng những lời khuyên bảo dành cho họ'. *Hãy nhớ rằng cả gia đình cùng nhau thờ phượng và các bức thư được đọc trước Hội Thánh đang nhóm lại. Những người ở tầng lớp thấp nghe những chỉ dẫn dành cho bề trên của họ và ngược lại. Đây thật sự là chìa khóa giải thích vì sao các bảng bổn phận gia đình Cơ Đốc có tính lật đổ; chúng chứa đựng trong mình sự đảo ngược các thứ bậc thông thường đã được dành cho đàn ông, phụ nữ, nô lệ và con cái, cũng như những điều người ta đòi hỏi nơi họ."*[50]

5.1.3 Bảng bổn phận gia đình trong Ê-phê-sô 5

Dưới tiêu đề trật tự gia đình thời cổ hay bảng bổn phận gia đình, tôi trích dẫn hai nhà giải kinh nổi tiếng, là những người đã nói thật hay và gọn về sức mạnh làm đảo lộn và mang tính cách mạng của Tin Lành đối với những cấu trúc xưa ấy.

50. Peppiatt, Lucy, tr. 87-88, Rediscovering Scripture's Vision for Women: Fresh Perspectives on Disputed Texts, 2020, IVP Academic, Downers Grove, Illinois

Michael Bird đã phỏng vấn Lynn Cohick về bộ giải kinh mới của bà về thư Ê-phê-sô trong loạt sách nổi tiếng NICNT, và trong số những câu hỏi khác đã hỏi bà câu này:[51] *Ngày nay chúng ta làm gì với các bảng bổn phận gia đình? Chúng ta có nên cố gắng làm theo chúng từng chữ, hay chúng ta tô vẽ chúng như một nỗ lực Cơ Đốc hóa nền đạo đức xã hội ngoại giáo?*

"Chúng ta nên vâng lời Kinh Thánh – dĩ nhiên rồi! Câu hỏi là Phao-lô đòi hỏi điều gì. Đến đây thì khái niệm 'theo nghĩa đen' được đưa vào. Chúng ta không thể vâng lời Kinh Thánh từng chữ ở những chỗ có các quy định về chế độ nô lệ, vì chế độ nô lệ bị cấm (dù tôi biết rằng chế độ nô lệ vẫn còn tồn tại, chẳng hạn như nạn buôn bán phụ nữ). Chúng ta ngầm công nhận rằng Phao-lô không đòi hỏi các xã hội phải có chế độ nô lệ; đúng hơn, ông nói đến một nhu cầu: giáo hội phải đối xử thế nào với các thành viên của mình là nô lệ và chủ nô. Chúng ta phải tìm ra điều ông muốn liên quan đến các mối quan hệ giữa người với người và đến tính cách / đức hạnh, rồi áp dụng điều đó vào ngữ cảnh của chúng ta. Từ đoạn văn về chế độ nô lệ, tôi rút ra rằng lời khẳng định của Phao-lô – Đức Chúa Trời không thiên vị ai – đánh trúng cốt lõi của những mối quan hệ thống trị và lạm dụng. Chế độ nô lệ được xây dựng trên sự thống trị, bạo lực và sự đe dọa. Tất cả những điều đó Đức Chúa Trời không thể chấp nhận, vì Ngài xem mọi người đều có giá trị như nhau.

Nền đạo đức xã hội ngoại giáo mang tính thứ bậc, với một trật tự thống trị dành cho những người ở địa vị cao trong xã hội, người giàu, người có quyền thế, và với sự thiếu hụt địa vị / sự tôn trọng trong xã hội dành cho người nghèo. Một người phụ nữ làm chủ nô có thẩm quyền trên nô lệ nam của bà. Trong trường hợp này, quyền sở hữu vượt trên giới tính. *Do hệ thống thứ bậc xã hội nhiều tầng, phức tạp trong thế giới La Mã, mỗi người đều phải thuận phục một người khác, và chìa khóa là phải lo sao cho mình làm điều đó cho đúng. Ngày nay chúng ta xem 'sự thuận phục' là một từ tiêu cực, nhưng thời cổ thì không phải như vậy.* Khi Phao-lô xin mọi tín hữu '*thuận phục nhau*' (Ê-phê-sô 5:21), ông mong rằng họ tôn trọng nhau như những người cùng một đức tin, chứ không dựa trên giá trị xã hội mà xã hội tình cờ đã gán cho người tín hữu ấy. Một người chồng yêu vợ mình cách hy sinh bản thân, như Đấng Christ đã làm cho Hội Thánh Ngài, là điều mang tính cách mạng đối với thế giới ngoại bang. Phao-lô đưa sự tương hỗ, sự cùng nhau và sự hỗ tương vào hôn nhân, vì

51. www.patheos.com/blogs/euangelion/2020/07/lynn-cohick-on-ephesians/#disqus_thread

người chồng nhìn vợ mình như thể bà là chính thân thể của ông. Ở đây ngụ ý rằng người vợ cũng nhìn chồng mình như thể ông là chính thân thể của bà. Phao-lô viết điều này trong 1 Cô-rinh-tô 7:1-4, khi ông xác định rằng người chồng không có thẩm quyền trên chính thân thể mình, nhưng vợ ông thì có. *Một khi chúng ta nhận ra loại tình yêu hỗ tương, hy sinh bản thân nào phải là dấu hiệu của hôn nhân, và nhận ra rằng vào thời ấy mỗi người đều thuận phục một ai đó như một phần của nền văn hóa đương thời để tôn trọng người khác, thì chúng ta có thể có một cái nhìn mới về đoạn văn gây tranh cãi ấy, nơi theo nghĩa đen có viết: 'Người làm vợ đối với chồng mình như đối với Chúa' (5:22).* Người đọc chú ý sẽ nhận thấy rằng tôi đã quên động từ, nhưng thật ra chính Phao-lô là người bỏ đi động từ. Hay nói chính xác hơn, ông lấy động từ từ câu trước, là câu đòi hỏi mọi tín hữu vì lòng tôn kính / kính sợ Đấng Christ mà thuận phục nhau."

5.1.4 Lý do của sự thuận phục lẫn nhau

Craig Keener, nhà thần học và nhà giải kinh có tiếng, mở đầu bài viết về bảng bổn phận gia đình trong Ê-phê-sô 5 với chút mỉa mai[52]: "Đôi khi Phao-lô bị mang tiếng xấu. Những câu chuyện của người nô lệ đầy dẫy cảm xúc của những người từng làm nô lệ, là những người yêu Chúa Giê-xu nhưng ghét Phao-lô, vì các chủ nô thường xuyên trích dẫn Ê-phê-sô 6:5: 'Hỡi kẻ làm nô lệ, hãy vâng lời chủ mình'. Điều các chủ nô không trích dẫn là phần còn lại của đoạn văn, nơi tiếp theo có viết: 'Hỡi kẻ làm chủ, hãy đối xử với họ cũng như vậy' (6:9). Nghĩa là, nếu nô lệ phải vâng lời chủ mình, thì chủ cũng phải vâng lời nô lệ mình!

Có ai trong thế kỷ thứ nhất hiểu Phao-lô theo nghĩa đen ở điểm này không? Có lẽ là không. *Nhưng điều đó không thay đổi sự thật rằng điều ông thật sự nói đã bày tỏ một trong những quan điểm triệt để nhất chống lại chế độ nô lệ trong thời của ông. Ông không nói đến việc dùng bạo lực lật đổ định chế ấy;* ngay cả những cuộc nổi dậy thất bại của nô lệ trong thời ông cũng chưa bao giờ thử làm điều đó. Nhưng ông nói về một nền đạo đức vượt ra ngoài lý thuyết suông.

52. www.cbeinternational.org/resource/article/mutuality-blog-magazine/case-mutual-submission-ephesians-5. Trang web www.cbeinternational.org cung cấp nhiều tài liệu tốt về đề tài vai trò của nam và nữ trong Hội Thánh. Khẩu hiệu của trang web này là: Phụ nữ và nam giới cùng lãnh đạo, phục vụ như những người bình đẳng.

Một số triết gia Khắc kỷ thời đầu đã đứng ra bênh vực sự bình đẳng của con người, nhưng phái Khắc kỷ đã rút lui khỏi lập trường ấy, và những ai có điều kiện thì đều có nô lệ. Về nguyên tắc, Phao-lô đồng ý với phái Khắc kỷ: ông khẳng định rằng nô lệ và chủ nô có cùng một Chủ ở trên trời (Ê-phê-sô 6:9). *Nhưng lời chỉ dẫn của ông, 'hãy đối xử với họ cũng như vậy', đi xa hơn lý thuyết, vào thực hành.*

Đây không phải là chuyện tình cờ, không phải Phao-lô lỡ lời hay người chép thư của ông lỡ tay. Phao-lô đặt toàn bộ đoạn văn về bảng bổn phận gia đình của mình trong khung của sự thuận phục lẫn nhau. Bạn hỏi: bảng bổn phận gia đình là gì?

Trong tác phẩm về việc cai trị quốc gia, nhà tư tưởng Hy Lạp Aristotle có một phần lớn bàn về vai trò của gia đình. Trong đó ông chỉ dẫn người nam làm chủ gia đình cai trị vợ, con cái và nô lệ của mình. Những nhà tư tưởng đến sau cũng tiếp nhận cùng một khuôn mẫu ấy, thường theo cùng một thứ tự. *Vì Rô-ma nghi ngờ rằng các nhóm tôn giáo thiểu số đang làm xói mòn những giá trị truyền thống này, nên các nhóm ấy thường cố gắng khẳng định rằng họ tin vào các giá trị La Mã.*

Phao-lô trình bày một loạt các bảng bổn phận gia đình theo cùng thứ tự như Aristotle: mối quan hệ của người nam làm chủ gia đình với vợ, con cái và nô lệ. Có thể Phao-lô suy nghĩ như một thành viên của một tôn giáo thiểu số – suy cho cùng, ông viết thư từ cảnh bị giam cầm dưới quyền La Mã và có lẽ đang ở tại Rô-ma (Ê-phê-sô 3:1; 4:1; 6:20).

Nhưng Phao-lô thay đổi công thức quen thuộc. Thay vì chỉ nói với những người đàn ông có nô lệ, ông cũng nói với phụ nữ, con cái và nô lệ, là những người chiếm phần lớn hơn trong Hội Thánh. (Trong các Hội Thánh thành thị của Phao-lô, nô lệ hẳn là những nô lệ trong nhà, có nhiều tự do hơn và thường có cơ hội được trả tự do hơn những nô lệ khác. Dù vậy, họ vẫn là nô lệ.)

Hơn nữa, ông không bao giờ chỉ dẫn người nam làm chủ gia đình phải cai trị. Thay vào đó, ông phải yêu vợ mình và phục vụ bà bằng cách hy sinh mạng sống mình vì bà (5:25). Ông không được chọc giận con cái mình (6:4) và phải đối xử với nô lệ như những người cùng làm đầy tớ của Đức Chúa Trời (6:9).

Quan trọng nhất là Phao-lô đặt toàn bộ danh sách chỉ dẫn của mình (5:21-6:9) trong một khung, bằng cách kêu gọi sự thuận phục lẫn nhau: hãy thuận phục nhau (5:21), thậm chí cả đối với nô lệ (6:9). *Điều này đặt sự thuận phục vào một ngữ cảnh mới: gương mẫu và sự dạy dỗ của Chúa chúng ta, Đấng đã mời gọi tất cả chúng ta phục vụ lẫn nhau* (Mác 10:42-45; so sánh Giăng 13:14-17, 34-35; Ga-la-ti 5:13-14).

Ngày nay có một số người đàn ông thích trích Ê-phê-sô 5:22 ('Hỡi người làm vợ, hãy thuận phục chồng mình') ra khỏi ngữ cảnh, giống như các chủ nô đã trích Ê-phê-sô 6:5.

Nhưng trong tiếng Hy Lạp, câu 5:22 không có động từ. Câu ấy chỉ nói: 'Người làm vợ đối với chồng mình'. Dĩ nhiên câu ấy không nói: 'Hỡi người làm vợ, muốn làm gì với chồng mình thì làm.' Văn phạm Hy Lạp giả định rằng chúng ta lấy động từ từ câu trước, và động từ ấy là 'thuận phục'. Nhưng vì động từ được lấy từ câu 5:21, nên nó không thể mang nghĩa nào khác với nghĩa trong câu 5:21. *Sự thuận phục của người vợ chỉ là một ví dụ của sự thuận phục lẫn nhau; cũng như người chồng hy sinh mạng sống mình vì vợ.*

Một số người phản bác: 'Nhưng sự thuận phục được nói rõ là chỉ dành cho người vợ!' À, nhưng mệnh lệnh phải yêu thương cũng được nói rõ là chỉ dành cho người chồng (5:25). Dù vậy, chúng ta hiểu rằng mọi Cơ Đốc nhân phải yêu thương nhau (5:2) và mọi Cơ Đốc nhân phải thuận phục nhau (5:21). *Dù Phao-lô không cố bao quát mọi hoàn cảnh, ông vẫn cho chúng ta một nguyên tắc chung về cách chúng ta nên sống với nhau: quan tâm đến lợi ích của người khác, lắng nghe nhau và yêu người khác hơn chính mình."*

5.1.5 Những chỉ dẫn cho đời sống Cơ Đốc – ngày nay

Vậy, cái gọi là các bảng bổn phận gia đình không thể bao quát mọi hoàn cảnh sống và đưa ra những chỉ dẫn cụ thể cho từng hoàn cảnh. Nhưng có những chỉ dẫn luôn luôn có giá trị, ở mọi nơi. "Chúng ta suy nghĩ về những bảng bổn phận gia đình này như cách Kinh Thánh đưa ra một khuôn khổ cho đời sống Cơ Đốc nhân trong xã hội. Nhưng có thể đối với nhiều người, chúng đơn giản là không liên quan, vì chúng chẳng giống chút nào với hoàn cảnh sống của chính họ. Nếu một người sống một mình, một mình nuôi con, hoặc

sống chung với một nhóm bạn bè, như thường thấy ở phương Tây, thì các bảng bổn phận gia đình sẽ chẳng đóng góp gì cho đời sống cộng đồng của họ. Hơn nữa, chúng ta mặc nhiên cho rằng Cơ Đốc nhân sẽ không có nô lệ. Vậy sẽ không có nô lệ, và có lẽ không có chồng, không có vợ và không có con cái. Trong một nhà có thể chỉ có đàn ông hoặc chỉ có phụ nữ, như trong các cộng đoàn tu viện suốt nhiều thế kỷ nay. Trong những ngữ cảnh ấy, đời sống Cơ Đốc sẽ không được định hình bởi trật tự gia đình, mà bởi vô số cách cư xử '*lẫn nhau*'. Trong Tân Ước có 59 câu như thế, trong đó trước hết mọi Cơ Đốc nhân đều được kêu gọi 'yêu thương nhau', tha thứ, khích lệ, sống hòa thuận, chịu đựng nhau, thuận phục nhau, cầu nguyện cho nhau, chia sẻ với nhau mọi điều mình có, không ghét nhau, không vu khống, không nói dối, không cắn nuốt nhau. *Ngay cả Cơ Đốc nhân đã lập gia đình và người cha hay người mẹ Cơ Đốc cũng bị ràng buộc bởi những câu 'lẫn nhau' ấy, và trước hết phải được định hình bởi lời khuyên bảo về 'tình yêu thương lẫn nhau'."*[53]

5.1.6 Người phụ nữ trong gia đình thời cổ

Để thực tế đời sống trong gia đình thời cổ trở nên cụ thể, mô tả sau đây về phụ nữ, nhất là các nữ nô lệ, thật làm người ta tỉnh ngộ: "Cũng cần lưu ý rằng khi nghiên cứu đời sống của phụ nữ trong các Hội Thánh tại gia, chúng tôi đã tìm thấy những bằng chứng vừa về vai trò lãnh đạo, sự góp phần và sự tham gia của phụ nữ vào đời sống cộng đồng ở mọi cấp độ, vừa về sự bất lực và nỗi khổ của phụ nữ. Phụ nữ Cơ Đốc thời đầu đã không thoát khỏi nhiều số phận và hoàn cảnh khủng khiếp mà phụ nữ thời ấy phải đối diện. Sự chú ý của chúng tôi đặc biệt hướng về cảnh khốn cùng của những phụ nữ bất lực nhất trong hệ thống, dù là người Do Thái, Cơ Đốc nhân hay người khác: các nữ nô lệ. Xã hội được xây dựng trên chế độ nô lệ và không thể tồn tại nếu thiếu nó. *Hầu hết các gia đình, dù khiêm tốn đến đâu, đều phần nào dựa vào sức lao động của nô lệ. Việc nô lệ phải sẵn sàng về mặt tình dục cho chủ mình và cho bất cứ ai được chủ cho phép là điều đương nhiên.* Các nữ nô lệ Cơ Đốc trong độ tuổi sinh sản hẳn thường rơi vào những hoàn cảnh gần như không lối thoát, vì họ được dạy phải sống theo một chuẩn mực đạo đức Cơ Đốc, mà thường thì họ không thể làm được. Chẳng hạn, chúng ta không thể loại trừ khả năng rằng

53. Peppiatt, 88, Như trên.

đối với một số người trong họ, sự trong sạch và lòng chung thủy với chính con cái mình và với cha của con mình là điều không thể, và đối với một số nữ nô lệ tuyệt vọng là thành viên của các nhóm Hội Thánh, nhất là khi họ thuộc quyền sở hữu của người không phải Cơ Đốc nhân, hành động bỏ rơi một đứa trẻ sơ sinh có vẻ như là điều cần thiết để sống còn. Chúng ta muốn hy vọng rằng trong một gia đình tin Chúa thì cuộc sống sẽ khác, nhưng không có bằng chứng xác đáng nào cho thấy là như vậy, và có rất nhiều bằng chứng cho thấy cả gia đình thường không cùng nhau theo đức tin mới. Có lẽ đã có nhiều nô lệ Cơ Đốc trong những gia đình phần lớn không phải là Cơ Đốc nhân, và đời sống đức tin của họ quả thật là khắc nghiệt".[54]

Sự thuận phục – sự tự đặt mình dưới người khác – không bị ép buộc mà tự nguyện đối với Chúa Giê-xu Christ và đối với bất cứ ai là môn đồ của Ngài cho thấy Chúa Giê-xu là Đấng thế nào. Bản tính của chính Đức Chúa Trời được bày tỏ khi chủ nô thuận phục nô lệ và người chồng thuận phục người vợ – và ngược lại. *Nhưng khi sự thuận phục là lẫn nhau, thì lý do của nó không thể là một sự khác biệt về thứ bậc.* Trong thế gian (thời bấy giờ), đó là chuẩn mực và là bổn phận phải giữ. Trong Nước Đức Chúa Trời thì không như vậy. Vì thế, sự thuận phục của người vợ đối với chồng mình chẳng liên quan gì đến một quan hệ thứ bậc. Nét đặc trưng của sự thuận phục là: dù bình đẳng, người ta vẫn chọn thái độ thuận phục, chứ không phải vì một hệ thống thứ bậc vốn đã đòi hỏi điều đó.

Tôi xin kết thúc với nhận xét rằng thời cổ đại này không chỉ có cảm giác xa vời vô cùng về mặt lịch sử, mà chúng ta ở phương Tây, ở nước Đức, đang sống trong một thời đại rất khác, tự do hơn, đơn giản hơn, an toàn hơn, thậm chí được phước về nhiều mặt. Chúng ta đọc các bảng bổn phận gia đình cho chính mình thế nào? Ngày nay chúng có thể được thực hiện theo nghĩa đen không? Chúng ta áp dụng chúng thế nào?

5.2 Đầu và sự thuận phục: Ê-phê-sô 5

Khi Phao-lô đi đến Tiểu Á, Hy Lạp và Ý, ông tiếp xúc với những nền văn hóa nhìn người phụ nữ theo một cách hoàn toàn khác với cách quen thuộc với

54. Osiek, Carolyn, 2006, A Woman's Place: House Churches in Earliest Christianity, 127

chúng ta ngày nay ở phương Tây. Vậy chúng ta phải cố gắng nhìn những lời giải thích của Phao-lô về hôn nhân, gia đình và vai trò của phụ nữ dưới ánh sáng của hoàn cảnh thời đó và cách người ta đối xử với phụ nữ khi ấy.

Bản văn kinh điển về vai trò làm đầu của người nam là Ê-phê-sô 5. Phao-lô nói rõ ràng và không thể hiểu lầm rằng người chồng là đầu của vợ mình và người vợ phải thuận phục chồng:

> [Ê-phê-sô 5:22-33, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder] Hỡi người làm vợ, hãy thuận phục chồng mình như thuận phục Chúa. Vì chồng là đầu vợ, cũng như Đấng Christ là đầu Hội Thánh; Ngài là Cứu Chúa của thân thể. Nhưng như Hội Thánh thuận phục Đấng Christ, thì người làm vợ cũng phải thuận phục chồng mình trong mọi sự.
>
> Hỡi người làm chồng, hãy yêu vợ mình, như Đấng Christ cũng đã yêu Hội Thánh và phó chính mình vì Hội Thánh, để Ngài thánh hóa Hội Thánh, làm cho Hội Thánh tinh sạch bằng cách rửa trong nước bởi Lời, để Ngài trình Hội Thánh ra trước mặt Ngài cách vinh hiển, không vết, không nhăn, không chi giống như vậy, nhưng thánh khiết và không chỗ trách được. Cũng vậy, người làm chồng phải yêu vợ như chính thân thể mình. Ai yêu vợ mình là yêu chính mình. Vì chẳng hề có người nào ghét chính thân thể mình, nhưng nuôi nấng và chăm sóc nó, như Đấng Christ đối với Hội Thánh. Vì chúng ta là các chi thể của thân Ngài, thuộc về thịt và xương Ngài. "Vì vậy người nam sẽ lìa cha mẹ mà gắn bó với vợ mình, và cả hai sẽ nên một thịt." Sự mầu nhiệm ấy là lớn; nhưng tôi nói về Đấng Christ và Hội Thánh. Dầu vậy, mỗi người trong anh em hãy yêu vợ mình như chính mình; còn người vợ thì phải kính sợ chồng.

Phao-lô viết cho tín hữu Cô-lô-se:

> [Cô-lô-se 3:18-19, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder] Hỡi người làm vợ, hãy thuận phục chồng mình, theo như điều phải lẽ trong Chúa. Hỡi người làm chồng, hãy yêu vợ mình, chớ hề cay nghiệt với vợ.

5.2.1 Đầu

Trong Ê-phê-sô 5, cái đầu của con người (tiếng Hy Lạp: *kephale*) theo nghĩa bóng, nghĩa ẩn dụ, là cơ quan điều khiển. Trong đoạn văn này cũng như ở những chỗ khác trong thư, đầu tượng trưng cho địa vị bề trên, sự cao trọng, quyền cai trị.

Điều đáng chú ý là chức năng cai trị, lãnh đạo và quyết định ấy của đầu không hề được nhắc đến hay đòi hỏi bằng một lời nào. Nếu chúng ta làm nổi bật những chỉ dẫn cụ thể dành cho người chồng, thì chúng ta hiểu những chức năng nào định nghĩa vai trò làm đầu và những chức năng nào thì không:

1. Dầu vậy, mỗi người trong anh em hãy yêu vợ mình như chính mình.
2. Người chồng là cứu tinh (người giải cứu) của thân thể, như Đấng Christ.
3. Hỡi người làm chồng, hãy yêu vợ mình, như Đấng Christ cũng đã yêu Hội Thánh và phó chính mình vì Hội Thánh.
4. Cũng vậy, người làm chồng phải yêu vợ như chính thân thể mình.

Trong đoạn văn này, phần lớn các câu nói về người chồng, chỉ có 3 câu nói về người vợ. Việc Phao-lô không mô tả hay đòi hỏi thẩm quyền của đầu hẳn là có chủ ý. Ông không đơn giản là quên điều đó. Tôi sẽ nói thêm về điều này ở phần dưới.

5.2.2 Gia đình thời cổ đại

Chương 5 này và phần đầu chương 6 nói về vợ chồng. Rồi đến cha và con cái, nô lệ và chủ. Những người này – có thể kể thêm ông bà hay cha mẹ chồng, anh chị em chưa lập gia đình, cô dì chú bác – hợp thành *cái nhà*, tức đại gia đình (xem chương 5.1). Xã hội thời đó không được định hình bởi những gia đình nhỏ như ngày nay. Cả nhà sống dưới một mái nhà. Theo chế độ phụ quyền. Người cha, dù sao đi nữa cũng là một người đàn ông, có địa vị ưu tiên trong nhà. Không chỉ trên vợ mình.

Cơ cấu xã hội ấy của (đại) gia đình không phải là một sự mặc khải của Phao-lô, mà là điều bình thường trong thời của ông. *Ông không vạch ra một mô hình gia đình mới hay tốt hơn, mà là một "mô hình cư xử" mới.*

Trật tự thứ bậc được mô tả ở đây không phải là mô hình lý tưởng – dù ông so sánh nó với Đấng Christ và Hội Thánh –, mà là hậu quả của sự sa ngã. Chế độ phụ quyền là một phần của sự ứng nghiệm những lời phán phạt dành cho người nữ, rằng người nam sẽ cai trị người nữ.

Sự so sánh Đấng Christ và Hội Thánh với người chồng và người vợ là một hình ảnh để dạy dỗ, một phép loại suy. Một hình ảnh đặt trách nhiệm lên người chồng, khi ông được so sánh với đầu, với Đấng Christ. Và là một hình ảnh không đặt thứ bậc lên hàng đầu khi nói về mối quan hệ giữa Đấng Christ và Hội Thánh cũng như giữa vợ và chồng. Hình ảnh này nói về sự hiệp một, sự cùng dự phần, sự chu cấp và trên hết là tình yêu thương.

Có lẽ phép loại suy này có hai tầng nghĩa, mà vào thời được viết ra thì quan trọng hơn hoặc thích hợp hơn ngày nay. Một mặt, hình ảnh này tiếp nhận sự phân chia vai trò thời bấy giờ, nhưng đồng thời định nghĩa lại sự phân chia ấy.

5.2.3 Hiểu theo nghĩa đen?

Chúng ta có thể áp dụng *hình ảnh đầu – thân theo thứ bậc* từng chữ một cho ngày nay không? Phải chăng ở đây Phao-lô mô tả chuẩn mực của đời sống hôn nhân và gia đình? Tôi so sánh với cách ông mô tả con cái và nô lệ trong khung cảnh cộng đồng gia đình. Ông nói:

> [Ê-phê-sô 6:1-4, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder] Hỡi người làm con, hãy vâng lời cha mẹ mình trong Chúa, vì điều đó là phải lẽ. "Hãy hiếu kính cha mẹ ngươi" – ấy là điều răn thứ nhất có kèm theo một lời hứa – "để ngươi được phước và sống lâu trên đất."
>
> Còn các người làm cha, chớ chọc giận con cái mình, nhưng hãy nuôi dạy chúng trong sự sửa phạt và khuyên bảo của Chúa.

Những lời này có những điều quan trọng để nói với chúng ta ngày nay. Nhưng người ta có quyền hỏi: thời đó và ngày nay, con cái ở dưới thẩm quyền của cha mẹ cho đến tuổi nào? Người cha thời đó có thẩm quyền trên con cái mình lớn hơn nhiều so với ngày nay. Ngày nay con cái được giáo dục để tự lập. *Điều đáng chú ý là trong mối quan hệ này cũng không hề nói đến tình yêu thương. Cả về phía cha mẹ lẫn về phía con cái.*

Về nô lệ cũng vậy, tạ ơn Đức Chúa Trời, hoàn cảnh đã thay đổi hoàn toàn, nhưng điều đó không được thể hiện trong bản văn này:

> [Ê-phê-sô 6:5-9, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder] Hỡi kẻ làm đầy tớ, hãy vâng lời những người làm chủ theo xác thịt với lòng kính sợ và run rẩy, với lòng thật thà, như vâng lời Đấng Christ; không phải chỉ làm khi có người thấy, như người cầu đẹp lòng người ta, nhưng như đầy tớ của Đấng Christ, hết lòng làm theo ý muốn Đức Chúa Trời, và vui lòng phục vụ như phục vụ Chúa chứ không phải phục vụ người ta, vì biết rằng mỗi người làm điều lành gì, thì sẽ nhận lại điều ấy từ nơi Chúa, dù là nô lệ hay người tự do. Còn các người làm chủ, hãy đối xử với họ cũng như vậy và đừng dọa nạt nữa, vì biết rằng chính anh em cũng như họ đều có một Chủ ở trên trời, và nơi Ngài không có sự thiên vị người nào.

Ai có thể sống những lời này theo nghĩa đen? Áp dụng chúng như một điều vượt thời gian cho mối quan hệ giữa người sử dụng lao động và người lao động ngày nay sẽ thất bại. Không thể được! Chế độ nô lệ như thời cổ không còn nữa. Ở đây cũng vậy, Phao-lô không chống lại sự bất công của chế độ nô lệ, nhưng nói đến thái độ của những người liên quan, là những người đã trở nên người mới nhờ Tin Lành. Cơ Đốc nhân không chỉ dựa vào những chỉ dẫn này để định hướng cho quan hệ lao động của mình. Họ sẽ lấy thêm những lời khác của Chúa Giê-xu và của Đức Chúa Trời làm chuẩn mực cho ngày nay.

Điều tương tự cũng đúng với cách chúng ta cư xử đối với chính quyền của mình. Phao-lô và Phi-e-rơ đòi hỏi phải thuận phục các nhà cầm quyền ấy. Ngay cả khi những hình thức chính quyền ấy và những người cầm quyền hoàn toàn không lý tưởng. Cũng không lý tưởng chẳng khác gì chế độ phụ quyền, chế độ nô lệ, và cách người ta đối xử với trẻ em thời cổ.

Khi Phao-lô đưa ra những chỉ dẫn có hiệu lực trong các cấu trúc xã hội như gia đình và lao động, thì ông chỉ có thể dựa vào những gì ông biết và là bình thường trong thời của ông. Ông không viết cho Cơ Đốc nhân thế kỷ 21! Dầu vậy, đó vẫn là Lời Đức Chúa Trời, là chuẩn mực thiên thượng cho chúng ta.

Những bản văn này im lặng về việc hoàn cảnh ấy không lý tưởng. Những điều quan trọng theo cái nhìn ngày nay không được đề cập. Chúng ta phải áp dụng chúng vào hoàn cảnh ngày nay. Mọi người đọc Kinh Thánh và mọi người trung thành với Kinh Thánh đều vô thức chuyển chúng vào thời đại chúng ta, kể cả những người nghĩ rằng mình hiểu mọi sự theo nghĩa đen.

Chúng ta hãy trở lại với những chỉ dẫn dành cho người chồng và cách cư xử của người vợ. Ở đây cũng vậy, cũng như với chủ và nô lệ, không thể áp dụng chúng từng chữ một cho ngày nay.

Ai muốn thực hiện những chỉ dẫn này thì phải làm sống lại hoàn cảnh của thời cổ. *Quan niệm về hôn nhân ngày nay của chúng ta, kể cả của những Cơ Đốc nhân bảo thủ, trung thành với Kinh Thánh, đã cách xa thời cổ đến nỗi khẳng định rằng điều này có hiệu lực y nguyên cho ngày nay thì thật sự nguy hiểm.* Vì người vợ nào "thuận phục chồng trong mọi sự"? Người vợ nào *kính sợ* chồng mình? Ở đây nói đến nhiều hơn là sự tôn trọng. Chúng ta không thể chống chế bằng cách làm nhẹ đi hay làm cho dễ thương một số từ ngữ và bằng cách nào đó làm cho chúng hợp với thế kỷ 21. Nếu muốn thực hiện theo nghĩa đen, thì phải trọn vẹn, đúng như chữ đã viết. Có lẽ trong những nền văn hóa mang đậm tính phụ quyền, điều đó là có thể và cần thiết, dù nó chẳng bao giờ tương hợp với lý tưởng của Đức Chúa Trời. Ở đó nhiều phụ nữ bị giam hãm trong những truyền thống gia đình được truyền lại. Họ thường không thể thực hiện các quyền căn bản của mình, và con cái họ bị phó mặc cho chế độ phụ quyền.

Nếu giải thích bản văn này theo nghĩa đen hoặc theo lối duy văn tự Kinh Thánh, thì kết quả là người vợ thuận phục chồng theo thứ bậc. Điều đó không phù hợp với toàn bộ bức tranh của Kinh Thánh cũng như với việc áp dụng vào hoàn cảnh sống ngày nay.

5.2.4 Ngữ cảnh hóa

Từ này bị các Cơ Đốc nhân bảo thủ nhìn với con mắt nghi ngại. Nhưng nó chẳng có nghĩa gì khác hơn là mô tả công việc suy nghĩ về cách chúng ta ngày nay có thể sống theo tư tưởng của Đức Chúa Trời trong thời đại hoàn toàn khác của mình. *Người ta có thể gọi đó là sự trung thành với Kinh Thánh.*

Khi nói đến việc người vợ thuận phục trong mọi sự, Phao-lô không mô tả rõ hơn điều đó có nghĩa là gì. Không có một trường hợp cụ thể hay một ví dụ nào được mô tả. Chúng ta phải hiểu điều đó thế nào? Người vợ có phải chấp nhận bạo lực gia đình không? Bà có phải lúc nào cũng sẵn sàng cho chuyện ân ái không? Người chồng có quyết định mọi sự không? Chúng ta sẽ đồng ý rằng có những giới hạn *và rằng "trong mọi sự", thời đó cũng như ngày nay, không thể có nghĩa là mọi sự.* Sự thật là: vào thời cổ, một người vợ không thuận phục chồng mình (dù cụ thể điều đó có thể là gì) là một lời chứng xấu cho Tin Lành.

Phao-lô có một lời tuyên bố rõ ràng dành cho người chồng. Những lời chưa từng được nghe như thế: hết lòng yêu thương vợ mình cách vô điều kiện, nuôi nấng và chăm sóc bà như chính mình. *Nếu điều đó được làm theo, thì từ chế độ phụ quyền có thể phát triển thành một "chế độ phụ quyền của tình yêu". Trong thực tế đời sống hôn nhân, tình yêu là sự chấm dứt của sự thuận phục.* Vì tình yêu không ép buộc điều gì, nhưng sống trong sự đồng lòng với nhau. Một người chồng yêu thương sẽ không gạt bỏ ý muốn của vợ mình. Rốt cuộc, ngay cả những người chồng tin vào sự thuận phục theo thứ bậc của người vợ cũng sẽ cư xử như vậy. *Tình yêu thương và sự tôn trọng lẫn nhau vượt trên sự thuận phục hay sự tự đặt mình dưới người khác!* Trong bản văn này, Phao-lô bước một bước lớn đầu tiên ra khỏi chế độ phụ quyền. Cũng như việc bãi bỏ chế độ nô lệ còn lâu lắm mới xảy ra, hôn nhân cũng vậy: còn lâu lắm người ta mới sống hôn nhân trong sự bình đẳng.

Ngữ cảnh hóa luôn luôn là điều cần thiết. Kinh Thánh đưa ra những chỉ dẫn cho những hoàn cảnh ngày nay không còn nữa. Kinh Thánh không đưa ra và cũng không thể đưa ra những chỉ dẫn cho những hoàn cảnh chỉ có trong thời đại (hậu) hiện đại của chúng ta. Thời đó không có viện dưỡng lão, không có

những nền dân chủ như ngày nay, không có internet, không có nền y học phát triển cao giúp kéo dài sự sống, v.v. Chúng ta cư xử thế nào trong những lĩnh vực ấy? Chúng ta cố gắng định hướng theo Kinh Thánh, theo Chúa Giê-xu, theo điều răn yêu người lân cận.

5.2.5 Một lần nữa: đầu

Đầu là một ẩn dụ, một sự so sánh mà Phao-lô áp dụng cho mối quan hệ trong cộng đồng hôn nhân. Từ "đầu" có thể có nghĩa là nguồn, cội nguồn hay cửa sông. Thường nhất là cái đầu theo nghĩa đen. Nhưng cũng có nghĩa là quyền ưu tiên và địa vị bề trên.

Trong thư Ê-phê-sô, Phao-lô mô tả "đầu" có ý nghĩa gì. Trong 1:22, Đấng Christ đã sống lại và được tôn lên ngôi là đầu trên mọi quyền lực và mọi loài trong vũ trụ:

[Ê-phê-sô 1:22-23, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder] Đức Chúa Trời đã đặt mọi sự dưới chân Ngài và ban Ngài làm đầu trên mọi sự cho Hội Thánh, là thân thể của Ngài, là sự đầy đủ của Đấng làm đầy dẫy mọi sự trong mọi sự.

Đấng Christ là đầu trên mọi sự, có chỗ tôn quý cao nhất có thể có. Hội Thánh đã được ban cho đầu ấy làm thân thể. *Không phải là Ngài với tư cách là đầu cai trị Hội Thánh, không, mà là Hội Thánh cùng chia sẻ với Ngài chỗ của Ngài ở trên mọi sự. Trong sự hiệp một của đầu và thân, đó là "Đấng Christ* (trọn vẹn)". Cũng như Ê-va được lấy ra từ A-đam, và chỉ khi cùng với bà, như một thịt, ông mới trọn vẹn, để rồi họ cùng nhau thực hiện sứ mạng sáng tạo.

Trong 4:15-16, thân lớn lên hướng về đầu và nhận được sự chu cấp thuộc linh và sự gây dựng từ đầu mà ra (từ Ngài, là đầu, mà ra; xem thêm Cô-lô-se 2:19):

[Ê-phê-sô 4:15-16, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder] Chúng ta hãy lớn lên trong mọi sự hướng về Ngài, là đầu, tức Đấng Christ; từ Ngài mà cả thân thể, được khéo ráp nối và liên kết với nhau nhờ mọi khớp trợ giúp, ... làm cho thân thể lớn lên để tự gây dựng mình trong tình yêu thương.

Ẩn dụ này nhấn mạnh sự chu cấp mà đầu ban cho thân. *Hình ảnh đầu, trong mối quan hệ giữa Đấng Christ và Hội Thánh, không nhấn mạnh sự thuận phục theo thứ bậc, và trong mối quan hệ giữa chồng và vợ cũng vậy. Đó là một gương mẫu cho người chồng, để trở nên cho vợ điều Đấng Christ là cho Hội Thánh: người chu cấp cho bà, chứ không phải người thống trị bà.*

Nhân tiện, việc tắm rửa cho người phụ nữ bằng nước là công việc của nô lệ. Phao-lô đi rất xa trong việc đảo ngược vai trò: giờ đây đầu thậm chí giống như một nô lệ, khi làm việc rửa sạch trong nước (5:26).

Trở lại với thực tế đời sống trong thế kỷ thứ nhất: thời đó phụ nữ trẻ hơn đàn ông rất nhiều. Có người được gả chồng lúc 12 tuổi. Xét về tuổi tác, người chồng đương nhiên ở vai trò mạnh hơn. Khi trong môi trường văn hóa và xã hội ấy người ta trông đợi sự thuận phục, thì nói chung điều đó chẳng có gì mới đối với phụ nữ. Và khi tuổi tác chênh lệch nhiều, người chồng tự động trở thành đầu, gần như là chủ của vợ.

Ngày nay ở chỗ chúng ta thì khác. Khi hai vợ chồng cùng nhau vượt qua cuộc sống và lập một gia đình trong tình yêu thương và sự thuận phục *lẫn nhau*, thì không cần đến sự thuận phục *một chiều* của người vợ. Đã nhiều lần tôi đặt câu hỏi này cho các cặp vợ chồng. *Họ không thể trả lời câu hỏi: chính xác thì sự thuận phục mà Phao-lô mô tả trong Ê-phê-sô 5 có thể có nghĩa gì ngày nay hoặc trong hôn nhân của họ.* Sẽ là quá đơn giản nếu giới hạn điều đó vào những quyết định hệ trọng mà rốt cuộc người chồng là người đưa ra và cũng là người chịu trách nhiệm. Không, những cặp vợ chồng mà tôi hỏi cùng nhau đưa ra quyết định trước mặt Chúa, nhất là những quyết định hệ trọng. Lúc thì người này theo người kia, lúc thì ngược lại. Thái độ và cách làm ấy không làm tổn hại đến hình ảnh đầu và thân.

Tình yêu vị tha và hy sinh, như Đấng Christ đã yêu Hội Thánh, là chuẩn mực mới của Tin Lành. Chính điều đó tạo nên sự khác biệt, là điều như một hạt giống phải từ từ nhưng không gì cản nổi mà làm nứt vỡ lớp bê tông của chế độ phụ quyền trong các cuộc hôn nhân Cơ Đốc. Điều đó là mới. Đó là thiên đàng xông vào một thế giới sa ngã. Trong các chỉ dẫn của mình, Phao-lô để yên chế độ phụ quyền và không phê phán nó cách rõ ràng. Như vậy, cho thời ấy, hình ảnh đầu như một thẩm quyền phù hợp với hoàn cảnh của gia đình

và hôn nhân. *Ngay cả khi đó không phải là lý tưởng theo sự sáng tạo, như được mô tả trong Sáng Thế Ký 1 và 2.*

Sống như đầu, như một người chồng, có nghĩa là dẫn dắt, nhận lấy trách nhiệm, đứng ra bênh vực vợ mình, luôn có mặt vì bà. Chia sẻ mọi sự với bà. Đó không phải là thứ bậc! Đó là một mối quan hệ đôi lứa, một đội. *Làm đầu mà không có thứ bậc chẳng những là điều có thể, mà còn là chính ý niệm và con đường để thực hiện điều đó trong thực tế.*

"Vai trò đầu", việc làm đầu, "cương vị làm đầu" theo gương mẫu của Đấng Christ là tình yêu thương, sự chu cấp, sự bảo vệ – đi trước. Đó là một sức mạnh mà người ta có thể tin cậy phó thác mình, và là một sự cùng nhau không dẫn đến sự thụ động, mà đến sự năng động, và cũng dẫn đến sự hy sinh lẫn nhau.

Dù sao đi nữa, một hình ảnh cứng nhắc, một chiều về đầu và thân không thể được áp dụng giống nhau cho mọi cuộc hôn nhân, vì con người quá khác nhau. *Ẩn dụ đầu và thân trước hết nói về sự hiệp một, về sự cùng nhau, và không kém phần quan trọng là về tình yêu thương.*

5.2.6 Kết luận

Một mặt, Phao-lô mô tả lại bức tranh hôn nhân và gia đình theo chế độ phụ quyền mà không phê phán. Mặt khác, ông cách mạng hóa nó. *Thẩm quyền trên thực tế trong chế độ phụ quyền được biến đổi thành điều răn yêu thương, đến nỗi con đường cũ bị bỏ lại.* Nếu người chồng yêu thương như Phao-lô nói, thì sự thuận phục một chiều của người vợ sẽ không còn là vấn đề. Vì tình yêu của Đấng Christ cũng đòi hỏi người chồng phải thuận phục và sống bày tỏ sự tôn trọng đối với vợ mình.

Thật vậy, ông mở đầu đoạn văn này, hay nối nó với đoạn trước, *bằng cách nói với mọi người: Hãy thuận phục nhau (trong thân thể Đấng Christ)! Điều đó người ta chưa từng nghe như thế.* Người ta không thể nhấn mạnh những lời này cho đủ.

Kế đến, Phao-lô không mô tả vai trò của đầu như người cai trị, sự lãnh đạo hay thẩm quyền. Ông không chừa chỗ nào cho hình ảnh ấy theo cách người

ta thường vội giải thích là địa vị bề trên. *Đầu không cai trị. Đầu yêu thương cách vô điều kiện và hy sinh.*

Ở đây Phao-lô không mô tả một bức tranh lý tưởng về hôn nhân và gia đình cho mọi thời đại. Ông đem một điều hoàn toàn mới vào một nền văn hóa đang có. *Tin Lành là một hạt giống tạo nên điều mới. Sự giải phóng khỏi những hậu quả của sự sa ngã.* Những thay đổi mang lại tự do không xảy ra nhanh chóng. Chúng có thể bị đè nén hay bị phá hủy trở lại trong một thời gian dài. Mọi sự diễn ra từng bước. Trong trường hợp thuận lợi nhất, từng bước một, một điều gì đó mới và tốt hơn sẽ lớn lên. Tự do sống trong sự bình đẳng là điều phải được học. Những cấu trúc xã hội hàng ngàn năm không thể được chữa lành trong một thập niên.

Vì thế, chúng ta không nên ngạc nhiên khi nghe Phao-lô và Phi-e-rơ nói rằng phụ nữ phải thuận phục. Dù sao đi nữa, điều đó là bình thường trong thời của họ. Người chồng là chủ. Là người quyết định. Là một định chế. *Nếu những người phụ nữ đã tin Chúa từ bỏ thái độ thông thường ấy, thì đó hẳn đã là một điều gây vấp phạm. Tin Lành hẳn đã bị mang tiếng xấu. Điều đó phải được ngăn chặn.*

Ngày nay chúng ta biết ơn vì có thể bầu chính quyền của mình cách dân chủ. Cũng biết ơn vì không còn chế độ nô lệ. Vì có luật bảo vệ người lao động. Vì nam và nữ bình đẳng về quyền. Vì hình phạt đánh đòn bị cấm và trẻ em được bảo vệ. Rốt cuộc, đó là những hậu quả của Tin Lành, là bông trái mà hạt giống của nó đã được Chúa Giê-xu, mười hai sứ đồ và Phao-lô gieo ra cách đây 2.000 năm.

Cách đây một trăm năm, *Katharine Bushnell*, một nữ bác sĩ và nhà truyền giáo tại Trung Quốc, người cũng thông thạo các ngôn ngữ cổ của Kinh Thánh, đã viết: "Chúng ta có thể vững lòng. Cho đến thời gần đây, sự tồn tại của một tầng lớp nô lệ vẫn được xem là điều cần thiết và chế độ nô lệ được xem là chính đáng. Người ta nói rằng có những người sinh ra để làm nô lệ, những người khác sinh ra để làm chủ của họ, và thế giới không thể tiếp tục tồn tại nếu thiếu hai tầng lớp ấy. Sự hiểu lầm ấy đã tan vỡ, và thế giới vẫn tiếp tục bình thường. Bao lâu chế độ nô lệ còn tồn tại, người ta nghĩ rằng mình đã tìm được sự biện minh cho nó trong Lời Đức Chúa Trời. Nhưng số người nghĩ

như vậy ngày càng ít đi. Số người tin rằng mình tìm thấy trong Lời Đức Chúa Trời sự biện minh cho việc người nam cai trị người nữ cũng ngày càng giảm."

Chẳng bao lâu sau, tiếng nói của bà không còn được lắng nghe. Vì thế lại càng đáng mừng khi sách của bà đã được xuất bản bằng tiếng Đức cùng lúc với cuốn sách này (Reformatorischer Verlag H. C. Beese, Hamburg, xem cuối sách).

Sự thuận phục bị đòi hỏi và được phụ nữ đáp ứng khiến họ trao đi trách nhiệm mà họ có thể và muốn gánh vác. Dưới giáo điều về sự thuận phục, phụ nữ có thể trở thành những con người cam chịu và thụ động, mà khả năng và ơn kêu gọi của họ không được thành tựu. *Nhưng lời kêu gọi hãy mạnh mẽ và "dốc chí trượng phu", hãy can đảm và năng động sống đức tin, cũng dành cho họ: trong gia đình, trong nghề nghiệp, trong Hội Thánh và trong Nước Đức Chúa Trời* (1 Cô-rinh-tô 16:13).

Đáng buồn là, như một tác dụng phụ đau đớn của giáo lý về sự thuận phục, ít nhất cũng phải nhắc đến bạo lực gia đình và bạo lực tình dục. Giáo lý này hoàn toàn có thể được dùng làm cái cớ hay tấm bình phong cho việc dùng bạo lực, đối với những người chồng chưa hiểu vai trò làm đầu của mình đối với vợ phải là gì.

Đáng than thở trước mặt Đức Chúa Trời là ngay cả trong các cuộc hôn nhân Cơ Đốc bảo thủ cũng có bạo lực gia đình và cưỡng hiếp. Ở đây, cái nhìn của Kinh Thánh về sự đồng giá trị và sự ngang hàng có thể đem lại sự chữa lành. Nó có thể đưa phụ nữ ra khỏi nỗi đau đớn thường bị giấu kín của họ.

5.3 Phải phục tùng sao?

Vì việc phải phục tùng cứ được nhắc đi nhắc lại mãi, nên cần có thêm một chương riêng về điều này.

Những chỉ dẫn dành cho phụ nữ thật rõ ràng và được lặp lại nhiều lần: họ phải thuận phục chồng mình! Từ hypotassō có nghĩa là thuận phục, đặt mình dưới, chịu theo, phục tùng, vâng lời.[55] Chính vì lời chỉ dẫn này xuất hiện

55. Bergmeier, R., "ὑποτάσσω", trong H. Balz – G. Schneider (edd.), *Exegetisches Wörterbuch zum Neuen Testament*, Verlag W. Kohlhammer, Stuttgart 2011, 976.

nhiều lần với cùng một nội dung, nên tôi bàn lại về nó một lần nữa, dù tôi sẽ lặp lại những kết luận của mình. Trật tự dành cho người phụ nữ không chỉ là đề tài hôn nhân, mà còn tác động vào buổi nhóm thờ phượng. Rõ ràng im lặng và thuận phục đi đôi với nhau (1 Cô-rinh-tô 14:34), cũng như lệnh cấm dạy dỗ đi đôi với lời chỉ dẫn phải học trong sự thuận phục (1 Ti-mô-thê 2:11). Về điều này tôi sẽ nói thêm sau.

Một nghiên cứu về từ ngữ sẽ cho thấy từ này xuất hiện trong những ngữ cảnh nào: như một lời kêu gọi về thái độ, như một kết quả, và cũng như một tình trạng bị ép buộc. Mọi quyền lực đều đã *bị đặt dưới* Đấng Christ. Có một thời chúng ta đã *bị cầm giữ* trong sự sợ chết. Cơ Đốc nhân phải thuận phục những người làm việc cho người khác và cho chính mình trong Nước Đức Chúa Trời. Cơ Đốc nhân phải thuận phục nhà cầm quyền. Các nữ nô lệ và nam nô lệ Cơ Đốc phải thuận phục chủ mình (hay bà chủ mình), người trẻ cũng phải thuận phục người lớn tuổi, *và sau cùng mỗi người đối với chị em và anh em mình.* Phạm vi áp dụng thật rộng, nhưng trong quan hệ giữa người với người, ý tưởng căn bản vẫn là: xem người khác cao trọng hơn và đặt mình dưới người ấy.

Điều đó cho thấy rõ rằng sự thuận phục không phải là điều xa lạ đối với Cơ Đốc nhân nam cũng như nữ, mà là một đức hạnh được tập luyện và đồng thời bị thử thách, mà người ta có thể gọi là một bông trái của Thánh Linh (dù nó không được liệt kê trực tiếp như vậy). Rốt cuộc, sự chung sống giữa con người chỉ vận hành được nhờ sự thuận phục. Điều đó không thể có nếu thiếu sự khiêm nhường và sự giúp đỡ của Đức Thánh Linh. Trong sự khiêm nhường, chúng ta phải coi người khác như tôn trọng hơn mình (Phi-líp 2:3). Gương mẫu tối thượng là Chúa Giê-xu. Đồng thời, tôi không chống lại thẩm quyền, là điều mà không có nó thì xã hội cũng không thể vận hành. Chính quyền, người sử dụng lao động, giáo viên, cha mẹ có thẩm quyền nhờ chức vụ hay vai trò của họ. Điều đó có đúng với mối quan hệ giữa nam và nữ không, nói chung và trong hôn nhân? Đối với các nữ Cơ Đốc nhân, có những lời này:

> [1 Cô-rinh-tô 14:34, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder] Đàn bà phải nín lặng trong các buổi nhóm, vì họ không được phép nói, nhưng phải thuận phục, như luật pháp cũng dạy.

[Ê-phê-sô 5:22, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder] Hỡi người làm vợ, hãy thuận phục chồng mình như thuận phục Chúa.

[Cô-lô-se 3:18, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder] Hỡi người làm vợ, hãy thuận phục chồng mình, theo như điều phải lẽ trong Chúa.

[Tít 2:5, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder] có nết na, trong sạch, chăm lo việc nhà, nhân từ, thuận phục chồng mình, hầu cho Lời Đức Chúa Trời khỏi bị chê bai.

[1 Phi-e-rơ 3:1, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder] Cũng vậy, hỡi người làm vợ, hãy thuận phục chồng mình, hầu cho nếu có người chồng nào không vâng theo Lời, thì dù không cần lời nói, cũng được thu phục bởi cách ăn ở của vợ,

[1 Phi-e-rơ 3:5, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder] Vì xưa kia các bà thánh, là những người trông cậy Đức Chúa Trời, cũng trang sức mình như vậy và thuận phục chồng mình:

Điều đáng chú ý là kiểu khuyên bảo này không xuất hiện như thế trong Cựu Ước. Nơi Chúa Giê-xu cũng không. Trong Hội Thánh đầu tiên, hẳn điều này là một điều quan trọng. Phải chăng phụ nữ thời đó nổi loạn, gây rối hay ham quyền lực đến thế? Họ có chờ cơ hội của mình không? Không, ngành nghiên cứu lịch sử cổ đại không thể xác nhận điều đó. Thêm vào đó, dù sao đi nữa phụ nữ thời cổ cũng đã ở trong vai trò bị khuất phục. Vậy mục đích của việc nhấn mạnh một điều vốn đã bình thường là gì, một điều không làm cho các phụ nữ Cơ Đốc ngạc nhiên và cũng không ép họ làm một điều xa lạ với họ?

Cần hỏi: sự thuận phục ấy gồm có những gì? Những chỉ thị của người chồng trong việc nhà? Trong việc nhà, phụ nữ làm việc khá tự lập; ngôi nhà là không gian của họ, còn người chồng thì ở ngoài xã hội. Vì thế mới có lời nhắc đến công việc nhà trong Tít 2:5. Trong 1 Ti-mô-thê 5:14, Phao-lô viết rằng các góa phụ trẻ phải quản lý việc nhà, và ông dùng từ "oikodespoteo", nghĩa không gì khác hơn là làm chủ nhà. Hay phải chăng điều đó có nghĩa là thuận phục trong đời sống tình dục, lúc nào cũng phải sẵn sàng? Khi ngày nay người ta đòi hỏi phải làm theo những chỉ dẫn này theo nghĩa đen, tức là theo ý nghĩa nguyên thủy của chúng, thì tôi cũng đặt ra cùng một câu hỏi: ngày

nay trong một cuộc hôn nhân, sự thuận phục ấy gồm có những gì? Lối quan hệ ấy có thể được mô tả thế nào, và có thể được sống ra thế nào trong thế kỷ 21 ở thế giới phương Tây? Tôi xin nhắc lại: với sự rõ ràng như người ta đòi hỏi, không làm nhẹ đi và không điều chỉnh.

Trong cuốn sách có cái tựa lạ lùng "*Befreit durch Unterordnung*" (Được giải phóng nhờ sự thuận phục)[56], Bunny Wilson, như cái tựa cho thấy, đưa ra một lời biện hộ nhiệt thành cho sự thuận phục của người vợ đối với chồng. Đối với bà, việc thuận phục chồng, ngay cả khi ông đưa ra những quyết định rõ ràng là sai, là con đường theo ý Đức Chúa Trời, là điều có thể được sửa lại nhờ đức tin và sự cầu nguyện. Qua nhiều trường hợp cụ thể, bà mô tả điều đó trong thực tế trông ra sao. Chính bà chia sẻ những kinh nghiệm trong hôn nhân của mình, và cách Đức Chúa Trời đã phán với bà và chỉ cho bà điều gì là đúng và điều gì là không đúng trong thái độ khó khăn và gây tranh cãi ấy. Sự hiểu biết Kinh Thánh và kinh nghiệm không hiếm khi hòa lẫn vào nhau. Mà khi đọc Kinh Thánh, tất cả chúng ta đều mang theo những kinh nghiệm và trải nghiệm của mình. Cả cuốn sách này của tôi cũng không ra đời mà thiếu kinh nghiệm sống và "quan niệm về phụ nữ" của tôi, và vì thế nó không trung lập hay là sự dạy dỗ thuần túy của Kinh Thánh. Mọi người lên tiếng về đề tài này đều mang theo một sắc thái từ chính mình. Nhưng đối với tôi, câu hỏi quyết định là: sự thuận phục được đặt nền trên lý do gì? Tôi trích lời Wilson: "Thỉnh thoảng, khi vợ tôi và tôi có ý kiến khác nhau, cô ấy nói với tôi: 'Em nghĩ anh nên thuận phục em, vì lần trước em đã thuận phục anh rồi. Kinh Thánh nói trong Ê-phê-sô 5:21: "Hãy kính sợ Đức Chúa Trời mà thuận phục nhau."' Tôi phải trả lời thế nào?

Tôi nhẹ nhõm vì mình không phải là người phụ nữ duy nhất đã thử dùng Ê-phê-sô 5:21 để được làm theo ý mình. Tôi nhớ lần đầu tiên tôi dùng câu Kinh Thánh này với chồng mình; ông liền tìm trong Kinh Thánh một câu trả lời. Chúng ta hãy xem câu Kinh Thánh mà vợ bạn viện dẫn, và câu tiếp theo: 'Hãy kính sợ Đức Chúa Trời mà thuận phục nhau! Hỡi người làm vợ, hãy thuận phục chồng mình như thuận phục Chúa' (Ê-phê-sô 5:21-22).

Sự thuận phục trong hôn nhân không vận hành giống hệt như sự thuận phục lẫn nhau trong thân thể Đấng Christ. Trong thân thể Đấng Christ, chúng ta

56. Wilson, Bunny, ấn bản thứ 3, 2020 ("Befreit durch Unterordnung" – "Được giải phóng nhờ sự thuận phục"), CLV, Bielefeld

thuận phục nhau bằng cách thực hành các nguyên tắc của Kinh Thánh. *Trong hôn nhân, chúng tôi thuận phục chồng mình như thuận phục một người có thẩm quyền.*

Trong Ê-phê-sô 5:21, Đức Chúa Trời là thẩm quyền duy nhất. Trong Ê-phê-sô 5:22, người vợ ở dưới quyền chồng mình. Đức Chúa Trời ban cho người chồng thẩm quyền trên người vợ và Ngài cũng bắt ông phải khai trình." (tr. 77)

Tuy nhiên, cách hiểu phân biệt như thế về chữ "thuận phục" không thể rút ra từ bản văn. Bà xem người chồng, theo sự sáng tạo, là một thẩm quyền ở trên người vợ. Thêm vào đó, đối với bà, lời phán phạt dành cho Ê-va, *ngươi sẽ khao khát chồng, nhưng chồng sẽ cai trị ngươi*, là một sự phân chia vai trò theo ý muốn của Đức Chúa Trời. Theo bản tính, người nữ muốn cai trị, nhưng phải cúi mình dưới sự cai trị của chồng. Người nam đã bỏ lỡ việc cai trị trong vườn để ngăn chặn tội lỗi, và vì theo bản tính ông có khuynh hướng không cai trị, nên ông nhận được sứ mạng phải cai trị.

Câu hỏi đầu tiên của tôi đối với cách giải thích này là: vậy thì ở đây có một lỗi thiết kế của Đấng Tạo Hóa cần phải được sửa chữa sao? Hoặc cũng tai hại không kém: trước sự sa ngã đã có những khuynh hướng tội lỗi rồi sao?

Như tôi đã trình bày, cách hiểu này về câu chuyện sáng tạo định hướng cho cách hiểu căn bản về vai trò trong toàn bộ Kinh Thánh. Ai xem A-đam là đầu và là người lãnh đạo thì sẽ giải thích ngay cả lời phán phạt thành lời chúc phước, và ở đâu cũng đọc cách hiểu về vai trò ấy vào trong bản văn. Ai muốn đi con đường ấy cách nhất quán thì phải nhìn thẳng vào thực tế đời sống của những cuộc hôn nhân với đủ mọi tính cách con người. Nếu người vợ mạnh mẽ còn người chồng yếu đuối, thì sự thuận phục có thể dẫn đến tai họa. Tôi bênh vực việc sống sự thuận phục lẫn nhau, và việc gọi tên cách công khai những khuynh hướng tội lỗi của các tính cách khác nhau trong một cuộc hôn nhân, rồi cùng nhau chiến đấu chống lại chúng nhờ Thánh Linh của Đức Chúa Trời.

Ở Ê-đen, tôi đã tìm thấy một cặp người bổ sung cho nhau, có giá trị như nhau và ngang hàng, không có sự chênh lệch thứ bậc. Không có thẩm quyền lớn hơn của người nam.

Nhưng chẳng phải những chỉ dẫn này của các sứ đồ lại chính là cơ sở cho một hệ thống thứ bậc sao?

Tôi xác tín rằng sự chênh lệch thứ bậc là hậu quả của sự sa ngã. Không có gì để tô vẽ cho điều đó, và điều đó cũng không thể được Cơ Đốc hóa. Tin Lành đã làm cho mọi tín hữu trở nên con trai của Đức Chúa Trời. Kể cả phụ nữ. Và như vậy đã giải phóng họ khỏi nền văn hóa của một tạo vật sa ngã. Trước hết và trên hết, những người chồng tin Chúa phải nhận biết điều đó. *Vì thế chính họ, chứ không phải người vợ, được kêu gọi yêu thương cách vị tha, chứ không phải được kêu gọi cai trị.* Điều này không tùy thuộc vào việc ở đây chữ "cai trị" nên được hiểu không phải theo nghĩa tiêu cực mà theo nghĩa tích cực, như trong sứ mạng sáng tạo. *Thật ra, thậm chí không có một ủy nhiệm tích cực nào cho người chồng để cai trị, lãnh đạo hay đi trước.*

Trong nền văn hóa thời cổ, điều quan trọng là đức tin mới nơi Đấng Mê-si-a không dẫn phụ nữ – những người nay đã nhận ra sự tự do và sự bình đẳng của mình – đến một lối cư xử làm lung lay nền văn hóa danh dự và hổ thẹn. Phụ nữ không được tạo nên một nền văn hóa đối nghịch với nền văn hóa bình thường của trật tự hôn nhân, nhà cửa và gia đình. Là nền tảng của xã hội, trật tự ấy được xem là thiêng liêng và không được động đến. Chính Tin Lành đang bị đe dọa!

Tôi so sánh điều này với Phao-lô, người vì có Tin Lành, để thu phục người ta cho Đấng Christ, đã trở nên như người Do Thái với người Do Thái và như người Hy Lạp với người Hy Lạp. Ông đã chịu trả giá cho việc thu phục và thuyết phục người ta, bằng cách tự giới hạn sự tự do của mình trong Đấng Christ. Ở đây cũng vậy, khi nói đến sự thuận phục của phụ nữ. Nhân tiện, nơi Phi-e-rơ, vấn đề chính là ở chỗ ấy: dùng sự thuận phục để thu phục người chồng chưa tin.

Trong một nền văn hóa danh dự và hổ thẹn, những cách cư xử có thể làm người chồng mất danh dự trước những người chung quanh là điều tuyệt đối phải tránh. Trong các nền văn hóa danh dự và hổ thẹn, người ta rất coi trọng những mối quan hệ hài hòa, trong đó mọi thứ bậc đều được tôn trọng. Hẳn trong đó cũng có việc: người vợ nào công khai cãi lại chồng hay sửa sai chồng là vi phạm nguyên tắc danh dự ấy.

Lời chỉ dẫn cho phụ nữ phải thuận phục không được đặt nền trên một sự khác biệt về thứ bậc giữa nam và nữ, vì trong sự sáng tạo không có sự khác biệt ấy. Vấn đề là một sự thuận phục tự nguyện. Đối với các nữ Cơ Đốc nhân thời cổ, mệnh lệnh phải thuận phục là sự cộng tác cho Tin Lành. Dù sao đi nữa, người chồng yêu thương thì làm cho sự thuận phục trở nên không còn cần thiết. Nhưng hướng ra bên ngoài, đối với xã hội thời cổ, những chỉ dẫn này và việc làm theo chúng là sự bảo vệ khỏi sự phân biệt đối xử và sự bắt bớ. Đó là một thái độ nhằm dập tắt ngay từ đầu mọi nghi ngờ rằng họ phá hoại gia đình.

Đối với chúng ta trong thế kỷ 21, những người không sống trong một nền văn hóa danh dự và hổ thẹn, lời chỉ dẫn này không thể được thực hiện theo nghĩa đen. Ở thế giới phương Tây, người ta định hướng theo một hệ thống pháp luật và trật tự. Đối với hôn nhân, điều có giá trị là điều răn yêu thương, sự sống vì nhau, sự cùng nhau và sự thuận phục lẫn nhau trong Chúa. Lời phê bình được nói ra cách thẳng thắn trong tình yêu thương và vào đúng lúc, và người ta làm mọi cách để không làm tổn thương ai.

Trước những lập luận của tôi bênh vực quyền bình đẳng, tôi thường nghe những câu hỏi như sau:

"Lập luận cho rằng đàn ông có địa vị ưu tiên trên phụ nữ có vẻ thật đơn giản và rõ ràng trong Tân Ước. Nhưng lập trường [ngược lại] của ông có vẻ rất phức tạp, với những lời viện dẫn tiếng Hy Lạp và đủ mọi sách giải kinh, v.v. Chẳng phải sự đơn giản của lập trường cho rằng đàn ông có quyền ưu thắng là một bằng chứng mạnh mẽ cho thấy đó là lập trường đúng sao?"

Trả lời: Hoàn toàn không. Những cách giải nghĩa Kinh Thánh đơn giản nhất đôi khi đúng, nhưng đôi khi rất sai. Suy cho cùng, thật dễ dàng chỉ ra rằng Tân Ước thường xuyên, rõ ràng và không thể hiểu lầm truyền cho chúng ta phải lấy cái hôn thánh mà chào nhau.

Chúng ta hãy lấy cái hôn thánh mà chào nhau. (Rô-ma 16:16) Hãy lấy cái hôn thánh mà chào nhau. (1 Cô-rinh-tô 16:20) Hãy lấy cái hôn thánh mà chào nhau. (2 Cô-rinh-tô 13:12) Hãy lấy cái hôn thánh mà chào hết thảy anh em. (1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:26) Hãy lấy cái hôn yêu thương mà chào nhau. (1 Phi-e-rơ 5:14)

Tất cả đều là những mệnh lệnh trực tiếp. Các mệnh lệnh ấy thật rõ ràng. Chúng ta không giảng, không dạy và cũng không thực hành chúng, dù lập luận để chấp nhận thực hành này thật đơn giản. Có gì ở đây mà không hiểu được?

Lý do vì sao chúng ta không bận tâm với cái hôn thánh (hay nhân tiện, cả với lệnh cấm tóc bện và trang sức bằng vàng, hoặc quy định phải đội khăn trùm) là *vì những mệnh lệnh ấy đi ngược lại nền văn hóa ngày nay của chúng ta, và ngày nay chúng không còn phục vụ mục đích nguyên thủy của chúng nữa.* Chúng ta phải vật lộn với vai trò của phụ nữ vì cho đến gần đây, nền văn hóa của chúng ta đã từ chối dành cho phụ nữ những cơ hội như nhau và sự công nhận như nhau như dành cho đàn ông. Các anh chị em lớn tuổi của chúng ta đã lớn lên trong nền văn hóa ấy, và nhiều người (kể cả phụ nữ) đã tán thành và chấp nhận sự bất bình đẳng về quyền dành cho phụ nữ. Vì thế họ thấy các lập luận theo truyền thống là thoải mái – và vì thế là "đơn giản". [57]

Thêm một ví dụ nữa cho thấy rằng rất ít người, dù trung thành với Kinh Thánh đến đâu, làm mọi điều Kinh Thánh bảo Cơ Đốc nhân phải làm. Ở đây tôi không bàn đến câu hỏi chúng ta vâng lời đến mức nào, vì tất cả chúng ta đều thường vấp ngã. Vấn đề là chúng ta có hề để ý đến một số mệnh lệnh hay thực hành nào đó và có cân nhắc việc làm theo chúng không. Trong 1 Cô-rinh-tô 7:5, Phao-lô mô tả một sự thỏa thuận giữa vợ chồng là tạm kiêng chuyện ân ái để chuyên lo cầu nguyện. Ai khăng khăng đòi phải làm theo Kinh Thánh từng chữ, xin được hỏi: người ấy đã công khai cùng người phối ngẫu của mình đi đến thỏa thuận ấy khi nào và bao nhiêu lần?

Sau cùng, xin nhắc đến những lời trực tiếp của Chúa Giê-xu, khi rửa chân cho các môn đồ, Ngài phán: "Vậy nếu Ta là Chúa và là Thầy mà đã rửa chân cho các ngươi, thì các ngươi cũng phải rửa chân cho nhau. Vì Ta đã làm gương cho các ngươi, để các ngươi cũng làm như Ta đã làm cho các ngươi." (Giăng 13:14-15)

Ở thế giới và nền văn hóa phương Tây, đó là một thực hành mà ngay cả những Cơ Đốc nhân xem trọng Kinh Thánh và hiểu Kinh Thánh theo nghĩa đen cũng tự mình ngữ cảnh hóa và không thực hành.

57. Guin, Jay, tr. 157, Buried Talents, *In Search for a New Consensus, 2014, Alabama*

5.3.1 Tổng kết

Margaret Mowczko viết: Sau khi qua nhiều năm đã dành một thời gian để tìm hiểu động từ hypotassō ("thuận phục") có nghĩa gì trong các văn liệu Cơ Đốc thời đầu cũng như trong các văn liệu không thuộc Cơ Đốc giáo, tôi đã đi đến định nghĩa sau đây.

Sự thuận phục "Cơ Đốc" (tức là sự thuận phục giữa những người cùng đức tin, kể cả giữa chồng và vợ đều là tín hữu) là "*sự kính trọng, sự cộng tác và sự nâng đỡ cách khiêm nhường, trung tín và đầy yêu thương*."

Cũng như sự khiêm nhường và sự mềm mại, sự thuận phục phải là một nét tính cách Cơ Đốc bình thường. Và lý tưởng là nó phải có tính hỗ tương.

Cách đây 100 năm, Katharine Bushnell đã viết trong cuốn sách mang tính thời đại của bà, "God's Word to Women" (xem phần giới thiệu sách ở cuối cuốn sách này):

"Ý nghĩa thật của từ này mô tả ân tứ hay đức hạnh Cơ Đốc là nhường bước cho người khác thay vì khăng khăng đòi quyền của mình, trong những trường hợp không liên quan đến một nguyên tắc. Từ điển Hy Lạp – La-tinh của Schleusner về bản Bảy Mươi (Septuaginta) giải thích rằng động từ này không phải lúc nào cũng 'truyền đạt ý tưởng về sự khuất phục như nô lệ'. Khi còn là một cậu bé, Chúa Giê-xu 'thuận phục cha mẹ', nhưng chúng ta biết rằng Ngài đã không hề hỏi ý cha mẹ khi Ngài 'phải ở trong công việc của Cha Ta' (Lu-ca 2:49, 51).

Hai người không thể cùng nhau làm ăn chung lâu dài, trừ khi họ sẵn lòng 'thuận phục' nhau. *Họ phải từ bỏ những điều mình ưa thích; họ phải 'lấy lẽ kính nhường nhau'; họ phải dung hòa quan điểm của mình với nhau, nếu không thì chẳng bao lâu họ sẽ buộc phải chia tay.* Khi một vấn đề nảy sinh, hoàn cảnh của họ không trở nên tốt hơn nhờ việc một người có quyền ra lệnh cho người kia. Làm theo những mệnh lệnh như thế không phải là 'thuận phục', mà là sự khúm núm phục tùng của kẻ tôi tớ, và con người từ chối khúm núm phục tùng như tôi tớ, vì điều đó sẽ hạ thấp phẩm cách.

Trong Ê-phê-sô 5:21, sứ đồ khuyên mọi tín hữu, không phân biệt giới tính: 'Hãy kính sợ Đấng Christ mà thuận phục nhau'. Phi-e-rơ nói với mọi tín hữu, không phân biệt giới tính: 'Hết thảy anh em hãy mặc lấy sự khiêm nhường khi đối xử với nhau!' (1 Phi-e-rơ 5:5). Những câu này rõ ràng truyền cho đàn ông phải 'thuận phục', nhưng ai cũng cảm nhận theo bản năng rằng chúng không thể có nghĩa là khi trở thành Cơ Đốc nhân, đàn ông có thể rơi vào sự cai trị tùy tiện của nhau.

Nhưng khi chúng ta đến với ba câu Kinh Thánh trong đó sứ đồ khuyên người vợ thuận phục chồng mình, thì ai đặt câu hỏi liệu lời khuyên dành cho 'người vợ' ấy có nghĩa là sự vâng lời tuyệt đối hay không, gần như bị xem là kẻ dị giáo. Như tôi đã chỉ ra, từ 'thuận phục' không được giải thích là vâng lời khi nói về mối quan hệ giữa đàn ông với đàn ông, cũng không được giải thích như thế khi nó có thể có nghĩa là đàn ông 'thuận phục' một người phụ nữ, như trong 1 Cô-rinh-tô 16:16. Hơn nữa, mỗi lần mô tả mối quan hệ của người vợ với chồng, của con cái với cha mẹ và của đầy tớ với chủ, người ta đều phân biệt cẩn thận trong việc dùng từ ngữ. Từ 'vâng lời' nói chung được dùng cho đầy tớ và luôn luôn được dùng cho con cái, nhưng từ 'thuận phục' thì luôn luôn được dùng cho người vợ. Nếu ý nghĩa giống nhau, thì tại sao lại cẩn thận chọn những từ khác nhau như vậy? Về bổn phận của người vợ, xem Ê-phê-sô 5:22; Cô-lô-se 3:18; Tít 2:5. Về bổn phận của con cái, Ê-phê-sô 6:1; Cô-lô-se 3:20. Về đầy tớ, xem Ê-phê-sô 6:5; Cô-lô-se 3:22.

Thật rất ý nghĩa và bổ ích khi tìm hiểu xem đôi khi trong Cựu Ước, khái niệm 'thuận phục' được dùng theo nghĩa nào. Thi Thiên 62:1 chép: 'Chỉ nơi Đức Chúa Trời, linh hồn tôi lặng lẽ trông đợi; sự cứu rỗi tôi đến từ Ngài' (bản Schlachter, bản dịch Kinh Thánh tiếng Đức). Trong câu 5 của cùng thi thiên ấy, chúng ta đọc: 'Chỉ nơi Đức Chúa Trời, linh hồn tôi lặng lẽ trông đợi.' Trong Thi Thiên 37:7, chúng ta tìm thấy những lời: 'Hãy yên lặng trước mặt Chúa và trông đợi Ngài.' Chữ 'trông đợi' trong những câu đầu và chữ 'yên lặng' trong câu sau cùng, cả ba đều được bản Hy Lạp dịch bằng một từ duy nhất là hypotassō, 'thuận phục', trong khi nghĩa đen của từ gốc Hê-bơ-rơ là 'hãy yên lặng trước …'. Hãy so sánh điều này với 1 Phi-e-rơ 3:1-2, nơi phụ nữ được kêu gọi thu phục những người chồng chưa tin bằng sự 'thuận phục'. Chắc chắn ở đây Phi-e-rơ không kêu gọi người vợ mù quáng vâng lời người

chưa tin, vì nếu là người ngoại giáo, họ sẽ lập tức ép vợ trở lại việc thờ thần tượng, nếu là người Do Thái thì trở lại Do Thái giáo. Đúng hơn, các phụ nữ Cơ Đốc phải bằng 'cách ăn ở' của mình, 'không cần lời nói', thu phục chồng mình rời bỏ đức tin sai lạc mà đến với đức tin Cơ Đốc – việc làm vốn nói to hơn lời nói. 'Trong sự kính sợ' – một sự kính sợ Đức Chúa Trời khiến những người phụ nữ hết sức mềm mại, trầm lặng và nhẫn nại trong đời sống hằng ngày ấy vững như đá trong lòng trung tín với Đức Chúa Trời; và trước sự kiên định trầm lặng của họ đối với các nguyên tắc, cùng lúc với sự sẵn lòng nhường nhịn chồng khi không có nguyên tắc nào bị đe dọa, những người chồng chưa tin sẽ bị chinh phục đến nỗi họ không dám ép vợ mình làm trái lương tâm, và như vậy chính họ sẽ dần dần được dẫn đến đức tin Cơ Đốc."

"Sự thuận phục không phải là một vai trò giới tính. Thậm chí nó còn không phải là một vai trò. Đó là một thái độ và một cách cư xử dành cho mọi anh em và chị em trong Đấng Christ, trong đó sự thuận phục lẫn nhau là lý tưởng. Sự thuận phục lẫn nhau không phải là một khái niệm xa lạ trong giáo hội của thế kỷ thứ nhất và đầu thế kỷ thứ hai, và nó phải là chuẩn mực trong Hội Thánh ngày nay."

Armin Wunderli

Nếu chúng ta sống điều Kinh Thánh chép, thì chúng ta sẽ không cần phong trào giải phóng phụ nữ, vì khi ấy nam và nữ đã bình đẳng về quyền. Danny Silk

Chúng ta sẽ không có được nó nếu chúng ta không muốn nó: sự bình đẳng về quyền không điều kiện.

Veronika Schmidt

6 Nam và nữ trong Hội Thánh

Giáo hội toàn cầu không để lại ấn tượng tốt đẹp nhất. Bên cạnh sự dâng mình, sự cầu nguyện và sự vâng lời, điều này cũng liên quan đến những xác tín sai lầm có ảnh hưởng sâu rộng. Chẳng hạn, nhiều người đánh giá thấp mức độ tác hại của một quan niệm sai lầm về vấn đề giới tính. Trong đời sống của nhiều người bị ảnh hưởng, trong giáo hội nói chung và trong hình ảnh của giáo hội đối với bên ngoài, tức là trong sức mạnh làm chứng cho sứ mạng truyền giáo của giáo hội.



Nếu người ta theo một giáo điều thứ bậc về nam và nữ, thì giáo điều ấy không chỉ áp dụng cho hôn nhân. Khi ấy, nó tự động cũng áp dụng cho các vai trò trong Hội Thánh. Không chỉ trong các buổi nhóm thờ phượng, mà trong toàn bộ đời sống Hội Thánh. Vì chúng ta luôn luôn ở trong nhà Đức Chúa Trời, là Hội Thánh!

Trong chương 6, là chương bàn về sự tham gia của phụ nữ, từ việc lên tiếng cho đến việc lãnh đạo, các lĩnh vực hôn nhân và Hội Thánh chồng lên nhau. Nếu ở đây có liên quan đến một trật tự sáng tạo, thì các lĩnh vực hay phạm vi ấy không được phân biệt. Cả hai lĩnh vực đều nằm trong sự sáng tạo hữu hình.

Chương này bàn về những bản văn gây tranh cãi trong 1 Cô-rinh-tô 11 và 14 và 1 Ti-mô-thê 2. Tức là về việc trùm đầu, sự im lặng và việc dạy dỗ của phụ nữ.

Điều cụ thể đã khiến tôi viết cuốn sách này là vai trò của phụ nữ trong Hội Thánh. Vì vai trò ấy cứ luôn bị gắn với trật tự sáng tạo, nên công việc chuẩn bị rộng lớn ở trên là cần thiết để giờ đây đi đến lĩnh vực này.

Những bản văn này và cách giải nghĩa chúng quyết định vai trò của nam và nữ trong các Hội Thánh hơn bất cứ bản văn nào khác. Khi nghiên cứu những bản văn này, người ta nhận ra một điều: chúng khó hiểu, có vẻ mâu thuẫn. Khi đọc các sách giải kinh đi sâu vào bản văn Hy Lạp và cố gắng làm rõ ý nghĩa của nó cho thời đó và ngày nay, thì người ta thấy được xác nhận rằng ý nghĩa của nó không rõ ràng dứt khoát. Hay đúng hơn, có nhiều khả năng giải nghĩa khác nhau.

Những bản văn này cho thấy rõ rằng chúng ta không thể làm chủ bản văn bằng cách nghĩ rằng mình biết, theo lối trắng đen rạch ròi, nó có nghĩa gì và không có nghĩa gì. Như thế là duy văn tự Kinh Thánh, một chiều và thậm chí kiêu ngạo. Chính tôi cũng chỉ trình bày những cách giải thích có thể có, nhiều hơn một cách.

Tuy nhiên, có một điều quan trọng đối với tôi: *Tôi bác bỏ mọi cách giải nghĩa mâu thuẫn với hình ảnh người phụ nữ mà tôi đã tìm thấy trong Sáng Thế Ký 1 và 2, và với cách tôi đã thấy Chúa Giê-xu đối xử với phụ nữ.* Giải nghĩa những bản văn như thế theo hướng bất lợi cho phụ nữ, theo tinh thần luật pháp, đầy sợ hãi vì sợ làm sai điều gì, là không phù hợp với tinh thần của Kinh Thánh và với Tin Lành. Phao-lô không bao giờ nói điều gì khác với điều Kinh Thánh – tức Kinh Thánh Hê-bơ-rơ, Cựu Ước – nói.

Chúng ta phải học biết rằng đối với chúng ta, Kinh Thánh không phải chỗ nào cũng rõ ràng. Nhưng dù sao đối với những người nhận trực tiếp, đầu

tiên trong thế kỷ thứ nhất, thì Kinh Thánh rõ ràng. Trong điều kiện sống và môi trường văn hóa của họ.

Ngày nay chúng ta là những người đang học, đang bước đi dưới sự dẫn dắt của Đức Thánh Linh, và suốt cuộc đời có thể thay đổi quan điểm, sự hiểu biết, ý kiến và xác tín của mình. Chúng ta chỉ biết từng phần. Có lúc chúng ta sai, phải tự sửa mình.

Thay đổi cách nhìn là một phần của cuộc sống. Ai tưởng rằng mình đã hiểu ý nghĩa của những bản văn này một lần đủ cả, tức là tưởng mình đứng vững, hãy giữ kẻo ngã.

Tôi luôn có chút lo sợ khi những bản văn này được giải nghĩa gần như theo lối toán học, và ý nghĩa của chúng được trình bày với sự quả quyết lớn lao, như thể người ta đã nhận biết chân lý duy nhất có giá trị, rồi được đòi hỏi như một quy định rõ ràng cho đời sống Hội Thánh.

Trong các chương sau, tôi sẽ trình bày nhiều cách giải thích khác nhau. Điều đó chẳng liên quan gì đến sự tùy tiện. Cũng chẳng liên quan gì đến việc – như lời cáo buộc không ngớt, nhất là từ những Cơ Đốc nhân "trung thành với Kinh Thánh" – giải thích lại Lời Đức Chúa Trời và uốn nó theo ý muốn riêng của mình.

Đối với tôi, trung thành với Kinh Thánh có nghĩa là dùng lý trí sáng suốt mà tìm hiểu ý nghĩa của Lời. Được phép đặt câu hỏi cho bản văn, và điều đó giúp ích. Đồng thời khiêm nhường đặt mình dưới Lời ấy, với một niềm tin căn bản rằng mình đang có trước mặt Lời đáng tin cậy của Đức Chúa Trời. Không tuyên bố cách giải nghĩa của riêng mình là chân lý, không giải nghĩa các câu Kinh Thánh cách tách rời, mà trong ngữ cảnh của bức thư, của Tân Ước và của toàn bộ Kinh Thánh. Tôi đi từ tiền đề rằng không có mâu thuẫn. Nếu có, hoặc có vẻ như có, thì có những lời giải thích cho điều đó (hoặc cũng có khi không có).

6.1 1 Cô-rinh-tô 11 – đầu, tóc và khăn trùm

(Nửa) chương này, 1 Cô-rinh-tô 11:1-16, thuộc về những bản văn chủ yếu được viện dẫn để làm nền cho một trật tự sáng tạo giữa nam và nữ. Người ta cho rằng ở đây nói rõ về vai trò lãnh đạo của người nam, là điều cũng được nhận ra qua việc người nữ trùm đầu.

Từ phía bảo thủ, trung thành với Kinh Thánh, tôi nghe nói rằng *bản văn này thật rõ ràng và minh bạch*. Người ta cho rằng nó chỉ khó đối với những ai muốn chống lại những chỉ dẫn rõ ràng của Lời. Bằng cách xem những chỉ dẫn ấy là gắn với văn hóa thời đó và ngày nay không còn hiệu lực.

Mặt khác, có những chị em không giữ theo những quy định có thể có về việc trùm đầu và cắt tóc, nhưng rồi lại bị lương tâm cắn rứt. Trái với những người giữ theo những quy định ấy từng chữ một, hay tin rằng mình đang làm như vậy.

Dù trung thành với Kinh Thánh đến đâu, như rất thường thấy, cốt lõi vẫn là những câu hỏi về cách giải nghĩa (thông diễn học). Đã hơn 40 năm nay tôi cố gắng hiểu bản văn phức tạp này. Tôi đã đọc nhiều về nó. Tôi đã gặp những lời giải thích và những lối cư xử, từ những điều có thể hiểu được cho đến những điều khiến người ta dựng tóc gáy.

Ở đây không thể giải kinh chi tiết đoạn văn này, dù chương này là chương dài nhất của cuốn sách. *Có nhiều cách giải nghĩa về nó, bổ sung cho nhau nhưng cũng mâu thuẫn nhau. Những suy nghĩ của tôi cũng chỉ là một khả năng.* Có lẽ nó giúp người đọc rút ra được từ bản văn khó này nhiều điều hơn trước. Không ai có thể và không ai được phép tin chắc rằng mình có cách giải nghĩa đúng thật, rồi từ đó suy ra những quy định về cách cư xử và những điều bề ngoài.

Trong những bước tiếp theo, tôi sẽ làm thế nào?

(1) Trước hết, tôi liệt kê một số khía cạnh có thể hữu ích khi đọc bản văn.

(2) Kế đến, tôi cố gắng xác định phạm vi hiệu lực của bản văn.

(3) Sau đó tôi bàn kỹ về ý nghĩa của khái niệm "đầu".

(4) Cần đem thêm bối cảnh vào đề tài việc trùm đầu ở Cô-rinh-tô.

(5) Dấu hiệu quyền phép trên đầu là một câu then chốt, nhưng có ý nghĩa khác với điều nhiều người nghĩ.

(6) Bản diễn ý có giải thích của bản văn, theo cách tôi sẽ giải thích nó một cách ngắn gọn.

(7) Cần làm rõ ý nghĩa thực tế cho thế kỷ 21.

6.1.1 Nguyên tắc và gợi ý để giải nghĩa bản văn

Nhiều người đọc bản văn này của Phao-lô không phải lần đầu. Sau đây là một số khía cạnh có thể mở ra một lối tiếp cận mới. Chúng là kết quả của việc nghiền ngẫm bản văn này và của nhiều công trình nghiên cứu. Chúng có thể giúp người đọc không rơi vào cách đọc quen thuộc, là cách hiểu bản văn qua lăng kính của sự thuận phục theo thứ bậc của (những) người nữ.[58]

Bản văn chú trọng trước hết đến việc mọi sự phải xảy ra cho sự vinh hiển của Đức Chúa Trời, chứ không phải cho sự vinh hiển của người nam hay người nữ.

Vấn đề là đề cao sự vinh hiển của Đức Chúa Trời trong buổi thờ phượng, bằng cách người nam và người nữ cư xử và ăn mặc sao cho sự chú ý không hướng về mình.

(Một số) người nam là nguyên do khiến Phao-lô phải dạy dỗ, vì họ đòi người nữ bỏ khăn trùm đầu.

Ở đây nói đến những tập quán và phong tục văn hóa và xã hội. Vì thế, sự hổ thẹn và sự mất danh dự không nên được hiểu theo nghĩa thần học, trong tương quan với Đức Chúa Trời, mà theo cảm nhận của xã hội.

Vậy, vấn đề không phải là những mệnh lệnh vượt thời gian, phổ quát của Phao-lô, dù ông viện dẫn câu chuyện sáng tạo.

Sự tự do trong Đấng Christ ở trong thế căng thẳng với việc không làm gương xấu cho những người chung quanh, bằng cách chấp nhận những hạn chế.

58. Một bản trình bày chi tiết của công trình này có trên trang chủ: www.hans-joerg-ronsdorf.de

Vấn đề là việc che tóc (chứ không đơn giản là che đầu), và cũng không phải là việc che kín toàn thân.

Vấn đề không phải là trật tự sáng tạo theo thứ bậc, trong đó người nam ở trên người nữ. Vấn đề không phải là sự thuận phục của người nữ đối với người nam. Cả hai đều cầu nguyện và nói tiên tri, ngang hàng và bình đẳng; cả hai đều phải giữ những quy tắc cư xử bề ngoài riêng cho giới tính của mình.

Rốt cuộc, Phao-lô nói về mọi người nữ và mọi người nam, chứ không chỉ về những người đã lập gia đình, dù ẩn dụ đầu – thân chỉ áp dụng cho họ. Mọi người đều cầu nguyện và nói tiên tri: người đã có chồng, nữ nô lệ và góa phụ.

Tin Lành không bao giờ quy định những điều bề ngoài như quần áo hay kiểu tóc. Những điều ấy được quy định trong sự thờ phượng của Giao ước Cũ, nhưng không phải trong Giao ước Mới, là giao ước mà người Cô-rinh-tô cử hành trong Tiệc của Chúa.

Trong một môi trường ngoại giáo, Phao-lô tìm một con đường để có thể sống mà rao truyền Tin Lành, không gây vấp phạm cho người ta trong nền văn hóa của họ.

Vấn đề không phải là những quy tắc cư xử cho nam và nữ trong thế kỷ 21.

Trước khi đọc tiếp, bây giờ bạn hãy đọc bản văn và lưu ý đến những giả định được nêu ở đây. Dù cho đến nay bạn nhìn khác, bạn cứ thử chấp nhận chúng như một khả năng trong suy nghĩ, để có được một góc nhìn khác, mà không nhất thiết phải bị thuyết phục ngay.

6.1.2 Phạm vi hiệu lực của bản văn

Bản văn này có hiệu lực cho nơi nào hay môi trường nào? Trong câu 4 và 5, Phao-lô viết về những người nam và người nữ cầu nguyện và nói tiên tri. Điều đó có áp dụng cho sự nhóm lại, tức buổi nhóm thờ phượng, không? Những người chủ trương "phụ nữ phải im lặng" trong buổi thờ phượng bác bỏ điều đó. Theo họ, phần lớn các dịch giả và các nhà giải kinh đã sai khi áp dụng bản văn cho sự nhóm lại (ngay từ các tiêu đề của đoạn văn này). Điều

lạ là chính họ lại "khuyến khích" làm theo những chỉ dẫn về việc trùm đầu trong sự nhóm lại, dù theo họ bản văn này không áp dụng cho sự nhóm lại.

Có hai giả định để không áp dụng bản văn này cho sự nhóm lại:

1. Trong đoạn văn tiếp theo, từ câu 17, đề tài thay đổi và từ đó trở đi nói rõ đến sự *nhóm lại* của Hội Thánh. Từ chỉ sự *nhóm lại* được nhắc đến nhiều lần từ câu 17 trở đi. Trong các câu 18, 20, 33, 34, nhưng không ở trước hay ở trong đoạn 11:1-16.

2. Xa hơn trong thư Cô-rinh-tô, trong 14:34-36, phụ nữ phải im lặng trong sự nhóm lại. Người ta cho rằng lệnh buộc im lặng dứt khoát này (xem chi tiết trong chương 6.2) đẩy lời của Phao-lô trong 11:5 sang mọi dịp có thể có, nhưng tất cả đều ở ngoài sự nhóm lại.

Cả hai lập luận đều không hợp lý như vẻ bề ngoài:

- Vậy thì việc trùm đầu (nếu ngày nay nó được đòi hỏi) hoàn toàn không liên quan gì đến sự nhóm lại sao?

- Lời khẳng định người nam là đầu của người nữ không áp dụng cho sự nhóm lại sao? Chẳng phải lệnh buộc im lặng được đặt nền trên sự thuận phục đó sao (14:35)?

- Vậy thì chương 11 có hiệu lực cho những dịp nào? Người ta chỉ ra nhiều cơ hội dành cho chị em ở ngoài sự nhóm lại. Dĩ nhiên những cơ hội ấy có, chỉ có điều trong thư này không chỗ nào nói đến chúng. *Trong thư 1 Cô-rinh-tô (chương 14), việc cầu nguyện (trừ một ngoại lệ) và việc nói tiên tri nơi Phao-lô chỉ diễn ra trong sự nhóm lại.*

- Các nguyên tắc về bàn của Chúa (chương 10) không áp dụng cho sự nhóm lại để bẻ bánh, chỉ vì trước chương 11:17 không nhắc đến việc nhóm lại sao?

- Việc quyên góp vào ngày thứ nhất trong tuần diễn ra trong sự nhóm lại, dù điều đó không được nhắc đến cách rõ ràng (1 Cô-rinh-tô 16:1-4).

Việc trùm đầu hay không trùm đầu như một dấu hiệu hữu hình cho những người khác có mặt đòi hỏi phải có một buổi nhóm làm tiền đề cho một chỉ dẫn như thế. *Nếu không, những dấu hiệu hữu hình là vô ích*. Trong thư 1 Cô-

rinh-tô, một sự tụ họp của người ta hay của các tín hữu luôn luôn là sự nhóm lại.

6.1.3 Ba cặp, mỗi cặp có một đầu

Phao-lô bắt đầu với ba cặp, mỗi cặp có một đầu. Trước hết: *Đấng Christ là đầu mọi người nam*. Kế đến: *Người nam là đầu người nữ*. Sau cùng: Nhưng *Đức Chúa Trời là đầu của Đấng Christ*. Trong một thời gian dài, ở đây tôi đã thấy những bậc thứ bậc phổ quát, theo thứ tự này:

Đức Chúa Trời

Đấng Christ

Người nam

Người nữ

Nếu tôi hiểu khái niệm "đầu" trực tiếp là *thẩm quyền* ở trên, thì sẽ ra chuỗi thứ bậc hay trật tự thứ hạng này. Câu hỏi là Phao-lô có ý định như vậy không. Ở đây "đầu" có nghĩa là thẩm quyền không?

Trong cách sắp xếp này, người nữ đứng ở bậc thấp nhất. Trong mô hình này, bà không có mối liên hệ nào với Đấng Christ. Chồng bà (hay nói chung là người nam) dường như là một loại người trung gian. Nhưng mọi người đọc đều sẽ xác nhận rằng người nam không thể đứng giữa người nữ và Đấng Christ. Thứ tự trong chuỗi bậc thang này không tương ứng với thứ tự trong bản văn, vì thế nó không được dự định như vậy và cũng không dùng được như vậy.

Nếu người nữ phải có một dấu hiệu thẩm quyền ở trên mình (câu 10), thì nơi người nam, là người cũng có một thẩm quyền ở trên mình, điều đó được nhận ra qua đâu? Qua dấu hiệu bề ngoài nào mà người ta nhận ra nơi Đấng Christ rằng Ngài thuận phục Đức Chúa Trời? Có lẽ Ngài để tóc dài như một người Na-xi-rê, là điều mà bản văn này gọi là điều hổ thẹn.

Mỗi cặp đứng riêng. Trong đó có thể thấy một sự so sánh nhằm giải thích, làm sáng tỏ hay sửa sai. Các cặp, như những ví dụ để giải thích, đứng *cạnh nhau. Không phải như một chuỗi mệnh lệnh.* Thứ tự ấy, trong số những điều khác, có thể cho thấy rằng Phao-lô nói trước hết với những người nam đã đòi người nữ bỏ khăn trùm đầu.







Sơ đồ này tách khỏi các trật tự thứ hạng. Trật tự thứ bậc không phải là chìa khóa để hiểu chương này.

6.1.4 "Đầu" nghĩa là gì?

Câu hỏi này không đơn giản như đôi khi người ta nói. Đúng hơn, nó đang được các nhà chuyên môn tranh luận sôi nổi.

Từ *đầu* theo nghĩa bóng, theo hình ảnh hay ẩn dụ, trong ngôn ngữ của chúng ta nhanh chóng được liên kết với thẩm quyền. Trong cách nói của người Đức có những từ như Hauptmann (đại úy), Hauptzollamt (cục hải quan chính), Hauptstraße (đường chính) hay những từ tương tự; trong tiếng Việt cũng thế: người đứng đầu, đầu não, đầu đàn. Do ảnh hưởng của ngôn ngữ, chúng ta trực giác liên kết từ ấy với thẩm quyền, quyền tối cao, sự lãnh đạo, địa vị bề trên, một người gánh trách nhiệm.

Thời đó *đầu* có nghĩa là gì? Nó *không có nghĩa chung là thẩm quyền*. Ngay cả khi trong những ngữ cảnh khác nó có nghĩa ấy. Nếu Phao-lô muốn diễn tả thẩm quyền, thì đúng hơn là để làm sáng tỏ. *Vì ông làm cho những người nam thấy rõ rằng, trước khi nghĩ đến thẩm quyền của mình trên người nữ, họ phải lưu ý trước hết đến sự thuận phục của chính mình đối với Đấng Christ.* Điều đó phải quyết định mối quan hệ và thái độ của họ đối với người nữ. Sau cùng, như một hình thức trọn vẹn, chính mối quan hệ giữa Đức Chúa Trời và Đấng Christ

phải là gương mẫu. Mối quan hệ ấy được định hình bởi sự hiệp một và sự bình đẳng nhiều hơn là bởi câu hỏi về thẩm quyền.

Eckhard J. Schnabel viết: "Điều Phao-lô nhắm đến không phải là đặt nền cho trật tự của người nữ và 'thẩm quyền' của người nam, mà là trình bày rằng mọi người – mỗi người nam, mỗi người nữ và cả Đấng Christ – đều có một 'đầu', nghĩa là được gắn với một người có địa vị ưu tiên và nợ người ấy *lòng trung thành*."[59] Lòng trung thành có nghĩa là sự trung tín không đặt nền trên một hệ thống thứ bậc hay sự lệ thuộc, nhưng trước hết trên một mối quan hệ và sự gắn bó.

Đầu (tiếng Hy Lạp: kephale) cũng có nghĩa là *nguồn gốc.* Sau đây là bốn lý do vì sao trong 1 Cô-rinh-tô 11, từ này không (chỉ) mang nội dung ý nghĩa là thẩm quyền hay người lãnh đạo:[60]

Trong bản dịch Cựu Ước sang tiếng Hy Lạp (bản Bảy Mươi, Septuaginta), "đầu" được dịch là *kephale*. Trong tiếng Hê-bơ-rơ, cũng như trong tiếng Đức, (rosh) có thể có nghĩa là "cái đầu", "người lãnh đạo" hay "người cai trị". Trong những trường hợp *rosh* có nghĩa là một người lãnh đạo, phần lớn các dịch giả đã không dùng *kephale*. Thay vào đó, thông thường họ dùng chữ Hy Lạp *archôn*, có nghĩa là "người lãnh đạo" hay "người cai trị". *Từ Hê-bơ-rơ ấy cũng có thể có nghĩa là khởi đầu hay nguồn gốc.*

Một dấu hiệu khác cho thấy rằng trong tiếng Hy Lạp cổ, *kephale* thường không có nghĩa là "người lãnh đạo". Từ điển Liddell-Scott-Jones Greek-English Lexicon không có một định nghĩa nào của *kephale* gần với nghĩa "người lãnh đạo", hay có nghĩa tương đương với "thẩm quyền". R. Cervin xác định rằng các từ điển về tác phẩm của từng tác giả Hy Lạp cổ ngoại giáo như Xenophon, Herodotus, Plato, Thucydides, Sophocles, Aeschylus, Polybius, Diodorus Siculus và những người khác không có định nghĩa nào của *kephale* có nghĩa gần với "người cầm đầu". *"Đầu" với nghĩa là "người lãnh đạo" hầu như không có bằng chứng trong văn chương Hy Lạp ngoại giáo cho đến thế kỷ 4 SCN.* Trái lại, các từ điển Cơ Đốc lại dịch từ này là thẩm quyền. Dù các từ điển Tân Ước đưa ra định nghĩa "người lãnh đạo" cho *kephale*, điều quan trọng cần lưu ý là chỉ có Đức Chúa Trời (1 Cô-rinh-tô 11:3), Chúa Giê-xu

59. Schnabel, E. J., *Der erste Brief des Paulus an die Korinther*, Witten; Gießen 2018, 597.
60. Do Margaret Mowczko, Sydney, tổng hợp: www.margmowczko.com

Christ (1 Cô-rinh-tô 11:3; Ê-phê-sô 1:22-23; 4:15-16; 5:23; Cô-lô-se 1:18-19; 2:9-10; 2:18-19), người nam (1 Cô-rinh-tô 11:3) và người chồng (Ê-phê-sô 5:23) được nhắc đến với từ này. Và chỉ bởi Phao-lô. Nếu ông dùng *kephale* với nghĩa người lãnh đạo hay người đứng đầu, thì tại sao ở những chỗ khác trong các thư của mình, ông không dùng từ này cho những người ở vị trí lãnh đạo hay trong chính quyền?

Nhiều giáo phụ nói tiếng Hy Lạp của Hội Thánh đầu tiên đã hiểu *kephale* trong 1 Cô-rinh-tô 11:3 với nghĩa là "nguồn gốc", "khởi đầu" hay "nguồn", dù một số người viết vào thời mà *kephale* đôi khi có thể có nghĩa là "người lãnh đạo" hay "một người có thẩm quyền". Hơn nữa, dù sao đi nữa các giáo phụ này cũng tin rằng người nam có thẩm quyền ở mức cao hơn người nữ và người nam trổi hơn người nữ. *Nhưng họ đã không dùng 1 Cô-rinh-tô 11:3 để hỗ trợ quan điểm ấy. Những người này và những người khác lo ngại rằng nếu kephale trong 1 Cô-rinh-tô 11:3 được hiểu là "người cai trị" hay "thẩm quyền", thì điều đó sẽ dẫn đến một Cơ Đốc học lệch lạc.* Thay vào đó, họ hiểu *kephale* theo nghĩa "khởi đầu" hay "nguồn".

Xã hội Hy Lạp – La Mã mang tính phụ quyền. Chúng ta có nhiều tác phẩm trong đó các tác giả Hy Lạp viết về sự cai trị của người nam và của người chồng. *Nhưng ngoài Phao-lô và các tác giả Cơ Đốc theo sau ông, không có tác giả nào khác dùng từ "đầu" khi viết về mối quan hệ giữa người chồng với vợ mình, hay khi viết về nam và nữ nói chung.* Ngoài văn chương Cơ Đốc, trong tiếng Hy Lạp cổ, *kephale* không bao giờ được dùng trong ngữ cảnh nam – nữ.

Tôi đề nghị đọc *kephale* trong 1 Cô-rinh-tô 11:3 với nghĩa như "nguồn gốc" hay "khởi đầu", hoặc như một số người nói, "nguồn". Chi tiết thì lời giải thích như sau:

"Nguồn gốc của mỗi người nam là Đấng Christ", nghĩa là Đấng Christ là Đấng đại diện Đức Chúa Trời trong sự sáng tạo. Trong 1 Cô-rinh-tô 8:6, Phao-lô nhấn mạnh rằng Chúa Giê-xu Christ là Đấng "bởi Ngài mà có muôn vật".

"Nguồn gốc của người nữ là người nam" (tức là Sáng Thế Ký 2:21-23). Người nữ [ishah] được "lấy ra từ người nam [ish]".

"Nguồn gốc của Đấng Christ là Đức Chúa Trời" (nghĩa là Đấng Christ là "Đấng Mê-si-a", và nguồn gốc của Đấng Mê-si-a là Đức Chúa Trời). Theo ngôn ngữ của những thế kỷ về sau thì: "Con ra từ Cha". Đấng Christ đến từ Đức Chúa Trời.

Trong 1 Cô-rinh-tô 11:2-16 có nhiều chỗ ám chỉ đến bản tường thuật sáng tạo trong Sáng Thế Ký 2 và đến nguồn gốc của người nam và người nữ (11:8-9, 11-12). *Vì thế, trong ngữ cảnh, việc 1 Cô-rinh-tô 11:3 ám chỉ đến sự sáng tạo và nguồn gốc là điều hợp lý.*

Chúng ta không thể nói dứt khoát toàn bộ nội dung ý nghĩa của "đầu" là gì. Nó có nhiều nghĩa, hay mọi điều đều áp dụng y hệt cho mỗi "cặp"? Vai trò của người nam là đầu của người nữ giống với vị trí của Đức Chúa Trời là đầu của Đấng Christ đến mức nào? Vì thế cần phải dè dặt, và cân nhắc xem câu 3 này có thể là một ý chủ đạo hay một tiêu đề cho toàn bộ đoạn văn tiếp theo đến mức nào.

Vai trò làm đầu của người nam có nghĩa nhiều hơn thẩm quyền, nếu người ta nhất định muốn hiểu khái niệm này như vậy. Nó cũng đồng thời có nghĩa là nguồn gốc và nguồn. Riêng tôi, như tôi đã trình bày trong chương 5.2, tôi sẽ rút ra từ đó rằng nó cũng nhấn mạnh sự hiệp một và sự gắn bó với nhau. Cũng nhấn mạnh chức năng chu cấp và bảo vệ của đầu đối với thân, việc nâng đỡ và hỗ trợ.

Có lẽ cũng đã có những ảnh hưởng Do Thái mà Phao-lô chống lại. Dưới ánh sáng của bản tường thuật trong Sáng Thế Ký, chứ không phải ngược lại, dường như ở đây Phao-lô sửa lại câu chuyện sáng tạo đã bị hiểu sai, hay đã bị giải thích theo lối Do Thái. Từ câu chuyện ấy, phái Do Thái hóa nói chung, và ở Cô-rinh-tô nói riêng, đã đặt nền cho sự thuận phục của người nữ và gắn vào đó những điều bề ngoài như việc trùm đầu và để tóc dài.

Phao-lô bác bỏ điều đó theo tinh thần của bản tường thuật sáng tạo: người nữ chẳng là gì nếu không có người nam (người chồng). Và người nam cũng chẳng là gì nếu không có người nữ (người vợ). Họ bổ sung cho nhau. Và điều đó đã xảy ra thế nào? Người nữ ra từ người nam. Và rồi tiếp theo thì sao? Mọi người nam đều do người nữ sinh ra. *Làm sao có thể tóm tắt bản tường thuật sáng tạo cho gọn và đúng hơn? Và diễn tả sự đồng giá trị và sự ngang hàng của họ*

cách hợp lý đến thê? Cả hai, người nam và người nữ, đều được nắn nên bởi tay Đức Chúa Trời, như sự bổ sung hoàn hảo và người đối diện tương xứng của nhau. Một mặt với những vai trò khác nhau, nhưng trong thực tế cuộc sống thường có thể hoán đổi cho nhau, và không bị giới tính quyết định.

Bổ sung cho sự ngang hàng ấy giữa nam và nữ, còn có lời dạy trước đó của Phao-lô trong chương 7:3-5:

"Chồng phải làm trọn bổn phận vợ chồng đối với vợ, và vợ đối với chồng cũng vậy. Vợ không có quyền trên thân thể mình, nhưng là chồng; chồng cũng vậy, không có quyền trên thân thể mình, nhưng là vợ. Đừng từ chối nhau, trừ khi có sự ưng thuận đôi bên trong một thời gian, để chuyên lo cầu nguyện; rồi trở lại hiệp cùng nhau, kẻo Sa-tan cám dỗ anh em vì anh em không tự kiềm chế được."

Với lời này, Phao-lô làm đảo lộn những quan niệm và hình dung của thời cổ về tình dục. Người vợ không phải phục vụ người chồng một chiều mỗi khi ông muốn tìm sự thỏa mãn tình dục. Người vợ không thuộc về người chồng. Họ thuộc về nhau. Trong đời sống tình dục, họ tôn trọng nhau. Tình dục không phải là đường một chiều. Đó là một bổn phận, vì người nam và người nữ có những nhu cầu tình dục mà chính Đức Chúa Trời đã đặt để trong họ để được thỏa mãn. Tình dục là một hành động có sự đồng thuận, nhằm làm thỏa lòng cả hai người. *Ở đây cũng vậy, Phao-lô nhấn mạnh rõ ràng sự ngang hàng của cả hai giới.* Nếu không, ông đã không nói rằng người vợ có quyền trên thân thể của chồng mình. Vì sự giao hợp là một việc thuộc về thân thể, nên thân thể được nhấn mạnh, nhưng rốt cuộc thân thể tượng trưng cho cả con người. Việc người vợ có quyền (thẩm quyền, quyền cai trị) trên người chồng thường bị bỏ qua, vì người ta mặc nhiên cho rằng người vợ không được cai trị người chồng, mà phải thuận phục. Đây là một bài học quan trọng cho một đời sống tình dục lành mạnh trong hôn nhân. Thời đó, điều này không hợp thời. Nhưng đó chính là trật tự sáng tạo.

6.1.5 Việc trùm đầu ở Cô-rinh-tô

Nếu chúng ta không tìm hiểu về tập tục trùm đầu và/hoặc trùm khăn, thì có nguy cơ áp dụng y nguyên bản văn này của Phao-lô cho ngày nay. Và lại

theo một lối thông diễn trắng đen, một chiều, mà rốt cuộc trở thành sự biện minh cho một chủ nghĩa luật pháp hẹp hòi, như chính tôi đã trải qua.

M. Auerback tóm tắt lập luận về việc che phủ như sau: "*Các biểu tượng, các lời tuyên bố chỉ có ý nghĩa trong một nền văn hóa biết chúng có nghĩa gì.*" "Nhưng trong ngành nghiên cứu Kinh Thánh truyền thống, phần lớn người ta mặc nhiên cho rằng trong 1 Cô-rinh-tô 11:3-16, việc trùm khăn có nghĩa là "sự thuận phục", *mà không tìm hiểu những ý nghĩa mà việc trùm khăn có đối với phụ nữ trong nền văn hóa Đông Địa Trung Hải thời cổ*, hay trong việc nó vẫn tiếp tục được dùng rộng rãi trong một số nền văn hóa hiện đại." [61]

Bruce Winter khẳng định rằng vào thời Đế quốc La Mã, "có thể chắc chắn cho rằng cái đầu trùm khăn là biểu tượng của sự đoan trang và trong sạch mà người ta trông đợi nơi một người phụ nữ có chồng." [62]

"Nhưng ngày nay chúng ta có được những lời kể của phụ nữ từ những nền văn hóa có tập tục phụ nữ trùm khăn, và những lời kể ấy kể một câu chuyện khác. Chúng ta nhận thấy rằng trong Hồi giáo và Do Thái giáo có một trào lưu mạnh mẽ những phụ nữ sùng đạo theo khuynh hướng chính thống cực đoan, những người trùm khăn vì những lý do nghe rất giống với lý lẽ của Phao-lô trong 1 Cô-rinh-tô 11:3-16. Tuy nhiên, chúng ta không hoàn toàn lệ thuộc vào những điểm tương đồng nhân chủng học về sau, là những điều có nguy cơ sai niên đại. *Câu chuyện về những phụ nữ từ chối bỏ khăn trùm, và những lý do để trùm khăn, có thể được truy ngược về tận nền văn hóa A-si-ri*." [63]

"*Mối quan tâm của Phao-lô dường như bao gồm mọi phụ nữ trong Hội Thánh nói tiên tri và cầu nguyện – kể cả nữ nô lệ, phụ nữ đã được trả tự do, phụ nữ chưa lập gia đình và góa phụ.* Lối ăn mặc của người Matrona La Mã[64] thể hiện cả địa vị của bà lẫn 'thân phận và vai trò của bà như một người phụ nữ có khả năng sinh hoạt tình dục trong xã hội La Mã.' *Mặt khác, một cái đầu không trùm khăn có nghĩa là sẵn sàng về mặt tình dục, đến nỗi một nữ nô lệ hay một phụ nữ đã được trả tự do bị cấm trùm khăn*." [65]

61. Westfall, tr. 26 Westfall, Cynthia Long. Paul and Gender: Reclaiming the Apostle's Vision for Men and Women in Christ. Baker Publishing Group, 2015
62. tr. 27
63. tr. 29
64. Matrona là danh xưng chỉ người phụ nữ kết hôn với một công dân La Mã trong xã hội của Đế quốc La Mã. Chỗ của bà phần lớn là trong nhà, lo cho gia đình và việc nhà. Bà ở dưới sự bảo vệ và giám hộ của chủ nhà, hoặc là cha, hoặc là chồng. Wikipedia

"Việc quy định chuyện trùm khăn là đặc quyền của đàn ông; hẳn họ là những người tự nhiên thấy cần phải đặt ra một quy tắc. *Trong tập quán La Mã, cả đàn ông lẫn phụ nữ đều trùm đầu khi cầu nguyện. Rõ ràng Phao-lô đã dạy những người nam trong các Hội Thánh cầu nguyện mà không trùm đầu, trái với tập quán La Mã (1 Cô-rinh-tô 11:4), nên có lẽ những người nam nghĩ rằng điều gì tốt cho ngỗng đực thì cũng tốt cho ngỗng cái. Nhưng trong khi cái đầu không trùm của một người nam là dấu hiệu của sự khiêm nhường của ông trước mặt Đức Chúa Trời, thì cái đầu không trùm của một người nữ không phải là dấu hiệu của sự khiêm nhường của bà trước mặt Đức Chúa Trời; đúng hơn, nó phát ra một tín hiệu về việc bà sẵn sàng về mặt tình dục, có thể chẳng khác gì một lời mời gọi.* Nhưng những lý tưởng văn hóa về điều gì là đứng đắn có thể bị ai đó gạt bỏ để ưu tiên cho những điều có vẻ là ưu tiên thần học." [66]

"Người ta thường mặc nhiên cho rằng, không chút thắc mắc, Phao-lô đã sửa sai những phụ nữ Cô-rinh-tô. *Tuy nhiên, đoạn văn trở nên mạch lạc hơn nếu người ta giả định rằng những phụ nữ Cô-rinh-tô đã từ chối bỏ khăn trùm đầu hay khăn che của mình*, nhưng bị những người có thẩm quyền, những người nam trong Hội Thánh tại gia, hoặc có thể thậm chí chính chồng mình, gây áp lực hay khuyến khích bỏ khăn trùm. Đây là một kiểu tình huống cứ lặp đi lặp lại trong những nền văn hóa có tập tục trùm khăn." [67]

"Điều này không chỉ cho thấy rằng những phụ nữ ấy sẵn sàng về mặt tình dục, mà còn duy trì trật tự xã hội và sự phân biệt giữa các giai cấp. … *Việc Phao-lô ủng hộ việc mọi phụ nữ trùm khăn đã làm cho các mối quan hệ xã hội trong Hội Thánh trở nên bình đẳng; trong chừng mực việc trùm khăn này nằm trong tay ông, ông đã bảo đảm sự tôn trọng, danh dự và sự trong sạch về tình dục cho những phụ nữ trong Hội Thánh, là những người mà nền văn hóa đã không cho có địa vị ấy.*" [68] Việc trùm khăn làm lộ rõ những khác biệt xã hội giữa trên và dưới, tức là sự khác biệt giai cấp, như người ta có thể thấy suốt 1.800 năm cho đến thời cận đại.

"Trong nền văn hóa Cận Đông, một phụ nữ thuộc tầng lớp trên trùm đầu để cho thấy sự tận tụy và sự khiêm tốn của mình. Cái đầu được trùm của bà

65. tr. 29
66. tr. 31
67. tr. 32
68. tr. 33

cũng trực tiếp cho thấy danh dự của chính bà và danh dự của gia đình bà – nhất là của paterfamilias (người đứng đầu gia đình thời cổ), *là nguồn gốc căn tính của bà.* Phao-lô dựa vào ý nghĩa phức tạp của biểu tượng ấy để đưa ra một lập luận thần học cho việc trùm khăn, trên nền tảng của bản tường thuật sáng tạo." [69]

E. Schnabel viết: "Việc phụ nữ trùm đầu (không chỉ trong những bối cảnh tôn giáo) là điều hiển nhiên hợp lẽ trong vùng văn hóa La Mã – Hy Lạp hóa. Các bức tượng La Mã, trước hết là chân dung của những phụ nữ trong gia đình hoàng đế, cũng như các phù điêu trên mộ, mô tả những phụ nữ có chồng với chiếc khăn choàng kéo trùm lên đầu (*palla*), hay với *vitta*, dải băng len quấn đầu hay buộc tóc, được xem là biểu tượng của sự đoan trang và trong sạch. Phụ nữ không *bắt buộc* phải mang khăn choàng nơi công cộng. Nhưng việc mang khăn choàng tượng trưng cho sự trong sạch của họ. Luật hôn nhân của Augustus quy định rằng gái mại dâm bị cấm mang khăn choàng của người vợ đoan chính, tức *Matrona*."[70]

Việc trùm đầu là điều phổ biến. Chỉ với chút công sức, phụ nữ La Mã có thể kéo chiếc áo khoác ngoài, tức palla, từ phía sau lên trùm đầu, nhờ đó tóc của họ cũng gần như được che kín. Điều đó có thể thấy trong vô số hình ảnh thời cổ.

"Điều này bác bỏ giả định đang thống trị trong ngành nghiên cứu Kinh Thánh, cho rằng khăn trùm tượng trưng cho sự thuận phục của người vợ đối với chồng. Việc mang khăn trùm không phải là một biểu tượng riêng tư, mà là một tập quán công cộng được luật pháp và phong tục điều chỉnh, và người ta trông đợi cả đàn ông lẫn phụ nữ tuân theo tập tục ấy. *Nói tóm lại, khăn trùm đại diện cho danh dự, địa vị và sự bảo vệ của người phụ nữ.*" [71]

"Việc phụ nữ từ chối bỏ khăn trùm là điều thông thường (trước kia và bây giờ), vì khăn trùm tượng trưng cho danh dự và sự bảo vệ. Nhiều khả năng hơn là những phụ nữ không được phép trùm khăn nơi công cộng muốn mang khăn trùm trong buổi nhóm, để tượng trưng rằng họ đã được xưng công bình nhờ Đấng Christ. *Lời chỉ dẫn của Phao-lô cho mọi phụ nữ phải trùm*

69. tr. 37
70. Schnabel, E. J., 602–603.
71. tr. 42

khăn là đi ngược văn hóa, hay chống lại văn hóa, và có thiện ý đối với phụ nữ. Tập quán mọi phụ nữ đều mang khăn trùm đã làm cân bằng các mối quan hệ xã hội trong Hội Thánh Cơ Đốc." [72]

Tôi trình bày chi tiết như thế để cho thấy rằng những dấu hiệu bề ngoài này đã bén rễ sâu trong văn hóa và xã hội thời bấy giờ. Để không làm nguy hại đến lời chứng về Đấng Christ và đến Tin Lành, cần phải tìm ra một con đường giữa sự tự do trong Đấng Christ và sự thích nghi với các chuẩn mực xã hội. Một mặt, điều đó có nghĩa là thích nghi (phụ nữ trùm đầu). Nhưng mặt khác, đi ngược văn hóa, mọi phụ nữ đều trùm đầu, để bày tỏ sự bình đẳng trong Đấng Christ. Cũng vậy, việc bác bỏ chuyện trùm đầu đối với người nam, vì điều đó có thể có nghĩa là thích nghi với những sự thờ cúng thần tượng. Ngày nay cũng cần giữ nguyên tắc ấy. Việc tiếp nhận những chuẩn mực xã hội của thời cổ không giúp gì cho chúng ta trong thế kỷ 21. Đúng hơn, những điều bề ngoài như thế sẽ gây ra sự khó hiểu, mà tiếc thay đó lại là điều đang xảy ra.

6.1.6 Phải có dấu hiệu quyền phép trên đầu?

Câu 10: Vì vậy, người nữ phải có quyền phép trên đầu, vì có các thiên sứ.

Nhiều bản dịch đã thêm vào đây chữ "*dấu hiệu* của quyền phép hay thẩm quyền"! Nhưng ở đó chỉ có chữ quyền phép, quyền năng hay thẩm quyền. Sự thêm vào này không làm ai ngạc nhiên, vì như đã nói ở đầu, bản văn này của Phao-lô đã được hiểu như một sự xác nhận thứ bậc của người nam ở trên người nữ. Điều đó đã ảnh hưởng đến các dịch giả (hầu như toàn là nam giới). *Nói cách khác: sự thêm vào này là một cách giải nghĩa.*

Đúng hơn, câu này nên được dịch như sau:

Vì vậy, người nữ phải có thẩm quyền trên đầu của chính mình, vì có các thiên sứ.

(theo Schnabel, Westfall, Bushnell, Keener, Schirrmacher và những người khác)

Phao-lô chỉ ra rằng trong cộng đồng Cơ Đốc, việc trùm khăn là quyền của người phụ nữ, và điều đó biến đổi ý nghĩa của biểu tượng ấy. Như vậy, nó rõ

72. tr. 44

ràng không phải là dấu hiệu của sự khuất phục hay của sự thuận phục theo thứ bậc. Điều đó có thể có nghĩa là một người phụ nữ phải có khả năng tự mình phán đoán trong những vấn đề về y phục của phụ nữ, vì bà được định để xét đoán thế gian và các thiên sứ, như ông đã nói trong 1 Cô-rinh-tô 6:2-3. "*Qua việc mang khăn trùm đầu theo truyền thống, người vợ bày tỏ quyền làm chủ của mình đối với đầu mình, bằng cách chấp nhận lòng trung thành của mình đối với chồng cũng như địa vị xã hội riêng của mình. Những tín hiệu khêu gợi mà phụ nữ phát ra khi để lộ đầu nơi công cộng của buổi nhóm Hội Thánh được tránh đi. Sự gắn bó giữa người nam và người nữ vẫn được giữ nguyên, và việc người nữ nói lên thực tại của Đức Chúa Trời trong sự cầu nguyện và lời nói tiên tri vẫn chân thật*".[73]

"Vậy, trong thần học của Phao-lô về nguồn gốc, người nam và người nữ rõ ràng lệ thuộc vào nhau. Trong ngữ cảnh của 1 Cô-rinh-tô 11:3-16, Phao-lô khéo léo làm dịu bớt mọi sự độc lập không thích đáng của phụ nữ, là điều có thể nảy sinh từ việc ông ủng hộ ước muốn trùm khăn của họ."[74]

6.1.7 Ý nghĩa cho ngày nay

Lời Đức Chúa Trời là vượt thời gian. Không một lời nào sẽ qua đi. Nhưng có những điều thuộc về một thời kỳ nhất định và được nói cho chính thời kỳ ấy.

Qua việc trùm đầu, phụ nữ không được thu hút sự chú ý về mình, không phô bày vẻ lộng lẫy của mái tóc và không làm người nam (có lẽ cả một số phụ nữ) bị phân tâm. Sự vinh hiển của Đức Chúa Trời phải được tôn cao và ca ngợi. Sự vinh hiển của Đức Chúa Trời, sự hiện diện của Ngài, là trung tâm của sự nhóm lại. Ngày nay cũng vậy, trong buổi thờ phượng, không điều gì được tôn cao con người, không ai được thu hút sự chú ý hay vinh dự về mình.

Phụ nữ không được dùng vẻ bề ngoài, vẻ đẹp nổi bật hay được trau chuốt của mình để lấy đi phần nào sự vinh hiển của Đức Chúa Trời. *Đó là nguyên tắc đạo đức của bản văn, là điều vẫn còn hiệu lực cho đến ngày nay. Không diễn giả nào, người giảng đạo nào, không ai làm chứng về đời sống hay tường thuật về công*

73. Schnabel, E. J., 610–611
74. tr. 73

tác truyền giáo, không ca sĩ nào, không nhạc công nào, không ai được dùng y phục để thu hút sự chú ý về mình, ngày nay cũng như thời đó.

"Về tập quán trùm đầu, thì trong các xã hội phương Tây từ lâu người ta không còn thói quen phụ nữ dùng khăn trùm đầu để cho thấy địa vị của mình là người vợ chung thủy. Trong các nước Hồi giáo, và như vậy trong các Hội Thánh ở những vùng Hồi giáo, thì khác! Nếu trong hoàn cảnh như thế, những người vợ Cơ Đốc hoạt động trong Hội Thánh mà không trùm đầu, thì đó chính là vì họ cũng đi lại nơi công cộng trong thành phố mình sống mà không trùm đầu. *Việc không trùm đầu không phát ra tín hiệu nào. Khi một số Cơ Đốc nhân đòi hỏi rằng ngày nay người vợ vẫn phải trùm đầu vì 'vâng lời Kinh Thánh', thì chính những chỉ dẫn của sứ đồ Phao-lô lại không được hiểu và thực hiện cách 'vâng lời': điều Phao-lô quan tâm không phải là chiếc khăn trùm đầu, mà là việc cố tình coi thường và chế nhạo những quy ước truyền thống, là những điều quan trọng và nền tảng cho toàn thể xã hội.*

Nếu phụ nữ trong các Hội Thánh ở Tây Âu trùm đầu, thì đó không phải là sự phù hợp với một quy ước tượng trưng cho sự trong sạch và lòng gắn bó của một người vợ, như Phao-lô đòi hỏi, mà là một cách cư xử chính là *không* phù hợp. Ở phương Tây, lòng gắn bó vợ chồng và sự đoan trang hầu như không còn được tượng trưng bằng một kiểu ăn mặc nhất định nào. Điều đó được thể hiện bằng lời nói thì đúng hơn, nghĩa là bằng những lời cụ thể về giá trị của hôn nhân và của người phối ngẫu."[75] Và dĩ nhiên bằng một chiếc nhẫn cưới, là điều cho thấy rõ ràng rằng người đeo nó đang ở trong một mối quan hệ (hôn nhân) bền vững và không còn tự do cho một mối quan hệ mới, cũng không tìm kiếm những cuộc phiêu lưu tình ái. Nhẫn cưới chỉ bảo vệ khỏi điều đó ở một mức độ nào đó thôi; điều quan trọng là dấu hiệu.

Ai ngày nay vẫn cho rằng mình phải quy định cho phụ nữ phải trùm đầu (hay phụ nữ tự quy định cho mình), thì người ấy chưa nắm lấy sự tự do của Tin Lành, là sự tự do mà chúng ta được kêu gọi để sống trong đó.

75. Schnabel, E. J., 624

6.1.8 Bản diễn ý có giải thích

Sau đây là bản văn được diễn đạt lại bằng lời của tôi. Tôi sẽ giải thích bản văn phức tạp này ngắn gọn như thế. Đây không phải là bản dịch từ bản văn Hy Lạp, mà là một bản diễn ý, theo cách tôi hiểu và sẽ giải thích nó, từ góc nhìn của người viết là Phao-lô:

Điều quan trọng đối với tôi là anh em, những người Cô-rinh-tô, ý thức rằng nguồn gốc, tức là đầu của mỗi người nam, là Đấng Christ, Đấng Mê-si-a. Nhờ Ngài mà anh em là những người nam đã được dựng nên. Và là người nam, anh em được gắn với Ngài. Điều đó được thấy rõ trong sự nhóm lại. Tôi nhắc đến anh em trước, vì anh em đòi người nữ không được trùm đầu khi họ cầu nguyện và nói tiên tri.

Đầu của người nữ là người nam. Người nữ đã được dựng nên từ cạnh sườn của người nam, để cùng với người nam trở nên một. Người nam là đầu, người nữ là thân. Người nam là nguồn gốc của người nữ, và người nữ cũng được gắn với người nam, điều đó được thấy rõ trong buổi nhóm.

Chúng ta cũng thấy mối quan hệ ấy nơi Đấng Christ. Đầu của Ngài là Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời đã sinh ra Ngài từ trước vô cùng và trong thân phận con người, là Con của Ngài, Đấng bình đẳng với Ngài.

Khi một người nam ở Cô-rinh-tô cầu nguyện lớn tiếng với Đấng Christ hay với Đức Chúa Trời trong buổi nhóm, hoặc khi người ấy nói tiên tri mà trùm đầu, thì đó là điều hổ thẹn. Người ấy tự tôn vinh mình, chứ không tôn vinh Đấng Christ. Vì những kẻ thờ thần tượng trùm đầu khi dâng của tế lễ cho thần tượng. Khi không trùm đầu, người nam bày tỏ sự khiêm nhường và dâng vinh hiển cho Đấng Chí Cao, là Đấng Christ vô hình.

Đối với người nữ thì hoàn toàn ngược lại. Những người nữ cầu nguyện và nói tiên tri trong buổi nhóm mà không trùm đầu thì đem sự hổ thẹn đến cho đầu mình. Họ làm nhục chính mình và chồng mình, tức là đầu của mình. Vì họ thu hút sự chú ý về mình thay vì về Đức Chúa Trời và Đấng Christ.

Nếu có ai đòi rằng người nữ không cần phải trùm đầu, cũng như người nam, thì người ấy chưa suy nghĩ đến nơi đến chốn. Vì anh em biết rằng ở Cô-rinh-

tô, một người nữ không trùm đầu bị xem như người bị cạo đầu, và giống như một người nữ làm nghề mại dâm hay đang tìm kiếm những cuộc gặp gỡ tình dục. Nếu người nữ không che phủ hay trùm đầu, thì theo lẽ đương nhiên, người ấy cũng nên cắt tóc đi hay cạo trọc đầu.

Tôi biết, anh em không hề nhắm đến điều đó qua đời hỏi của mình! Nhưng trong xã hội anh em đang sống, đó sẽ là hậu quả! Vì thế, đừng liều trở thành có vấp phạm cho những người đến với anh em và thấy rằng tập tục thông thường của người nữ trùm đầu nơi công cộng bị khước từ.

Người nam không được trùm đầu trong buổi nhóm, trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời. Vì người nam là hình ảnh của Đức Chúa Trời và là sự phản chiếu vinh hiển của Ngài.

Người nữ cũng là hình ảnh của Đức Chúa Trời, nhưng hơn thế nữa, người nữ còn là sự phản chiếu vinh hiển của người nam. Vẻ đẹp của người nữ là vẻ đẹp của chồng mình, người mà mình đã nên một.

Làm sao người nữ có thể trở nên vinh hiển của người nam? Chắc chắn không phải vì người nam được dựng nên từ người nữ, nhưng vì người nữ đã được nắn nên từ người nam, từ cạnh sườn của người nam.

Và người nữ là vinh hiển của người nam, không phải vì người nam được dựng nên vì có người nữ, mà là ngược lại. Người nữ được dựng nên vì có người nam, vì người nam ở một mình và cần được giúp đỡ. Và vì là người nữ, nàng đẹp đẽ đáng ao ước đối với người nam.

Vì thế, vì người nữ có giá trị như vậy và đem lại lợi ích lớn như vậy cho người nam, nên người nữ phải tự mình quyết định về đầu mình, có trùm hay không. Không ai được quy định điều đó cho người nữ. Cả chồng lẫn những người lãnh đạo Hội Thánh đều không được quy định cho người nữ phải không trùm đầu (hay phải trùm đầu).

Nhưng trong sự tự chủ và tự do quyết định của mình, người nữ hãy lưu ý rằng mình không tách biệt hay độc lập khỏi người nam. Trong Hội Thánh, người nữ không hiện hữu mà không có người nam, và người nam cũng không hiện hữu mà không có người nữ. Ý định của Đức Chúa Trời luôn luôn là sự cùng nhau và sự hiệp lại của người nam và người nữ. Trong sự hiệp

một của đầu và thân, họ cùng nhau hành động, đồng lòng, có bàn bạc, trong hòa thuận, thuận phục nhau, bổ sung cho nhau.

Người này không hiện hữu mà không có người kia, điều đó có nghĩa gì? Anh em hãy nhớ lại một lần nữa sự dựng nên cặp người đầu tiên. Lúc ban đầu, người nữ ra từ người nam. Từ cạnh sườn của người nam. Được gắn với người nam, để rồi lại nên một thịt với người nam. Nhưng hãy nghĩ xa hơn: từ đó đến nay, mọi người nam đều ra từ một người nữ. Không có người nam thì không có người nữ, và không có người nữ thì không có người nam. Cả hai đều có phẩm giá như nhau, có giá trị như nhau và bình đẳng, là sự bổ sung trọn vẹn cho nhau trong sự khác biệt của mình. Tất cả đều là ý định của Đức Chúa Trời. Ngài là đầu, là nguồn mà từ đó mọi điều này đã ra.

Trước điều đó, tôi hỏi anh em: một người nữ cầu nguyện Đức Chúa Trời nơi công cộng mà không che phủ, không trùm đầu thì có đứng đắn không? Không, anh em sẽ đồng ý rằng điều đó không đứng đắn, xét theo các tập tục ở Cô-rinh-tô và trong Đế quốc La Mã.

Thật vậy, có những phong tục và tập quán đối với con người giống như những định luật tự nhiên. Nếu một người nam để tóc dài, trái với phong tục và tập quán, thì điều đó bị xem là hổ thẹn. Ở đây cũng vậy, đối với người nữ thì hoàn toàn ngược lại. Mái tóc dài của người nữ là vinh hiển của họ, là đồ trang sức tự nhiên của họ, là điều người ta cũng cảm nhận như vậy. Mái tóc dài được ban cho người nữ như một khăn trùm hay một tấm áo choàng để trang sức, để họ là vinh hiển của người nam.

Đồ trang sức ấy, là điều có vẻ thật đáng ao ước đối với người nam, người nữ phải che lại trong buổi nhóm. Đây không phải là nơi để xuất hiện với vinh hiển ấy, cũng như người nam phải bày tỏ sự khiêm nhường của mình bằng cái đầu không trùm. Vì vấn đề là sự tôn trọng và vinh hiển của Đức Chúa Trời và của Đấng Christ. Chính Ngài là Đấng mời chúng ta vào yết kiến Vua của muôn vua.

Nếu có ai ở Cô-rinh-tô muốn tranh luận về điều này và đặt nghi vấn về tập tục trùm đầu ấy, thì người ấy nên tự ý thức rằng không nơi nào có chuyện như vậy. Như việc anh em muốn quy định cho người nữ không được trùm đầu. Không Hội Thánh nào thực hành điều như thế, vì vậy hãy giữ theo điều

thông thường được áp dụng cho việc trùm đầu, là điều đứng đắn và không gây vấp phạm cho ai.

6.1.9 Kết thúc và tóm tắt

Ngôn ngữ của đoạn văn và kết luận của Phao-lô gợi ý rằng có người muốn hạn chế hoặc cấm việc trùm khăn trong các Hội Thánh tại gia ở Cô-rinh-tô, nhưng tất cả phụ nữ, một số phụ nữ hay một người phụ nữ nào đó muốn trùm khăn. Trước hết, Phao-lô tóm tắt ngắn gọn bản tường thuật sáng tạo và giải thích rằng việc người nữ được dựng nên từ người nam và vì người nam là lý do khiến người nữ là vinh hiển của người nam. Người nam là đầu của người nữ vì người nữ được dựng nên từ người nam, và do đó đầu của người nữ phản chiếu vinh hiển của người nam hay bằng cách nào đó diễn tả vinh hiển ấy. Trong bản tường thuật của sách Sáng Thế Ký, người nữ cũng là vinh hiển của người nam vì người nữ được dựng nên cách đặc biệt để thu hút người nam, khác với mọi loài thú vật (Sáng Thế Ký 2:18-23).[76]

Các bản văn của Phao-lô chứa đựng một thần học về giới tính (gender), *được hiện thực hóa qua cách Phao-lô giải thích bản tường thuật sáng tạo bằng những khái niệm và biểu tượng của văn hóa Hy Lạp – La Mã và những thành ngữ của tiếng Hy Lạp.* Khi áp dụng ẩn dụ "đầu" cho A-đam, Phao-lô cho thấy rằng Ê-va có nhiều căn tính. Phụ nữ là hình ảnh của Đức Chúa Trời, là hình ảnh của A-đam và cũng là "vinh hiển của người nam". *Việc Phao-lô mô tả người nữ là "vinh hiển của người nam" không ám chỉ một sự thuận phục hay một vinh hiển thấp kém hơn, mà chỉ về một vinh hiển thêm vào: quyền năng của vẻ đẹp của người nữ đối với người nam.* Cũng vậy, chúng ta không thể phóng chiếu quyền ưu tiên của người nam vào lời mô tả ngắn của Phao-lô trong 1 Ti-mô-thê 2:13-14, nơi nói rằng A-đam được dựng nên trước (câu 13). Thay vào đó, Phao-lô dạy sự hỗ tương từ bản tường thuật sáng tạo, vì Phao-lô trình bày người nam như người nhận lãnh những lợi ích, là người cần sự giúp đỡ của người nữ. Ông mô tả điều đó bằng những khái niệm mà nền văn hóa ấy có thể hiểu được. *Người nữ được nắn nên từ người nam, nên trong bản tường thuật sáng tạo, người nam đóng vai trò là đầu của người nữ (nguồn sự sống của người nữ) theo cách dùng chữ của tiếng Hy Lạp;* nhưng về sau mọi người nam lại đến từ người nữ, nên

76. tr. 98

người nữ cũng là nguồn sự sống, như tên "Ê-va" trong Sáng Thế Ký 3:20 có nghĩa.

Vì thế, theo ý định của Đức Chúa Trời, người nữ và người nam không độc lập với nhau. Không có lý do bắt buộc nào để giải thích Phao-lô như thể ông mâu thuẫn với thẩm quyền của người nữ trong bản tường thuật sáng tạo ở Sáng Thế Ký 1:27-28, hay qua việc ông dùng thành ngữ Hy Lạp "đầu" mà ông giải thích lại hay làm nhẹ đi thẩm quyền ấy. Cả người nam lẫn người nữ đều được dựng nên theo hình ảnh Đức Chúa Trời, và cả hai đều được dựng nên để quản trị, là điều mà theo Phao-lô được thực thi trong tinh thần cùng nhau và hỗ tương, trong khuôn khổ những quy ước văn hóa tương ứng.[77]

6.1.10 Một cách đọc khác về 1 Cô-rinh-tô 11

Cách đây khoảng 25 năm, lần đầu tiên tôi nghe nói rằng trong bản văn này, Phao-lô không trình bày suy nghĩ của chính mình, mà nêu ra hay trích dẫn suy nghĩ của những người nam ở Cô-rinh-tô rồi bác bỏ chúng. Điều này được gọi là thuyết trích dẫn hay luận đề trích dẫn. Người đã trình bày chi tiết điều này bằng tiếng Đức là Thomas Schirrmacher. Trong một thời gian dài tôi vẫn hoài nghi. Vì kết quả rút ra chính là cái tựa của cuốn sách ấy: *Paulus im Kampf gegen den Schleier* (Phao-lô chống lại khăn trùm).[78] Tức là không phải một lời biện hộ cho việc trùm đầu, mà là sự bác bỏ những điều bề ngoài ấy. Đó là một bước ngoặt 180° về ý nghĩa. Một "Gamechanger" (điều làm thay đổi cục diện), như người ta cũng gọi. Luận đề này là một góc nhìn hoàn toàn khác về bản văn này.

Nhờ những nhà thần học nói tiếng Anh, là những người chủ trương cùng một luận đề ấy độc lập với T. Schirrmacher, tôi đã trở lại với cách giải nghĩa của ông. Tôi cho rằng luận đề này hoàn toàn hợp lý. Dù tôi biết đến nhiều lời phê bình nhắm vào nó. Chính Schirrmacher, trong ấn bản thứ 5 của cuốn sách mình, đã trả lời những lời phê bình ấy. Cách giải nghĩa này chưa được chứng minh, nhưng có cách giải nghĩa nào được chứng minh đâu?

77. tr. 105

78. Paulus im Kampf gegen den Schleier, Thomas Schirrmacher, Eine alternative Auslegung von 1. Korinther 11,2-16, ấn bản thứ 5 có bổ sung, VTR, Nürnberg, 2002 (ấn bản đầu tiên 1993), với lời tựa của Hans-Georg Wünch, trưởng ban đào tạo và giảng viên Cựu Ước tại Theologisches Seminar Rheinland, là người tán thành cách đọc như một lời trích dẫn này.

Nó không xuất phát từ phương pháp phê bình lịch sử, vì nó đã có trước khi phương pháp ấy xuất hiện. Vấn đề không phải là phê bình Kinh Thánh, mà là hiểu được mạch suy nghĩ. Không phải để hạ giá bản văn, mà để đặt nó vào trong sự dạy dỗ của Chúa Giê-xu, của các sứ đồ và của Kinh Thánh.

NHỮNG VÍ DỤ VỀ LỜI TRÍCH DẪN

Để có thể nghĩ đến khả năng Phao-lô trong 1 Cô-rinh-tô 11 trích dẫn tường tận những đòi hỏi gây khó chịu của một số người nam ở Cô-rinh-tô, tôi xin nêu những ví dụ tương tự trong thư 1 Cô-rinh-tô. Nhiều lần ông viện dẫn những ý tưởng, quan điểm và sự việc tại Cô-rinh-tô. Chương 1-4 nói về sự chia bè phái; trong đó có một phe tuyên bố ông là thủ lĩnh của họ khi ông vắng mặt, điều khiến ông phải hỏi: phải chăng ông đã bị đóng đinh trên thập tự giá vì họ? Chương 5-6 nói về kỷ luật trong Hội Thánh, chương 6-7 về tình yêu vợ chồng, chương 8-10 về thịt cúng thần tượng, chương 12-14 về các ân tứ thuộc linh và chương 15 về sự sống lại. Ông bàn đến rất nhiều đề tài gây tranh cãi, những quan điểm sai lầm và những kết luận sai lầm. Đây đó người ta còn nhận ra một vài lời mỉa mai.

Hơn trong các thư khác, Phao-lô nêu ra những ý tưởng sai lầm để sửa lại chúng. Những điều mà phần lớn có lẽ ông đã biết qua một lá thư người Cô-rinh-tô hồi âm cho lá thư đầu tiên ông gửi họ (5:9) – lá thư mà chúng ta không còn nữa – cũng như qua một phái đoàn từ Cô-rinh-tô. Trích dẫn hay thuật lại cách tự do một điều gì đó, rồi bình luận hoặc bác bỏ nó, là một việc hoàn toàn bình thường.

Một ví dụ về lời trích dẫn là 1 Cô-rinh-tô 7:1: *Người nam không đụng đến người nữ là tốt*. Nhiều người đã cho đó là quan điểm của Phao-lô. Ít nhất có ba lý do khiến điều đó đáng ngờ: Câu này mở đầu rõ ràng bằng điều mà người Cô-rinh-tô đã viết cho Phao-lô. Kế đến, vấn đề là sự đụng chạm, nghĩa là quan hệ tình dục, theo cách diễn đạt trong tiếng Hy Lạp. Phao-lô không chống lại sự ăn ở giữa vợ chồng, như người Cô-rinh-tô hay một số người trong họ đã tin. Ông xem đó là bổn phận hỗ tương trong hôn nhân giữa chồng và vợ.

Trong 10:23 có chép: *Mọi sự đều được phép*. Ở đây Phao-lô không mô tả sự tự do Cơ Đốc, mà mô tả quan điểm của người Cô-rinh-tô, một quan điểm sai lầm. *Không bao giờ mọi sự đều được phép*. Lời trích dẫn này, dù ngắn hơn nhiều, cũng không được đánh dấu là lời trích dẫn. Ngữ cảnh làm cho điều đó rõ ràng.

Người ta thường công nhận rằng trong thư 1 Cô-rinh-tô, Phao-lô trích dẫn, hoặc cách tự do hoặc từ một lá thư: 6:12, 13; 7:1; 8:1, 4; 10:23; 15:12. Không phải lời trích dẫn nào cũng luôn được đánh dấu như vậy; người ta suy ra nó cách hợp lý từ mạch văn. Rốt cuộc, người Cô-rinh-tô biết rất rõ vấn đề là gì – điều mà ngày nay chúng ta khó tìm ra hơn.

Hai lập luận chính chống lại thuyết trích dẫn là: Phao-lô không đánh dấu chúng là lời trích dẫn cách chắc chắn, và trong chương 11 và 14, chúng quá dài so với những lời trích dẫn khác. Một lời trích dẫn dài hay không – hãy để ý đến những đoạn lập luận dài về của cúng thần tượng trong chương 8-10 – là tùy ở mức độ phức tạp. Không thể thuật lại nó ngắn hơn mà không có nguy cơ bị hiểu lầm.

Lời phản bác rằng một lời trích dẫn dài không thể là Lời Đức Chúa Trời là một ngụy biện. Kinh Thánh thuật lại nhiều điều không phải là chân lý, thậm chí cả lời của ma quỷ, là những lời chắc chắn sai. Điều cốt yếu luôn là sự truyền đạt đáng tin cậy.

Những suy nghĩ dẫn nhập này nhằm cho thấy về nguyên tắc có thể đọc 1 Cô-rinh-tô 11 theo cách này.

6.1.11 Một bản dịch khác của 1 Cô-rinh-tô 11:2-16

Trước hết, bạn hãy đọc bản văn trong một bản dịch quen thuộc mà bạn dùng nhiều nhất. Sau đó hãy đọc bản dịch khác này, như Schirrmacher đề nghị, và so sánh từng câu một.

> (2) Vả, tôi khen anh em vì trong mọi sự anh em đều nhớ đến tôi và giữ vững các truyền thống như tôi đã truyền lại cho anh em.
>
> (3) Nhưng tôi muốn anh em biết rằng đầu của mỗi người nam là Đấng Christ, còn đầu của người nữ là người nam, và đầu của Đấng Christ là

Đức Chúa Trời.

Bây giờ, từ câu 4 đến câu 9, có lẽ đến cả câu 10, là quan điểm sai lầm của phái Do Thái hóa, mà Phao-lô trích dẫn hay thuật lại cách tự do:

(4) Mọi người nam khi cầu nguyện hay nói tiên tri mà có vật gì rủ xuống từ đầu thì làm nhục đầu mình.

(5) Còn mọi người nữ khi cầu nguyện hay nói tiên tri mà đầu không trùm thì làm nhục đầu mình; vì như vậy thì chẳng khác gì người bị cạo trọc đầu.

(6) Vì nếu người nữ không trùm đầu, thì cũng hãy cắt tóc đi.

Nhưng vì người nữ bị cắt tóc hay cạo đầu là điều hổ thẹn, thì người ấy phải trùm đầu.

(7) Vì người nam thật không nên trùm đầu, bởi người là hình ảnh và vinh hiển của Đức Chúa Trời; còn người nữ là vinh hiển của người nam.

(8) Vì người nam không phải từ người nữ mà ra, nhưng người nữ từ người nam mà ra;

(9) và người nam cũng không phải được dựng nên vì người nữ, nhưng người nữ được dựng nên vì người nam.

Bây giờ Phao-lô bác bỏ những đòi hỏi này, phản đối chúng cách rõ ràng và gần như chứng minh chúng là vô lý:

(10) Vì vậy, người nữ phải có thẩm quyền trên đầu mình, vì cớ các thiên sứ.

(11) Vì rốt cuộc, trong Chúa, người nữ không thể thiếu người nam, và người nam cũng không thể thiếu người nữ. (12) Vì như người nữ từ người nam mà ra, thì người nam cũng bởi người nữ mà sinh; nhưng mọi sự đều từ Đức Chúa Trời.

(13) Anh em hãy tự xét đoán lấy! Người nữ cầu nguyện Đức Chúa Trời mà không trùm đầu là điều đứng đắn!

(14) Lẽ tự nhiên không dạy anh em rằng nếu người nam để tóc [dài] thì đó là điều hổ thẹn cho người, (15) còn nếu người nữ để tóc [dài] thì đó là

vinh hiển cho người! Vì tóc đã được ban cho thay cho khăn trùm.

(16) Nhưng nếu có ai muốn tranh cãi, [thì hãy suy nghĩ điều này:] chúng tôi không có thói quen như vậy, các Hội Thánh của Đức Chúa Trời [cũng] không có.

Hoặc người ta có thể xếp câu 10 vào phần bản văn thụt vào và dịch như một lời trích dẫn:

(10) Vì vậy, người nữ phải có quyền phép trên đầu, vì cớ các thiên sứ.

Lucy Peppiatt cũng xem câu 6 là lời của Phao-lô, trong đó ông suy diễn đòi hỏi về việc trùm đầu đến cùng và vạch ra những mâu thuẫn quái gở của phái Do Thái hóa, rồi lại tiếp tục với lời trích dẫn.

Cách đọc này làm sáng tỏ một số điều khó hiểu của bản văn. Tôi biết rằng so với 2000 năm lịch sử giáo hội, cách đọc này mới có, hay mới được nghĩ đến, nhiều nhất là 200 năm nay. Vì thế mà nó sai sao?

Đối với những ai chẳng hạn tin vào sự cất lên của Hội Thánh trước cơn đại nạn, điều này cũng đúng y như vậy, vì quan điểm ấy cũng không lâu đời hơn. Nếu chúng ta và vô số Cơ Đốc nhân mỗi ngày nghiên cứu Kinh Thánh, thì không có gì đáng ngạc nhiên khi có thể có những hiểu biết mới giúp chúng ta tiến lên hoặc giải được những câu đố đã có từ lâu.

6.1.12 Tổng kết

Đối với những ai chưa bao giờ đọc 1 Cô-rinh-tô 11:1-16 theo cách này, cách đọc này là một sự giải tỏa. Từ đó có những nhận thức đem lại tự do: Ngày nay người nữ không cần phải trùm đầu hay che mạng khi cầu nguyện và nói tiên tri nơi công cộng. Người nữ có thể cắt tóc theo ý mình, vì chính mình có quyền quyết định điều đó. Người nam có thể để tóc dài nếu muốn. Rất có thể chính Phao-lô có lúc đã để tóc dài (Công Vụ Các Sứ Đồ 21:24). Lẽ tự nhiên, dù nó có nghĩa là gì, không bao giờ là người thầy chỉ cho chúng ta cách làm đẹp lòng Đức Chúa Trời.

Sâu xa hơn nữa, từ bản văn này không rút ra được một thứ tự trước sau hay một thứ hạng nào đặt người nam trên người nữ hoặc người nữ dưới người

nam. Ở đây không nói về mọi người nữ và mọi người nam nói chung, cũng không trình bày một cặp vợ chồng tín hữu có sự khác biệt về thẩm quyền.

Nhờ đó, những thắc mắc của lương tâm và những đòi hỏi của các người lãnh đạo Hội Thánh hay của các "anh em lãnh đạo" có thể được trả lời cách rõ ràng, và gánh nặng trách nhiệm hay gánh nặng của một luật lệ do loài người đặt ra có thể được cất khỏi các chị em.

Có những *cách giải thích dựa trên lịch sử* đi đến kết quả rõ ràng rằng ngày nay việc trùm đầu không còn quan trọng nữa. *Người ta có thể đi đến kết luận đó mà không cần thuyết trích dẫn, như tôi đã trình bày ở trên.* Tùy theo phong tục tập quán (thời cổ đại hay cho đến thế kỷ 18 hoặc thậm chí thế kỷ 19), những người nữ chẳng hạn nói trước công chúng mà không trùm đầu đã gây vấp phạm.

Thật vậy, điều quan trọng là không gây vấp phạm. Nhưng ở đây không phải là điều thuộc về cốt lõi của Tin Lành. Có những sự thích nghi theo nghĩa như Phao-lô trở nên như người ngoại với người ngoại và như người Do Thái với người Do Thái (9:19-23), để được họ. Ông trả giá bằng cách từ bỏ sự tự do của mình để được người ta cho Chúa Giê-xu. Vì vậy, vì những lý do ấy, có thể có một sự thích nghi tự nguyện (không phải vì lý do thần học!) hay việc giữ lại những phong tục mà những người liên quan đang sống và đâm rễ trong đó. Những phong tục và hình thức bên ngoài này, vốn có thể dựa trên một sự hiểu sai về vai trò, gần như được chấp nhận và dung thứ. Và nhờ sự tự do của Tin Lành, chúng được phép thay đổi và mất đi. Ở Đức và phần lớn các nước dân chủ phương Tây, không có tình huống này. Ở đó, "những phong tục mộ đạo", quy định về y phục và những hình thức bên ngoài không phải là một phần của văn hóa thế tục, mà là một phần của một nền văn hóa Cơ Đốc được truyền lại từ quá khứ lâu đời đến hiện tại và được tiếp tục trong môi trường riêng của nó với lý do tôn giáo. Không có ảnh hưởng hay sự ép buộc nào của thế gian. Khi những Cơ Đốc nhân như vậy gặp người chưa tin Chúa, điều đó có thể gây ra sự bối rối không cần thiết.

Một anh em thuộc khuynh hướng bảo thủ nhấn mạnh rằng, chẳng hạn trong các buổi truyền giảng Tin Lành, tốt hơn là không nên giữ những hình thức bên ngoài ấy, để không "trở thành chướng ngại vì vẻ bề ngoài và cách cư xử

mà họ không hiểu được".[79] *Câu trả lời của tôi: Mọi điều gì là chướng ngại cho Tin Lành đều phải tránh. Thật là một tình thế tiến thoái lưỡng nan đầy mâu thuẫn, khi Kinh Thánh (được cho là) đưa ra những quy định đồng thời có thể là chướng ngại cho Tin Lành của Đức Chúa Trời.*

Chỉ có một điều duy nhất được phép là chướng ngại hay hòn đá vấp chân: Thập tự giá của Chúa Giê-xu Christ! Tại đó người ta phân rẽ. Không phải ở những hình thức bên ngoài, không phải ở những quy định về việc phát biểu, y phục hay chỗ ngồi.

Một chướng ngại lớn là nếu người nữ bị cấm phát biểu và tham gia trong buổi thờ phượng. Về điều này, xin xem chương kế tiếp.

"Việc chúng ta đã sai lầm dùng những điều mà chúng ta xem là lời của Phao-lô (nhưng thật ra không phải) để bắt phụ nữ phải im lặng trong Hội Thánh phải được xem là một trong những bi kịch lớn nhất trong lịch sử."

Danny Silk

Vâng, thật sự có hai bản văn Kinh Thánh đã quyết định qua nhiều thế hệ về sự tồn tại hay không tồn tại của người phụ nữ.

Veronika Schmidt

79. Herbert Briem, Die Kopfbedeckung der Frau, 2018



6.2 Không được nói, mà phải im lặng

Trong số các Cơ Đốc nhân thuộc các Hội Thánh tự do (Freikirchen), chỉ có một tỷ lệ nhỏ các Hội Thánh mà ở đó phụ nữ phải im lặng trong buổi thờ phượng. Vì tôi đã lớn lên trong thế giới Hội Thánh ấy, nên cho đến ngày nay điều này vẫn khiến tôi bận lòng, thường là cách đầy cảm xúc.

Tôi chưa bao giờ hiểu được đâu có thể là ý định của Đức Chúa Trời khi muốn phụ nữ phải im lặng trong các buổi nhóm thờ phượng, ngoại trừ việc hát và cùng nói tiếng "A-men". Thế nhưng, vì Lời Đức Chúa Trời nói như vậy, người ta làm như vậy. Là đàn ông, tôi chỉ bị ảnh hưởng cách gián tiếp. Tôi

hoàn toàn không thể nói được cảm giác suốt cả đời không được phép nói điều gì trong buổi thờ phượng là thế nào.

Ngày nay tôi có ấn tượng rằng là đàn ông, tôi không chỉ bị ảnh hưởng cách gián tiếp. *Tôi bị ảnh hưởng gấp đôi và trực tiếp.* Một mặt, tôi cùng chịu trách nhiệm về câu trả lời và lý lẽ mà tôi đưa ra khi giải nghĩa, dạy dỗ và rao giảng Kinh Thánh. Và phải có một lý do rất chính đáng mới có thể bắt một nửa thân thể Đấng Christ im lặng trong sinh hoạt quan trọng nhất của Hội Thánh trên khắp thế giới, tức là trong việc nhóm họp. Tôi bị ảnh hưởng, vì một nửa các ân tứ không thể đem lại ích lợi cho tôi trong buổi nhóm họp. Phước hạnh bị mất đi.

Nếu cách hiểu này là một sự sai lầm, nếu Đức Chúa Trời thật muốn nghe tiếng của phụ nữ ở đó cũng như tiếng của đàn ông, thì đó là một vấn đề thật sự chứ không phải chuyện nhỏ. Việc gánh trách nhiệm về điều đó trước tòa án của Đấng Christ cần phải được suy nghĩ kỹ.

Chính tôi đã trải qua nhiều thập niên trong những buổi nhóm như vậy. Tôi đã thấm nhuần điều đó, cho là đúng, bênh vực nó và đòi hỏi người khác phải giữ. Có một lần, khi tôi còn trẻ, một chị em không biết truyền thống này đã cầu nguyện lớn tiếng trong một hội nghị. Tôi và những người khác bị sốc đến tận đáy lòng. Hoảng sợ như thể sắp bị sét từ trời đánh trúng. Về sau, người ta đã "giải thích cho" chị em ấy.

Tôi đã nói rõ rằng việc phụ nữ phải im lặng không bao giờ là ý muốn của Đức Chúa Trời. Điều tôi nhắm đến không phải là tìm cách lách qua lời phán khó chịu này một cách ngoan cố và khéo léo, thay vì đơn sơ và khiêm nhường vâng theo. Đáng tiếc, đó là lời trách cứ dai dẳng và đơn điệu của những người chủ trương buộc phụ nữ im lặng. Không, vấn đề không đơn giản như vậy. *Có những lý do chính đáng và đủ để các chị em trong Đấng Christ không phải im lặng.*

Vấn đề là bản văn này:

> [1 Cô-rinh-tô 14:34-36, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder]
> *Đàn bà phải im lặng trong các buổi nhóm, vì họ không được phép nói, nhưng phải thuận phục, như luật pháp cũng nói. Nếu họ muốn học điều gì, thì hãy hỏi*

chồng mình ở nhà; vì đàn bà nói trong buổi nhóm là điều hổ thẹn. Hay là Lời Đức Chúa Trời từ anh em mà ra? Hay là chỉ đến với một mình anh em thôi?

6.2.1 Những câu hỏi

Chúng ta nên suy nghĩ lại một lần nữa về bản văn này. Có nhiều điều hệ trọng ở đây. Xin bạn cứ theo dõi suy nghĩ của tôi và kiên nhẫn chịu đựng một chút, dù bạn nhìn vấn đề hoàn toàn khác. Nếu không có mấy câu cuối của 1 Cô-rinh-tô 14, liệu bạn có bao giờ nghĩ đến chuyện có một lệnh buộc im lặng không? Có chỗ nào trong toàn bộ Kinh Thánh có một chỉ thị như vậy không? Đây không phải là một "câu hỏi gài theo lối nữ quyền". *Điều đáng suy nghĩ là một chỉ thị có tầm ảnh hưởng sâu rộng như vậy lại không hề được nhắc đến, hay thậm chí ám chỉ đến, dù chỉ một lần ở bất cứ chỗ nào khác.* Ở đây không nói về việc dạy dỗ và lệnh cấm dạy dỗ trong 1 Ti-mô-thê 2:12. Những lời đó không thuộc về câu hỏi của tôi (dù bản văn ấy thường lập tức được đưa ra làm lý lẽ). Vấn đề là sự tham gia có tiếng nói của phụ nữ. Một lời cầu nguyện, một lời kể về điều mình đã trải qua, một bài hát, một lời tiên tri, một phần đọc Kinh Thánh hay một bài giảng.

Ngay trong mạch văn trực tiếp của lá thư lại có những lời *nói điều ngược lại*. Lời nổi bật nhất của Phao-lô, mà tôi đã đề cập trong chương trước, là phụ nữ "cầu nguyện và nói tiên tri" (11:5). Tôi đã lưu ý và xin nhắc lại rằng "cầu nguyện và nói tiên tri" là đặc trưng của buổi nhóm họp, như được mô tả chi tiết trong chương 14. Khăn trùm hay việc trùm đầu được đòi hỏi trong chương 11 chỉ có ý nghĩa trong buổi nhóm họp có mặt người nam. Bản văn này không nói về lời cầu nguyện trước bữa ăn, không nói về các nhóm phụ nữ hay giờ sinh hoạt thiếu nhi. Những nhóm sau này có lẽ lúc ấy còn chưa có.

Đối với Phao-lô, việc phụ nữ tham gia là điều hoàn toàn đương nhiên. Ông nhiều lần diễn đạt như vậy trong chương 14. Bạn hãy đọc cả chương với câu hỏi này trong đầu.

Đối với người nam và người nữ, đối với anh em và chị em, điều này đều đúng:

Câu 5: Tôi muốn *hết thảy* anh em đều nói tiếng lạ, nhưng còn hơn nữa là nói tiên tri!

Câu 12: hãy tìm cách để *anh em (hết thảy)* được dư dật cho Hội Thánh được gây dựng.

Câu 23: Vậy, nếu *cả Hội Thánh* nhóm lại một nơi, và *hết thảy* đều nói tiếng lạ …

Câu 26: Vậy, hỡi anh em, nên thế nào? Khi *anh em* nhóm lại, *mỗi người* có một bài thi thiên, một lời dạy dỗ, một sự mặc thị, một tiếng lạ, một lời thông giải; hãy làm mọi điều cho được gây dựng.

Câu 31: Vì anh em có thể nói tiên tri *người này kế người kia, hết thảy*, để hết thảy đều học và hết thảy đều được yên ủi.

Lời gọi "anh em" có nghĩa là tất cả: anh em và chị em. Nếu dịch là *anh chị em* thì sẽ rõ ràng hơn, không thể hiểu lầm. Thư 1 Cô-rinh-tô mở đầu nhiều đoạn bằng chữ anh em (*adelphoi*), chắc chắn là nói với anh em *và* chị em. Không chỉ với người nam. Thông thường, số nhiều giống đực bao gồm cả phụ nữ. Ngày nay người ta cũng dùng "giống đực chung" như vậy. Chẳng hạn, các chủ tài khoản ngân hàng gồm cả đàn ông lẫn đàn bà. Để chỉ những chị em ruột thì có chữ *adelphai*. Không đi lạc đề ở đây, tôi chỉ lưu ý đến lời của Chúa Giê-xu, trong đó mọi nữ môn đồ và môn đồ đều được gọi chung và gộp lại bằng đúng chữ này: "*Còn các ngươi hết thảy đều là anh em!*" (Ma-thi-ơ 23:8b). Thêm vào đó, mọi phụ nữ nay cũng là "con trai của Đức Chúa Trời" (Ga-la-ti 3:26). Nếu ngữ cảnh không chắc chắn chỉ nói về người nam, thì mọi chị em đều được bao gồm. *Tình yêu thương anh em* hẳn cũng bao gồm các chị em.

Thêm vào những lời rõ ràng ấy là việc các khả năng, tức là các ân tứ của Thánh Linh (xem chương 12), các ân tứ ân điển được phân phát cho mọi chi thể – *không theo giới tính*. Trong không một bản văn nào liên quan đến vấn đề này có sự phân biệt nào ngụ ý rằng tiêu chuẩn là nam hay là nữ có ý nghĩa gì trong việc phân phát ân tứ hay ban khả năng. Vào Lễ Ngũ Tuần, theo lời hứa của tiên tri Giô-ên, Thánh Linh đã được đổ xuống trên mọi xác thịt, *trên con trai và con gái* như nhau (Công Vụ Các Sứ Đồ 2:17).

6.2.2 Điều khó hiểu ở cuối chương

Sau khi Phao-lô trong 11:5 đã nói đến những người nữ cầu nguyện và nói tiên tri trước mọi người, và cho đến đây trong chương 14 không nhắc riêng hay loại trừ phụ nữ, mà bao gồm họ, thì bây giờ lại đến một lời khó hiểu. *Phụ nữ phải im lặng. Điều đó được lặp lại ba lần trong hai câu này. Như vậy, mọi điều đi trước đều không liên quan đến họ.* Phải chăng Phao-lô đã quên khi viết và bây giờ thêm vào ở cuối? Hay đó là cao điểm ở phần kết của sự dạy dỗ của ông? Không, Phao-lô là một người viết thiên tài và đầy tài năng. Mỗi chữ đều được đặt đúng chỗ và được cân nhắc kỹ.

Theo bản văn, họ, những người nữ, phải im lặng và thuận phục, như luật pháp cũng nói (14:34). Khi luật pháp được nêu ra, như là điều được cho là bao hàm và làm nền tảng cho cả hai chỉ thị im lặng và thuận phục, người ta sẽ chú ý. *Đó có phải là cách nói của Phao-lô không?*

Một luật như vậy không có trong Torah của Môi-se. Không có về sự thuận phục, cũng không có về sự im lặng. *Làm sao một luật của Cựu Ước lại có thể là một chỉ thị cụ thể như vậy cho buổi nhóm họp trong Tân Ước?* Trong câu 21 của chương này, người ta thấy Phao-lô viện dẫn luật pháp thế nào: bằng một lời trích dẫn mà ai cũng có thể đọc trong Ê-sai 28:11, 12. Tại sao ở đây lại không? Vì đó không phải là luật pháp Môi-se.

Có người lập luận rằng toàn bộ luật pháp Môi-se hay toàn bộ Cựu Ước, dù không cụ thể hay không từng chữ, phải được hiểu theo hướng này. Điều đó cũng không có cơ sở. Đối với một sự hạn chế phụ nữ sâu rộng như vậy, lý lẽ đó đơn giản là quá nghèo nàn. *Không ai lập luận như vậy lại chấp nhận một bản án chống lại mình mà được biện minh một cách chung chung hay mỏng manh như thế.*

Có người thậm chí cho rằng ở đây Phao-lô muốn nói đến lời phán phạt trong Sáng Thế Ký 3:16, nơi nói rằng người chồng sẽ cai trị người vợ. Dù điều đó xa vời đến đâu, nếu quả thật như vậy, thì lệnh buộc im lặng là một hình phạt trực tiếp của sự sa ngã. Tức là một hình phạt ngụ ý rằng trước đó không phải

như vậy. Thế thì trong Hội Thánh của Giao Ước Mới (!), hình phạt này hẳn được phép, hay đúng hơn là phải được bãi bỏ.

6.2.3 Cách đọc như một lời trích dẫn

Ở đây có lẽ là một lời trích dẫn. Khi ấy 1 Cô-rinh-tô 14:33-36 sẽ đọc như sau:

> *"Vì Đức Chúa Trời không phải là [Đức Chúa Trời] của sự hỗn loạn, nhưng là [Đức Chúa Trời] của sự bình an, như [điều đó có giá trị] trong mọi Hội Thánh của các thánh đồ.*

Tiếp theo là điều mà phái Do Thái hóa muốn áp đặt và đưa vào. Phao-lô trích dẫn hoặc tự mình diễn đạt lại điều họ đòi hỏi:

> Đàn bà của anh em phải im lặng trong các Hội Thánh, vì [anh em] không cho phép họ nói, nhưng họ phải thuận phục, như luật pháp cũng nói. Nếu họ muốn học điều gì, thì hãy hỏi chồng mình ở nhà, vì đàn bà nói trong Hội Thánh là điều hổ thẹn.

Bây giờ Phao-lô phản bác điều đó cách rõ ràng và mỉa mai:

> Hay là Lời Đức Chúa Trời từ anh em [những người nam, hay người Cô-rinh-tô] mà ra, hoặc chỉ đến với một mình anh em sao?"

Việc phụ nữ phải im lặng không phải là ý tưởng của Phao-lô. Nếu vậy ông sẽ tự mâu thuẫn với chính mình. *Đàn ông chúng ta có được phép cố ý bỏ qua một sự mâu thuẫn như vậy rồi áp dụng nó cách bất lợi cho phụ nữ không?* Chúng ta có chấp nhận một điều như vậy trong đời sống hằng ngày không?

Có lẽ đó là những người nam Do Thái muốn buộc phụ nữ trong Hội Thánh Cô-rinh-tô phải trùm khăn, và ở đây thậm chí phải im lặng.

Về điều này Schirrmacher viết: "Robert W. Allison còn nghiên cứu thêm câu hỏi về việc viện dẫn luật pháp trong 1 Cô-rinh-tô 14:34. Ông đi đến kết quả rằng luật pháp Cựu Ước không có lời nào đòi phụ nữ phải im lặng. Tuy nhiên, kết luận của 1 Cô-rinh-tô 14:34 lại hoàn toàn phù hợp với cách giải kinh của các ra-bi về Sáng Thế Ký 3:16, mà chúng ta đã biết ngay từ đầu qua

sách Talmud và cũng đã để lại dấu vết trong 1 Cô-rinh-tô 11:2-16, nhưng lại mâu thuẫn với sự dạy dỗ mà Chúa Giê-xu và Phao-lô đã rút ra từ Cựu Ước.

Joyce Harper và John A. Anderson cho rằng việc viện dẫn luật pháp tương ứng với lệnh cấm phụ nữ nói hoàn toàn trong sách Talmud, và ở đây không phải Phao-lô viện dẫn luật pháp, mà là các giáo sư Do Thái viện dẫn cách sai trái cách giải thích luật pháp của họ.[80] *Họ trích dẫn sách Talmud với những lời này: 'Để tiếng mình được nghe giữa những người nam là điều hổ thẹn cho một người nữ.'*[81]

S. Aalen đã muốn biện minh cho cùng quan điểm ấy khi lưu ý rằng cách diễn đạt 'không được phép' là một công thức của các ra-bi[82], mà các ra-bi dùng để cho phép hay ngăn cấm điều này điều kia."[83]

Còn có những dấu hiệu khác cho thấy những lời này xuất phát từ tư tưởng Do Thái. Chẳng hạn, sử gia nổi tiếng Josephus viết: "Luật pháp nói rằng người nữ thua kém người nam trong mọi sự. Vậy hãy để người nữ phục tùng cho phù hợp, không phải để bị hạ nhục, nhưng để được dẫn dắt, vì thẩm quyền đã được Đức Chúa Trời ban cho người nam." (Apion 2.201)

"Nhìn chung, có thể diễn tả địa vị của phụ nữ trong luật lệ tôn giáo cách rõ nhất bằng công thức được lặp đi lặp lại không ngừng này: 'Đàn bà, nô lệ (không phải người Do Thái) và trẻ con (người chưa thành niên)'. Giống như một nô lệ không phải người Do Thái và một đứa trẻ chưa thành niên, người phụ nữ có một người đàn ông ở trên mình làm chủ mình; điều này cũng giới hạn sự tham gia của người phụ nữ vào việc thờ phượng, vì xét về phương diện tôn giáo, người phụ nữ thấp kém hơn người đàn ông.

Vì vậy, chúng ta có ấn tượng rằng Do Thái giáo vào thời Chúa Giê-xu cũng có một cái nhìn rất thấp về phụ nữ, như vẫn thường thấy ở phương Đông, nơi người phụ nữ được quý trọng chủ yếu vì khả năng sinh sản, nhưng càng nhiều càng tốt bị tách biệt khỏi thế giới bên ngoài, bị khuất phục dưới quyền của cha hoặc chồng, và nơi người phụ nữ, xét về phương diện tôn giáo, thấp

80. Joyce Harper. Women and the Gospel. C. B. R. F. Occasional Paper 5. Christian Brethren Research Fellowship: Pinner (GB), 1974. tr. 14-15; John A. Anderson. Women's Warfare and Ministry: What Saith the Scriptures? David Waldie: Stonehaven (GB), 1933. tr. 20-26.
81. Joyce Harper. Women and the Gospel. Sđd. tr. 14 (Megilla, một sách trong Talmud).
82. S. Aalen. "A Rabbinic Formula in I Cor 14,34". tr. 513-525 trong: F. L. Cross (chủ biên). Studia Evangelica II. Texte und Untersuchungen zur Geschichte der altchristlichen Literatur 87. Akademie-Verlag: (Đông) Berlin, 1964.
83. Trích từ Thomas Schirrmacher, tr. 110

kém (ở bậc dưới) so với đàn ông."[84]

Thêm một vài câu nói khác mà tinh thần của chúng có thể tìm lại được trong những lời Phao-lô trích dẫn:

Tiếng nói của người nữ bị cấm, vì nó kích thích tình dục. Talmud Berachot 24a

Tiếng nói của người nữ là sự trần truồng ô uế. Talmud Berachot

"Người nữ không cần được dạy dỗ trong Torah; người nữ không đủ tư cách làm chứng, lời nói của người nữ ít đáng tin cậy, người nữ hay đi lang thang, lại đố kỵ với khách khứa." (Strack-Billerbeck, Kommentar zum Neuen Testament aus Talmud und Midrasch. IV, 1226)

Người ta có thể nêu thêm nhiều điều về hoàn cảnh của người phụ nữ trong Do Thái giáo và ở phương Đông vào thời Chúa Giê-xu và Hội Thánh đầu tiên. Ngay cả sự quý trọng mà Cựu Ước dành cho người phụ nữ cũng không được giữ lại. Điều đó, trong số những nguyên nhân khác, là hậu quả của quá trình Hy Lạp hóa, đã đem tư tưởng Hy Lạp về bản chất của người phụ nữ vào tư tưởng Do Thái.

Phao-lô có thể không nhắc gì đến những tư tưởng thù ghét phụ nữ này sao? Có lẽ đối với ông chúng quá lệch lạc, có lẽ chúng cũng không được phổ biến và có ảnh hưởng lắm ở Cô-rinh-tô, đến nỗi ông chỉ đề cập ngắn gọn, nhưng để cho chắc chắn thì vẫn phải nói đến. Phao-lô đối diện với phái Do Thái hóa này cách rõ ràng, gần như mỉa mai. Phải chăng chính họ là những người mà Lời Đức Chúa Trời từ đó mà ra? Phải chăng họ là những người quy định cách tổ chức buổi thờ phượng? Điều đó dĩ nhiên tuyệt đối không thể có. *Điều đáng chú ý là lời này, ở dạng giống đực, nhắm vào người nam chứ không phải vào người nữ, là những người lẽ ra phải được nói đến. Cũng có thể dịch là:*

Hay là nó chỉ đến với một mình các ông, những người nam?

Ai ngày nay buộc phụ nữ phải im lặng thì cũng phải nghe chính những lời ấy của Phao-lô: Các anh em có nhận được sự mặc khải thiên thượng nào về điều đó không? Người ta có thể đơn giản chống lại những chỉ dẫn của sứ đồ sao?

84. Jerusalem in the Time of Jesus (Jerusalem zur Zeit Jesu) của Joachim Jeremias, tr. 375.

Trong Hội Thánh đầu tiên, không có buổi nhóm nào mà phụ nữ phải im lặng. Buổi nhóm không phải là sự tiếp nối hay một hình thức mới của nhà hội, nơi phụ nữ (trừ một vài ngoại lệ) phải im lặng và ngồi riêng. Nhà hội chỉ là khuôn mẫu cho buổi nhóm ở một mức độ giới hạn. Ở đó phần lớn là trật tự thứ bậc do đàn ông thống trị. Trước lời của Ga-la-ti 3:28 (trong Đấng Christ mọi sự khác biệt đều đã trở nên không còn quan trọng), điều đó không bao giờ được phép đi vào Hội Thánh. Phao-lô chiến đấu vì điều đó.

6.2.4 Một luật La Mã?

Nhà sử học Beth Allison Barr suy ra giả thuyết của bà, rằng đây là sự thuật lại tư tưởng La Mã, từ một lời trích dẫn của chấp chính quan Cato.[85] "Nếu 1 Cô-rinh-tô 14:34-35 được đọc như một lời trích dẫn trình bày một tập tục của người Cô-rinh-tô (điều mà D. W. Odell-Scott năm 1983, Charles Talbert năm 1987, Thomas Schirrmacher năm 1991, Katharine Bushnell từ 100 năm trước và gần đây hơn Peppiatt đã lập luận), *thì ý định của Phao-lô dường như rõ ràng: Phân biệt điều người Cô-rinh-tô đang làm ('phụ nữ phải im lặng') và làm rõ rằng Cơ Đốc nhân không nên theo tập tục của người Cô-rinh-tô ('Cái gì!'). Dù tôi không thể bảo đảm rằng đó là điều Phao-lô đã làm, nhưng điều đó rất hợp lý (về phương diện lịch sử).* Thư thứ nhất gửi người Cô-rinh-tô vốn đã chứa nhiều lời trích dẫn không phải của Phao-lô, và lời lẽ của câu 34-35 gần gũi cách đáng chú ý với các nguồn La Mã. Marg Mowczko nhận xét: 'Quan điểm cho rằng 14:34-35 là một lời trích dẫn không phải của Phao-lô là một trong số ít quan điểm đưa ra được lời giải thích hợp lý cho sự thay đổi giọng văn đột ngột mà câu 34-35

85. "Ở nhà, sự tự do của chúng ta bị cơn cuồng loạn của đàn bà áp đảo, còn ở đây, nơi quảng trường, nó bị chà đạp dưới chân, và vì chúng ta đã không kiềm chế từng người một, nên chúng ta sợ cái số phận … Quả thật, tôi đã đỏ mặt khi mới đây đi ngang qua giữa một đám đàn bà … Lẽ ra tôi phải nói: 'Đây là cách cư xử gì vậy? Chạy khắp nơi công cộng, chặn đường phố và nói chuyện với chồng của những người đàn bà khác! Các bà đã không thể xin chính chồng mình điều ấy ở nhà sao? Các bà ở nơi công cộng lại dễ thương với chồng người khác hơn là ở nhà với chồng mình sao? Vả lại, ngay cả ở nhà, các bà cũng không nên bận tâm đến chuyện luật nào được thông qua hay bãi bỏ ở đây.' Tổ tiên chúng ta không muốn đàn bà lo bất cứ việc gì – dù là việc riêng – mà không có người giám hộ; họ muốn đàn bà ở dưới quyền của cha mẹ, anh em hay chồng; còn chúng ta (xin các thần giúp chúng ta!) bây giờ lại để họ thậm chí nhắm đến việc cai trị và xen vào quảng trường và các cuộc họp của chúng ta. Bây giờ họ làm gì trên các đường phố và ngã tư, nếu không phải là thuyết phục các quan bảo dân bỏ phiếu bãi bỏ đạo luật? … Nếu bây giờ họ thắng, thì còn điều gì họ không dám thử? Một khi họ bắt đầu ngang hàng với các ông, thì họ sẽ trở thành cấp trên của các ông."

đem vào bản văn, cũng như cho sự thay đổi đột ngột sau đó về đề tài, giọng văn và giống trong câu 36'. Nếu quả thật Phao-lô trích dẫn thế giới quan La Mã để đặt thế giới quan Cơ Đốc đối lập với nó, thì ý ông muốn nói hoàn toàn ngược lại với điều mà người ta đã dạy cho phụ nữ thuộc phái Tin Lành Phúc Âm. *Có thể nào thay vì bảo phụ nữ phải im lặng như thế giới La Mã đã làm, Phao-lô thật ra muốn nói với đàn ông rằng trong thế giới của Chúa Giê-xu, phụ nữ được phép nói không? Có thể nào chúng ta (lại một lần nữa) đã bỏ qua điểm chính của Phao-lô? Thay vì để tâm đến lời quở trách của ông và cho phép phụ nữ nói, chúng ta lại tiếp tục chính những tập tục phụ quyền mà Phao-lô đã lên án?"*[86]

6.2.5 Không đời nào!

Tôi xin lưu ý đến một điểm đặc biệt trong câu 36. Câu ấy nói: *"Hay là Lời Đức Chúa Trời từ anh em [những người nam, hay người Cô-rinh-tô] mà ra? Hay là chỉ đến với một mình anh em sao?"*

Phao-lô mở đầu hai câu hỏi này, theo sau lời nói về việc im lặng và thuận phục, bằng tiểu từ ἤ. Tiểu từ "ἤ *thường được dùng để mở đầu những câu hỏi tu từ mà câu trả lời được chờ đợi là phủ định*: Ma-thi-ơ 7:9 'Hay là trong các ngươi có người nào …?'; 12:5 'Hay là các ngươi chưa đọc …?'; so sánh Ma-thi-ơ 20:15; 26:53; Lu-ca 13:4; Rô-ma 3:29; 6:5; 7:1; 9:21; 11:2; 1 Cô-rinh-tô 6:9, 16, 19; 9:8; 10:22; 2 Cô-rinh-tô 11:7; 13:5; Gia-cơ 4:5; *câu hỏi kép 1 Cô-rinh-tô 14:36*."[87]

"Cũng vậy trong những câu hỏi tu từ mang tính phủ định ... ; người ta há có hái trái nho nơi bụi gai, hay trái vả nơi cây tật lê sao? Ma-thi-ơ 7:16; so sánh Mác 4:21; 1 Cô-rinh-tô 1:13; Gia-cơ 3:12. ... Nói chung, ἤ thường có mặt trong các câu hỏi — α. để mở đầu và nối thêm những câu hỏi tu từ (Just., D. 2,4 và nhiều chỗ khác; Ath. 8,3 và nhiều chỗ khác) ...; hay là ngươi tưởng rằng? Ma-thi-ơ 26:53. ...; hay là Đức Chúa Trời chỉ là Đức Chúa Trời của người Do Thái sao? Rô-ma 3:29. ... hay là anh em chẳng biết sao? 6:3; 7:1; 1 Cô-rinh-tô 6:9, 16, 19; so sánh 10:22; 2 Cô-rinh-tô 11:7." [88]

86. Barr, Beth Allison. The Making of Biblical Womanhood (tr. 62). Baker Publishing Group.
87. *PEPPERMÜLLER, R., "ἤ", in H. BALZ - G. SCHNEIDER (edd.), Exegetisches Wörterbuch zum Neuen Testament*, Verlag W. Kohlhammer, Stuttgart 2011, 276.
88. BAUER, W., in K. ALAND - B. ALAND (edd.), Griechisch-Deutsches Wörterbuch zu den Schriften des Neuen Testaments und der frühchristlichen Literatur, Walter de Gruyter, ấn bản thứ 6, Berlin; New York 1988, 693–694.

Từ tương đương với ἦ trong tiếng Đức sẽ có nghĩa là "Cái gì?", "Vô lý!" hay "Không đời nào!": Không đời nào phụ nữ phải im lặng trong buổi nhóm thờ phượng. Đó là một lời phản bác mạnh mẽ của Phao-lô.

6.2.6 Những cách giải thích khác

Nếu người ta bác bỏ cách đọc như một lời trích dẫn, thì vẫn phải giải thích tại sao lệnh buộc im lặng lại có giá trị chung cho mọi nơi. Nếu đó là lời của Phao-lô, thì người ta phải giải quyết cách hợp lý những mâu thuẫn đã nêu ở trên.

Cần phải làm rõ cách đáng tin cậy "sự nói" nào của phụ nữ được nói đến ở đây. Đó là việc nói chuyện huyên thuyên gây phiền nhiễu, việc thẩm định lời tiên tri, việc (liên tục) hỏi (chen ngang), việc nói năng lộn xộn, gây rối? Việc dạy dỗ? Việc công khai sửa sai người chồng (cách thiếu tôn trọng)? *Dù người ta nghiên cứu sách giải kinh nào, về điều này, cũng như về 1 Cô-rinh-tô 11, có gần như nhiều cách giải thích bằng số nhà giải kinh.*

Đã hơn một lần người ta nói và viết cho tôi rằng chúng ta phải tiếp tục cầu nguyện để có sự sáng tỏ về điều này. Ngày nay tôi không chấp nhận thái độ (đạo đức) này ở chỗ này. Vì về vấn đề này, đã có hàng triệu lời cầu nguyện dâng lên trời, nhưng rõ ràng là không được nhậm. Những câu hỏi vẫn còn đó. Những điều chưa sáng tỏ cũng vậy.

Một cách giải thích đáng kể là của Armin Baum, người không theo cách đọc như một lời trích dẫn. Góc nhìn của ông là "nhạy bén với văn hóa" và mang tính lịch sử. Phụ nữ thời cổ không được phép phát biểu nơi công cộng. Đó là việc của đàn ông. Các nhà thần học Do Thái tin chắc rằng người nữ không được nói ở chỗ của người nam. Vì thế trong sách Công Vụ chỉ có đàn ông nói trước công chúng. Còn phụ nữ chỉ có thể hoạt động trong phạm vi riêng tư. Vì phong tục thời cổ này, Phao-lô cấm phụ nữ nói trước công chúng hay thậm chí đặt câu hỏi. Nhưng tại sao? Để cư xử cách "nhạy bén với văn hóa". *Lý do Phao-lô đưa ra không mang tính thần học (chẳng hạn một trật tự sáng tạo), mà là sự tôn trọng phong tục thời bấy giờ.* Việc phụ nữ nói trước công chúng là điều hổ thẹn. Điều đó có thể làm cho Tin Lành và các Cơ Đốc nhân mang tiếng xấu cách không cần thiết. Cho đến cách đây khoảng 200 năm (!), lệnh

cấm phụ nữ phát biểu nơi công cộng này vẫn là điều bình thường. Như ai cũng biết, ngày nay mọi sự đã khác.

Armin Baum giải thích rất đúng: "Nhưng người ta có thể hỏi: Khi xử lý những câu Kinh Thánh khó như vậy, chẳng phải mọi thứ đều bị lung lay sao? Chẳng phải như thế thì mọi chỉ dẫn của Tân Ước đều có thể bị 'ngữ cảnh hóa cho mất đi' sao? Không phải vậy. Vì phương pháp ngữ cảnh hóa chỉ dành cho những chỉ dẫn được biện minh bằng lý do văn hóa. Đối với những chỉ dẫn được biện minh bằng lý do thần học, phương pháp ấy không thích hợp."

Michael Bird giải thích chỉ dẫn này của Phao-lô như sau: "Lời giải thích có khả năng đúng nhất cho 1 Cô-rinh-tô 14:33b-35 là Phao-lô bàn đến cách các người vợ liên hệ và tương tác với chồng mình trong buổi thờ phượng công khai. Hãy lưu ý 14:33a và 14:40 tập trung vào trật tự và sự đứng đắn trong các buổi nhóm như thế nào. Phao-lô không ban hành một lệnh cấm chung cho phụ nữ không được nói gì trong Hội Thánh, vì 11:2-16 và các bản văn khác trái lại nói đến những người nữ nói trong Hội Thánh. *Điều Phao-lô cấm là một kiểu nói nhất định, chứ không phải việc các người vợ được nói.* Rất có thể Phao-lô hình dung các người vợ làm những việc như ngắt lời một người đang nói để hỏi chồng mình trong lúc có lời tiên tri hay lời nói tiếng lạ, hoặc nói lấn át người khác để được nghe. Có lẽ phụ nữ thậm chí đã chất vấn hay phản bác chồng mình trước mặt Hội Thánh về các vấn đề tiên tri hay giải nghĩa Kinh Thánh. Nếu phụ nữ thật sự quan tâm đến việc học hỏi và thảo luận, thì điều đó thật là tốt đẹp, nhưng nhà là nơi thích hợp cho việc đó, thay vì gây rối hay tranh cãi."[89]

Theo cách giải thích này, lời của Phao-lô sẽ được đọc như được diễn đạt trong bản diễn ý sau:

> Như trong mọi Hội Thánh của các thánh đồ, các người vợ trong các Hội Thánh không nên nói theo cách bị xem là bất lịch sự hay trái đạo đức. Họ không được phép nói [như vậy], nhưng phải thuận phục, như Sáng Thế Ký 2 nói [về việc các người vợ là sự bổ sung thích hợp cho chồng mình, chứ không phải là người chỉ trích chồng trước công chúng]. Nếu họ muốn học điều gì, họ nên hỏi chính chồng mình ở nhà; vì một người nữ nói

89. Wunderli, Như trên.

> [cách bất lịch sự hay trái đạo đức] trong buổi nhóm là điều hổ thẹn. Lời Đức Chúa Trời có bắt nguồn từ anh em [chứ không phải từ người Do Thái] sao? Hay anh em là dân duy nhất mà Lời ấy đã đến [Tin Lành đã đến với nhiều người xem việc phụ nữ chất vấn đàn ông là điều rất trái đạo đức]?

Một ví dụ khác từ lịch sử thần học cho thấy câu này của Phao-lô được giải thích khác nhau: Philipp Jacob Spener muốn áp dụng các câu ấy vào thực tế càng chính xác càng tốt. Vì thế, trong các buổi nhóm của ông, phụ nữ phải ngồi trong một phòng riêng. Ở đó họ được nghe, nhưng không thể tham gia vào các cuộc trao đổi. Cộng đồng Anh Em Herrnhut của bá tước Nikolaus Ludwig von Zinzendorf, ra đời sau đó ít lâu, lại đi con đường ngược lại: Phụ nữ có rất nhiều cơ hội hoạt động trong Hội Thánh. Câu này của Phao-lô được giải thích theo hoàn cảnh lịch sử thời ấy.

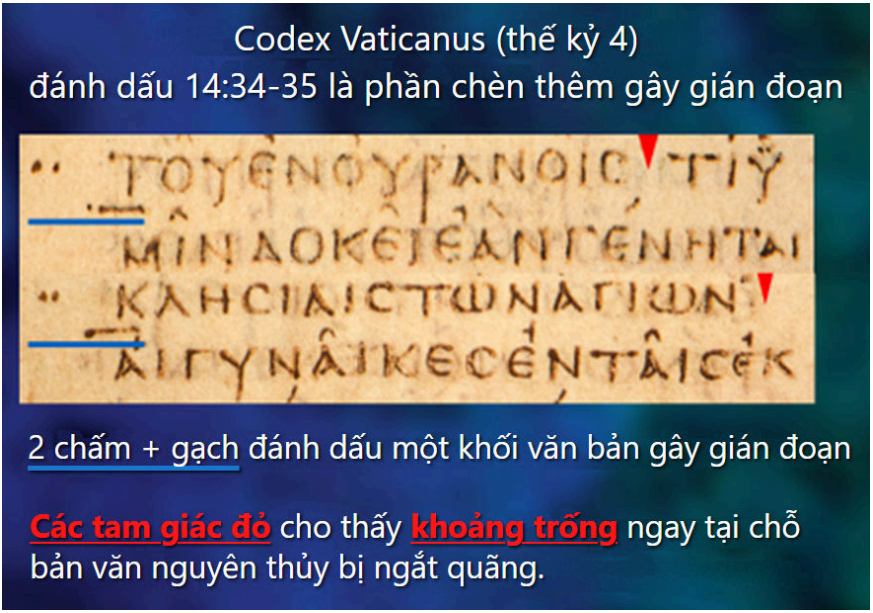
6.2.7 Có lẽ không phải của Phao-lô

Như đã được nhắc đến trong lời nói đầu, mục 6.2.7 này được bổ sung vì có những nhận thức mới (ít nhất là đối với tôi) liên quan đến các bản chép tay cổ. Philip Barton Payne đã nghiên cứu sâu về đề tài này và, cũng như một số nhà nghiên cứu văn bản khác, đã nhận ra những điểm bất thường sau đây:

Trong một số bản chép tay, câu 34 và 35 nằm ở chỗ như trong Kinh Thánh của chúng ta, nhưng trong những bản chép tay khác, chúng lại nằm sau câu 40.

Một đoạn văn tương đối dài đã bị dời chỗ. Điều đó rất bất thường và cho phép đưa ra giả thuyết sau: Những câu này đã được chèn vào về sau. Chúng được viết ở lề, và thông thường người chép kế tiếp sẽ chèn chúng vào, vì có thể trước đó chúng đã bị chép sót. Người ấy quyết định chèn chúng vào chỗ nào.

Giả thuyết này được củng cố bởi một phát hiện trong Codex Vaticanus, một trong những bộ sách chép tay đầy đủ nhất và quan trọng nhất từ thế kỷ 4. Ở đó những câu này quả thật được đánh dấu là phần chèn thêm:



Nguồn hình: Bibliothèque nationale de France

Về điều này, tôi xin trích dẫn Philip B. Payne, người đã có những nghiên cứu mở đường về vấn đề này: "*Bảy lý do rút ra từ các bản chép tay và chín lý do rút ra từ chính lời lẽ của những câu này thuyết phục tôi và nhiều người khác rằng chúng không có trong lá thư nguyên thủy của Phao-lô, mà được thêm vào về sau.* Bây giờ tôi chỉ tóm tắt ba lý do.

Thứ nhất, ý nghĩa hiển nhiên của những câu này mâu thuẫn với những lời trong chương này rằng 'hết thảy' đều được phép dạy dỗ và nói tiên tri, và với lời nhận định trong chương 11:5 rằng phụ nữ nói tiên tri.

Thứ hai, trong các bản chép tay của các thư Phao-lô, không có đoạn văn nào khác dài gần như vậy mà lại nằm (trong những bản chép tay khác nhau) ở hai chỗ khác nhau cách xa nhau như thế, mà không có lý do hiển nhiên nào.

Thứ ba, bản Kinh Thánh cổ nhất đánh dấu những câu này là một phần thêm vào về sau, không xác thực.[90]

90. Codex Vaticanus B, được xem rộng rãi là bản chép tay tiếng Hy Lạp đáng tin cậy nhất của Tân Ước.

Thứ nhất, những câu này mâu thuẫn với nhiều lời khác trong chương này.

Để tránh những mâu thuẫn, nhiều người nói rằng Phao-lô chỉ bắt im lặng *những lời tán gẫu gây rối*, hoặc, như được đề nghị lần đầu năm 1962[91], chỉ *việc thẩm định* các lời tiên tri. Nhưng những cách giải thích này không phù hợp với đòi hỏi im lặng tuyệt đối, được lặp lại ba lần cách nhấn mạnh trong đoạn này. Nếu câu 34 chỉ cấm việc thẩm định các lời tiên tri, thì câu 34 cũng cho phép những lời nói bị cấm trong câu 35. Rốt cuộc, việc đặt câu hỏi vì muốn học điều gì là một việc hoàn toàn khác với việc thẩm định các lời tiên tri, và hiếm khi gây rối. Những cách giải thích này dẫn đến chỗ Phao-lô mâu thuẫn với điều ông vừa viết.

Thứ hai, trong mọi bản chép tay tiếng Hy Lạp thuộc nhóm 'phương Tây', những câu này nằm sau câu 40, nhưng trong phần lớn các bản chép tay khác, chúng lại nằm sau câu 33.

Đây là Codex D nổi tiếng thuộc nhóm 'phương Tây' từ thế kỷ 6. Đoạn đầy đủ đầu tiên của hình này là phần cuối của chương 14. Đoạn kế tiếp là câu 34 đến 35. Đoạn cuối cùng là phần mở đầu của chương 15.

Hai chỗ khác nhau nơi câu 34 đến 35 xuất hiện gợi ý rằng có ai đó đã viết chúng ở lề, và những người chép sau này đã chèn chúng vào hoặc sau câu 33, hoặc sau câu 40. Xin cho tôi giải thích:

Nguyên tắc căn bản để xác định bản văn nguyên thủy của Kinh Thánh là: 'Bản văn giải thích tốt nhất sự hình thành của mọi bản văn khác thì rất có thể là bản văn nguyên thủy.'

Không có bản chép tay nào của một lá thư Phao-lô dời một khối văn bản lớn nào đi xa gần như vậy mà không có lý do rõ ràng, và không có độc giả nào của thời kỳ đầu phê bình vị trí của đoạn văn này.[92] Nhưng việc người chép chép phần văn bản ở lề vào bản văn chính là điều thông thường.

91. W. Klein, "The Church and the Prophets", *ATR* 44 (1962) 8.
92. Ulrich Schmid, "Conceptualizing 'Scribal' Performances: Reader's Notes", in The Textual History of the Greek New Testament: Changing Views in Contemporary Research, ed. Klaus Wachtel and Michael Holmes (Atlanta: SBL, 2011), 49-64, at 62, 50, 58: "Readers … react[ed] to what they read by adding comments in the margin. . . . Một số ghi chú này có thể đã được những người chép đưa vào bản văn, khi họ phải chép lại một [bản chép tay] được 'tô điểm' như vậy. . . . Khuynh hướng của những người chép, ít nhất là theo cách nhìn của người xưa, dường như là đưa những lời ghi chú ở lề vào bản văn chính."

Chẳng hạn, Codex Vaticanus từ thế kỷ thứ tư có 20 chỗ có văn bản cổ ở lề của sách Ma-thi-ơ. Trừ 3 chỗ, tất cả đều có trong bản văn chính của hầu như mọi bản chép tay về sau.

Người Hy Lạp tin chắc rằng phụ nữ phải im lặng trong các cuộc họp công cộng.[93] Vì vậy, không có gì đáng ngạc nhiên khi vào một lúc nào đó *trước năm 200 SCN*, một độc giả đã thêm vào ở lề 'sự khôn ngoan quen thuộc hay thông thường' mà những câu này diễn tả.

Lời giải thích duy nhất cho hai chỗ nơi những câu này xuất hiện, phù hợp với những thói quen đã biết của các người chép, là có ai đó trước hết đã viết hai câu này ở lề của một bản chép tay, và những người chép sau này đã chèn chúng vào hoặc sau câu 33, hoặc sau câu 40.

Lẽ thường đòi hỏi rằng một điều bình thường – việc chèn văn bản ở lề vào bản văn chính – có khả năng xảy ra hơn một điều bất thường đến mức không có trường hợp nào khác được biết đến – việc dời nhiều văn bản như vậy đi xa như vậy mà không có lý do hiển nhiên.[94]

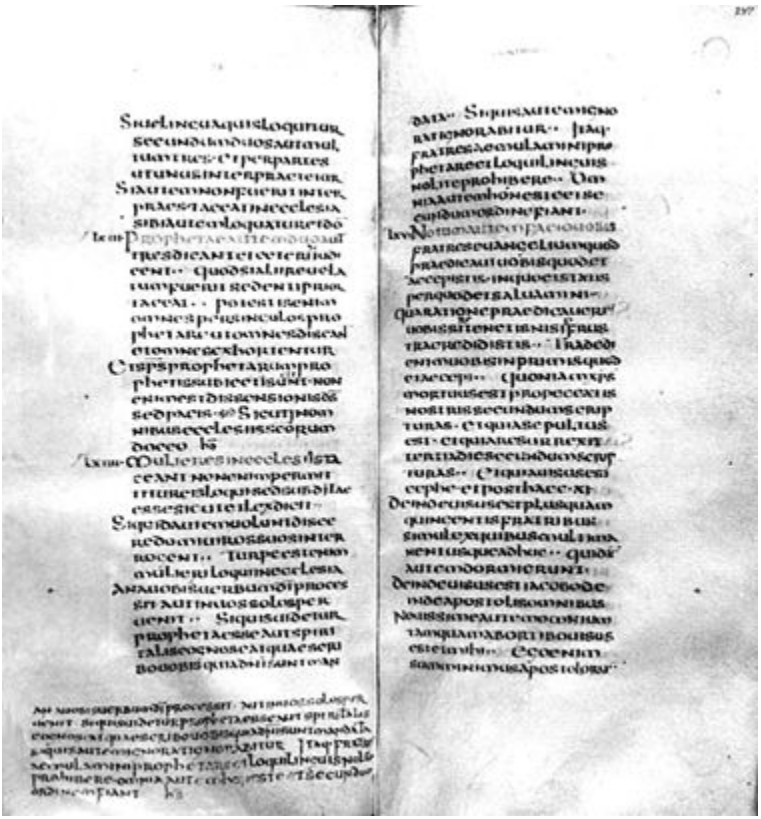
Thứ ba, bản Kinh Thánh cổ nhất của chúng ta, Codex Vaticanus, vốn được ca ngợi rộng rãi về sự chính xác, đánh dấu những câu bắt phụ nữ im lặng trong Hội Thánh này là một sự gián đoạn không xác thực, sai lạc.

Tuy nhiên, đúng là câu 34-35 có mặt ở đâu đó (tức là sau câu 33 hoặc câu 40) trong mọi bản chép tay còn lại, điều này đòi hỏi một sự chèn vào cực kỳ sớm. Nhưng không chỉ bản Vaticanus đánh dấu chúng là không xác thực. Giám mục Victor đã cho viết một bản văn đã được sửa ở lề dưới của Codex Fuldensis, trong đó bỏ đi những câu này, và bản văn không thuộc nhóm phương Tây MS 88 bỏ chúng đi sau câu 33, nhưng chèn chúng vào sau câu 40 với những ký hiệu cho biết chúng phải đứng sau câu 33. Vì những câu này không có trong bản chứng của Victor về thư 1 Cô-rinh-tô, nên lời khẳng định của Dan Wallace 'rằng những câu này có mặt trong mọi bản chứng về thư 1 Cô-rinh-tô' là không đúng (https://bible.org/article/textual-problem-1-corinthians-1434-35). Các nhà nghiên cứu văn bản gán những ký hiệu bản chép tay khác nhau cho những

93. Chẳng hạn Plutarch, Aristophanes, Aristotle, Sophocles, Democritus, Aelius Aristides và nhiều ra-bi.

94. Điều này được gọi là "xác suất sao chép" (Transkriptions-Wahrscheinlichkeit). Đây là một trường hợp độc nhất. Lý do chính khiến chúng ta nhìn nhận nó là một đoạn văn ở lề không làm suy giảm độ đáng tin cậy của một bản văn khác.

bản văn khác nhau trong cùng một bản chép tay. 14:34-35 không có mặt trong mọi bản văn được phân biệt bằng những ký hiệu bản chép tay riêng biệt ấy. *Không đúng khi nói rằng bản văn 14:34-35 được mọi bản chép tay 'ủng hộ'.*



Trong *Codex Fuldensis* (bản gốc được lưu giữ tại Fulda), ở phía dưới, bản văn không có câu 34 và 35 đã được viết như một sự sửa chữa hay một chú thích. Rõ ràng vào giữa thế kỷ 6, người chép đã có trong tay một bản văn không có những câu này.

Đôi lời ngoài lề về Codex Fuldensis

Codex Fuldensis (F) là một bản chép tay của bản Vulgata, chứa bản văn của 23 sách kinh điển của Tân Ước cùng với Diatessaron và thư gửi người Lao-đi-xê. Đây là một trong những bản chép tay Tân Ước có ghi niên đại cổ nhất và

là bản chép tay Tân Ước thời kỳ đầu duy nhất được biết là do một học giả quan trọng, giám mục Victor thành Capua, biên tập. Đây là bản chứng quan trọng thứ hai cho bản văn Vulgata, và là bản chứng quan trọng nhất và cổ nhất cho bản văn đầy đủ của Diatessaron. Bộ sách chép tay này là một bằng chứng quan trọng, nếu không muốn nói là quan trọng nhất, trong cuộc thảo luận về tính xác thực của bản văn 1 Cô-rinh-tô 14:34-35.

Bộ sách được soạn trong những năm 541-546 tại Capua theo lệnh của giám mục Victor. Chính ông cũng đã đích thân kiểm tra và sửa chữa. Ở cuối sách Khải Huyền có ghi ngày 2 tháng 5 năm 546, do chính Victor viết. Victor kiểm tra bản văn của bộ sách một lần thứ hai, vì thế cũng có một ngày thứ hai – ngày 12 tháng 4 năm 547.

Codex Fuldensis – Wikipedia, bách khoa toàn thư mở (bằng tiếng Đức)

Dựa trên tiền đề sai lầm của mình, Wallace phản bác 'rằng chúng hẳn đã len vào bản văn ngay ở giai đoạn sớm nhất của việc truyền lại ... vào chính văn kiện nguyên thủy.' Việc một điều như vậy có thể xảy ra, người ta có thể thấy qua việc động từ 'thuận phục' nhanh chóng được đưa vào Ê-phê-sô 5:22[95], điều có thể dễ dàng giải thích việc những câu 34-35 được thêm vào có mặt trong mọi bản chép tay còn lại cho đến tận sâu trong thế kỷ thứ hai."

95. Như hầu như mọi ấn bản tiếng Hy Lạp cho thấy, trong những bản chép tay sớm nhất của Ê-phê-sô 5:22 không có động từ thuận phục. Trong sách giải kinh của Jerome có nói rằng trong các bản chép tay tiếng Hy Lạp, động từ thuận phục của câu 21 không bao giờ được lặp lại trong câu 22. Bản văn UBS nói rằng "gần như chắc chắn" là "thuận phục" đã được thêm vào về sau. Bản chép tay đầu tiên có một dạng của "thuận phục" ở đâu đó trong câu 22, là Codex Sinaiticus, được viết khoảng năm 360 SCN. Nhưng sau đó, mọi bản chép tay còn lại đều có "thuận phục". Vì không có bản chép tay nào về sau đã bỏ "thuận phục" đi, nên không hợp lý khi cho rằng "thuận phục" đã bị bỏ đi khỏi mọi bản chép tay sớm nhất. Thật vậy, Phao-lô đã viết: "Hãy kính sợ Đấng Christ mà thuận phục nhau, hỡi người làm vợ, với chồng mình …". Do đó, sự thuận phục của người vợ phụ thuộc vào "thuận phục nhau" để có động từ của nó. Đại từ hỗ tương đòi hỏi một sự thuận phục lẫn nhau. Vì thế nó không thể nói về sự thuận phục đối với một cấp trên. Đúng hơn, thuận phục ở đây có nghĩa là "sự thuận phục theo nghĩa tự nguyện nhường nhịn trong tình yêu thương", BDAG 1042. Trong Cô-lô-se 3:18 có nói rằng người vợ phải thuận phục "theo lẽ đáng phải làm trong Chúa". Lý do mà Kinh Thánh nêu ra cho sự thuận phục của người vợ không phải là một thứ bậc giới tính do Đức Chúa Trời thiết lập, mà là "để đạo Đức Chúa Trời khỏi bị xúc phạm" [Tít 2:5], tức là cư xử thế nào để không vi phạm các chuẩn mực văn hóa. So sánh: "để nếu có người chồng nào không vâng theo Đạo, thì dù không có lời nói, họ cũng được thuyết phục bởi cách ăn ở của vợ mình ... Cũng vậy, những người chồng hãy thuận phục [chính vợ mình], hãy ăn ở với nhau cách khôn ngoan, nhận biết họ là một cái bình quý giá nữ tính yếu đuối hơn [BDAG 208, gynaikeios, 'thuộc về nữ giới'], và hãy tôn trọng họ như những người đáng được tôn trọng vì cùng thừa hưởng ân điển của sự sống, hầu cho sự cầu nguyện của anh em khỏi bị ngăn trở" [1 Phi-e-rơ 3:1, 7].

"Học giả Công giáo La Mã nổi tiếng Joseph A. Fitzmyer[96] nhận định rằng 'đa số các nhà giải kinh ngày nay' đi đến kết luận rằng bản văn này [14:34-35] là một phần thêm vào về sau. Nhà nghiên cứu văn bản Kim Haines-Eitzen nhận định điều này đối với 'hầu hết mọi học giả ngày nay'.[97] Gordon Fee, có lẽ là nhà nghiên cứu văn bản thuộc phái Tin Lành Phúc Âm nổi tiếng nhất, lập luận rằng những câu này không có trong lá thư của Phao-lô, mà được thêm vào ở lề của một bản chép tay và được những người chép sau này chèn vào hoặc sau câu 33, hoặc sau câu 40.[98] Cuốn sách của tôi *Men and Women One in Christ*, tr. 226-227, nêu ra năm mươi lăm công trình nghiên cứu đi đến kết luận rằng 1 Cô-rinh-tô 14:34-35 không có trong lá thư nguyên thủy của Phao-lô. Ở các trang 227-53, sách đưa ra *bảy lý do bên ngoài* và ở các trang 253-65 *chín lý do bên trong* cho thấy bản văn này không phải của Phao-lô, và ở các trang 265-67 trả lời những phản bác chống lại giả thuyết về một lời chú giải thêm vào (glossa). Tóm lại, theo ý tôi, các bằng chứng của ngành phê bình văn bản nghiêng mạnh về phía cho rằng đây là một lời chú giải thêm vào, có lẽ do một độc giả viết trước năm 197 SCN."

6.2.8 Đánh giá sau cùng

Tôi xin trích dẫn một tác giả khác đã nghiên cứu rất sâu về đề tài này, từ cuốn sách *Men and Women in Christ* của ông:

"Có lẽ một số độc giả cảm thấy việc loại bỏ câu 34-35 là quá tiện lợi. Điều đó dễ hiểu. *Chúng ta được dạy cách đúng đắn là phải hết sức hoài nghi đối với những đề nghị loại bỏ những bản văn khó ra khỏi Kinh Thánh.*

Điều quan trọng cần nhấn mạnh là ở đây chúng ta không đối diện với những lập luận về tính không xác thực chỉ dựa trên bằng chứng bên trong. Nếu vấn đề của những câu này chỉ giới hạn ở chỗ chúng không phù hợp với ngữ cảnh, chúng chứa một lỗi hiển nhiên liên quan đến nội dung của Cựu Ước, và chưa tìm được một lời giải nào trong việc giải nghĩa để đem lại cho chúng một ý

96. Joseph A. Fitzmyer, First Corinthians, AB (New Haven: Yale, 2008), 530
97. Kim Haines-Eitzen, The Gendered Palimpsest: Women, Writing, and Representation in Early Christianity (Oxford: Oxford University Press, 2012), 62
98. Gordon D. Fee, The First Epistle to the Corinthians, NICNT (Grand Rapids: Eerdmans, 1987), 699-708

nghĩa thỏa đáng, thì chúng ta sẽ để chúng lại trong bản văn, thừa nhận giới hạn của mình và hy vọng có ánh sáng mới trong tương lai.

Ở đây, những dấu hiệu bên ngoài cũng phải được giải thích. Tại sao những lời này lại được tìm thấy ở những chỗ khác nhau trong những bản chép tay khác nhau? Có điều gì đó đã trục trặc, nhưng là điều gì? Như chúng ta đã thấy, lời giải có khả năng nhất cho đặc điểm này của bằng chứng bên ngoài là câu 34-35 không phải của Phao-lô, mà đến từ một lời chú thích ở lề rất sớm đã được đưa vào bản văn chính.

Điều này còn được xác nhận thêm bởi những ghi chú của giám mục Victor trong Codex Fuldensis, cho thấy có một bản văn hoàn toàn không có hai câu này. Và nếu quan điểm của Payne về bằng chứng từ Codex Vaticanus là đúng, thì đó là một sự xác nhận nữa.

Khi chúng ta cộng bằng chứng bên ngoài và bằng chứng bên trong lại, thì những lập luận để bác bỏ hai câu này là rõ ràng. Loại bỏ chúng không phải là một nước cờ theo hệ tư tưởng; vấn đề là đi theo bằng chứng. Về nguyên tắc, điều này không khác với việc bác bỏ những phần thêm vào khác (chẳng hạn như phần kết của sách Mác, Giăng 5:3-4 và Công Vụ Các Sứ Đồ 24:6-7), là những phần đã xuất hiện trong bản văn, được đưa vào Kinh Thánh của chúng ta một thời gian, rồi được loại bỏ khi việc khảo sát những bằng chứng hiện có đưa đến kết luận rằng rốt cuộc có lẽ chúng không xác thực.

Ít nhất Kinh Thánh của chúng ta nên có một chú thích, đại loại như: Những dấu hiệu từ các bản chép tay cho thấy câu 34 và 35 có thể là một phần thêm vào về sau, không phải của Phao-lô, và vì vậy nên được bỏ đi. Tốt hơn nữa là in nghiêng câu 34-35 hoặc đưa chúng xuống chú thích, kèm theo lời giải thích rằng tính chất của những chỗ khác biệt giữa các bản chép tay cho thấy tính xác thực của chúng đáng ngờ. *'Luật pháp của CHÚA là trọn vẹn, bổ linh hồn lại' (Thi Thiên 19:7).* Ở đây tôi không đề nghị điều này như một tiêu chuẩn cho tính xác thực. Nhưng nếu một số độc giả đã cảm thấy có lỗi vì linh hồn mình không được bổ sức nhiều từ 1 Cô-rinh-tô 14:34-35, thì giờ đây có lẽ họ có thể chấp nhận rằng có lẽ rốt cuộc những câu này không thuộc về Kinh Thánh."

Xin cho tôi kết thúc chương này như sau: Tôi đã biết cách nhìn này khi viết cuốn sách này, nhưng không dám đặt câu hỏi về bản văn này. Nhưng bây

giờ các dữ kiện cho thấy rõ đến mức hầu như không còn có thể hiểu hai câu này là Lời được Đức Chúa Trời soi dẫn.

Điều đó tạo nên một sự khác biệt rõ rệt. Tại sao? Vì mọi cố gắng giải thích (ngoại trừ thuyết trích dẫn) đều thất bại ở chỗ đây là một lệnh buộc im lặng tuyệt đối. Trong mọi cách giải thích, những cố gắng giải thích đều va chạm với sự rõ ràng của đòi hỏi này. Một đòi hỏi không đến từ Phao-lô, mà phù hợp với lối suy nghĩ của thế gian. Thật bi thảm! Thế mà người ta lại trách những ai đứng lên bênh vực phụ nữ là theo nữ quyền và rập khuôn theo đời này.

Có thể nào kẻ thù, kẻ đối nghịch và kẻ gây rối loạn, đã thành công trong việc lén đưa vào Kinh Thánh một điều đã gây ra những hậu quả tai hại cho phụ nữ trong Hội Thánh và cho cả Hội Thánh qua mọi thế kỷ?

Làm sao chúng ta có thể ra khỏi một tình trạng bi thảm như vậy? Giả định sai lầm này nghiêm trọng đến mức nào, cho đến ngày nay? Ở đây cần phải dứt khoát giữ một lập trường rõ ràng và đối diện với sự thật.

Để kết thúc chương này, bạn hãy đọc bản văn trong thư Cô-rinh-tô mà không có câu 34 và 35, và nhận thấy nó đứng vững cách mạch lạc và có ý nghĩa biết bao:

"Vì anh em hết thảy đều có thể nói tiên tri, người này kế người kia, để hết thảy đều học và hết thảy đều được yên ủi. Tâm thần của các đấng tiên tri phục theo các đấng tiên tri. Vì Đức Chúa Trời không phải là Đức Chúa Trời của sự hỗn loạn, nhưng của sự bình an, như trong mọi Hội Thánh của các thánh đồ. Nếu có ai tưởng mình là tiên tri hay là người có ân tứ thuộc linh, thì người ấy hãy nhận biết rằng điều tôi viết cho anh em là mệnh lệnh của Chúa. Nhưng nếu có ai không biết, thì mặc người ấy không biết. Vậy, hỡi anh em, hãy ước ao nói tiên tri, và đừng ngăn cấm nói tiếng lạ. Nhưng mọi sự đều phải làm cho phải phép và theo thứ tự." [1 Cô-rinh-tô 14:31-40]

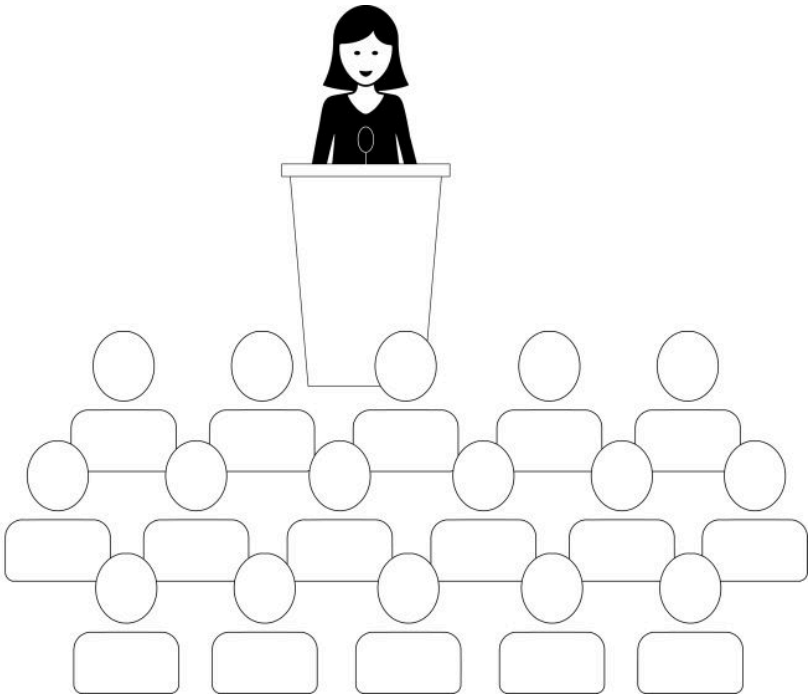
Đã không có và cũng không có một lệnh buộc phụ nữ phải im lặng trong các buổi nhóm của Hội Thánh Chúa Giê-xu! Người ta có thể đi đến kết luận đó mà không cần biết tiếng Hy Lạp và không cần thuyết trích dẫn. *Có thể nào thật sự vị sứ đồ có nhiều phụ nữ làm nữ cộng sự, những người mà ông nêu đích*

danh, những người ông tin cậy, những người cùng chiến đấu cho Tin Lành, lại cấm chính những phụ nữ ấy mở miệng sao?

Sau cùng tôi xin hỏi: ai là kẻ có lợi nhất khi các chị em phải im lặng? Khi một nửa thân thể Đấng Christ câm lặng? Khi phụ nữ không bổ sung cho đàn ông trong buổi nhóm họp? *Đó là con rắn xưa, kẻ đối nghịch và kẻ hủy diệt, cha của sự dối trá và kẻ giết người từ ban đầu.* Chỉ có sự thù nghịch của nó đối với người nữ mới có thể là nguyên nhân của sự mù quáng như vậy, mà những người nam trong sự lãnh đạo và dạy dỗ sẽ phải chịu trách nhiệm.

Hội Thánh nào bắt phụ nữ im lặng sẽ bắt Đức Thánh Linh im lặng. Katharine C. Bushnell

Tôi thấy trong Lời Đức Chúa Trời rằng Chúa Giê-xu, được một người nữ thụ thai mà không có sự can dự của người nam, đã không bắt phụ nữ im lặng, nhưng trái lại, đã khích lệ họ nói. Rằng Ngài tán thành việc một người nữ ngồi dưới chân ra-bi mà học, như Phao-lô đã ngồi dưới chân Ga-ma-li-ên. Và rằng Ngài để một người nữ thực hiện cho mình một sự phục vụ quan trọng mang tính tế lễ, và nhận từ người ấy sự xức dầu cho việc chôn cất Ngài. Phụ nữ là những người cuối cùng ở bên thập tự giá và những người đầu tiên đến mộ. 5 trong số 7 "lời trên thập tự giá" chỉ được phụ nữ làm chứng và truyền lại (không kể các binh lính La Mã), và những mốc quan trọng nhất của lịch sử cứu rỗi chỉ được phụ nữ làm chứng. Sau khi sống lại, Chúa Giê-xu đã cố ý gặp những người phụ nữ và giao cho họ sứ mạng nói với anh em Ngài rằng Ngài đã sống lại. Ngài còn có thể làm gì hơn để làm rõ một lần đủ cả rằng sự bình đẳng trọn vẹn của người phụ nữ trong Hội Thánh được cứu chuộc của Đức Chúa Trời là ý định nguyên thủy và không thay đổi?	
Christian Beese	



6.3 PHỤ NỮ CÓ ĐƯỢC DẠY DỖ KHÔNG?

Khi đọc sách Công Vụ Các Sứ Đồ, sau 18 chương người ta đến chỗ này: "Người (A-bô-lô) bắt đầu giảng cách dạn dĩ trong nhà hội. Khi Bê-rít-sin và A-qui-la (hai vợ chồng) nghe người, bèn đem người về với mình và giải bày đạo Đức Chúa Trời cho người cách kỹ càng hơn" (18:26). Đạo Đức Chúa Trời, đó là lịch sử cứu rỗi và trung tâm của nó, là Đấng Mê-si-a. Việc giải bày có thể được hiểu là "dạy dỗ" hay "chỉ dẫn".

Phao-lô khích lệ *mọi người có mặt* trong một buổi nhóm họp Cơ Đốc: "Vậy, hỡi anh em, nên thế nào? Khi anh em nhóm lại, mỗi người có một bài thi thiên, một lời *dạy dỗ*, một sự mặc thị, một tiếng lạ, một lời thông giải; hãy làm mọi điều cho được gây dựng." (1 Cô-rinh-tô 14:26). Điều này áp dụng cho

anh em và chị em (trong tiếng Hy Lạp không có từ nào chỉ "chị em" theo nghĩa này).

Con người (anh em và chị em) phải dạy dỗ người khác, để đến lượt những người ấy cũng có thể dạy dỗ người khác nữa (2 Ti-mô-thê 2:2). Theo nghĩa ấy, những người nữ lớn tuổi phải là "người dạy điều tốt lành" (Tít 2:3). Nơi chốn và khuôn khổ của sự dạy dỗ này không bị quy định hay giới hạn.

Chúa Giê-xu muốn các môn đồ nam và nữ đều dạy dỗ: "Vậy, hãy đi khiến muôn dân trở nên môn đồ Ta, làm phép báp-têm cho họ nhân danh Đức Cha, Đức Con và Đức Thánh Linh, và dạy họ giữ hết cả mọi điều mà Ta đã truyền cho các ngươi!" (Ma-thi-ơ 28:19-20)

Ngày nay ở mọi trường học, kể cả trường Cơ Đốc, đều có giáo viên nữ. Ở mọi trường đại học, trong mọi ngành, kể cả thần học, đều có nữ giáo sư. Vô số sách của phụ nữ, có nội dung giảng dạy thuộc lãnh vực thế tục cũng như nội dung Cơ Đốc, được đàn ông đọc. Sau cùng nhưng không kém phần quan trọng: Một người phụ nữ đã làm Thủ tướng Liên bang Đức suốt 16 năm. Ngày nay có nhiều phụ nữ trong đủ mọi chức vụ lãnh đạo. Đối với nhiều người thì vẫn còn quá ít, nhưng đó là một đề tài khác.

Nhìn từ ngày nay, lý do của điều đó là hiển nhiên: Phụ nữ có năng lực trí tuệ không kém đàn ông. Hoặc còn vượt hơn. Điều đó chẳng có gì đáng ngạc nhiên. Họ cũng có thể dạy dỗ và chỉ dẫn như vậy, không hiếm khi còn giỏi hơn đàn ông.

Một trăm năm trước thì chưa như vậy. Phụ nữ thời ấy cũng có tài năng và thông minh như vậy, nhưng trong một thế giới do đàn ông thống trị, họ bị loại ra khỏi việc học ở đại học, và lại càng bị loại khỏi việc giảng dạy. Người ta có thể đi sâu vào đề tài lịch sử này; còn tôi nhìn vào giáo hội, vào thế giới Hội Thánh thuộc phái Tin Lành Phúc Âm và bảo thủ.

Ở đầu chương này, tôi cũng bắt đầu bằng một câu hỏi: Sau khi đọc Kinh Thánh, nhất là Tân Ước, bạn có đi đến kết luận rằng phụ nữ không được phép dạy dỗ không?

Có lẽ là không. Tuy nhiên, người ta sẽ phải bỏ qua một đoạn ngắn, đó là 1 Ti-mô-thê 2:11-15. Chính bản văn này, *ngoài ra không có bản văn nào khác*, chứa một chỉ thị như vậy, mà người ta không thể bỏ qua nếu Kinh Thánh là chuẩn

mực cho đức tin và đời sống chúng ta. Tôi đã đặt cùng câu hỏi ấy khi bàn về việc phụ nữ phải im lặng trong buổi thờ phượng. Tôi đã nhận thấy trong 1 Cô-rinh-tô 14 rằng đoạn ngắn này, là chỉ dẫn duy nhất, không thể nào khiến một nửa thân thể Đấng Christ phải câm lặng trong buổi nhóm họp.

Vì thế cũng thật lạ khi nhiều người nam, nhiều người lãnh đạo Hội Thánh và trưởng lão cấm phụ nữ dạy dỗ. Điều này áp dụng cho buổi thờ phượng, nhưng cũng cả bên ngoài các buổi nhóm. Và nếu có cho dạy, thì chỉ là dạy phụ nữ hoặc trẻ em. Cách áp dụng rất đa dạng; ở đây tôi đã nêu một hình thức mà tôi đã lớn lên trong đó.

Tôi sẽ soi xét bản văn Kinh Thánh duy nhất được dùng làm cơ sở cho lệnh cấm dạy dỗ. Trước hết xin lưu ý rằng bản văn này trong nguyên ngữ thì phức tạp và hoàn toàn không rõ ràng, như nhiều nhà giải kinh và nhiều người am hiểu nguyên ngữ nhận định. Liệu nó có thể đem lại những hậu quả và hạn chế sâu rộng như vậy cho phụ nữ Cơ Đốc và qua đó cho thân thể Đấng Christ không?

6.3.1 Bản văn 1 Ti-mô-thê 2:8-15

> Vậy, ta muốn người nam cầu nguyện khắp mọi nơi, giơ tay thánh sạch lên, không giận dữ và không suy nghĩ hồ nghi.
>
> Cũng vậy, ta muốn người nữ trang sức cách khiêm tốn trong bề ngoài, với sự e thẹn và đứng đắn, không bằng tóc gióc, vàng, ngọc trai hay áo quần đắt tiền, nhưng – như điều xứng hợp với người nữ xưng mình là kính sợ Đức Chúa Trời – bằng việc lành. *Người nữ hãy học trong yên lặng với mọi sự thuận phục. Nhưng ta không cho phép người nữ dạy dỗ, cũng không được cầm quyền trên người nam, nhưng phải ở yên lặng, vì A-đam được dựng nên trước, rồi mới đến Ê-va; và A-đam không bị lừa dối, nhưng người nữ bị lừa dối và sa vào sự vi phạm. Nhưng người nữ sẽ được cứu qua việc sinh con, nếu họ cứ ở trong đức tin, tình yêu thương và sự thánh khiết với sự đứng đắn.*

Trước khi đi qua bản văn, một vài lưu ý tổng quát và lịch sử sẽ có ích.

6.3.2 Hoàn cảnh lịch sử tại Ê-phê-sô

Thư thứ nhất gửi Ti-mô-thê được viết riêng cho người cộng sự thân cận nhất của Phao-lô, lúc ấy đang ở Ê-phê-sô và phục vụ các Hội Thánh tại gia ở đó. Tại sao Phao-lô không viết trực tiếp cho Hội Thánh, như trong thư Ê-phê-sô mà chúng ta biết, thì chúng ta không biết. Thư ấy không chỉ được viết sớm hơn, mà còn hoàn toàn khác. Phao-lô viết cho Ti-mô-thê với nhiều lời chỉ dẫn và cảnh báo. Ông nói về những chuyện huyễn, những gia phả vô cùng, những thầy dạy luật pháp, những kẻ có lương tâm lì đi, những thần lừa dối, những đạo lý của ma quỷ, những người khổ hạnh, những người đàn bà góa, những kẻ chống lại lời lành mạnh của Chúa Giê-xu Christ chúng ta, và nhiều điều khác nữa. Lá thư này nói về những vấn đề cụ thể là mối nguy hiểm nghiêm trọng cho Hội Thánh tại Ê-phê-sô. Thêm vào đó là điều trong bản văn ở trên: Người nam phải được ngăn không cho cãi vã và được khích lệ cầu nguyện, còn người nữ phải được khuyên giữ mình khiêm tốn.

Ê-phê-sô là một nồi hầm lẫn lộn đủ thứ tôn giáo, giáo phái, phù phép và ma thuật. Lu-ca thuật lại điều đó trong Công Vụ Các Sứ Đồ 19. Trung tâm, và nổi tiếng cũng như được tôn thờ vượt xa ra ngoài biên giới, là Artemis của Ê-phê-sô, nữ thần (Hy Lạp), con gái của Zeus và là chị song sinh sinh ra trước của Apollo. Người ta phụng sự nữ thần này với lòng nhiệt thành và tốn kém rất lớn. Người ta xây cho bà một đền thờ, vào thời ấy là công trình lớn nhất và là một trong bảy kỳ quan của thế giới cổ đại. Người ta dâng tế lễ cho bà. Người ta tổ chức các lễ hội và các cuộc rước kiệu để tôn vinh bà. Người ta tin rằng Artemis của Ê-phê-sô có quyền năng tạo ra sự sống mới. Và lấy sự sống đi. Bà có thể giúp trong lúc sinh nở và làm dịu cơn đau. Bà là thần bảo hộ những người còn trinh, cả nam lẫn nữ.[99] Người La Mã cũng gọi bà là Diana.

Trong đô thị lớn của thời cổ đại này, sự thờ phượng Artemis có mặt trong hầu hết mọi lãnh vực của đời sống riêng tư và công cộng, và có ảnh hưởng theo một cách mà ngày nay chúng ta khó lòng hình dung được.

99. Xem thêm: Paulus an die Epheser, Nacherzählt, Erklärt, für heute (Ê-phê-sô – kể lại, giải thích, cho hôm nay), Hans-Jörg Ronsdorf

Thế nhưng Phao-lô đã có thể làm việc ở đó ba năm và truyền giáo cho cả tỉnh Asia của La Mã. Một số lớn Hội Thánh tại gia đã được thành lập. Nhưng trong môi trường ấy, họ cũng phải đối diện với sự thờ phượng này và những giáo phái khác. *Những người đã trở nên tín hữu không thể rũ bỏ quá khứ của mình chỉ bằng một cái bấm nút.* Có thể những chuyện huyễn và thần thoại mà Phao-lô đề cập cũng liên quan đến sự thờ phượng Artemis cùng thế giới tư tưởng và các giáo lý đi kèm với nó, dù ông không nêu đích danh như vậy. Thuyết hỗn hợp tôn giáo, tức là việc kết hợp và pha trộn đức tin Cơ Đốc với các sự thờ hình tượng cùng những tập tục và giáo lý của chúng, không phải là điều hiếm thấy, và những biểu hiện của nó lúc rõ lúc không. Vì thế nữ thần Artemis cũng được liên kết với Ê-va. Irenaeus đã liên kết các giáo lý sai lầm ở Ê-phê-sô với thuyết ngộ đạo (Gnosis), ít nhất là với những hình thức tiền thân của nó. Tertullian hiểu những chuyện huyễn và gia phả vô cùng theo hướng đó. Ngoài những liên hệ với Do Thái giáo, những điều này cũng có thể liên quan đến thuyết ngộ đạo với vô số các aeon và các chuỗi nối tiếp hay sự hình thành của chúng. Thuyết ngộ đạo "Cơ Đốc" thời kỳ đầu đã pha trộn Torah và những khía cạnh của Do Thái giáo với nhiều giáo phái Hy Lạp và La Mã khác nhau, mà chính những giáo phái này lại được nuôi dưỡng bởi các tôn giáo vùng Cận Đông. *Irenaeus viết rằng những người theo thuyết ngộ đạo đã giải thích và kể lại câu chuyện sáng tạo và cả sự sa ngã theo cách riêng của họ. Ê-va là quyền năng thuộc linh nữ tính đã thổi sự sống vào linh hồn A-đam. Trong những biến thể khác của câu chuyện sáng tạo, Ê-va được ưu tiên và đứng trên A-đam. Sự thờ phượng Artemis ở Ê-phê-sô do phụ nữ chi phối.* Ê-va có địa vị đặc biệt vì bà tìm kiếm sự hiểu biết, là điều mà nhờ đó người ta được cứu (Gnosis). Phao-lô kết thúc thư của ông bằng lời cảnh báo về "tri thức ngụy xưng là tri thức" (Gnosis), mà một số người đã tự xưng là có và đã lạc khỏi đức tin (6:20-21).

Các công trình nghiên cứu lịch sử về Ê-phê-sô vẫn tiếp tục. Như chính tôi đã nhận ra, đây là một đề tài phức tạp. Nhưng dù người ta có chấp nhận sự phục dựng này hay không, thật khó mà lập luận rằng bối cảnh Artemis không tạo ra sự khác biệt nào cho việc giải thích 1 Ti-mô-thê 2:8-15, như nhiều người chủ trương thứ bậc, những người cho rằng có một lệnh cấm dạy dỗ chung cho phụ nữ, muốn làm cho người ta tin. *Bằng cách này hay cách khác, bối cảnh này phải được lưu tâm để hiểu đoạn văn này.*

6.3.3 Bối cảnh

Các bản dịch Kinh Thánh có những tiêu đề như *"Cách cư xử đúng đắn trong buổi thờ phượng"*. Trong trường hợp đó, phải chăng lệnh cấm dạy dỗ chỉ áp dụng trong buổi thờ phượng, mà không áp dụng cho những dịp khác? Thế nhưng Phao-lô dường như không nói về buổi thờ phượng, mà đúng hơn là nói chung với người nam và người nữ, ở bất cứ nơi nào họ có mặt và gặp nhau. Dường như ông cũng nói đến hoàn cảnh của các cặp vợ chồng trong nhà. "Trong 1 Ti-mô-thê 2:1-8, không có gì thu hẹp ngữ cảnh vào một 'buổi thờ phượng công cộng', nếu không xét đến việc các buổi thờ phượng diễn ra trong phạm vi gia đình, chứ không phải ở một nơi công cộng. Như vậy, không rõ ràng rằng phần còn lại của chương đưa ra những chỉ dẫn về cách cư xử trong các buổi nhóm thờ phượng hay trong một khuôn khổ công cộng, và nội dung của phần còn lại của đoạn văn cũng khó phù hợp với ngữ cảnh của một 'buổi thờ phượng công cộng', nhất là lời nhắc đến việc sinh con."[100]

"Phao-lô có thể nói về một người nữ dạy một nhóm người nam, hay về những người nữ dạy những nhóm người nam, nhưng nói về một người nữ dạy 'một người nam' trong một buổi nhóm thì không bình thường. Đúng hơn, việc dùng số ít báo hiệu một sự tương tác riêng tư giữa một người nữ và một người nam. Trong văn hóa Hy Lạp – La Mã, những tương tác riêng tư giữa một người nữ và một người nam thường diễn ra nhất là giữa những người trong gia đình, và có nhiều điều trong đoạn văn này chỉ về một ngữ cảnh gia đình."

Thêm vào đó: Đây không phải là một lá thư gửi cho một Hội Thánh, mà là một lá thư riêng, đặt nền trên những hiểu biết mà chúng ta không thể phục dựng lại 100%. Ít nhất cũng phải xét đến sự kiện này.

Về cơ bản, hoàn toàn có thể suy ra từ đó rằng đây không phải là những chỉ dẫn cho buổi nhóm họp của Hội Thánh, dù những bài học đạo đức chắc chắn áp dụng cho mọi dịp.

100. Cynthia Westfall, Paul and Gender: Reclaiming the Apostle's Vision for Men and Women in Christ, 2015, 291

6.3.4 Cầu nguyện khắp mọi nơi, cơn giận và đồ trang sức

Vậy, ta muốn người nam cầu nguyện khắp mọi nơi, giơ tay thánh sạch lên, không giận dữ và không suy nghĩ hồ nghi.

Cũng vậy, ta muốn người nữ trang sức cách khiêm tốn trong bề ngoài, với sự e thẹn và đứng đắn, không bằng tóc gióc, vàng, ngọc trai hay áo quần đắt tiền, nhưng – như điều xứng hợp với người nữ xưng mình là kính sợ Đức Chúa Trời – bằng việc lành.

Bản văn đi trước, câu 1-7, là bối cảnh để những lời này được hiểu cách đúng đắn: Phao-lô tuyên bố việc cầu nguyện cho mọi người là một trong những nội dung quan trọng nhất của đời sống Cơ Đốc. Đối với Cơ Đốc nhân, đó là cách tác động quan trọng, gián tiếp và đầy phước hạnh trên thế gian. *Nó nâng đỡ và thúc đẩy giấc mơ lớn nhất của Đức Chúa Trời: Mọi người đều được cứu.*

Vì vậy, bản văn này đặt trọng tâm vào sự cầu nguyện, là một phần trong sứ mạng của Đức Chúa Trời nhằm cứu thế gian. Phao-lô cháy bỏng vì điều đó, và ông muốn (lại) nhóm lên ngọn lửa ấy nơi các tín hữu Ê-phê-sô, bằng cách để họ cầu nguyện! Người nam phải bỏ lại sau lưng cơn giận và những sự hồ nghi. Đừng để mình bị lôi kéo khỏi sự cầu nguyện. Ở đây Phao-lô nói với người nam (*và người nữ*) và nhấn mạnh cho cả hai một cách cư xử giúp Tin Lành tiến lên chứ không cản trở nó. Người nam và người nữ phải từ bỏ lối sống cũ, rập khuôn của mình. Những người nam đầy hormone nam muốn ganh đua, tranh luận và giành phần đúng về mình. Những người nữ muốn trang điểm và rất coi trọng vẻ bề ngoài. Nhưng điều đó không được chi phối đời sống họ nữa.

Khi ở đây nói về việc cầu nguyện nơi công cộng, câu hỏi đặt ra là Phao-lô muốn

1. người nam cầu nguyện theo một cách nhất định (câu 8) và 2. người nữ "cũng vậy" (câu 9) ăn mặc theo một cách nhất định,

hay là

1. người nam cầu nguyện theo một cách nhất định và 2. người nữ "cũng vậy" cầu nguyện, theo một cách nhất định liên quan đến y phục.

Theo các chuyên gia, cả hai cách giải thích và dịch đều có thể đúng về mặt ngữ pháp. *Vậy lời khích lệ cầu nguyện của Phao-lô (2:1) chỉ dành cho người nam sao? Không. Lời cầu nguyện của họ không được nhậm hơn, họ cũng không có đức tin nhiều hơn phụ nữ. Phao-lô chỉ đơn giản muốn cả Hội Thánh cầu nguyện.* Người nam và người nữ phải cầu nguyện ở bất cứ nơi nào có cơ hội, khắp mọi nơi, để giấc mơ đời đời của Đức Chúa Trời trở thành hiện thực. Người nam thì không giận dữ, người nữ thì với sự đứng đắn và nết na.

Chữ "Cũng vậy, người nữ" giống như một dấu bằng và liên quan đến việc cầu nguyện. Như vậy việc cầu nguyện nơi công cộng, trước mặt hay khi có mặt người nam, là được phép, đúng hơn nữa: là được truyền dạy.

Vẻ bề ngoài của phụ nữ liên quan đến hoàn cảnh đặc biệt tại Ê-phê-sô. Trong môi trường của sự thờ phượng Artemis, phụ nữ, nhất là những người giàu có đủ khả năng, trang điểm cầu kỳ và lộng lẫy. Trong nhà Đức Chúa Trời thì không được như vậy nữa. Ở đây người ta nổi bật nhờ việc lành. Điều quan trọng là phải dứt khoát tách mình khỏi sự thờ hình tượng này, và là về mọi phương diện. Dĩ nhiên, người phụ nữ được phép trang điểm, nhưng không điều gì được phản chiếu sự thờ hình tượng ấy.

Áp dụng lệnh cấm đồ trang sức và kiểu tóc cách nghiêm ngặt và theo nghĩa đen vào thời đại chúng ta thì có lẽ ngay cả những người cho rằng có lệnh cấm phụ nữ dạy dỗ cũng không thực hiện. Những người nam cầu nguyện lớn tiếng cũng không phải ai cũng giơ tay lên. Việc giơ đôi tay mở ra với lòng trông đợi và sẵn sàng đón nhận là một tư thế dễ nhận ra của sự cầu thay trong khi trông đợi Đức Chúa Trời. Nhưng người ta cũng không thể biến điều đó thành một quy luật. Chắp tay, một tư thế cầu nguyện phổ biến ở chỗ chúng tôi, không có gì sai và ở chỗ chúng tôi cũng được hiểu là cầu nguyện.

6.3.5 Học trong yên lặng và thuận phục

Người nữ hãy học trong yên lặng với mọi sự thuận phục.

Đây là câu duy nhất trong cả đoạn văn ở thể mệnh lệnh. Ít phụ nữ được học hành. *Việc Phao-lô ở đây gần như xem mọi phụ nữ là người học, là điều thật sự cách mạng.* Đối với phần lớn phụ nữ, việc học hành là điều không thể với tới, không được mong muốn cũng không được hỗ trợ. Đó là việc của đàn ông. Trong bối cảnh ấy, lời của Phao-lô mang một âm hưởng khác. Hơn nữa: Nó có thể là chìa khóa để hiểu đúng lệnh cấm dạy dỗ.

Không thể loại trừ khả năng ở đây Phao-lô chỉ nói đến một người nữ nhất định đã gây ra những vấn đề trong Hội Thánh tại Ê-phê-sô, vì chữ "người nữ" ở số ít. Đôi khi Phao-lô nêu tên những người gây ra vấn đề. Đôi khi ông cũng không nêu tên họ. Nếu đây là một người nữ cụ thể, *thì ngày nay một chỉ thị như vậy cũng chỉ có thể áp dụng cho những người nữ cư xử giống như người nữ ấy.*

Sự thuận phục thường được biện minh bằng trật tự sáng tạo. Như tôi sẽ trình bày dưới đây, vấn đề không phải ở đó. *Ở đây là một thái độ thuận phục, đối lập với sự nổi loạn. Người ta chỉ có thể học khi sẵn lòng tiếp nhận, khi ham học mà tiếp nhận chân lý của Tin Lành và từ bỏ những lối suy nghĩ cũ và những giáo lý huyễn hoặc.* Điều đó chỉ xảy ra trong sự yên tĩnh. Vấn đề không phải là im lặng, mà là một thái độ học hỏi, trong đó được phép đặt câu hỏi và câu hỏi giúp người ta tiến bộ. Nhưng chính là không phải như một cố gắng để chống đối, bác bỏ hay phản kháng. Đó là một vấn đề cụ thể ở Ê-phê-sô – *không phải là một vấn đề chung của phụ nữ*, như thể mọi phụ nữ nói chung đều có bản chất như vậy và cần phải tuân theo chỉ thị này của Phao-lô. Nói cho rõ: Trong mạch văn này, vấn đề là sự thuận phục đối với sự dạy dỗ của các sứ đồ và của Tin Lành, chứ không phải sự thuận phục đối với một người nam.

6.3.6 Không dạy dỗ và không cầm quyền trên người nam

> *Nhưng ta không cho phép người nữ dạy dỗ, cũng không được cầm quyền trên người nam, nhưng phải ở yên lặng.*

Câu này là một tiêu điểm khiến các Cơ Đốc nhân chia làm hai phe. Một phe thấy ở đây một lệnh cấm dạy dỗ chung cho phụ nữ, phe kia cho rằng đây là một hoàn cảnh đặc biệt, có vấn đề tại Ê-phê-sô. Chúng ta có nên cứ hiểu lời

này đơn giản như nó được viết trong tiếng Đức hay một ngôn ngữ hiện đại, rồi tuân giữ nó không?

Là người cộng sự thân cận nhất của Phao-lô, Ti-mô-thê hẳn đã biết đến một lệnh cấm dạy dỗ chung cho phụ nữ, nếu có. Việc ông được nhắc nhở về điều đó ở đây, sau nhiều năm cộng tác, thì thật kỳ lạ. Điều đó đúng hơn là cho thấy một hoàn cảnh đặc biệt tại Ê-phê-sô.

Những lời tiếp theo về Ê-va và A-đam được xem là lý do cho lệnh cấm dạy dỗ. Khi ấy lý do là một thứ bậc trong sự sáng tạo. Nếu một người nữ dạy một người nam, điều đó sẽ có nghĩa là cầm quyền trên người ấy. Dù người nữ dạy cách khiêm nhường đến đâu, có lẽ còn trùm đầu nữa, điều đó vẫn bị cấm, vì đó là cầm quyền. Có thật đó là ý nghĩa của câu này không?

6.3.7 Dạy dỗ có phải là cầm quyền không?

Câu hỏi căn bản của tôi luôn là: Tại sao *dạy dỗ* lại bị gắn với *quyền cai trị* hay thẩm quyền? Bạn có biết chỗ nào trong Tân Ước có mối liên hệ này không? Bạn có biết một sự việc nào mà việc dạy dỗ đồng thời được gọi là cầm quyền không? Như một hành động có hại? Hay như một sự kết hợp tích cực? Chẳng phải việc dạy dỗ là một sự phục vụ người khác, trong đó người ta đặt mình dưới những người học và người nghe sao?

Giáo lý và việc dạy dỗ là một đề tài của lá thư này: Giáo lý và dạy dỗ xuất hiện 15 lần, nhiều gấp đôi so với bất cứ lá thư nào khác. Việc dạy dỗ dường như không đơn giản là giảng, mà có một tính chất mạnh mẽ và ràng buộc hơn. Dạy giáo lý lành mạnh là sự phòng ngự và bảo vệ, là sự chữa lành và gây dựng Hội Thánh. Nhưng đó có phải là cầm quyền không? Hay là thi hành thẩm quyền?

"Trong 1 Ti-mô-thê 4:11 – tức là trong cùng một lá thư – Phao-lô dùng cụm từ 'Hãy truyền và dạy những điều đó.' Chữ 'truyền' trong tiếng Hy Lạp là *parangello*, cũng xuất hiện trong 1 Ti-mô-thê 5:7 và 6:17. Nó có nghĩa là 'ra lệnh, kêu gọi, truyền lệnh'. Trong 1 Ti-mô-thê 4:11, nó được dùng cùng với 'dạy'. Mối liên hệ này cũng có trong 1 Ti-mô-thê 2:12, nhưng với một chữ

khác cho 'cầm quyền'. Vì vậy ý nghĩa không nhất thiết trùng khớp với 1 Ti-mô-thê 4:11."[101]

Khái niệm "thẩm quyền giáo huấn"[102] có trong môi trường giáo hội. Câu hỏi là ai có thẩm quyền đưa ra một lời tuyên bố về giáo lý có tính ràng buộc đối với người khác và không ai được phản bác. Trong các vấn đề đức tin, không có chuyện tùy tiện. Nhưng Phao-lô có thể đã muốn nói đến điều đó ở đây sao? *Sự đúng đắn của một giáo lý không bao giờ tùy thuộc vào giới tính của người dạy*. Có phải một người nam có thẩm quyền giáo huấn chỉ vì người ấy là nam giới? Trong sự dạy dỗ, vấn đề là nội dung, là chân lý, chứ không phải vấn đề giới tính.

A-bô-lô thông thạo Kinh Thánh (Công Vụ Các Sứ Đồ 18:24), vì rõ ràng ông có ân tứ dạy dỗ nổi bật.

Dạy dỗ cách có tính ràng buộc không có nghĩa là cầm quyền. Nếu vậy thì đã phải dùng một chữ khác.

6.3.8 "Cầm quyền" nghĩa là gì?

Chữ dịch là "cầm quyền" không phải là chữ thông thường để chỉ "thi hành thẩm quyền": *Nó chỉ xuất hiện một lần duy nhất ở chỗ này*. Vì thế tôi lại càng thận trọng hơn khi phải đồng ý lấy câu này làm lý do duy nhất cho một lệnh cấm phụ nữ dạy dỗ.

101. Wunderli, 37

102. Huấn quyền của giáo hội *(magisterium ecclesiae)* trong các giáo hội là thẩm quyền giáo huấn được thi hành bởi một số người giữ chức vụ và cơ quan giáo hội nhất định. Huấn quyền của giáo hội đã phát triển trong lịch sử giáo hội cùng với chức giám mục, nhất là với sự hình thành chế độ giám mục quân chủ. Kết quả của sự phát triển này là quyền tối thượng của giáo hoàng trong Cơ Đốc giáo phương Tây, ban đầu còn theo nghĩa một *ius appellationis* (quyền thượng tố), về sau trở nên gay gắt hơn qua tín điều về sự không thể sai lầm của Công đồng Vatican I. Kinh Thánh và truyền thống được xem là nền tảng của việc giáo huấn trong giáo hội. Ngược lại, năm 1523 Martin Luther đã viết "rằng một hội chúng hay Hội Thánh Cơ Đốc có quyền và năng lực phán xét mọi giáo lý và kêu gọi, lập lên và bãi chức các giáo sư". Theo ông, chuẩn mực duy nhất ở đây là Kinh Thánh. Trong quá trình củng cố cuộc Cải cách, việc phán xét giáo lý được nâng lên cấp các giáo hội địa phương (Landeskirchen), và bên cạnh Kinh Thánh, các văn kiện tuyên xưng đức tin trở thành những chuẩn mực thứ cấp. (Wikipedia)

"Chữ dịch là 'cầm quyền' ('authentein') chỉ được dùng ở chỗ này trong Tân Ước.[103] Danh từ tương ứng 'kẻ cầm quyền' nguyên thủy có nghĩa là 'kẻ giết người'[104], chính xác hơn là 'kẻ tự sát' hay 'kẻ giết người trong gia đình'[105]. Về sau, trong ngôn ngữ thông thường, nó mới mang nghĩa 'chủ', 'kẻ thống trị', 'kẻ chuyên quyền'[106]."[107]

Kiểu *cầm quyền* được nói đến ở đây không phải là điều gì tích cực và đáng mong muốn. Nhưng nếu hiểu nó cách tích cực, thì người nam phải cầm quyền qua việc dạy dỗ, còn người nữ thì không. Đó sẽ là kết luận từ giáo điều cho rằng người nam có thẩm quyền trên người nữ. Khi người nam dạy dỗ, người ấy cầm quyền trên người nữ và trên mọi người nghe và người học.

Sự phục vụ của những người dẫn dắt, người lãnh đạo hay trưởng lão trong Hội Thánh, trong đó có cả việc dạy dỗ, không bao giờ được gọi là "cầm quyền".

Marilyn Smith và Ingrid Kern cũng nhận định tương tự: "Một điểm khác trong đoạn này của thư Ti-mô-thê là việc dùng chữ *authentein*, được dịch là 'thi hành thẩm quyền'. Người ta không đồng ý với nhau về nội dung ý nghĩa của *authentein*, nhưng có một điều chắc chắn: Nếu Phao-lô có ý cấm phụ nữ thi hành bất cứ thẩm quyền nào theo nghĩa thông thường của từ này, thì rất có thể ông đã dùng chữ *exousia* thường dùng cho điều đó. Thay vào đó, Phao-lô dùng một chữ hoàn toàn khác, không xuất hiện ở chỗ nào khác trong Tân Ước, để cho thấy rằng ở đây ông muốn nói đến một loại thẩm quyền hoàn toàn khác. Sử gia Josephus dùng *authentein* để mô tả Antipas, con trai

103. Là một hapax legomenon (từ chỉ xuất hiện một lần), từ này thậm chí không được bàn đến trong Theologisches Wörterbuch của Kittel. Tuy nhiên, nó có mặt nơi nhiều tác giả cổ điển lớn viết bằng tiếng Hy Lạp, so sánh N. J. Hommes. "Let Women be Silent in Church". Calvin Theological Journal 4 (1969) 5-22, ở đây tr. 18 và tài liệu được nêu ở đó; một bản tóm tắt tốt bài viết của Hommes có trong New Testament Abstracts 13 (1969) 365.

104. C. D. Osburn. "Authenteo (1Timothy 2: 12)". Restoration Quarterly 25 (1982) 1-12.

105. N. J. Hommes. "Let Women be Silent in Church". Sđd. tr. 18.

106. Như trên. Walter Lock. A Critical and Exegetical Commentary on The Pastoral Epistles (I & II Timothy and Titus). International Critical Commentary. T. & T. Clark: Edinburgh, 1936. tr. 32 nêu ý nghĩa của 'authentein' trong tiếng Hy Lạp bình dân là 'despotes' (= 'bạo chúa'), cùng với các bản dịch tiếng Anh: "a self-actor", "to lord it over" và những nghĩa khác. Sir Robert Falconer. "1 Timothy 2 14,15: Interpretative Notes". Journal of Biblical Literature 60 (1941) 375-379, ở đây tr. 375 dịch tương tự: "a master, an autocrat". Joseph H. Thayer. Greek-English Lexicon of the New Testament. Baker Book House: Grand Rapids (MI), 1977. tr. 84 (số 830) nêu ý nghĩa của 'authenteo' là: "one who with his own hand kills either others or himself", "one who does a thing himself, the author", "one who acts on his own authority, autocratic", đồng nghĩa với 'autokrator', "an absolute master".

107. Schirrmacher, 122

của Hê-rốt, người bị cáo buộc giết hai người anh em của mình và mưu sát cha mình (…) Như vậy *authentein* có nghĩa là 'thống trị' hay 'thi hành quyền lực tuyệt đối' trên người khác với ý định hủy diệt họ."[108]

Trong mạch văn này, vấn đề không phải là hai việc tách rời nhau – ở đây chúng thuộc về nhau, chúng ràng buộc nhau và cộng lại theo cách tiêu cực: *dạy dỗ và cầm quyền*. Xét theo hoàn cảnh lịch sử và tôn giáo tại Ê-phê-sô, vấn đề là một sự dạy dỗ theo cách thống trị. Theo cách tiêu cực, áp đảo, đến mức lấn át người khác, như đã xảy ra với những người nữ thuộc môi trường Artemis. Nói cho chính xác, vấn đề thậm chí có thể là một tình huống như trong sự thờ phượng Artemis, liên quan đến sự sinh sản và việc ban sự sống. Một sự thống trị người nam trong lãnh vực tình dục. Dù điều này nghe có vẻ xa lạ, đó chính là môi trường mà Phao-lô viết thư 1 Ti-mô-thê vào đó. Khi ấy câu này sẽ là: Ta không cho phép người nữ dạy dỗ (sai lạc) và thống trị người nam về mặt tình dục.

Vậy đây không phải là lệnh cấm dạy dỗ trước mặt người nam nơi công cộng. Cũng không phải là chuyện người vợ không được dạy chồng mình đôi điều. Thời ấy, phụ nữ bị tụt hậu về học vấn, vì họ hầu như bị loại ra khỏi việc học hành. Nhưng nếu một người nữ đã là nữ môn đồ của Chúa Giê-xu từ lâu, thì hẳn bà sẽ dạy chồng mình, người tin Chúa sau bà.

Ở Ê-phê-sô, có lẽ vấn đề là những người nữ dạy dỗ cách tự phụ và áp đặt theo khuôn mẫu ngộ đạo. Họ tự nhận cho mình thẩm quyền, gần như giành lấy nó, để dạy dỗ. Tệ hơn nữa, họ dạy những giáo lý sai lầm. Không được dung thứ những người nữ ấy cũng như giáo lý của họ. Trong nhà Đức Chúa Trời không có chỗ cho cách cư xử và những giáo lý sai lầm như vậy. *Nếu đàn ông làm như vậy thì cũng thế.* Nhưng ở Ê-phê-sô, vấn đề là một người nữ nhất định hay một nhóm người nữ. *Không có lý do gì để đặt mọi phụ nữ Cơ Đốc ngang hàng với họ!* Việc nhắc đến người đàn bà Giê-sa-bên (Khải Huyền 2:20), người dạy dỗ ở Thi-a-ti-rơ, cũng theo khuôn mẫu này: Vấn đề ở đó không phải là bà dạy dỗ trong tư cách một người nữ, mà là bà dạy điều sai lầm.

Trong mạch văn này, không thể giải thích việc cầm quyền là "sự lãnh đạo" hay "thẩm quyền" thuộc linh. Tức là chức năng lãnh đạo hay chăn bầy trong một Hội Thánh. Chúa Giê-xu và Phao-lô hẳn không hiểu điều đó là cầm quyền. Cách *cầm*

108. Theo Wunderli: Smith/Kern 2005, 98; Bauer 1988, 1240

quyền của Cơ Đốc nhân là phục vụ. Và không phải là người đứng đầu, mà là người rốt hết (Mác 10:42-45). Một thái độ có thể có được khi người ta đi trước người khác với tư cách người lãnh đạo. Phi-e-rơ nhắc các người chăn bầy rằng cầm quyền không có gì chung với sự chăn bầy:

"*Hãy chăn bầy của Đức Chúa Trời* đã giao phó cho anh em, coi sóc nó, không phải bởi ép tình, nhưng bởi vui lòng, không phải vì lợi dơ bẩn, nhưng hết lòng mà làm, và *không phải như những kẻ cai trị trên của cải mình*, nhưng làm gương tốt cho cả bầy." 1 Phi-e-rơ 5:2-3

Ở yên lặng không có nghĩa là ngậm miệng vì phải im lặng, mà là một cách cư xử nhất định, tức là: "giữ sự bình an", "giữ sự yên tĩnh" hay "giữ trật tự".[109] Trong quá trình học hỏi và lắng nghe nhau, cách cư xử này là chuẩn mực cho những người nữ liên quan, *nhưng cũng sẽ là chuẩn mực cho người nam, nếu họ gây ra cùng những vấn đề ấy*.

Ngồi yên lặng và chăm chú như Ma-ri dưới chân Chúa Giê-xu là thái độ học hỏi lý tưởng để lắng nghe Thầy của mọi người thầy.

6.3.9 A-đam và Ê-va ở Ê-phê-sô

> *... vì A-đam được dựng nên trước, rồi mới đến Ê-va; và A-đam không bị lừa dối, nhưng người nữ bị lừa dối và sa vào sự vi phạm.*

Với những lời này, Phao-lô dường như giải thích tại sao người nữ không được phép dạy dỗ nơi công cộng. Vì "dạy dỗ" không phải là thuận phục, mà là cầm quyền. Tôi đã thường nghe như vậy. Và chính tôi cũng luôn hiểu như vậy. Tuy nhiên, thành thật mà nói, với vài mối nghi ngờ trong đầu. Có thể nào một thứ tự thời gian chỉ chênh nhau vài giờ (nếu người ta tin vào những ngày sáng tạo 24 giờ) lại có tầm ảnh hưởng như vậy? A-đam và Ê-va giống như một cặp song sinh được nắn nên cách nhau không lâu. Phải chăng khoảng thời gian ngắn ngủi này lại xác lập một lệnh cấm dạy dỗ như vậy cho mọi phụ nữ? Và phải chăng việc phụ nữ không được dạy dỗ là hình phạt của Đức Chúa Trời, vì Ê-va đã bị lừa dối? Vì thế mà kể từ Ê-đen, không người phụ nữ nào được dạy dỗ? Cho dù người ấy có ân tứ dạy dỗ?

109. So sánh ExWNT, tập II, tr. 311

Ít nhất các Cơ Đốc nhân gốc Do Thái đã có bản Bảy Mươi (Septuaginta) và/hoặc Torah. Đó là Kinh Thánh của các Cơ Đốc nhân trước khi có bộ kinh điển Tân Ước. Bây giờ Phao-lô lặp lại một điều mà ai cũng có thể đọc được. *Tại sao Phao-lô lại nhắc đến một điều quá quen thuộc và rõ ràng như vậy? Rằng A-đam được dựng nên trước và Ê-va bị cám dỗ.*

Thêm vào đó, nếu hiểu bản văn này như vừa nêu, thì Phao-lô phần nào tự mâu thuẫn với chính mình. Trong Rô-ma 5 từ câu 12, ông mô tả A-đam là người đã đem tội lỗi vào thế gian, và như vậy *là người đầu tiên* trở thành đầu của gia đình mình, tức là của cộng đồng toàn thể nhân loại sinh ra trong tội lỗi. A-đam chịu trách nhiệm. Câu trả lời và sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời là một đầu mới, Đấng "nhận chúng ta làm con" vào cộng đồng của Ngài: Chúa Giê-xu Christ.

Ở đây, trong thư 1 Ti-mô-thê, người ta có thể nghĩ rằng Phao-lô đặt Ê-va làm đầu chịu trách nhiệm. Hẳn phải có một lý do đặc biệt để ông nêu ra như vậy ở đây. Và như đã nhận xét ở trên, lúc ấy có những phiên bản sáng tạo tiền ngộ đạo đang lưu hành, khẳng định điều ngược lại. Rằng Ê-va được dựng nên trước và A-đam bị cám dỗ trước. Trong môi trường Artemis, phụ nữ trong giáo phái có ảnh hưởng này quan trọng hơn đàn ông. Đó có thể là lý lẽ để một người nữ hay một số người nữ dạy dỗ cách áp đảo, nổi lên chống lại và phản bác sự dạy dỗ của Đấng Christ.

Lời nhắc đến A-đam và Ê-va có lẽ cũng là một lời nhắc tích cực. Không phải về sự yếu đuối của Ê-va hay sự vượt trội của A-đam, mà về sự cần thiết của việc học hành, nghiên cứu và sự thuận phục Đức Chúa Trời. Ê-va bị lừa dối có lẽ vì bà chưa được dạy dỗ đầy đủ. Còn A-đam thì cố ý phạm tội khi không vâng lời mệnh lệnh trực tiếp của Đức Chúa Trời. "Chúng ta đừng để thêm nữa những quả bom chưa nổ và những quả mìn nằm rải rác khiến người ta bị rối trí. Chúng ta hãy đọc bản văn này như theo ý tôi nó vốn được muốn nói, như một cách để gây dựng Hội Thánh của Đức Chúa Trời, cả người nam lẫn người nữ. Cũng như Phao-lô quan tâm áp dụng điều này vào một hoàn cảnh nhất định, chúng ta phải suy nghĩ kỹ và cầu nguyện xem văn hóa riêng, những định kiến riêng và sự phẫn nộ của chúng ta đang dẫn chúng ta đi đâu. Chúng ta phải làm hết sức mình để không rập khuôn theo bất cứ khuôn mẫu nào trong những khuôn mẫu khác nhau mà thế gian đưa ra, nhưng theo sứ

điệp chữa lành, giải phóng và yêu thương con người của Tin Lành Chúa Giê-xu."[110]

6.3.10 Hiện nay ta không cho phép

"Hiện nay ta không cho phép" không phải là một lệnh cấm lâu dài hay phổ quát đối với những người nữ lãnh đạo và dạy dỗ (câu 12). Philip Payne và những người khác đã lập luận rằng "Ta không cho phép người nữ dạy dỗ" không phải là bản dịch tốt nhất của bản văn Hy Lạp. "*Hiện nay* ta không cho phép" là một bản dịch tốt hơn. "Hiện nay ta không cho phép" cho thấy một chỉ thị hiện tại và cụ thể cho một vấn đề nhất định và có giới hạn về thời gian tại Ê-phê-sô (chứ không phải một lệnh cấm lâu dài hay phổ quát đối với việc phụ nữ dạy dỗ). Nhiều học giả đã cho thấy rằng việc Phao-lô dùng thể chủ động trình bày epitrepō với từ phủ định ouk ("Ta không cho phép ...") chỉ mạnh mẽ về một chỉ thị cụ thể cho một hoàn cảnh nhất định. Trong tuyệt đại đa số các trường hợp epitrepō được dùng trong Tân Ước, và trong mọi trường hợp trong Cựu Ước tiếng Hy Lạp, lời chỉ dẫn liên quan đến "một thời điểm nhất định hay chỉ trong một khoảng thời gian ngắn hoặc có giới hạn."[111] Vậy, khi người nữ nhất định ấy hay nhóm người nữ ấy đã hiểu, tiếp nhận và học được sự dạy dỗ, thì theo lẽ tự nhiên, lệnh cấm dạy dỗ này sẽ được bãi bỏ.

Điều này không thể được nhắc lại cho đủ: Đây không phải là một lệnh cấm dạy dỗ phổ quát đối với phụ nữ dựa trên một trật tự sáng tạo của hai con người đầu tiên. Đó không phải là điều Phao-lô dạy. Đây không phải là một chỉ thị cho mọi Hội Thánh trên thế giới trong mọi thời đại, mà được gửi đến một hoàn cảnh đặc biệt tại Ê-phê-sô. Đây không phải là lệnh cấm phụ nữ dạy dỗ, mà là một mệnh lệnh về thái độ. Những người nữ này không được dạy dỗ cách áp đảo, mà phải học hỏi cách khiêm nhường.

110. Wright, N. T., tr. 27, Paul for Everyone: The Pastoral Letters, London, 2003
111. Hill, Graham Joseph, tr. 63-64, Holding Up Half the Sky: A Biblical Case for Women Leading and Teaching in the Church

6.3.11 Được cứu nhờ sinh con?

Nhưng người nữ sẽ được cứu qua việc sinh con, nếu họ cứ ở trong đức tin, tình yêu thương và sự thánh khiết với sự đứng đắn.

Đây là những mối liên hệ kỳ lạ nếu người ta không biết bối cảnh lịch sử. Việc dạy và học thì có liên quan gì đến việc sinh nở? Đã hơn một lần người ta nói với tôi rằng nhiều Cơ Đốc nhân đọc Kinh Thánh, nhưng đơn giản là không thể biết những bối cảnh thời cổ này. Chẳng phải Đức Chúa Trời đã lo liệu để bản văn này có thể được hiểu mà không cần mọi kiến thức về bối cảnh sao?

Chúng ta đã nhận được một trí hiểu được soi sáng. Đức Thánh Linh là thầy dạy của chúng ta. Ngày nay chúng ta có những phương tiện để trong vài giây có trên màn hình nhiều kết quả nghiên cứu. Chúng ta có vô số công trình nghiên cứu về những bản văn này. Những khảo cứu về nguyên ngữ theo mọi khả năng có thể có. Tổng cộng lại thì gần như lại quá nhiều, đến nỗi khó mà nắm được toàn cảnh. Mọi người dạy dỗ đều phải tìm hiểu những câu hỏi như vậy.

Dù sao đi nữa, mọi người đọc Kinh Thánh đều nên tìm hiểu bối cảnh của bản văn. Bằng những phương tiện và khả năng mà mình tìm được. Ở trường học, người ta học và tập cách xử lý các bản văn và những câu hỏi người ta đặt ra cho chúng. Vì thế, tôi chỉ có thể nói cho thời đại chúng ta: khi đọc Kinh Thánh, chúng ta không miễn cho ai bổn phận suy nghĩ thêm một chút về bản văn, vượt ra ngoài sự hiểu theo nghĩa đen. Và tha thiết xin Đức Chúa Trời ban cho sự sáng tỏ và sức mạnh để vâng lời. Điều đó không nên tùy thuộc vào chúng ta, vào sự hời hợt của tôi, vào nỗi sợ những khám phá mới, vào sự lười biếng hay vào việc suy nghĩ quá ít về bản văn.

Ở Ê-phê-sô, những người phụ nữ mang thai phó thác mình cho nữ thần Artemis khi sinh nở. Nữ thần này được cho là có quyền năng làm cho cuộc sinh nở được thành công. Nhưng điều đó thật sai lầm, cũng như chuyện huyễn rằng Ê-va được dựng nên trước và A-đam bị quyến dụ trước. Chỉ Đức Chúa Trời mới có thể ban sự giải cứu duy nhất trong lúc sinh nở, vốn thường đau đớn và nguy hiểm đến tính mạng. Chỉ một mình Ngài là Đấng Cứu và Đấng giúp đỡ chúng ta. Vì

vậy Phao-lô muốn nói rằng người ta hãy dứt khoát rũ bỏ mọi chuyện huyễn, thần thoại và những sự trông đợi đáng sợ ấy, ném chúng ra khỏi thuyền, và phó thác mọi sự cho một mình Đức Chúa Trời, Đấng Cứu Chúa.

Về câu khó này, tôi xin trích dẫn một cách giải thích khả dĩ khác: "Một vấn đề bề ngoài khác nảy sinh với 'sự cứu rỗi nhờ sinh con'. Phải chăng Phao-lô đã dạy rằng phụ nữ được cứu khi họ sinh con?! Không thể nào tưởng tượng được một giáo lý như vậy! Nó sẽ mâu thuẫn với toàn bộ sự dạy dỗ của ông, vì thế ở đây đơn giản không thể có nghĩa như vậy. Đúng hơn, có lẽ ở đây Phao-lô nói đến Sáng Thế Ký 3:15, tức là dòng dõi của người nữ đem lại sự cứu rỗi. Vì những nữ giáo sư giả mà Phao-lô răn bảo ở đây cho rằng sự cứu rỗi đến trực tiếp qua phụ nữ, nên Phao-lô làm rõ rằng sự cứu rỗi quả thật đến qua phụ nữ, nhưng thật ra là qua dòng dõi được một người nữ sinh ra, là Đấng Christ (trong khi những người theo thuyết ngộ đạo xem thân xác – và do đó cả việc sinh con – là điều thô thiển và lỗi thời)."[112]

6.3.12 1 Ti-mô-thê ngày nay

"Câu hỏi cho các tín hữu ngày nay chúng ta không phải là làm thế nào để ép những người nam và người nữ của thế kỷ 21 vào các lý tưởng Hy Lạp – La Mã về nam tính và nữ tính. *Câu hỏi cho chúng ta là làm thế nào chúng ta có thể là những con người cầu nguyện trong một thái độ thánh khiết.* Là những con người của ngày nay, chúng ta phải chứng tỏ điều này thế nào? Tôi đề nghị rằng việc tránh giận dữ và bất hòa là điều phổ quát, vậy có lẽ chúng ta nên bắt đầu từ đó. Một câu hỏi khác là làm thế nào chúng ta, những người 'xưng mình là kính sợ Đức Chúa Trời', chứng tỏ điều đó qua việc lành. Những việc lành nào sẽ là như vậy trong ngữ cảnh ngày nay của chúng ta?

Và bạn hãy lưu ý chữ 'họ' ở cuối chương 2, trong câu 15. *Chữ 'họ' chỉ về những người nam và người nữ mà đoạn văn này nhắm đến.* Toàn bộ chương 2 tạo nên một sự tương phản với cách cư xử phạm thượng của Hy-mê-nê và A-léc-xan-đơ (1 Ti-mô-thê 1:20). Vậy làm thế nào chúng ta có thể tiến bước trong sự cứu rỗi của mình, nhờ lòng thương xót và ân điển lớn lao của Chúa Giê-xu Christ, trong đức tin, trong tình yêu thương và trong sự thánh khiết với sự tự chủ? Điều đó trông như thế nào?

112. Michael Trenkel, 2017 (xem Tài liệu tham khảo)

Xin nhắc lại một lần nữa, tôi muốn nói rằng theo ý tôi, Phao-lô không kết luận rằng phụ nữ khác đàn ông đến mức nói chung họ bị loại khỏi một số vai trò nhất định trong Hội Thánh hay trong gia đình. Thật ra điều ngược lại mới đúng. Người nam và người nữ đều như nhau trước mặt Chúa. Ông không muốn nói rằng phụ nữ không thể được giao những vai trò nhất định vì giới tính của họ. Thời cổ đại, phụ nữ thường xuyên là người đứng đầu nhà, hay đứng đầu việc quản gia. *A-đam và Ê-va không phải là nền tảng của mệnh lệnh trong câu 12, mà là những ví dụ về điều không nên làm.* Trong 2 Cô-rinh-tô 11:3, Phao-lô dùng việc Ê-va bị con rắn lừa dối làm hình ảnh minh họa *cho cả Hội Thánh*. Ở đây, trong thư 1 Ti-mô-thê, nó được áp dụng riêng cho phụ nữ.

Riêng tôi, tôi không mong chồng tôi cư xử như thể anh ấy là chủ của một gia đình Hy Lạp – La Mã. Sẽ thật kỳ lạ nếu anh ấy cư xử theo cách đó. Chúng ta là những con người của thế kỷ 21, sống đời sống của thế kỷ 21. Nếu tôi mong anh ấy thi hành thẩm quyền như thể anh ấy là một người chồng của thế kỷ thứ nhất, thì tôi sẽ khiến người chưa tin có cái nhìn chỉ trích đối với đức tin Cơ Đốc. Như 1 Ti-mô-thê 5:14 cảnh báo, chúng ta không được để cho kẻ thù có cớ nào mà nói xấu."[113]

6.3.13 Kết luận

Khi nhìn vào hoàn cảnh lịch sử tại Ê-phê-sô, nhiều điều trở nên rõ ràng hơn. Dù vậy, vẫn còn những câu hỏi bỏ ngỏ. Tuy nhiên, ý định của bản văn đã trở nên dễ nhận ra. Kết quả là: *Đây không phải là một lệnh cấm dạy dỗ hay giảng đạo chung, cũng không phải là một lệnh cấm lãnh đạo, mà là một lệnh cấm dạy một nền thần học hoàn toàn nhất định, tức là một nền thần học sai lầm. Và một lệnh cấm dạy dỗ theo cách áp đảo, đòi hỏi người khác phải vâng lời, hay thậm chí lấn át người khác.* Hoặc tự nhận thẩm quyền giáo huấn cách không chính đáng. Điều đó không thuộc về đời sống Cơ Đốc và không thuộc về Hội Thánh của Đức Chúa Trời. Đó là một vấn đề riêng tại Ê-phê-sô. Nói chung, điều đó chắc chắn cũng áp dụng cho đàn ông. Trong vấn đề này, lần này họ không phải là lý do của lời sửa trị. *Vậy Phao-lô không định nghĩa vai trò của phụ nữ trong Hội Thánh phổ quát, mà đúng hơn là sửa lại những sự lạm dụng tại Ê-phê-sô.*

113. Kidson, Persuading Shipwrecked Men: The Rhetorical Strategies of 1 Timothy 1, 2020, Mohr Siebeck Tübingen

Có bao nhiêu phụ nữ giữa chúng ta đã nhận được ân tứ dạy dỗ, nhưng không thể sử dụng nó, vì đàn ông chặn đường họ?

Với câu duy nhất này, vô số phụ nữ có ân tứ trong Đấng Christ đã bị làm cho không thể dạy dỗ như đàn ông. *Người chịu trách nhiệm về điều đó là đàn ông! Họ phải chấm dứt tình trạng sai trái này.*

6.3.14 Bản diễn ý có giải thích đoạn văn trong 1 Ti-mô-thê

Sau đây là một bản diễn ý có giải thích của đoạn văn này. Nếu phải giải nghĩa bản văn này cách ngắn gọn, tôi sẽ thuật lại nó như vậy. *Đây là bản văn của tôi, lời của tôi, chứ không phải bản văn Kinh Thánh.*

Ti-mô-thê thân mến, để giải quyết những vấn đề ở Ê-phê-sô với một số người nam và một số người nữ, cần phải làm như sau: Những người nam phải bắt đầu cầu nguyện. Ở bất cứ nơi nào họ gặp nhau. Cả nơi công cộng nữa. Thay vì cãi vã về những chuyện huyễn và những giáo lý sai lầm. Cơn giận và sự tranh cãi ngăn trở sự cầu nguyện. Cùng nhau cầu nguyện dẫn đến một đời sống yên lặng và bình an. Với đôi tay giơ lên, mở ra và sẵn sàng đón nhận, thanh sạch khỏi sự tranh cãi và bạo lực, họ phải cùng nhau thờ phượng Đức Chúa Trời, Đấng Cứu Chúa của chúng ta, và cầu thay cho mọi người trước ngai Đức Chúa Trời.

Dĩ nhiên những người nữ cũng phải cầu nguyện, như những người nam vậy. Điều quan trọng là những người nữ, tôi muốn nói nhất là những người nữ giàu có, phải tỏ ra khiêm tốn ở bất cứ nơi nào họ xuất hiện và được người khác thấy. Đồ trang sức của họ, thứ thu hút sự chú ý về phía họ, lại còn để vượt hơn những người nữ khác, không được là những kiểu tóc cầu kỳ và lộng lẫy, hay đồ trang sức bằng vàng và ngọc trai, cùng áo quần đắt tiền và kiểu cách. Những người nữ theo Đấng Mê-si-a không cần phải phô trương mình như vậy, hay dùng cách ấy để gây ảnh hưởng và áp đảo người khác. Có một thứ trang sức và ảnh hưởng quý giá hơn, được mọi người kính trọng: việc lành.

Người nữ phải học biết chân lý của Tin Lành là gì. Với lòng ham học, chăm chú và khao khát hiểu biết. Trong chính nhà mình. Nhất là một người trong

số những người nữ này, tôi không cho phép tiếp tục truyền bá mọi chuyện huyễn và giáo lý sai lầm ấy. Người ấy không được tự tôn mình lên trên chồng mình hay trên đàn ông nói chung và tự nhận thẩm quyền giáo huấn không thuộc về mình, vì người ấy không biết và không hiểu giáo lý lành mạnh. Người ấy phải lắng nghe khi giáo lý lành mạnh được giải thích cho mình. Vì người ấy cần điều đó, bởi người ấy thiếu sự hiểu biết, và sự thiếu hiểu biết này gây ra tác hại lớn khi người ấy truyền bá chuyện huyễn trong các gia đình. Sự dựng nên A-đam và Ê-va là ví dụ thích hợp cho hoàn cảnh này. A-đam được dựng nên trước, và chính ông là người phải dạy dỗ Ê-va. Ông không bị lừa dối. Nhưng Ê-va đã bị lừa gạt và lừa dối. Nếu những người nữ không sẵn lòng học hỏi, họ sẽ bị lừa dối như Ê-va và trở thành cạm bẫy cho người khác. Nếu một số người nữ ở Ê-phê-sô không học hỏi từ chồng mình, điều đó cũng sẽ xảy ra y như vậy.

Và những người nữ này phải biết rằng họ sẽ được gìn giữ khi sinh con. Bất chấp sự quyến dụ Ê-va và những cơn đau lớn của sự sinh nở. Đức Chúa Trời, Đấng Cứu Chúa của chúng ta, là Đấng giải cứu, chứ không phải nữ thần bảo hộ Artemis của Ê-phê-sô do loài người làm ra. Vì vậy họ phải chú tâm vào đức tin, tình yêu thương và sự thánh khiết. Cùng nhau như vợ chồng, như A-đam và Ê-va, là một thịt. Những người nữ không nên sợ sinh con, còn những người nam phải biết tự chủ về mặt tình dục và nghĩ đến việc quá nhiều lần thai nghén là một mối nguy hiểm cho vợ mình.

6.4 Những mệnh lệnh phổ quát và những mệnh lệnh gắn với thời đại

Sau khi đã bàn về bản văn ngắn này, và ở đây cũng vẫn còn những câu hỏi bỏ ngỏ, tôi muốn lưu ý đến nguyên tắc về hiệu lực:

Làm sao chúng ta biết khi nào những mệnh lệnh trong Kinh Thánh là phổ quát, còn những mệnh lệnh khác thì bị giới hạn bởi ngữ cảnh hay mang tính văn hóa?

Thường thì chúng ta có thể nhận ra điều đó nhờ ngữ cảnh. Chẳng hạn, tà dâm luôn luôn là tội lỗi. Điều đó rõ ràng là phổ quát! Nhưng đôi khi điều này rất khó, vì Kinh Thánh chứa đựng nhiều thể loại khác nhau, tức là những

thể loại văn chương hay những loại văn bản, hình thức văn bản như lịch sử, tường thuật, chỉ dẫn, khuyên răn v.v., và dựa trên đó người ta rút ra thực hành và đạo đức theo những cách khác nhau. Thêm vào đó là câu hỏi: cụ thể ai là người được nói đến. Một ví dụ đơn giản: dân Y-sơ-ra-ên trong Cựu Ước đã nhận những chỉ dẫn mà ngày nay không áp dụng cho Hội Thánh của Giao Ước Mới.

Trong các thư của Phao-lô có những dấu hiệu giúp nhận ra điều đó:

Những chỉ dẫn ấy có được lặp lại không? Chúng ta có thấy chúng trong những ngữ cảnh khác nhau không? Có một ngôn ngữ rõ ràng và chung không; hay nói cách khác, khi Phao-lô dùng những khái niệm hay từ vựng hiếm và khác thường, thì điều đó khiến người ta phải cho rằng tình huống ấy đặc biệt và hạn hẹp hơn. Đối với đề tài riêng của cuốn sách này, người ta thấy rằng những bản văn trung tâm (1 Cô-rinh-tô 11; 14; 1 Ti-mô-thê 2) có những lập luận quá đặc thù và một vốn từ quá khác lạ, nên khó có thể chứng minh một lệnh cấm phổ quát đối với phụ nữ trong việc dạy dỗ và lãnh đạo.

Những mệnh lệnh phổ quát thì hòa hợp với ngữ cảnh tổng thể của Kinh Thánh và không tạo ra mâu thuẫn.

Việc giải nghĩa Kinh Thánh không bao giờ diễn ra trong một khoảng chân không trung lập. Chúng ta không bỏ lại những tiền giả định, kinh nghiệm, ảnh hưởng đã hun đúc mình và những giá trị của mình khi đến gần Kinh Thánh. Chúng ta đem chính mình vào việc hiểu và giải nghĩa bản văn. Nếu không nghĩ đến điều đó, thì có nguy cơ rơi vào một chủ nghĩa duy văn tự Kinh Thánh không lành mạnh.

6.4.1 Chủ nghĩa duy văn tự Kinh Thánh và Sola Scriptura

Ngay từ đầu, tôi đã nhắc đến khái niệm "chủ nghĩa duy văn tự Kinh Thánh". Như một thái độ tiêu cực và không lành mạnh đối với Kinh Thánh và đối với đời sống Cơ Đốc. Chủ nghĩa duy văn tự Kinh Thánh là thái độ xem nhẹ việc phân biệt những mệnh lệnh phổ quát với những mệnh lệnh gắn với thời đại. Đó là một thái độ tự nhận cho mình sự trung thành với Kinh Thánh để tự phân biệt với những người khác, là những người ở một số chỗ không hiểu

Kinh Thánh theo nghĩa đen, mà đặt vào ngữ cảnh. Đối với những người "trung thành với Kinh Thánh" như thế, việc những người kia lập luận cho quan điểm của mình tốt đến đâu chẳng có gì quan trọng. Người ta thường gán cho những người kia ý định uốn Kinh Thánh theo ý muốn riêng hay theo trào lưu thời đại của thế gian.

Chủ nghĩa duy văn tự Kinh Thánh giải thích và giới hạn vai trò của người phụ nữ trong giáo hội vào một vài bản văn Kinh Thánh, và bỏ qua bức tranh lớn mà Kinh Thánh cho thấy rõ, ngay cả trong Cựu Ước. Đối với mọi truyền thống và mọi cách thức, cả trong việc tổ chức buổi thờ phượng lẫn trong việc sắp đặt đời sống Cơ Đốc, người ta đều đòi một câu Kinh Thánh để làm lý do. Chắc chắn Kinh Thánh là chuẩn mực và quy tắc, nhưng ở chỗ nào những chỉ dẫn không hoàn toàn rõ ràng, thì cần làm theo bức tranh tổng thể của Kinh Thánh và không viện dẫn một cách nô lệ vào từng câu riêng lẻ. Chỉ khi bay lên một độ cao nhất định, người ta mới có được tầm nhìn rộng hơn, *để bao quát toàn bộ địa hình của Kinh Thánh*. Cũng vậy, khi ngắm một bức tranh, người ta phải lùi lại một chút để thấy trọn bức tranh, để không chỉ mắc kẹt ở các chi tiết. Đôi khi cần tìm ra những giải pháp thực tế, với lòng cởi mở và sự tin cậy Đức Chúa Trời.

Chủ nghĩa duy văn tự Kinh Thánh là cách đọc và cách tiếp cận Kinh Thánh chỉ chấp nhận Kinh Thánh như nguồn duy nhất để trình bày đức tin Cơ Đốc, và đặc biệt cũng để trình bày cách sống Cơ Đốc trong thực tế. Tự nó, đó là một thái độ tốt. Nhưng khi bối cảnh lịch sử bị xem nhẹ hoặc bị gạt đi vì cho là không chắc chắn và không quan trọng, thì vấn đề nảy sinh. *Chủ nghĩa duy văn tự Kinh Thánh bỏ qua những hiểu biết của truyền thống Cơ Đốc rộng lớn, và không có khả năng đánh giá hoàn cảnh văn hóa và vị trí của chính mình so với thời kỳ Tân Ước được viết ra.* Chủ nghĩa duy văn tự Kinh Thánh miễn nhiễm trước những câu hỏi và lý lẽ chính đáng. Sự hiểu biết riêng của nhóm, phong trào, liên hiệp hay "bộ tộc" của mình, một cách có ý thức hay vô thức, được xem là cao nhất hay sâu sắc nhất và được truyền lại cho mỗi thế hệ. Chủ nghĩa duy văn tự Kinh Thánh là sự mù lòa không thấy rằng chính mình cũng đứng trong một truyền thống giải nghĩa, với dấu ấn riêng, với những người đi tiên phong về tư tưởng của mình và những áp lực của nhóm.

"Sola Scriptura" của cuộc Cải cách Tin Lành, nghĩa là "Chỉ một mình Kinh Thánh", không phải là chủ nghĩa duy văn tự Kinh Thánh! Khi các nhà cải cách, hay những người kế thừa họ, phát biểu các nguyên tắc "Sola", họ không có ý nói đến Kinh Thánh trần trụi hay Kinh Thánh đơn thuần, *mà là quyền ưu tiên của Kinh Thánh bên cạnh truyền thống, kinh nghiệm và thiên nhiên.* Khi những người Tin Lành nhấn mạnh sự rõ ràng của Kinh Thánh, họ không có ý nói rằng toàn bộ Kinh Thánh đều rõ ràng như nhau, *mà là Kinh Thánh rõ ràng khi nói về Tin Lành và sự cứu rỗi.* Khi họ khẳng định sự đầy đủ trọn vẹn của Kinh Thánh, họ không có ý nói rằng Kinh Thánh đủ để giải quyết những điều vượt ra ngoài ngữ cảnh Kinh Thánh, như phẫu thuật tim hở, điều trị rối loạn lưỡng cực hay kinh tế vĩ mô. *Kinh Thánh có thể có những giá trị, nguyên tắc và lời phát biểu góp phần vào những điều ấy, nhưng chúng không đủ để giải quyết những điều ấy một cách toàn diện.*

Khi những người Tin Lành nói về thẩm quyền của Kinh Thánh, họ có ý nói đến thẩm quyền của Đức Thánh Linh, Đấng phán trong Kinh Thánh. Của Thánh Linh, Đấng dẫn các tín hữu vào chân lý và soi sáng họ, Đấng đào tạo và ban những người dạy dỗ cho giáo hội, và Đấng làm sống động bản tín điều cùng di sản phụng vụ của giáo hội.

Là Cơ Đốc nhân ở thế kỷ 21, chúng ta đứng trên vai những người đi trước, cũng như họ đã đứng trên vai những người đi trước họ. Sự trung thành với Kinh Thánh và sự hiểu biết Kinh Thánh không bao giờ diễn ra trong "khoảng chân không", không bao giờ trên "mảnh đất trung lập". Lưu ý đến nhận thức này khi đọc Kinh Thánh, khi học Lời Chúa, khi hình thành giáo lý và khi mô tả cách sống Cơ Đốc trong thực tế, thì đã là một tiền đề tốt.

Chủ nghĩa duy văn tự Kinh Thánh cứng nhắc không hiếm khi dẫn đến một chủ nghĩa giáo điều cứng nhắc và đến một sự khắt khe, hẹp hòi theo luật pháp, ở những chỗ mà sự việc vốn không rõ ràng. Điều đó không phù hợp với sự tự do của Tin Lành và của ân điển mà Cơ Đốc nhân được kêu gọi đến.

Ở đây tôi xin phép lưu ý rằng ngay cả những Cơ Đốc nhân trung thành với Kinh Thánh cũng xem một số lời Kinh Thánh là không còn hợp thời, chẳng hạn khi nói về các ân tứ thuộc linh (1 Cô-rinh-tô 12), mà họ tin rằng ngày nay không còn nữa. Không có bản văn Kinh Thánh nào xác nhận luận điểm này.

Đó là những suy luận, thường chỉ là một thứ thần học dựa trên kinh nghiệm, vì chính họ không kinh nghiệm những ân tứ ấy. Và điều đó dù những ân tứ ấy hiện diện và hoạt động ở nhiều nơi trên khắp thế giới, và chẳng hạn có nhiều phép lạ chữa lành có thể chứng minh được. Thần học này được định đoạt bởi những tiền giả định và kinh nghiệm. Nói cách khác, họ không hiểu những bản văn ấy theo nghĩa đen.

Kinh Thánh giải đáp nhiều câu hỏi của thế hệ Cơ Đốc nhân đầu tiên. Những câu hỏi của thế kỷ 21 chỉ có thể được giải đáp theo tinh thần của Kinh Thánh. Đó vẫn là một thách thức, trong đó cũng nảy sinh những câu trả lời khác nhau, một khó khăn sẽ còn tồn tại.

Rhyne Putman đã được phỏng vấn về cuốn sách mới của ông, "Khi giáo lý chia rẽ dân sự của Đức Chúa Trời"[114], và ông đã phát biểu như sau: "Sola Scriptura (chỉ một mình Kinh Thánh) không có nghĩa là 'nuda Scriptura' (Kinh Thánh trần trụi) hay 'solo Scriptura' (chỉ có Kinh Thánh). … tôi tin rằng chúng ta có thể nói suprema Scriptura (quyền ưu tiên của Kinh Thánh) khi nói về mối quan hệ giữa Kinh Thánh và những nguồn khác như truyền thống, lý trí, kinh nghiệm v.v. Kinh Thánh có quyền ưu tiên trên những nguồn khác, nhưng những nguồn này có giá trị cho sự đào tạo thần học và thuộc linh của chúng ta. Tuy vậy, chỉ một mình Kinh Thánh là nguồn được soi dẫn và không sai lầm. Chỉ một mình Kinh Thánh là chuẩn mực định chuẩn cho những nguồn khác này."

6.4.2 Hiểu từng chữ và nghĩa văn tự

Hiểu Kinh Thánh, giải nghĩa Kinh Thánh rồi áp dụng vào đời sống thực tế quả thật là việc phức tạp. Trong đó, nghĩa văn tự của bản văn và việc hiểu từng chữ không phải là một. Nghĩa văn tự cần được tìm hiểu trong mọi bản văn Kinh Thánh. Nhưng hiểu mọi điều theo từng chữ sẽ dẫn đến những kết quả gây tranh cãi và gần như buồn cười.

Kết quả là trước hết, nghĩa văn tự xác định bản văn thuộc loại văn bản (thể loại) nào. Trong Kinh Thánh có nhiều loại như thế: ẩn dụ, thư tín, bản văn

114. Putman, Rhyne R., When Doctrine Divides the People of God: An Evangelical Approach to Theological Diversity, Crossway, 2020

giáo huấn, thi ca, văn chương khải thị, luật pháp, lịch sử, bài giảng v.v. Rồi người ta tìm hiểu ý định phát biểu là gì, theo loại văn bản mà nó được nói ra. Một ẩn dụ thường có một ý định phát biểu trung tâm chứ không phải nhiều ý cùng một lúc. Thông thường, đó cũng không phải là một sự việc đã thật sự xảy ra.

Toàn bộ Kinh Thánh luôn phải được giải thích hay giải nghĩa theo nghĩa văn tự. Còn điều gì trong đó phải được áp dụng theo từng chữ vào đời sống chúng ta, và áp dụng thế nào, thì cần được xem xét rất kỹ và chính xác. Nhiều điều không thể áp dụng theo từng chữ. Điều này đặc biệt đúng với những thực hành gắn với văn hóa và thời đại.

Toàn thể lời Chúa là chân lý, và cả luật pháp công chính của Chúa đều còn đến đời đời.

Thi Thiên 119:160 (Zürcher Bibel, bản dịch Kinh Thánh tiếng Đức)

7 Nữ thầy tế lễ, nữ trưởng lão và nữ chấp sự

Trong vườn địa đàng, A-đam và Ê-va, trong sự vô tội, là những *vị vua* cai trị, và là những *thầy tế lễ* sống trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời. Vườn địa đàng tại Ê-đen là hình ảnh của Nơi Chí Thánh trong đền thờ vũ trụ. Ê-đen mới và tốt hơn, tức là đất mới, sẽ là một Nơi Chí Thánh bao trùm cả địa cầu. Cả trái đất sẽ là một vườn địa đàng. Vì thế Giê-ru-sa-lem Mới, hình ảnh của cuộc sáng tạo mới, có hình dạng một khối lập phương khổng lồ. Điều đó tương ứng với cùng hình dạng của Nơi Chí Thánh trong đền tạm và trong đền thờ. *Đất mới sẽ có cư dân là phụ nữ và nam giới, là các vua và các nữ vương, là các thầy tế lễ và các nữ thầy tế lễ. Bạn có nghĩ rằng khi ấy sẽ có thứ bậc không?* Có người cho rằng không, vì đó là cuộc sáng tạo mới. Thứ bậc, theo họ, chỉ áp dụng cho cuộc sáng tạo cũ. Thế nhưng trong Hội Thánh, cuộc sáng tạo mới đã bắt đầu rồi. Hội Thánh là trái đầu mùa. Hội Thánh là đầu cầu của Đức Chúa Trời trong thế gian này. Vậy tại sao trong Hội Thánh lại vẫn phải luôn luôn có thứ bậc?

Bây giờ tôi đến một điểm mà mọi nhận thức trước đó phải trở nên cụ thể và thực tế. Bây giờ chúng ta làm gì với mọi thông tin, kết luận và bài học của các chương trước? Chân lý bây giờ phải chạm đến mặt đất của thực tại và của đời sống hằng ngày trong các Hội Thánh. Từ mọi điều đã nói trước đó, tôi rút ra một tinh túy:

Không có thứ bậc giữa hai giới! Ngay cả trong Hội Thánh cũng không!

7.1 Chức tế lễ của mọi tín hữu

Cuộc Cải cách Tin Lành đã đưa chân lý bị vùi lấp từ lâu này trở lại ánh sáng. Tuy nhiên, trong thực hành của giáo hội, điều đó đã không được thể hiện.

Không ai, kể cả giáo hội Công giáo[115], nghi ngờ chức tế lễ của mọi tín hữu. Câu hỏi là chân lý được mọi người thừa nhận này có ý nghĩa thực tế gì cho đời sống Hội Thánh.

Việc mỗi tín hữu, phụ nữ và nam giới, đều là thầy tế lễ lẽ ra đã đủ là lý do để cả hai giới có cùng một vai trò trong buổi thờ phượng. Còn lâu mới được như vậy. Một mặt, chức tế lễ của mọi tín hữu được sống ra cách cá nhân. Sự cầu nguyện và mối tương giao với Đức Chúa Trời là một phước hạnh riêng tư, cá nhân.

Toàn bộ khuôn mẫu của chức tế lễ và của việc dâng tế lễ gắn liền với nó đến từ Cựu Ước, nơi thầy tế lễ điều khiển và cử hành sự thờ phượng chính thức. *Vì vậy, khi nói đến chức tế lễ của mọi tín hữu, điều dễ hiểu là không chỉ nghĩ đến, nhưng cũng nghĩ đến, việc các tín hữu nhóm lại với nhau, cùng nhau bước vào nơi thánh trên trời như những người thờ phượng.* Và dâng những tế lễ thuộc linh bằng lời ngợi khen. Có thể hay được phép có sự khác biệt giữa hai giới ở đây không? Lời Đức Chúa Trời *trong Giao Ước Mới không* tạo ra những khác biệt ấy. Vậy thì chúng ta cũng không nên tạo ra chúng.

7.2 Trưởng lão và nữ trưởng lão

Ban trưởng lão liên quan đến một chức vụ lãnh đạo. Đó là việc chăm sóc, coi sóc và bảo vệ Hội Thánh. Đó là chức vụ chăn bầy có kèm nhiệm vụ dạy dỗ.

115. Từ Sách Giáo lý của Hội Thánh Công giáo về bí tích truyền chức: "Chúa Giê-xu đã chọn những người nam để lập nên tập thể mười hai sứ đồ, và các sứ đồ cũng đã làm như vậy khi chọn những cộng sự sẽ kế nhiệm họ trong nhiệm vụ của họ. Giám mục đoàn, mà các linh mục được hiệp nhất với trong chức tư tế, làm cho tập thể Mười Hai hiện diện cho đến khi Đấng Christ trở lại. Giáo hội biết mình bị ràng buộc bởi sự lựa chọn mà chính Chúa đã thực hiện. Vì thế không thể truyền chức cho phụ nữ." Theo nghĩa này, chỉ người nam mới có thể đại diện cho Đấng Christ. Quan điểm này ngày nay cũng đang chịu áp lực. Thật có vẻ nước đôi và mâu thuẫn khi phụ nữ không thể làm linh mục, trong khi Ma-ri, là mẹ của Đức Chúa Trời, trong lòng sùng kính bình dân của người Công giáo lại được cầu khẩn và tôn kính gần như ngang hàng với Đức Chúa Trời. Giáo hội Công giáo đang chịu áp lực, vì nhiều phụ nữ Công giáo đòi được bước vào chức vụ có truyền chức. Lý lẽ của họ là chức tế lễ của mọi tín hữu. Những thay đổi không thể xảy ra nếu không có sự phân ly, chia rẽ giáo hội, hoặc chỉ có thể xảy ra qua các công đồng. Việc điều này dựa trên một động cơ thuộc linh hay thế tục thì không phải là đề tài của tôi. Trọng tâm của tôi không phải là giáo hội Công giáo, mà là môi trường Tin Lành Phúc Âm bảo thủ của tôi, môi trường phải lo giải quyết những vấn đề riêng của mình.

Với việc đi trước và làm gương. Phụ nữ có thể cũng thi hành chức vụ giám mục (người coi sóc) hay trưởng lão không?

Ben Witherington nói trúng điểm cốt lõi: "Đôi khi người ta nghe lập luận rằng trong thư 1 Ti-mô-thê có nói các trưởng lão phải là chồng của một vợ, là người chung thủy, và rằng điều này cho thấy chỉ người nam mới được làm trưởng lão. Nhưng người ta hoàn toàn quên rằng Phao-lô, với tư cách là nhà truyền giáo, đã nói vào một môi trường văn hóa phụ quyền rất mạnh, dù ở Ê-phê-sô hay ở Cơ-rết. Nguyên tắc của ông là bắt đầu từ chỗ người ta đang đứng, chứ không phải từ chỗ ông muốn họ đứng. *Điều đó có nghĩa là bắt đầu với cơ cấu lãnh đạo nam giới đang có trong nền văn hóa, cho đến khi men của Tin Lành có thể phát huy trọn tác dụng và thay đổi mọi sự từ bên trong. Vì vậy, hoàn toàn tự nhiên là chỉ những người nam được Ti-mô-thê và Tít lập trước tiên làm người lãnh đạo cho những Hội Thánh mới được thành lập này. Điều đó không có nghĩa là mãi mãi phải như vậy.* Nhưng những người mới tin Chúa cần được thuyết phục bằng một sự thuyết phục đầy yêu thương rằng việc phụ nữ cũng đảm nhận những vai trò như thế là điều hợp lẽ. Người ta đã thấy Phao-lô bắt đầu thúc đẩy theo hướng ấy, vì trong Rô-ma 16, ông nhắc đến một người nữ lãnh đạo tên là Phê-bê, là nữ chấp sự trong các Hội Thánh ở Cô-rinh-tô. Và có lẽ có một dấu hiệu nói đến các nữ chấp sự trong các thư mục vụ, trong phần bàn về trưởng lão và chấp sự. Như tôi đã nói, người ta không chỉ phải đánh giá điều Phao-lô nói, mà phải đọc điều đó trong ngữ cảnh văn hóa của ông và hỏi xem Phao-lô đang cố gắng tạo ra những thay đổi nào khi ông áp dụng Tin Lành vào hoàn cảnh ấy."[116]

Loại trừ phụ nữ khỏi chức vụ này, tôi sẽ so sánh với lời này của Phao-lô: [Ê-phê-sô 5:29] "Vì chẳng hề có ai ghét chính thân thể mình, nhưng nuôi dưỡng và chăm sóc nó, như Đấng Christ cũng làm cho Hội Thánh." Khi đàn ông chúng tôi loại trừ phụ nữ khỏi chức trưởng lão, thì đó không phải là phước hạnh cho Hội Thánh. Đó còn hơn cả một sự mất mát. Vì thế mà thường có những người nam không đúng người được đặt vào một vai trò mà họ không đủ sức đảm đương (dù được chính thức gọi là trưởng lão hay là người tham dự một "Brüderstunde" – buổi họp riêng của các anh em): *"Theo tôi, những định kiến về giới tính phải chịu trách nhiệm cho việc chúng ta không những đã loại trừ nhiều phụ nữ có ân tứ khỏi hàng ngũ lãnh đạo; mà ngoài ra chúng còn khiến*

116. Ben Witherington III, Why Arguments against Women in Ministry Aren't Biblical

nhiều người nam không có ân tứ đặc biệt về lãnh đạo lại được xem là đủ tư cách lãnh đạo."[117]

Một số phụ nữ, vì những động cơ tốt cũng như không mấy tốt, sẽ "đi cửa sau", gây ảnh hưởng lên những vấn đề lãnh đạo thông qua chồng mình. Tốt hơn là các bà vợ của các trưởng lão có mặt trong nhiều buổi bàn bạc, và mọi tiếng ồn ào phía sau được nói ra cách công khai, mặt đối mặt.

7.3 Bà ước muốn một việc tốt lành

Jim Reiher đã lưu ý đến một sự kiện trong 1 Ti-mô-thê 2 và 3: "Nhiều người xem câu 3:1 trước hết là phần mở đầu hợp lý cho phần còn lại của chương 3, là chương có một cuộc bàn luận dài về trưởng lão và chấp sự. Tuy nhiên, tôi sẽ lập luận rằng thật ra câu ấy thuộc về phần kết của chương 2, thậm chí còn hơn là phần mở đầu cho chương 3. Điều này có ý nghĩa đối với phụ nữ trong Hội Thánh, vì như thế có nghĩa là câu 1 khích lệ cả người nam lẫn người nữ trở thành trưởng lão/giám mục. *Nếu câu ấy kết thúc chương 2, người ta sẽ thấy Phao-lô ủng hộ cả hai giới phục vụ Đức Chúa Trời trong những chức vụ lãnh đạo, miễn là họ đã được rèn luyện và trưởng thành trong đức tin. Đúng vậy, ông đã tạm thời đặt ra một số hạn chế cho phụ nữ trong Hội Thánh Ê-phê-sô, nhưng ông không muốn điều đó bị xem như một 'ván cờ chung cuộc'. Trái lại, ông thêm vào một cách tổng quát rằng việc cả người nam lẫn người nữ đều mong muốn làm trưởng lão là một điều tốt.*

Phao-lô nói rất rõ rằng ông muốn phụ nữ được đào tạo đúng đắn (2:11). *Thú vị là câu này chứa mệnh lệnh cách duy nhất trong đoạn văn này: hãy học. Nghĩa là câu 11 là điều gần nhất với một mệnh lệnh của Phao-lô: ông nhất quyết rằng phụ nữ phải được dạy dỗ.* Đó là một đỉnh cao trong suy nghĩ và trong bài viết của ông. *Thật vậy, đây là chìa khóa của đoạn văn này: Phao-lô muốn mọi chi thể của các Hội Thánh được dạy dỗ đúng đắn trong đức tin. Không chỉ người nam, mà cả người nam lẫn người nữ. Khi họ được đào tạo đúng đắn và đã trưởng thành, thì những vị trí dạy dỗ và lãnh đạo sẽ mở ra cho phụ nữ và nam giới như nhau.*

117. Danny Silk

Nếu câu 1 Ti-mô-thê 3:1 được gửi đến chính những phụ nữ này thì sao? Thế thì chúng ta đến chương 3 câu 1. Ở đó viết chính xác điều gì? Vâng, một điều không được viết ở đó là 'chỉ khi người nam ước muốn làm trưởng lão thì đó mới là một điều tốt.' Không. Câu ấy có thể ám chỉ chỉ người nam. Nhưng câu ấy cũng có thể chỉ liên quan đến phụ nữ. *Hoặc rất có thể câu ấy liên quan đến cả người nam lẫn người nữ.* Bản NIV (New International Version) đã dịch chỗ này tốt hơn. Bản văn nói: 'Đây là một lời đáng tin cậy: "Ai mong muốn làm giám mục, thì ước ao một công việc cao quý."' *(Tất cả các bản dịch tiếng Đức mà tôi biết cũng dịch như vậy, trong đó chữ "ai" có thể chỉ cả người nam lẫn người nữ.)*

Trong chương 3 câu 1, không dùng chữ Hy Lạp chỉ "những người nam" hay "người nam". Cũng không dùng chữ riêng chỉ "ông ấy". Nhưng lại dùng chữ Hy Lạp *tis*. Chính chữ này được dùng cho cả người nam lẫn người nữ. Tương tự, chữ chỉ "ông ấy hoặc bà ấy ước ao" là một gốc động từ của chữ "ước ao" với phần đuôi gắn vào chỉ "ông ấy, bà ấy hoặc nó". Ngữ cảnh phải quyết định động từ này chỉ về ai.

Nếu chúng ta xếp câu 1 Ti-mô-thê 3:1 vào phần kết của 2:8-15, thì câu này trở thành một dấu hiệu mạnh mẽ khẳng định sự lãnh đạo của phụ nữ trong Hội Thánh. Vì như đã nói, những chữ được dùng có thể chỉ người nam hoặc người nữ, nên có thể câu 3:1 chỉ đơn giản có nghĩa là: 'Nếu một người nữ mong muốn làm giám mục, thì đó là một điều tốt mà bà ước ao.' *Điều đó có nghĩa là Phao-lô có thể muốn truyền đạt điều gì đó như: 'Dù tôi nhất quyết rằng phụ nữ phải được dạy dỗ, hay phải học, và rằng họ không thể dạy dỗ hay có thẩm quyền cho đến khi họ trưởng thành và có năng lực – thì việc một người nữ mong muốn làm trưởng lão vẫn là một điều tốt cho người ấy.'*

Vậy, thay vì cách phân đoạn 1 Ti-mô-thê 2:8–3:14 mà chúng ta thường thấy:

Phụ nữ và nam giới trong Hội Thánh (2:8-15). Trưởng lão nam (3:1-7). Chấp sự nam (3:8-10). Chấp sự nữ (hay vợ của các chấp sự) (3:11). Lại chấp sự nam (3:12-14).

Phải chăng chúng ta nên hiểu dòng tư tưởng của bức thư theo cách này:

Phụ nữ và nam giới trong Hội Thánh (*2:8–3:1*). Tình hình hiện tại: lời nói với hàng ngũ lãnh đạo hiện thời theo cách riêng cho từng giới (3:2-7). Chấp sự nam (3:8-10). Chấp sự nữ (3:11). Chấp sự nam (3:12-14).

7.4 Nữ chấp sự

Từ *Diakon* (chấp sự) không có dạng giống cái. *Diakonisse* (chị em Diakonia) là một từ chỉ xuất hiện vài trăm năm sau, và cũng không còn liên quan gì đến các chức vụ trong giáo hội hay các sự phục vụ trong buổi thờ phượng.

Bên cạnh ban trưởng lão, các chấp sự giữ một chức vụ trong Hội Thánh, chức vụ được đặc trưng bởi chính điều mà một chấp sự là: một người phục vụ. Việc phụ nữ cũng có thể giữ chức vụ này, hay đúng hơn, có thể dấn thân vào sự phục vụ này và được nhận biết, quý trọng và xác nhận là nữ chấp sự, được cho thấy trong Rô-ma 16:1. Phê-bê là một nữ chấp sự. Bà đã trở thành nữ chấp sự như thế nào, chúng ta không biết. Có lẽ vì Hội Thánh nhóm trong nhà bà. Dù sao đi nữa, chính sự tận hiến của bà trong việc phục vụ Hội Thánh đã khiến bà trở thành nữ chấp sự.

Trong 1 Ti-mô-thê 3:11, có thể không phải là nói về vợ của các chấp sự, mà là nói về các nữ chấp sự:

Các người nữ cũng vậy, phải nghiêm trang, không nói xấu, tiết độ, trung tín trong mọi việc.

Ngay cả John MacArthur, một người ủng hộ thứ bậc có tiếng (người theo quan điểm bổ sung), cũng tán thành các nữ chấp sự: "Trong 1 Ti-mô-thê 3:11, Phao-lô nói đến một nhóm chấp sự riêng. Nhiều yếu tố cho thấy ở đây Phao-lô nói về một nhóm nữ chấp sự riêng, chứ không phải về vợ của các chấp sự. Thứ nhất, việc dùng chữ 'cũng vậy' (so sánh 2:9; 3:8; Tít 2:3, 6) ủng hộ mạnh mẽ việc thấy ở đây một nhóm thứ ba bên cạnh các trưởng lão và các chấp sự. Thứ hai, không có đại từ sở hữu và không có mạo từ rõ ràng nào nối những người nữ này với các chấp sự. Thứ ba, vì Phao-lô không đưa ra tiêu chuẩn nào cho vợ của các trưởng lão, thì tại sao ông lại làm điều đó cho vợ của các chấp sự? Thứ tư, Phao-lô không dùng chữ 'nữ chấp sự' vì trong tiếng Hy Lạp không có chữ như vậy. Phê-bê được gọi là chấp sự trong Rô-ma 16:1 vì *diakonos* không có dạng giống cái. ... Việc dùng khái niệm 'những người nữ' (gunaikeios) là cách duy nhất để Phao-lô phân biệt họ với các chấp sự nam. Sau cùng, các tiêu chuẩn của họ tương ứng với các tiêu chuẩn của các chấp

sự nam. *Rõ ràng Phao-lô đã đưa vào thêm một hạng chấp sự nữa.* Tôi thích gọi họ là chấp sự nữ hơn, vì như thế giữ được thuật ngữ của Tân Ước." [118]

Việc ở đây có một nhóm chức vụ thứ ba được đưa vào thì đáng nghi ngờ. *Chữ "cũng vậy" đặt họ ngang hàng với các chấp sự nam!* Điều này một lần nữa cho thấy người ta gần như bị buộc phải đi đến những kết luận nào, khi người nam và người nữ không thể giữ chức chấp sự này một cách ngang hàng, vì có một sự khác biệt về thứ bậc, trong đó người nam được cho là có thẩm quyền trên người nữ.

Sự phục vụ của chấp sự gồm những gì thì không được nói ra. Tôi sẽ không loại trừ khả năng một chấp sự cũng có thể đảm nhận những nhiệm vụ lãnh đạo. Về câu hỏi chức vụ chấp sự liên quan đến sự lãnh đạo, xin thêm một suy nghĩ: "Điều tương tự cũng đúng khi người ta so sánh các tiêu chuẩn của trưởng lão và của chấp sự trong 1 Ti-mô-thê 3 với nhau. Từ sự giống nhau của các danh sách này, Wilfrid Haubeck kết luận rằng trưởng lão và chấp sự đã cùng nhau lãnh đạo Hội Thánh, và điều đó lại có thể có nghĩa là Phê-bê (Rô-ma 16:1) đã là một phần của ban lãnh đạo Hội Thánh."[119]

Trong thư Cô-rinh-tô hoàn toàn không nói đến trưởng lão, nhưng có nói đến những ân tứ lãnh đạo có thể được ban cho mỗi chi thể, phụ nữ và nam giới (12:28; cũng vậy Rô-ma 12:8: ân tứ cai quản).

Trong 1 Cô-rinh-tô 12:23 có nói đến những chi thể ít được tôn trọng hơn. "Trái lại, những chi thể của thân xem ra yếu hơn lại là cần thiết; và những chi thể của thân mà chúng ta cho là kém đáng trọng hơn, thì chúng ta lại bao bọc bằng sự tôn trọng dồi dào hơn; và những chi thể không đoan trang của chúng ta lại được sự đoan trang dồi dào hơn". *Có thể nào ở đây Phao-lô nghĩ đến phụ nữ, trẻ em và nô lệ không?*

7.5 Những người nữ giảng đạo

Ngày nay, buổi thờ phượng trong các Hội Thánh Tin Lành Phúc Âm phần nhiều lấy bài giảng làm phần chính. Mọi sự đều được sắp xếp. Thường thì đề

118. MacArthur, J., Different by design, MacArthur Study Series, Victor Books, Wheaton, IL 1996, 153–154.
119. Wunderli, 48

tài hay đoạn Kinh Thánh của bài giảng đã được biết trước. Vào thế kỷ thứ nhất thì khác. Đúng hơn là giống như Phao-lô mô tả trong 1 Cô-rinh-tô 11 và 14.

> [1 Cô-rinh-tô 14:26, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder] Vậy thì thế nào, hỡi anh em? Khi anh em nhóm lại, mỗi người trong anh em có một bài thánh thi, có một lời dạy dỗ, có một sự mặc khải, có một thứ tiếng lạ, có một lời thông giải; mọi sự đều phải làm để gây dựng.

Mỗi người đem đến một điều gì đó và góp phần để mọi người được gây dựng. Ít bục giảng hơn, nhiều trao đổi và tương giao hơn. Chờ đợi nhau nhiều hơn, nhiều Thánh Linh của Đức Chúa Trời hơn. Điều đáng chú ý là trong buổi nhóm họp này, bài giảng (Kerygma), hay điều mà ngày nay chúng ta hiểu và đã biến nó thành, không được nhắc đến.

Vì tôi xuất thân từ một hội chúng Anh Em khép kín, nên "DNA" của tôi được hình thành theo cách mà phụ nữ không tham gia, và lại càng không giảng. Đến một lúc nào đó, tôi đến thăm một Hội Thánh FEG (Freie evangelische Gemeinde – Hội Thánh Tin Lành tự do). Một người phụ nữ giảng. Lúc đó, đối với tôi, điều này không đúng và rất khó chịu đựng. Dù vậy, tôi vẫn lắng nghe. Bất chấp những e dè của mình, tôi phải thừa nhận rằng bài giảng này sâu sắc và sống động hơn nhiều bài giảng tôi đã nghe trong các hội chúng của tôi.

Có lẽ việc "nói tiên tri", hay "nói lời tiên tri", tức là nói ra từ nơi Đức Chúa Trời, chính là điều chúng ta hiểu là giảng. Vì theo 1 Cô-rinh-tô 11:5, điều này áp dụng cho phụ nữ, nên chức vụ giảng này cũng phải thuộc về phạm vi nhiệm vụ của họ trong Hội Thánh. Đức Chúa Trời muốn có cả người nam lẫn người nữ làm tiếng nói của Ngài trong Hội Thánh. *Không có tiếng nói của phụ nữ, Hội Thánh thiếu điều mà Đức Chúa Trời đã dành sẵn cho Hội Thánh.*

Cách đây không lâu, nhà thần học nổi tiếng N.T. Wright được hỏi ông nghĩ gì về những người nữ giảng đạo. "Quan niệm thông thường cho rằng phụ nữ thời cổ đại bị áp bức và chỉ gần đây chủ nghĩa nữ quyền mới đưa họ lên lại, là hoàn toàn sai", Wright lập luận. Nhà thần học này, người vừa xuất bản một cuốn sách có tựa đề *Das Neue Testament in seiner Welt* (Tân Ước trong thế giới của nó), nói rằng những phụ nữ có một thẩm quyền nhất định trong giáo

hội và xã hội không phải là điều ghê tởm trong thời cổ đại. "Có nhiều phụ nữ độc lập trong thế giới của Phao-lô, và đó là điều mà Phao-lô đã làm việc cùng."

Trong Giăng 20, khi Chúa Giê-xu được làm cho sống lại từ cõi chết, người đầu tiên Ngài gặp là Ma-ri Ma-đơ-len. "Ngài không nói: Ma-ri, Ta có một tin thật sự quan trọng – Ta muốn con đi gọi Phi-e-rơ, vì Ta phải nói với ông ấy, để rồi ông ấy có thể đi nói cho mọi người khác", Wright giải thích. Thay vào đó, "Ngài nói: Ma-ri, hãy đi nói với anh em Ta – những người nam đang trốn trong nhà vì sợ hãi – hãy đi nói với họ rằng Ta lên cùng Cha Ta và Cha các ngươi ...". Tin rằng Chúa Giê-xu, Đấng bị đóng đinh, đã được làm cho sống lại từ cõi chết và nay là Chúa của thế giới, là "nền tảng của mọi chức vụ Cơ Đốc", Wright nói. Việc Chúa Giê-xu trao tin này cho Ma-ri thay vì cho một trong các môn đồ nam của Ngài là "một cuộc cách mạng gần như lớn ngang với chính sự sống lại".

Ví dụ khác mà Wright dựa vào để trả lời câu hỏi phụ nữ có được giảng hay không, nằm trong Rô-ma 16. Wright nói rằng thư gửi người Rô-ma "có lẽ là bức thư quan trọng nhất từng được viết ra". Việc Phao-lô giao phó bức thư quan trọng nhất này cho Phê-bê, người là nữ chấp sự trong Hội Thánh tại Xen-cơ-rê gần Cô-rinh-tô, có ý nghĩa rất lớn khi xét đến bối cảnh của thời đại và nền văn hóa ấy. "Trong thế giới cổ đại, người mang bức thư đến chính là người sẽ đọc nó lên". Phê-bê "có lẽ là một nữ doanh nhân độc lập" đi đến Rô-ma vì công việc làm ăn, Wright giải thích. Ngoài ra, rất có thể Phê-bê cũng đã giải thích ý của Phao-lô khi người ta có thắc mắc về bức thư. Thật vậy, "rất có thể bản đầu tiên của thư Phao-lô gửi người Rô-ma đã được một nữ doanh nhân Cơ Đốc từ cảng phía đông của Cô-rinh-tô mang đến", Wright nói. "Phao-lô đã có thể dễ dàng chọn một người nam cho việc này", ông giải thích. Thay vào đó, ông đã cố ý chọn Phê-bê.

7.6 Tóm lược

Tôi kết thúc với một lương tâm đã thức tỉnh: Làm sao tôi đã có thể từng bênh vực một cái nhìn phụ quyền về phụ nữ trước toàn bộ lời chứng của Kinh Thánh? Và trước những gì Đức Chúa Trời đã làm qua phụ nữ trong hai thế

kỷ vừa qua của công cuộc truyền giáo thế giới? Những phụ nữ đã hiến dâng tất cả, đã giảng, đã dạy dỗ, đã lãnh đạo và đã truyền giảng Tin Lành? Thật là một sự khinh thường bản chất của Đức Chúa Trời khi ngăn cản phụ nữ khỏi bất cứ sự phục vụ nào.

Có những thông tin đáng tin cậy rằng trong số hơn 100.000 Hội Thánh tại gia hiện nay ở Trung Quốc, trên 70% do phụ nữ lãnh đạo. Ai đã hiểu Chúa Giê-xu, ai đã hiểu Phao-lô, thì không ngạc nhiên về điều đó. Tôi sẽ không bao giờ còn chấp nhận hay dung túng trong phạm vi trách nhiệm của mình sự khinh miệt phụ nữ của triết học Hy Lạp, cũng không chấp nhận sự phân biệt đối xử với phụ nữ theo lối phái Do Thái hóa, và lại càng không chấp nhận sự phân biệt đối xử với phụ nữ trong giáo hội.

Không phải những người "đối xử bình đẳng" với nam và nữ là những người suy nghĩ và hành động theo thế gian. Mà chính là những người truyền cho phụ nữ phải im lặng, không được dạy dỗ và lãnh đạo, và không được làm bất cứ sự phục vụ công khai nào. Theo lời chứng của Kinh Thánh, mọi chức vụ, sự phục vụ và vai trò, công khai cũng như không công khai, đều mở ra cho phụ nữ và nam giới mà không có sự phân biệt. Đàn ông chúng ta hãy giúp họ từng bước trưởng thành để bước vào những sự phục vụ ấy. Như người ta cũng đã giúp chúng ta!

8 "Làm một trong Đấng Christ": Ga-la-ti 3:28

Khi nói đến vai trò của hai giới, không có lời Kinh Thánh nào được trích dẫn và được ca tụng thường xuyên như lời này. *Người ta nói rằng lời ấy được "tung hô như bản Magna Carta của chủ nghĩa nữ quyền Cơ Đốc (Tin Lành Phúc Âm)."*[120] Đây là toàn bộ đoạn văn, mà cũng như với mọi đoạn văn khác, người ta phải giải thích trong mạch văn, tức là trong ngữ cảnh:

> [Ga-la-ti 3:23-29, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder] Nhưng trước khi đức tin đến, chúng ta bị canh giữ dưới luật pháp, bị nhốt lại cho đến đức tin là điều sẽ được bày tỏ. Như vậy, luật pháp đã là người giám hộ của chúng ta để dẫn đến Đấng Christ, hầu cho chúng ta được xưng công chính bởi đức tin. Nhưng khi đức tin đã đến, chúng ta không còn ở dưới người giám hộ nữa; vì tất cả anh em đều là con trai của Đức Chúa Trời bởi đức tin nơi Đấng Christ Giê-xu. Vì hết thảy anh em là những người đã chịu báp-têm vào Đấng Christ, thì đã mặc lấy Đấng Christ. *Tại đây không còn người Do Thái hay người Hy Lạp, không còn nô lệ hay người tự do, không còn nam và nữ; vì tất cả anh em đều là một người trong Đấng Christ Giê-xu.* Nhưng nếu anh em thuộc về Đấng Christ, thì anh em là dòng dõi của Áp-ra-ham và là những người thừa kế theo lời hứa.

Bối cảnh và vấn đề ở Ga-la-ti là gì? Tóm tắt ngắn gọn như sau: người Ga-la-ti đã vui mừng tiếp nhận Tin Lành mà Phao-lô rao giảng cho họ. Họ đã chịu báp-têm vào Đấng Christ và đã kinh nghiệm cách mạnh mẽ sự hiện diện của Đức Chúa Trời trong Đức Thánh Linh. Rồi có những người dạy dỗ Do Thái đến, *những người thuộc phái Do Thái hóa* – như chính Phao-lô đã từng là một người như thế –, và tìm cách đưa những điều bổ sung vào Tin Lành: các dân ngoại tin Đấng Christ đều phải chịu cắt bì. Để họ trở thành người Do Thái tin Đấng Christ. Để như thế họ trở thành con trai của Áp-ra-ham (là người cũng đã chịu cắt bì và đã nhận điều đó từ Đức Chúa Trời làm dấu của giao ước). Để qua phép cắt bì họ bước vào giao ước và trở thành người thừa kế. Không có bức thư nào khác mà trong đó Phao-lô dùng những lời quyết liệt như thế để chống lại phái Do Thái hóa này và những đòi hỏi của họ. Vì họ đã xuyên tạc

120. Strauch, 122

Tin Lành, là Tin Lành không đòi hỏi việc làm theo luật pháp, mà đòi hỏi đức tin.

8.1 BẢN VĂN NÓI GÌ

Đoạn văn được trích dẫn trên đây, chứ không chỉ riêng câu 28, là một đỉnh cao trong việc bác bỏ phái Do Thái hóa này. Một lời thật sự từ Đức Chúa Trời, trong đó người ta cảm nhận được tấm lòng của Đức Chúa Trời, sự quan tâm không đo lường được của Ngài và ý muốn cứu rỗi mãnh liệt của Ngài trong Đấng Christ. Sự xưng công chính bởi đức tin thuộc về sứ điệp cốt lõi của bức thư. Nói cách khác: được tha bổng, như thể chúng ta chưa từng phạm tội!

Luật pháp chỉ là người giám hộ trong một thời gian có hạn, nhằm giúp người ta tìm kiếm Đấng Christ và tiếp nhận Ngài. Bởi đức tin, tất cả đều trở thành con trai của Đức Chúa Trời! Tất cả, cả nam giới lẫn phụ nữ. Trong nền văn hóa thời ấy, phụ nữ không có vai trò gì trước công chúng. Họ sống khép kín, không được thừa kế, và cho đến khi lấy chồng thì ở dưới quyền giám hộ của cha hay của con trai cả. Rồi họ trở thành tài sản của chồng. *Ở đây Phao-lô nâng phụ nữ lên địa vị làm con trai!* Vấn đề không phải là nam hay nữ, mà là vị trí được ưu đãi, là đặc ân cao quý của địa vị làm con trai. Khuôn mẫu cho vị trí này không chỉ bắt nguồn từ những quan hệ gia đình mang tính văn hóa và xã hội gắn với thời đại. Địa vị làm con trai này lấy chính địa vị của Con Đức Chúa Trời làm khuôn mẫu. Tất cả đều được nhận làm con và được nâng lên vị trí của những người con trai. Chỉ theo cách dùng từ *ngày nay*, chúng ta mới có thể nói một cách đúng đắn rằng: được nâng lên vị trí của những người con gái.

Trái lại, đối với các nữ tín hữu trong bối cảnh văn hóa thời ấy, được gọi là con gái của Đức Chúa Trời thì chẳng phải là điều có lợi gì. Là "con gái", thời ấy họ sẽ phải ở dưới quyền "anh em" của mình trong Hội Thánh. Nhưng khi tuyên bố mọi người tin là con trai của Đức Chúa Trời, Phao-lô ban cho phụ nữ cùng một địa vị như nam giới. Vì vậy, ông kết thúc một cách nhất quán bằng câu "tất cả anh em đều là một người" (không phải "một vật"!), vì "trong Đấng Christ" thì tất cả đều là con trai của Đức Chúa Trời, kể cả những phụ nữ có

lòng tin. *Trong những điều kiện thời ấy, "sự đổi giới tính về mặt cứu rỗi" này của phụ nữ không phải là thù ghét phụ nữ, mà là sự khởi đầu của một điều mới.* Nếu phụ nữ cũng là "con trai của Đức Chúa Trời", thì điều đó có hệ quả gì cho vai trò của họ trong Hội Thánh không?

Tất cả các con trai và con gái của Đức Chúa Trời đã mặc lấy Đấng Christ qua phép báp-têm bằng nước. Nơi họ, nơi từng người một trong những người được nêu trong câu 28, giờ đây người ta thấy Đấng Christ. Không có sự phân biệt. Điều đó đúng không có ngoại lệ và không tùy thuộc vào chủng tộc, địa vị xã hội hay giới tính. Phao-lô có thể còn nêu thêm những ví dụ khác về những điều chia cách, để làm rõ rằng không ai, vì bất cứ lý do gì, lại càng không vì một lý do mà chính người ấy không chịu trách nhiệm, bị loại ra khỏi công việc cứu rỗi của Đức Chúa Trời. Sự cứu rỗi lớn lao này khiến mọi người trở thành dòng dõi của Áp-ra-ham, và như thế trở thành người thừa kế, qua Đấng Christ, là dòng dõi của Áp-ra-ham. Được sinh ra cách thuộc linh vào trong cuộc sáng tạo mới. *Điều đó khiến quan hệ huyết thống và phép cắt bì trở nên vô nghĩa.*

Trong Đấng Christ, mọi người đều như nhau. Đều được nâng lên địa vị làm con trai và làm người thừa kế như nhau. Một sứ điệp lớn lao, mang tính đảo lộn và chưa từng được nghe trước đó, đến thẳng từ trời. Ngay cả phép cắt bì cũng không còn là cửa vào giao ước. *Đặc quyền của nam giới là phép cắt bì đã chấm dứt tại thập tự giá và mãi mãi thuộc về quá khứ.* Phụ nữ không bao giờ còn phải băn khoăn câu hỏi làm sao việc họ thuộc về giao ước có thể được bày tỏ và xác lập. *Giờ đây, phép báp-têm là biểu tượng mới của sự cứu rỗi cho mọi người.*

8.2 Điều bản văn không nói trực tiếp

Lời này của Phao-lô trước hết không nói về cách hiểu vai trò của người nam và người nữ (*ở đây nói "nam và nữ" theo Sáng Thế Ký 1:27*). Bản văn không xóa bỏ những khác biệt của ba cặp này. Những khác biệt ấy vẫn tiếp tục tồn tại trong thế gian. Quốc tịch vẫn còn, một nô lệ không trở nên tự do khi tin Đấng Christ, và hai giới không bị trung hòa. Người nam vẫn là người nam, người nữ vẫn là người nữ. Việc trở nên một và trở nên như nhau liên quan đến sự cứu rỗi trong Đấng Christ. Đến mối quan hệ với Đức Chúa Cha và vị trí

trong thân thể của Đấng Christ. Không liên quan đến cõi sáng tạo thấy được và những điều kiện khung của xã hội. Hoặc đến trật tự sáng tạo. Điều này được những người ủng hộ thuyết bổ sung, tức là sự thuận phục theo thứ bậc của người phụ nữ, đặc biệt và luôn luôn nhấn mạnh. Ngay cả tôi, người mà Strauch và Johnson jun. hẳn sẽ gọi là một "nhà nữ quyền Tin Lành Phúc Âm"[121], cũng không lấy lời này của Phao-lô làm lý lẽ chính trong lập luận của tôi cho sự ngang hàng. Ở chỗ này, đó không phải là đề tài của Phao-lô.

8.3 Điều bản văn vẫn nói cách gián tiếp

Tuy vậy, lời này vẫn nói lên một điều liên quan cụ thể đến hai giới. Lời ấy nằm trong cùng một chuỗi lý lẽ và lập luận đã bắt đầu từ Sáng Thế Ký 1. Trong câu 28, điều được nói ra còn hơn một sự liệt kê so sánh rằng mọi người đều được dự phần như nhau vào sự cứu rỗi. Đó là một sự cứu rỗi không chỉ bao gồm sự tha tội, mà ngay từ bây giờ đã cứu khỏi sự đổ nát, khỏi sự phá sản và tan vỡ của cõi sáng tạo và nhân loại đã sa ngã. Trong cả ba cặp, một sự căng thẳng, một điều gì đó chia cách được gợi ra cách ngầm ẩn. Nếu không, Phao-lô đã chẳng viện dẫn chúng. Trên bối cảnh thời đại của Phao-lô và nền văn hóa cùng lối sống thời ấy, điều được nói đến là điều không như nó phải là theo cái nhìn của Đấng Tạo Hóa. Giờ đây, ân điển của Đức Chúa Trời, qua Thánh Linh nhân lành của Ngài, tác động vào sự căng thẳng, vào sự bất bình đẳng của những cặp này để chữa lành, hòa giải và phục hồi.

Ngay cả nếu khía cạnh này thời ấy không phải là điều nổi bật, thì chắc chắn ngày nay nó nổi bật, khi nhìn lại 2000 năm lịch sử giáo hội và lịch sử văn hóa. Lời Đức Chúa Trời không bị thời gian giới hạn và có thể tạo ra điều mới trong mỗi thế hệ và mỗi thế kỷ.

121. Có lẽ ở Mỹ, khái niệm này không mang sắc thái tiêu cực như ở Đức. Tôi sẽ không gọi một người chủ trương sự thuận phục của người phụ nữ là một người theo chủ nghĩa nam quyền Cơ Đốc. Chủ nghĩa nữ quyền là một tổng thể lớn, một phong trào nhiều tầng lớp với đủ mọi thái cực. Một phong trào đã đem lại điều tốt, điều không mấy tốt, và như mọi phong trào khác, cả điều xấu. Trong phong trào này, tôi nhận thấy một sự đảo ngược của sự thống trị, nghĩa là sự chuyển từ một thái cực và sai lầm này sang thái cực và sai lầm kia. Tôi không bênh vực chủ nghĩa nữ quyền, mà bênh vực bức tranh tổng thể của Kinh Thánh về người nam và người nữ. Những lời quy chụp liên tục cho rằng tôi bị phong trào này ảnh hưởng hay gián tiếp ủng hộ nó thì chẳng ích lợi gì.

8.3.1 Người Do Thái và người Hy Lạp

Sự phân biệt này đánh dấu sự chia cách giữa các dân thờ thần tượng và Y-sơ-ra-ên, dân của Đức Chúa Trời chân thật duy nhất. Nó cho thấy ân điển của Đức Chúa Trời trên một dân nhỏ bé và thời ấy chẳng có gì quan trọng. Nó tách riêng dân ấy ra. Chỉ riêng họ là dân thuộc về Đức Chúa Trời giữa mọi dân tộc. Nhưng điều đó đã qua. Sự chia cách này đã thuộc về quá khứ. Sự cứu rỗi dành cho mọi người. Mọi người đều trở thành con trai của Đức Chúa Trời.

Phao-lô cố ý bắt đầu với sự phân biệt này, vì phái Do Thái hóa thúc ép các dân ngoại đã tin phải chịu cắt bì, để nhờ đó trở thành người Do Thái và bước vào giao ước của Áp-ra-ham.

Các dân ngoại cũng như người Do Thái sẽ giữ quốc tịch của mình cho đến tận thế giới mới và đời đời của Đức Chúa Trời. Không ai có thể rũ bỏ quốc tịch của mình. Nhưng nhờ sự cứu rỗi trong Đấng Christ, mọi hệ lụy tiêu cực và tội lỗi, mọi hệ lụy hủy hoại do các dân tộc khác nhau và thường thù nghịch nhau, đều được xóa bỏ. Điều đó phải được sống ra trong Hội Thánh và trong Nước Đức Chúa Trời. Mọi người phải tiếp nhận nhau, như Đấng Christ đã tiếp nhận chúng ta.

8.3.2 Nô lệ và người tự do

Thật là một sứ điệp khó tin đối với những nô lệ, là những người như món hàng thuộc quyền sở hữu của chủ mình. Trong Đấng Christ, giờ đây họ là anh em, có giá trị như nhau và phẩm giá như nhau trước mặt Đức Chúa Trời. Nhưng chế độ nô lệ là biểu hiện của một nhân loại đã sa ngã. Nó chưa bao giờ là ý muốn của Đức Chúa Trời. Vì nó không phù hợp với phẩm giá con người dựa trên việc con người mang hình ảnh của Đức Chúa Trời. Một con người không bao giờ là tài sản của một con người khác, dưới sự cưỡng ép và bạo lực.

Có lẽ vì thế mà bức thư nhỏ của Phao-lô gửi Phi-lê-môn có trong quy điển Tân Ước, vì ở đây một nô lệ, Ô-nê-sim, lại là một nô lệ bỏ trốn, được Phao-lô

trân trọng như một anh em và một người cùng làm việc. Nhưng ông để cho Phi-lê-môn, người chủ có lòng tin của nô lệ ấy, quyết định sẽ đối xử với người nô lệ thế nào khi người ấy trở về nhà. Nói ngắn gọn, Phao-lô không trực tiếp chống lại chế độ nô lệ. Cuộc chiến ấy thời bấy giờ hẳn đã thất bại trước khi nó bắt đầu. Nhưng cách gián tiếp, cuộc chiến chống chế độ nô lệ đã bắt đầu. Nhờ sự dạy dỗ của Đấng Christ, tức là Tin Lành, người nô lệ giờ đây là một con người trọn vẹn giá trị và phải được tôn trọng như thế. Tin Lành là đòn chí tử cho mọi chế độ nô lệ. Tin Lành là lý do khiến chế độ nô lệ bị bãi bỏ, tiếc thay quá muộn màng.

Ở đây cũng không thể bỏ qua rằng Tin Lành đem lại tự do. Cả tự do khỏi chế độ nô lệ theo nghĩa đen (chứ không chỉ khỏi sự nô lệ thuộc linh). Trong cuộc sáng tạo mới sẽ không còn nô lệ nữa. *Trong Hội Thánh và Nước Đức Chúa Trời, là bông trái của Tin Lành, cuộc sáng tạo mới này đã bắt đầu. Tác động của Tin Lành trên bề trong và bề ngoài có quan hệ qua lại với nhau. Chúng nhất thiết thuộc về nhau.*

Trong Hội Thánh, nô lệ và chủ nô đều như nhau. Sự khác biệt về thứ bậc là một phần của thế giới đã sa ngã. Điều đó cũng đúng với sự khác biệt về thứ bậc giữa người nam và người nữ, là điều không còn hiệu lực trong Hội Thánh, trong cuộc sáng tạo mới.

8.3.3 Thông tin về chế độ nô lệ

Chủ nghĩa bãi nô (Abolitionismus, từ tiếng Anh *abolition*, từ tiếng La-tinh *abolitio* "sự bãi bỏ", "sự hủy bỏ") chỉ một phong trào nhằm bãi bỏ chế độ nô lệ. Được nuôi dưỡng bởi những xác tín Cơ Đốc cũng như bởi những xác tín của thời Khai sáng, điều này đã diễn ra ở ngày càng nhiều nước phương Tây, bắt đầu từ Bồ Đào Nha năm 1761 cho đến Brazil năm 1888. Từ năm 1808, Anh Quốc đóng vai trò tiên phong trong cuộc đấu tranh chống chế độ nô lệ. William Wilberforce (1759-1833) là một nghị sĩ Anh và là người lãnh đạo cuộc đấu tranh chống chế độ nô lệ và việc buôn bán nô lệ. Điều quan trọng ở Anh là trong phong trào Kiền tín (Pietism) và trong công cuộc truyền giáo Tin Lành vào thế kỷ 18 và 19, quan niệm cho rằng việc hiểu con người là con cái của Đức Chúa Trời không thể dung hợp với chế độ nô lệ đã được chấp nhận

rộng rãi. Ở các tiểu bang miền Nam nước Mỹ, nô lệ vẫn tiếp tục bị bóc lột trên các nông trại và đồn điền. Vì các tiểu bang miền Bắc đòi bãi bỏ chế độ nô lệ trên cả nước, nên năm 1861 chiến tranh đã nổ ra trong nước (cuộc Nội chiến). Cuối cùng các tiểu bang miền Bắc chiến thắng, và nhờ Tu chính án thứ 13 vào tháng 12 năm 1865, chế độ nô lệ đã bị bãi bỏ trên toàn nước Mỹ.

Chính người châu Âu, châu Âu Cơ Đốc, đã thương mại hóa chế độ nô lệ trên quy mô lớn. *Trước sự dạy dỗ của Chúa Giê-xu, điều này thật đáng kinh hoàng ở châu Âu Cơ Đốc.* Cũng vậy, việc phải mất quá lâu và phải đi một con đường quá khó khăn để bãi bỏ nó. Ngày nay vẫn còn nạn buôn người. Nạn nhân ở đây trước hết là trẻ em và phụ nữ. Ai biết và yêu mến Tin Lành thì nên đứng lên chống lại điều đó, ở bất cứ nơi nào mình có thể.

8.3.4 Nam và nữ

Bây giờ đến ví dụ cuối cùng trong ba ví dụ, ví dụ có liên quan nhiều nhất đến đề tài. Ở đây cũng áp dụng điều đã nói về những ví dụ trước. Sự sa ngã đã làm mất thăng bằng mối quan hệ giữa người nam và người nữ. Người nam đã tự biến mình thành kẻ mạnh hơn, thành kẻ cai trị. Trên khắp thế giới, từ A-đam cho đến ngày nay, người nam đã chiếm đoạt cách bất công thẩm quyền trên người nữ và thi hành thẩm quyền ấy một cách phân biệt đối xử.

Tin Lành đem sự chữa lành vào mối quan hệ này như thế nào? Bằng những tấm lòng mới, bằng tình yêu sẵn sàng hy sinh và quên mình. Bằng sự thuận phục lẫn nhau, sự chung thủy và sự tôn trọng trong quyền năng của Đức Thánh Linh. Khi người nam nhận ra rằng vợ mình là người đối diện tương xứng, mà không có người ấy thì đời sống của họ không thành công như Đức Chúa Trời muốn; qua những người nam không đòi hỏi sự thuận phục, nhưng với tình yêu quên mình mà đứng ra vì vợ mình, chiến đấu cho vợ và bảo vệ vợ, chia sẻ đời sống mình với vợ. Và qua những người nữ sẵn lòng thuận phục và đi theo những người nam như thế. Và ngược lại. Tin Lành có thể giải phóng hoàn toàn các mối quan hệ hôn nhân, để người nam và người nữ bổ sung cho nhau: về thân thể, về tâm hồn, về tâm trí.

Điều cực kỳ quan trọng là phải suy nghĩ về lời này của Phao-lô xa hơn việc chỉ áp dụng nó cho sự cứu rỗi linh hồn và chỉ cho sự hiệp một của gia đình Đức Chúa Trời.

Tại sao một cuộc hôn nhân đổ vỡ và tan nát lại được hàn gắn khi cả hai cùng tin Tin Lành? Vì Đức Chúa Trời không chỉ tạo nên "những tấm lòng trong sạch", mà còn tạo nên "những tấm lòng mới". *Vì thế giới quan cũ, thế tục, phụ quyền về người nam và người nữ đã đi đến chỗ kết thúc tại thập tự giá, cũng như chế độ nô lệ và vị trí độc tôn của người Do Thái.*

Thời ấy, Phao-lô cũng không trực tiếp chống lại cách hiểu vai trò phụ quyền, đã sa ngã này. Nhưng ông chống lại nó cách gián tiếp, và vì vậy về lâu dài thì có hiệu quả. Việc hình ảnh về người nam và người nữ như thế vẫn tồn tại dai dẳng ngay cả trong Cơ Đốc giáo là một điều nhục nhã, mà người ta chỉ có thể xấu hổ về nó.

8.3.5 Thuộc đất và thuộc linh?

Karl-Heinz Weber cho rằng chỉ trong cuộc sáng tạo mới thì "trật tự sáng tạo" mới chấm dứt. Theo ông, ở trong Đấng Christ không đồng nghĩa với địa vị trần thế của một người tin Chúa trên đất. Điều đó, theo ông, áp dụng cho mọi lãnh vực công việc. Kể cả cho các buổi nhóm họp, nơi mà theo trật tự sáng tạo thì các chị em phải im lặng.[122]

Trước hết, câu hỏi đặt ra là tại sao trong cuộc sáng tạo mới thì "trật tự sáng tạo" lại phải chấm dứt. Chính cuộc sáng tạo mới sẽ có một trật tự sáng tạo đầy phước hạnh, không bị xáo trộn và trọn vẹn. Tức là trật tự trước khi có sự sa ngã. *Trật tự sáng tạo và trật tự cứu rỗi trong Đấng Christ không thể mâu thuẫn với nhau. Trật tự cứu rỗi phục hồi trật tự sáng tạo ban đầu.* Ở đó người nam và người nữ ngang hàng nhau. Tin Lành có những hệ quả lành mạnh và có tác động trong xã hội. Chắc chắn trước hết là trong Hội Thánh, tức là trước hết giữa những người tin. Đó là những thay đổi sâu rộng, tích cực và mang tính đảo lộn. Đó là quyền năng để cứu rỗi, có thể phá tan những cơ cấu tội lỗi đã có từ hàng ngàn năm, có thể thay đổi và cứu cả những nền văn hóa và những dân tộc.

Tách đời sống trên đất khỏi Tin Lành là một thuyết nhị nguyên không theo Kinh Thánh. Đó không phải là một "Tin Lành xã hội", nhưng là một sứ điệp đầy hiệu lực với một hướng thẳng đứng không gì cản được trong mối quan

122. Weber, 11-13

hệ với Đức Chúa Trời. Nhưng đồng thời cũng có một tác động theo chiều ngang giữa con người với nhau. Tin Lành có ý nghĩa cho sự cứu rỗi và cho văn hóa. *Chắc chắn có một sự căng thẳng giữa cái "Đã có rồi" và cái "Chưa có". Nhưng cái "Đã có rồi" phải được thả ra và phải có thể giải phóng, để nó có thể phát huy trọn tác động của nó ngay trong đời này.*

Anstey cũng lập luận tương tự: "Có hai khái niệm phân biệt hai điều này: 'trong Đấng Christ' (Ga-la-ti 3:28) và 'trong các hội chúng' (1 Cô-rinh-tô 14:34)." Theo ông, điều thứ nhất có hiệu lực trên trời, điều thứ hai trên đất. Về điều này chỉ có thể nhận xét rằng chúng ta ở "trong Đấng Christ" mãi mãi và ở mọi nơi, kể cả trong các hội chúng. Mọi điều khác sẽ đặt sự cứu rỗi của chúng ta thành vấn đề và đơn giản là mâu thuẫn với Kinh Thánh.

8.3.6 Không còn nam hay nữ

"Việc sứ đồ hoàn toàn nghiêm túc với sự 'nam hóa' phụ nữ do sự cứu rỗi được cho thấy qua việc ông nhất quán ủng hộ một giáo hội học trung tính về giới, dẫn đến một thực hành Hội Thánh cho phép mọi người, không kể địa vị xã hội, nguồn gốc sắc tộc – tôn giáo và giới tính, về nguyên tắc được đảm nhận bất cứ chức năng nào trong Hội Thánh. *Tiêu chuẩn duy nhất là khả năng, mà Phao-lô hiểu là ân tứ do Đức Thánh Linh ban cho (1 Cô-rinh-tô 12).* … Tuy nhiên, điều thú vị là ở phạm trù giới tính, người ta không nói rằng không còn người nam và người nữ nữa. Đúng hơn, người ta dùng những từ 'giống đực' và 'giống cái'. *Điều này gợi ý rằng … mục đích không phải là xóa bỏ việc mỗi người thuộc về giới tính nào, mà là xóa bỏ khía cạnh giới tính của các chức năng trong Hội Thánh.*

Trong thực hành, điều đó có nghĩa là: nói tiên tri không phải là việc của nam, cũng không phải là việc của nữ. Lãnh đạo Hội Thánh không phải là việc của nam, cũng không phải là việc của nữ. Nói tiếng lạ không phải là việc của nam, cũng không phải là việc của nữ. … Được Đấng Christ sai đi rao giảng không phải là việc của nam, cũng không phải là việc của nữ. Giảng đạo không phải là việc của nam, và phục vụ không phải là việc của nữ v.v. Vì vậy, trong các Hội Thánh của Phao-lô có những nữ chấp sự như Phê-bê (Rô-ma 16:1), những nữ sứ đồ như Giu-ni-a (Rô-ma 16:7) v.v.

Việc giáo hội học phi giới tính của Hội Thánh đầu tiên không bị … giới hạn được cho thấy qua Hội Thánh ở Rô-ma. Hội Thánh này hình thành độc lập với Phao-lô, và rõ ràng một nhóm phụ nữ đã giữ một vai trò nổi bật trong đó. Phao-lô nêu tên Ma-ri (Rô-ma 16:6), Try-phe-nơ, Try-phô-sơ và Bẹt-si-đơ (Rô-ma 16:12)."[123]

Trong sách giải kinh của mình, Martyn viết: *"Vì tất cả anh em đều là một trong Đấng Christ Giê-xu*. Những sự đối lập về tôn giáo, xã hội và giới tính không được thay thế bằng sự bình đẳng, mà bằng một sự hiệp một mới được tạo dựng. Trong Đấng Christ (trong điều mà về sau Phao-lô sẽ gọi là 'thân thể của Đấng Christ', 1 Cô-rinh-tô 12:13, 27), những người vốn là người Do Thái và những người vốn là dân ngoại đã được làm thành một thể hiệp nhất mới, được đồng hóa với chính Đấng Christ cách căn bản đến nỗi Phao-lô dùng dạng giống đực của chữ 'một'. Các chi thể của giáo hội không phải là một vật; họ là một người, được thu nhận vào thân thể của một người mới duy nhất.

Từ những thư khác của Phao-lô, chúng ta biết rằng sứ đồ ý thức được sự thật là ngay cả trong giáo hội, đầu cầu của cuộc sáng tạo mới của Đức Chúa Trời, vẫn còn một số dấu hiệu của sự loại trừ về giới tính và xã hội (chẳng hạn 1 Cô-rinh-tô 7; Phi-lê-môn). Vì vậy, về sau ông phải suy nghĩ nghiêm túc về sự căng thẳng giữa việc khẳng định sự hiệp một thật sự trong Đấng Christ và việc những dấu hiệu phân biệt của cuộc sáng tạo cũ vẫn còn tiếp diễn cách đáng lo ngại." [124]

8.4 Tóm tắt và tổng kết

Tôi tóm tắt chương này bằng lời của Michael Bird: "Phao-lô không muốn ngụ ý rằng đối với Cơ Đốc nhân, giới tính không còn tồn tại, như thể Đức Chúa Trời chỉ nhìn con người từ cổ trở lên và nhờ đó xóa bỏ sự phân biệt về thể chất giữa nam và nữ. Sự tái sinh không có nghĩa là chúng ta sẽ có lúc hướng đến tình trạng phi giới tính và có thể dùng chung nhà vệ sinh trong nhà thờ.

123. Kügler, Joachim; Paulus und die prophetischen Frauen in Korinth, Zur Gender-Politik des Apostels (1Kor 11,2-16; Gal 3,26-28)
124. Martyn, J. L., Galatians: A New Translation with Introduction and Commentary, 33A, Anchor Yale Bible, New Haven; London 2008, 377.

Phao-lô cũng không nói rằng sự dạy dỗ này chỉ áp dụng cho sự cứu rỗi hay cho những điều thuộc linh. Điều Phao-lô muốn nói là cuộc sáng tạo mới có nghĩa là xóa bỏ những sự phân biệt đã từng chia cách con người với nhau trong quá khứ.

Những người đối thoại chính của ông ở đây không phải là các nhà nữ quyền hay những người ủng hộ thứ bậc, mà là những Cơ Đốc nhân gốc Do Thái muốn giữ lại những đặc quyền của bản sắc dân tộc mình. Đối với Phao-lô, không ai ở gần ngai Đức Chúa Trời hơn nhờ chủng tộc, giai cấp hay giới tính. Đức Chúa Trời muốn tạo dựng một gia đình, chứ không phải hai hay nhiều gia đình, và gia đình của Áp-ra-ham có con cái từ mọi dân tộc, giàu và nghèo, nam và nữ. Điều này nhấn mạnh nguyên tắc bình đẳng của Tin Lành, theo đó không ai có thể khoe mình có đường dây trực tiếp với Đức Chúa Trời, hay có thể cho rằng mình tốt hơn hoặc hữu ích hơn bất cứ người nào khác. Trong khi nội dung chính của Ga-la-ti 3:27-28 tập trung vào cứu rỗi học (sự cứu rỗi), chúng ta phải lưu ý rằng nó cũng liên quan đến giáo hội học (giáo hội, Hội Thánh) và Thánh Linh học (Đức Thánh Linh). Ở đây không chỉ nói về sự bình đẳng trước mặt Đức Chúa Trời, mà còn về sự hiệp một trong giáo hội, được tạo nên bởi mối dây của phép báp-têm và được đóng ấn bởi sự ban cho Đức Thánh Linh."[125]

Sau khi cân nhắc nhiều khía cạnh và chi tiết, lời Kinh Thánh này là một lý lẽ mạnh mẽ, một lý lẽ từ Đức Chúa Trời, cho một vai trò ngang hàng của người phụ nữ tin Chúa trong hôn nhân và trong Hội Thánh. *Dưới ánh sáng của chân lý cứu chuộc vừa đơn sơ vừa sâu sắc này, mọi bản văn khác nói về mối quan hệ giữa người nam và người nữ, về vai trò của người phụ nữ trong hôn nhân và cả trong Hội Thánh, đều phải được giải nghĩa. Để trở lại điểm khởi đầu: Vâng, lời này của Phao-lô giống như một bản Magna Carta.*

125. Bird, 37

9 Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh

Trong Kinh Thánh, Đức Chúa Trời được giới thiệu dưới hình thức nam tính. Ngài là Cha. Con Ngài là Chúa Giê-xu, Đấng Cứu Thế, là một người nam. Ngài chọn 12 người nam làm môn đồ của Ngài. Không có phụ nữ. Mọi sách trong Kinh Thánh đều do người nam viết. Trong Giao Ước Cũ, chỉ người nam mới làm thầy tế lễ. *Gộp tất cả lại, chẳng phải điều đó đã đủ nói lên rằng người nam có một vị trí thẩm quyền cao hơn và một chức năng lãnh đạo đối với người nữ sao?* Bấy nhiêu nam tính không thể đi qua chúng ta mà không để lại dấu vết. Dù sao đi nữa, cảm nhận vô thức về việc Đức Chúa Trời có phải là nam giới hay không cũng có một tác động nhất định trên suy nghĩ của chúng ta, trên hình ảnh chúng ta có về chính mình và về Đức Chúa Trời. Tôi đoán rằng nơi người nam có lẽ khác với nơi người nữ.

"Việc nhấn mạnh những nhân vật nam, những hình ảnh và ngôn ngữ nam tính trong Kinh Thánh và trong giáo hội đã được John Piper mô tả là một 'cảm thức nam tính' của đức tin Cơ Đốc. Theo một nghĩa nào đó, thật khó mà phủ nhận điều này. Tuy nhiên, câu hỏi đặt ra là liệu đó có phải là sự phản ánh một trật tự do Đức Chúa Trời muốn, hay trong sứ điệp tưởng như hiển nhiên này có đan xen một sứ điệp khác. Việc nhấn mạnh những câu chuyện lấy nam giới làm trung tâm[126] và mang tính phụ quyền trong Kinh Thánh có phải là một sự tán thành rõ ràng các cơ cấu phụ quyền trong giáo hội, gia đình và xã hội không? *Hay trong các bản văn có những dấu hiệu khác dẫn chúng ta đến kết luận rằng Kinh Thánh phá vỡ những cơ cấu phụ quyền ấy và mở ra cho người nam và người nữ những khía cạnh khác của mối quan hệ?"*[127]

Đức Chúa Trời bày tỏ chính Ngài trong Chúa Giê-xu. Ngài là hình ảnh của Đức Chúa Trời. Ngài là hình bóng của bản thể Đức Chúa Trời. Ngài là sự mặc khải sau cùng, trọn vẹn và sâu xa nhất của Đức Chúa Trời, trong đời sống Ngài và trong sự chết của Ngài trên thập tự giá. Thế nhưng trước khi Chúa Giê-xu đến, chúng ta đã có thể biết nhiều điều về Đức Chúa Trời. Kinh

126. Chủ nghĩa lấy nam giới làm trung tâm (Androzentrismus) được hiểu là một cách nhìn xem nam giới là trung tâm, thước đo và chuẩn mực. Chủ nghĩa lấy nam giới làm trung tâm có thể được hiểu là một sự chú tâm của xã hội vào người nam hay vào cái "nam tính". Wikipedia
127. Peppiatt, Rediscovering Scripture's Vision for Women: Fresh Perspectives on Disputed Texts

Thánh đã bày tỏ Đức Chúa Trời là ai và như thế nào. Chúa Giê-xu làm cho bức tranh ấy trở nên hoàn hảo.

Khi Đức Chúa Trời bày tỏ chính Ngài trong một người nam ở thế kỷ thứ nhất, trong một người Do Thái, một người thợ xây dựng chưa lập gia đình, thì đồng thời tôi ý thức rằng Đức Chúa Trời, Đấng Đời Đời, Đấng hoàn toàn khác, còn lớn hơn những gì người ta có thể thấy nơi Chúa Giê-xu. Ngay cả chính Ngài, Con Đức Chúa Trời, chúng ta cũng không thể hiểu trọn vẹn. Sự hiểu biết của chúng ta chỉ là từng phần. McFarland kết luận: "Vì thế, chúng ta phải cẩn thận trình bày Chúa Giê-xu thế nào để Logos [Ngôi Lời], Đấng đến trong xác thịt, không bị thu nhỏ lại thành xác thịt."

Đức Chúa Trời là Thần Linh (Giăng 4:24). Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời Ba Ngôi. Hai đặc tính này của bản thể Đức Chúa Trời không được lùi vào phía sau. Dù trong Cựu Ước, Đức Chúa Trời được mô tả theo cách nam tính, như Cha, như Chiến Sĩ hay như Vua. Đấng đôi khi cũng cảm nhận và hành động như một con người. Những cái gọi là "hình ảnh nhân hình[128] về Đức Chúa Trời" cho thấy hành động và cảm xúc của Đức Chúa Trời qua những so sánh và tương đồng với con người. Những hình ảnh này gần với thực tại của Đức Chúa Trời đến mức nào? Đức Chúa Trời, là ba trong một, là Thần Linh và không có khởi đầu, là Đấng chúng ta không thể hiểu thấu. Khi Ngài đến với chúng ta và trở nên một người trong chúng ta, một người nam, thì điều đó không có nghĩa là Đức Chúa Trời là một người nam, *mà là Ngài bày tỏ chính mình như vậy. Đức Chúa Trời không có thân thể như chúng ta, và vì thế Ngài cũng không có giới tính.*

9.1 Đức Chúa Trời có phải là nam giới không?

Đức Chúa Trời bày tỏ chính Ngài là Cha. Điều đó có bày tỏ giới tính của Ngài không? Không, nhưng điều đó bày tỏ một điều quan trọng hơn nhiều: Ngài là một thân vị, và Ngài là Đức Chúa Trời của mối quan hệ, của sự trìu mến và mối tương giao. Đức Chúa Trời này, Đấng được mô tả cho chúng ta

128. Thuyết nhân hình (Anthropomorphismus, tiếng Hy Lạp ἄνθρωπος anthrōpos 'con người' và μορφή morphē 'hình dạng, hình thể') có nghĩa là gán những đặc tính của con người cho thú vật, thần linh, sức mạnh thiên nhiên và những điều tương tự (nhân cách hóa). Những đặc tính của con người ở đây có thể được thể hiện cả trong hình dạng lẫn trong cách cư xử. Wikipedia

bằng những hình ảnh con người, Ngài phán, lắng nghe, cảnh báo, bảo vệ, thêm sức, hành động, lập giao ước, ban lời hứa, và trên hết, Ngài yêu thương bằng một tình yêu sẵn sàng hy sinh và không bao giờ tắt. Ngài không hề thay đổi, nhưng Ngài có những cảm xúc sâu xa. Dù không thể dò thấu, ít nhất Ngài cũng có, ở một mức độ mà chúng ta không biết, mọi khả năng mà chúng ta có với tư cách con người, với tư cách người nữ và người nam. Những hình ảnh con người cố gắng mô tả Đấng không thể mô tả. Phần nhiều bằng ngôn ngữ nam tính. Nhưng có vô số hình ảnh nữ tính về Đức Chúa Trời làm nổi bật và ca ngợi khía cạnh nữ tính của Ngài. Tôi sẽ nêu ra một vài hình ảnh, và không quên rằng Đức Chúa Trời cũng không phải là một người nữ. Xin nhắc lại: Ngài không có giới tính. *Những hình ảnh nữ tính về Đức Chúa Trời cho thấy điều đã trở thành xác thịt tại Ê-đen: người nam và người nữ là hình ảnh của Đức Chúa Trời, và trong sự hiện hữu cũng như trong giới tính của mình, họ phản chiếu bản thể của Đức Chúa Trời, Đấng không có giới tính.*

Việc mô tả Đức Chúa Trời bằng ngữ pháp giống đực cũng là, nhưng không chỉ là, một giới hạn của ngôn ngữ. Nếu trong tiếng Đức và mọi ngôn ngữ khác, Đức Chúa Trời không được mô tả là giống đực cũng không là giống cái, thì chỉ còn lại đại từ trung tính, chỉ vật, là "es" ("nó"). Điều đó sẽ thiếu tính thân vị và không đạt mục đích. Điều tương tự cũng đúng với các nguyên ngữ của Kinh Thánh. *Chẳng hạn, chữ Hy Lạp chỉ Thần Linh, pneuma, là giống trung. Nhưng chữ Hê-bơ-rơ ruach là giống cái. Trong tiếng Đức không thể diễn đạt điều này, nhưng khi nói về Thánh Linh của Đức Chúa Trời, người ta có thể nói về một "bà" hay "của bà" ("Geistin" – dạng giống cái của chữ "Geist", Thần Linh).* Nhưng điều đó cũng không thể gán một giới tính cho các Ngôi vị thần thượng. Điều đó sẽ khiến chúng ta chú ý, có lẽ sẽ khiến chúng ta khó chịu, vì chúng ta đơn giản đã quen với các đại từ nhân xưng giống đực và không biết gì khác. *Câu hỏi về giới tính của Đức Chúa Trời không thể giải quyết bằng ngôn ngữ, dù là ngôn ngữ của Kinh Thánh hay ngôn ngữ hiện đại.*

Trong Cựu Ước và Tân Ước không có dấu hiệu cụ thể nào về giới tính của Đức Chúa Trời. Điều này cần được nhấn mạnh, *vì các thần của vùng Cận Đông cổ đại và của thời cổ đại được cố ý xem là nam và nữ*. Chu kỳ của sự sống được duy trì nhờ tính dục. Sự sinh sản là lý tưởng của các nữ thần. Tính dục là trọng tâm mà các nghi lễ thờ cúng xoay quanh. *Nhưng với Yahweh, Đức Chúa*

Trời của Y-sơ-ra-ên, thì không phải vậy. Ngài không được gọi là nam cũng không được gọi là nữ. Trong đức tin Do Thái, cũng như trong đức tin Cơ Đốc, tính dục không thuộc về một nhịp điệu vũ trụ đời đời. Tính dục là điều được tạo dựng. Nó có khởi đầu và sẽ có kết thúc.

"Tuy vậy, trong Kinh Thánh, Đức Chúa Trời bày tỏ chính Ngài là 'Đức Chúa Trời, Cha của Đức Chúa Giê-xu Christ chúng ta' (Ê-phê-sô 1:3), chứ không phải là 'Mẹ'. Đức Chúa Trời cũng không trình bày chính mình như một phức hợp Cha – Mẹ, như thể Ngài hiện thân cho 'nam tính' và 'nữ tính'. Các khái niệm 'nam tính' và 'nữ tính' gắn liền không thể tách rời với những khác biệt tính dục giữa hai giới. Chỉ trong một vũ trụ luận ngoại giáo, tính dục và các giới tính của nó mới là những nguyên lý thuộc linh đời đời."[129]

Nếu Đức Chúa Trời không có giới tính mà vẫn được mô tả là Cha, thì người ta không thể đơn giản thay đổi các hình ảnh và ngôn ngữ rồi đặt chữ "Mẹ" vào. Làm như vậy có nghĩa là thay thế một sai lầm – tức là hiểu Đức Chúa Trời như một hữu thể nam giới – bằng một sai lầm khác. Điều đó xảy ra trong *Bibel in gerechter Sprache* (Kinh Thánh bằng ngôn ngữ công bằng), là bản dịch "trung tính về giới".[130]

Dù Đức Chúa Trời được trình bày bằng những hình ảnh nam tính nhiều hơn hẳn những hình ảnh nữ tính, người ta không thể từ đó rút ra kết luận gì về giới tính. Việc nhìn chung có nhiều hình ảnh nam tính hơn và ngôn ngữ nam tính được dùng nhiều hơn cũng có thể liên quan đến việc các sách Kinh Thánh được viết ra trong một thời kỳ phụ quyền. Kinh Thánh cũng phải được đọc theo bối cảnh lịch sử, mà không vì thế phủ nhận ý nghĩa và thẩm quyền của Kinh Thánh cho ngày nay.

129. R.K. McGregor Wright

130. Wolfgang Huber phê bình: "Việc một bản dịch bao giờ cũng chứa đựng sự giải thích thì ở đây bị đảo ngược: sự giải thích được đưa ra như là bản dịch. Đó là một sự vi phạm nguyên tắc Kinh Thánh của cuộc Cải cách. Sự công bằng là một đề tài trọng tâm của Kinh Thánh. Nhưng người ta không thể nhân danh sự công bằng mà bóp méo một bản văn Kinh Thánh, đến nỗi chẳng hạn ở chỗ rõ ràng muốn nói đến mười hai người nam, người ta lại viết 'các nữ sứ đồ và các sứ đồ', khiến người đọc có ấn tượng như thể trong nhóm ấy cũng có phụ nữ." Peter Hahne: "Một nhà báo theo Lutheran đau lòng khi bị các đồng nghiệp hoài nghi của mình chế giễu, không phải vì đức tin của ông vào sự sống lại, mà vì cuốn Kinh Thánh đặc biệt mang tính giáo phái, xuất phát từ tinh thần của một chủ nghĩa nữ quyền chính thống cực đoan." Wikipedia, về Bibel in gerechter Sprache

9.2 Ngươi chớ làm tượng chạm cho mình

Điều răn này trong Mười Điều Răn (Xuất Ê-díp-tô Ký 20:4) chạm đến câu hỏi về giới tính của Đức Chúa Trời, ngay cả trước khi Ngài bày tỏ chính mình trong Chúa Giê-xu. Lệnh cấm làm hình tượng loại trừ việc Đức Chúa Trời có giới tính, cũng như sự kiện Đức Chúa Trời là Thần Linh. Hai điều này liên hệ trực tiếp với nhau. Ngay cả từ lời nổi tiếng mà Đức Chúa Trời phán về chính mình: Ta sẽ là Đấng Ta sẽ là (Xuất Ê-díp-tô Ký 3:14), cũng không thể suy ra một giới tính nào, dù là nam hay nữ. Suy ra giới tính nữ là ý định của một số trào lưu thần học nữ quyền.

"Trong Kinh Thánh, Đức Chúa Trời thường được gọi là Elohim. *Đây là một danh từ chỉ có số nhiều*[131] *– một cách diễn đạt ngữ pháp nhằm nói lên đúng mức sự phong phú của các thuộc tính thần thượng – không phải nam cũng không phải nữ.* Vì vào mọi lúc và ở mọi nơi, trong vô vàn hoàn cảnh khác nhau của khốn khó và đau khổ, nhưng cũng của niềm vui và lòng biết ơn, chúng ta hình dung ra nhiều hình ảnh khác nhau về Đức Chúa Trời."[132]

9.3 Những hình ảnh nữ tính về Đức Chúa Trời

Ở đây tôi nêu những ví dụ cho thấy Kinh Thánh mô tả khía cạnh nữ tính của Đức Chúa Trời như thế nào:

Người mẹ cho con bú và chịu trách nhiệm chăm sóc con (Dân Số Ký 11:12): "Há có phải tôi đã cưu mang cả dân này, hay đã sinh ra nó, mà Chúa phán với tôi: Hãy ẫm nó trong lòng ngươi, như người vú ẫm đứa trẻ còn bú, mà đem vào xứ Chúa đã thề ban cho tổ phụ họ?".

Người mẹ đã sinh ra dân Y-sơ-ra-ên (Phục Truyền Luật Lệ Ký 32:18): "Ngươi đã bỏ bê Hòn Đá đã sinh ra ngươi, và quên Đức Chúa Trời đã sinh ngươi ra."

131. Pluraletantum, từ số nhiều hay danh từ số nhiều, là một danh từ chỉ được dùng ở số nhiều (ví dụ trong tiếng Đức: Ferien – kỳ nghỉ, Kosten – chi phí, Leute – người ta).
132. Lapide, Pinchas, Ist die Bibel richtig übersetzt, Gütersloh, 2004, 202

Người đàn bà đang chuyển dạ, mà hơi thở mạnh mẽ là hình ảnh của quyền năng thần thượng (Ê-sai 42:14). "Đã lâu lắm Ta làm thinh, Ta im lặng, Ta nín nhịn. Như người đàn bà đang sinh nở, Ta sẽ thở sâu, vừa thở hổn hển vừa rên siết."

Người mẹ sinh ra và bảo vệ Y-sơ-ra-ên (Ê-sai 46:3): "Hỡi nhà Gia-cốp, và hết thảy những kẻ sót lại của nhà Y-sơ-ra-ên, hãy nghe Ta, các ngươi là kẻ Ta đã gánh vác từ trong bụng mẹ, đã bồng ẵm từ trong lòng mẹ!"

Người mẹ không quên đứa con mình đang cho bú (Ê-sai 49:14-15): "Người đàn bà có thể nào quên đứa con mình đang bú, đến nỗi không thương xót đến con trai ruột mình sao? Dù những người ấy có quên đi nữa, Ta cũng chẳng quên ngươi."

Một người mẹ an ủi con mình (Ê-sai 66:13): "Các ngươi sẽ được bồng trên cánh tay và được nâng niu trên đầu gối. Như một người được mẹ mình an ủi, Ta cũng sẽ an ủi các ngươi như vậy."

Một người mẹ gọi con, dạy con, ôm giữ con, chữa lành và nuôi dưỡng con (Ô-sê 11:1-4).

Những hình ảnh người mẹ khác có trong Thi Thiên 131:2; Gióp 38:8, 29; Châm Ngôn 8:22-25; 1 Phi-e-rơ 2:2-3; Công Vụ Các Sứ Đồ 17:28.

Tương tự, Kinh Thánh mô tả, ở những chỗ chúng ta thấy Đức Chúa Trời được mô tả qua những hoạt động văn hóa hay xã hội của phụ nữ:

Một người thợ may làm quần áo cho Y-sơ-ra-ên (Nê-hê-mi 9:21).

Một bà mụ có mặt khi sinh nở (Thi Thiên 22:9-10; 71:6; Ê-sai 66:9).

Một người phụ nữ có thẩm quyền, được người tớ gái của mình ngước mắt trông lên (Thi Thiên 123:2); một người phụ nữ dùng men để làm bánh (Lu-ca 13:20-21).

Kinh Thánh cũng nói về Đức Chúa Trời bằng cách dùng hình ảnh của một con chim mái hay một con thú cái: Đức Chúa Trời hành động như một con chim mái che chở con mình (Thi Thiên 17:8; 36:7; 57:1; 91:1, 4; Ê-sai 31:5; Phục Truyền Luật Lệ Ký 32:11-12), như một con chim ưng (Phục Truyền Luật Lệ Ký 32:11-12; Xuất Ê-díp-tô Ký 19:4; Gióp 39:27-30), như một con gà mái (Ma-

thi-ơ 23:37; Lu-ca 13:34; so sánh Ru-tơ 2:12) và như một con gấu mẹ (Ô-sê 13:8).

Một trong những dấu hiệu hấp dẫn nhất về nữ tính trong liên hệ với bản thể của Đức Chúa Trời là việc mô tả sự khôn ngoan như một người nữ trong Châm Ngôn 1:20-33; 8:1–9:12.

9.4 Cha và Con

Trước khi Chúa Giê-xu đến, người ta không thể biết rằng Đức Chúa Trời là "một trong ba". Cũng không thể biết rằng Đức Chúa Trời là Cha của Con Ngài theo nghĩa đã được bày tỏ qua Chúa Giê-xu. Chỉ khi Ngôi Lời trở nên xác thịt, Đức Chúa Trời mới bày tỏ chính Ngài là Cha trong Con Ngài. Nhưng Ngài không phải là một người cha đã cùng với một người nữ sinh ra con trai mình. Cha, Con và Thánh Linh đều đời đời, không có khởi đầu. Ngôn ngữ này cho thấy Ngôi thứ nhất và Ngôi thứ hai của Đức Chúa Trời có mối quan hệ với nhau như thế nào. Nó cho thấy mối quan hệ mà con người được phép có với Đức Chúa Trời. Nhưng ngay cả thực tại này cũng không làm cho Cha đời đời và Con đời đời thuộc về giới tính nam.

Tôi ý thức rằng những câu hỏi này hiếm khi hoặc không bao giờ được suy nghĩ theo cách này. Trong khuôn khổ cuốn sách này, tôi thấy cần phải đề cập đến đề tài này. Tuy nhiên, tôi cũng ý thức rằng mình sẽ sớm chạm đến giới hạn.

9.5 Sự thuận phục của Con đời đời?

Trong cuốn sách này, tôi lập luận rằng sự thuận phục theo thứ bậc của người phụ nữ luôn là hậu quả của sự sa ngã, và không có trong ý định của cuộc sáng tạo ban đầu, chưa sa ngã. Điều đó vẫn đúng ngay cả khi Lời Đức Chúa Trời kêu gọi phụ nữ thuận phục. Tuy nhiên, điều đó phải được hiểu trong ngữ cảnh của những hoàn cảnh thời cổ. Tôi đã mô tả điều đó cách chi tiết.

Từ vài thập niên nay, trong phái Tin Lành Phúc Âm bảo thủ ở Mỹ đã nảy sinh một giáo lý có thể bác bỏ lập luận trên đây của tôi, nếu giáo lý ấy phù hợp với các bản văn Kinh Thánh. Giáo lý này nói về Đức Chúa Trời Ba Ngôi và về cách Cha, Con và Đức Thánh Linh liên hệ với nhau. Nói vắn tắt, giáo lý này cho rằng ba Ngôi của Đức Chúa Trời bình đẳng về bản thể và vinh hiển. Trong hữu thể (bản thể học) của mình, các Ngôi bình đẳng. Nhưng các Ngôi đảm nhận những vai trò khác nhau trong mối quan hệ với nhau và với cõi sáng tạo. Theo đó, Con thuận phục Cha từ "ban đầu", và Thánh Linh thuận phục Cha và Con. Trong sự nhập thể của Đấng Christ, trong sự tự nguyện hạ mình của Ngài, điều đã là mối quan hệ từ cõi đời đời được bày tỏ ra.

Bạn tự hỏi điều đó có liên quan gì đến đề tài của cuốn sách này? Liên quan rất nhiều. Vì "thứ bậc đời đời" này được cho là khuôn mẫu cho vai trò của người nam và người nữ. Do đó, theo giáo lý này, ngay trong cuộc sáng tạo chưa sa ngã người ta đã thấy rõ sự đồng giá trị, nhưng cũng thấy sự phân chia vai trò khác nhau, trong đó người nam là đầu lãnh đạo và cai quản, và người nữ thuận phục người nam. Theo đó, người nam và người nữ được tạo dựng như vậy theo sự sáng tạo, với những hệ quả quen thuộc cho hôn nhân, Hội Thánh và xã hội.

Tôi không biết ý tưởng này trong thế giới tư tưởng và văn chương Cơ Đốc nói tiếng Đức. Thế nhưng với bộ Tín lý học đồ sộ theo truyền thống Cải chánh của Wayne Grudem, ý tưởng này cùng mọi hệ quả của nó cũng đã đến nước Đức từ năm 2013: "Ở đây, trong hôn nhân, cũng như Đức Chúa Cha trong Ba Ngôi có thẩm quyền trên Đức Chúa Con, thì người chồng cũng có thẩm quyền trên vợ mình. Vai trò của người chồng song song với vai trò của Đức Chúa Cha, và vai trò của người vợ song song với vai trò của Đức Chúa Con. Ngoài ra, cũng như Cha và Con bình đẳng về thần tính, tầm quan trọng và thân vị, thì người chồng và người vợ cũng bình đẳng về nhân tính, tầm quan trọng và thân vị."[133]

Như vậy, trong bộ tín lý học này, có thể nói là với một "sức nặng đời đời", tức là bằng cách viện dẫn đến chính Đức Chúa Trời, mọi phụ nữ đều bị loại khỏi các chức vụ lãnh đạo như chức trưởng lão và chức vụ giảng đạo. Những

133. GRUDEM, W., Biblische Dogmatik: Eine Einführung in die Systematische Theologie, XXIX, Theologisches Lehr- und Studienmaterial des Martin Bucer Seminars, VKW; arche-medien, Bonn; Hamburg 2013, 284–285.

trào lưu Cải chánh trẻ ở Đức đang chủ động và gần như với nhiệt tâm truyền giáo cổ vũ cho giáo lý này.

Dù sự loại trừ này không có từ ban đầu, nhưng tiếc thay đã in dấu lên lịch sử giáo hội trong ít nhất 1700 năm, lập luận này chưa bao giờ được đưa ra.

Giáo lý tương đối mới này không thể được thảo luận trong khuôn khổ này. Tôi chỉ đưa ra một vài gợi ý để suy nghĩ, và sẽ không đặt cái nhìn tổng thể của mình trên giáo lý này. Như vậy tôi vẫn giữ điểm xuất phát của mình trong Sáng Thế Ký 1 và 2, mà dưới ánh sáng đó tôi đã giải thích những bản văn Kinh Thánh liên quan trong Tân Ước trong cuốn sách này.

Nếu sự thuận phục đời đời này của Con là có thật, chứ không phải chỉ bắt đầu từ khi Ngài nhập thể, thì điều đó cũng không tự động quy định vai trò của người nam và người nữ. Đó sẽ là một sự tương đồng, một sự so sánh, nhưng không phải là một điều tất yếu. Việc Con, với tư cách là người, đã thuận phục Cha thì không ai nghi ngờ. *Nhưng điều quan trọng cho đề tài này vẫn là: không bao giờ có sự thuận phục nào của Con, dù có thể là đời đời hay trong thời gian, được lấy làm khuôn mẫu để mô tả mối quan hệ và vai trò của người nam và người nữ nói chung hay trong hôn nhân. Dĩ nhiên gương hạ mình của Chúa Giê-xu thường được nhấn mạnh, nhưng luôn luôn là cho mọi môn đồ, không hề nhấn mạnh đến giới tính.*

Phải mất vài thế kỷ, Cơ Đốc giáo mới hình thành được một bản tín điều hay một giáo lý về Đức Chúa Trời, phần nhiều như một phản ứng chống lại những giáo lý sai lạc. Chính Athanasius (thế kỷ 4) là người đã định hình, trình bày và bênh vực cách xuất sắc giáo lý Ba Ngôi. Cho đến ngày nay, giáo lý ấy là tín điều Cơ Đốc không ai tranh cãi.

Tôi thấy lạ lùng khi trong cuộc tranh luận về vai trò của người nam và người nữ, người ta lại trình bày một giáo lý như thế và qua đó cố định vai trò phụ thuộc của người phụ nữ. Tôi không thể gạt bỏ mối nghi ngờ rằng ở đây là "đuôi vẫy chó". Nói cách khác, một giáo lý nặng ký như thế về Đức Chúa Trời lại phải được đem ra phục vụ cho câu hỏi về vai trò giới tính này sao? Cần ghi nhận rằng tất cả những điều này chưa được biết đến vào lúc con người được dựng nên, và chỉ có thể được nhận biết khi Con đến. "Hình ảnh của Đức Chúa Trời" tại Ê-đen chưa thể bao hàm sự hiểu biết này.

Tôi cho rằng một sự khẳng định như thế, dám đưa ra một phát biểu sâu rộng đến thế về Đức Chúa Trời, là điều đáng lo ngại. Dù có những chỉ dấu cho những kết luận như thế, tôi vẫn thiếu những dấu hiệu rõ ràng cho giả định này. Cũng có những chỉ dấu cho điều ngược lại.

Ghi chú thêm trong ấn bản thứ 4: Giáo lý này nay đã bị rút lại do sự phản đối mạnh mẽ từ nhiều phía.



9.6 Chúa Giê-xu và 12 môn đồ của Ngài

Trong các lời tiên tri, Chúa Giê-xu có thể được nhận biết là Đấng Mê-si-a và là Vua, là Con Người. Là một người nam. Những lời ấy đã được ứng nghiệm

nơi người nam ở Na-xa-rét. Phao-lô so sánh Ngài với A-đam, như trong một gia đình phụ quyền, là đầu của cuộc sáng tạo mới.

Alexander Strauch nhấn mạnh rằng Chúa Giê-xu phải là một người nam. Người ta có thể đồng ý với điều đó, nhưng từ đó suy ra địa vị cao hơn của giới tính nam, như ông làm, thì đơn giản là gây lầm lạc.[134] *Trước hết, Ngài đã trở nên một con người – Ngôi Lời đã trở nên xác thịt, chứ không phải trở nên một người nam!* Những lập luận của ông và của mọi người đại diện cho lối suy nghĩ này là một ví dụ cho thấy triết học Hy Lạp, cho đến ngày nay, đã xâm nhập được vào Hội Thánh của Đức Chúa Trời như thế nào. Và lại dưới chiếc áo choàng của sự sùng đạo.

Các nhân vật nam giữ những chức năng hay vai trò biểu tượng và hình bóng trong lịch sử cứu rỗi của Đức Chúa Trời. Điều đó không nhằm đề cao giới tính nam, ngay cả khi người ta cứ có ấn tượng như thế. Tôi sẽ phân biệt trong công việc của Chúa Giê-xu giữa chức năng trong lịch sử cứu rỗi và chức năng cứu rỗi. Chức năng thứ nhất đòi hỏi Ngài phải là một người nam. Đối với việc làm nên sự cứu rỗi, giới tính không có ý nghĩa gì. Nói cách khác, nói một cách sắc cạnh: một người nữ cũng đã có thể làm nên sự cứu rỗi trên thập tự giá.

Chúa Giê-xu chọn 12 môn đồ, tất cả đều là người nam. Điều đó là bình thường trong nền văn hóa do nam giới thống trị thời ấy. Nhưng với tư cách là những người đại diện cho 12 chi phái Y-sơ-ra-ên, họ phải là người nam. "*Chúa Giê-xu chọn các sứ đồ nam vì cùng một lý do mà Ngài chọn mười hai sứ đồ người Do Thái.* Trong mức độ những người theo Chúa Giê-xu đại diện cho Y-sơ-ra-ên mới, thì mười hai sứ đồ của Chúa Giê-xu, theo hình bóng, đại diện cho mười hai chi phái Y-sơ-ra-ên và đặc biệt là mười hai tổ phụ (các con trai của Gia-cốp), là những người mà dân tộc Y-sơ-ra-ên ra từ họ. Witt chỉ ra rằng mười hai sứ đồ nam đem lại cho lịch sử Y-sơ-ra-ên sự liên tục và sự ứng nghiệm theo hình bóng. *'Mười hai sứ đồ phải là những người nam Do Thái tự do, chứ không phải nô lệ, phụ nữ hay dân ngoại, để hoàn thành chức năng biểu tượng của vai trò hình bóng của họ'."*

Chúa Giê-xu đã kêu gọi 12 người nam. Ai viện dẫn điều này để nói rằng chỉ người nam mới được làm, thì cũng chỉ được xét đến những người nam Ga-li-

134. Strauch, 42-44

lê hay người nam Do Thái. Hoàn cảnh lịch sử, tiên tri, văn hóa, nhưng chỉ có một lần ấy, đòi hỏi các môn đồ của Ngài phải là người nam, là người Do Thái. *Vì vậy, điều này không bao giờ có thể là đường hướng hay chuẩn mực cho Hội Thánh toàn cầu của Chúa Giê-xu Christ, là Hội Thánh được tạo dựng từ mọi dân tộc.*

Con số mười hai không gợi nhớ đến một lớp học có 12 học trò, nhưng cũng chỉ về tính chất bao quát của phong trào Đấng Mê-si-a, phong trào không bỏ lại ai, *và cũng chính phong trào mà phụ nữ thuộc về.* Điều đáng chú ý là mười hai sứ đồ không bao giờ được gọi là những người nam. Trong việc theo Chúa Giê-xu, tất cả đều là người học, tất cả đều là học trò. Trước mặt Chúa Giê-xu, không có chỗ cho thái độ kẻ cả của nam giới đối với phụ nữ.

Chủ nghĩa lấy nam giới làm trung tâm, tức là cách nhìn và cách nói chủ yếu theo lối nam tính của Kinh Thánh, chắc chắn không diễn ra để thiệt hại cho phụ nữ. Phụ nữ không vì thế mà bị đẩy xuống hàng sau.

Con người Giê-xu đã quý trọng và tôn trọng phụ nữ theo một cách khác thường và triệt để. Ngài đã trả lại cho phụ nữ phẩm giá của họ. Richard Bauckham viết về những người phụ nữ tại mộ Chúa Giê-xu: Phụ nữ được Đức Chúa Trời ưu tiên chọn làm người nhận sự mặc khải, và như vậy làm người chuyển sự mặc khải ấy đến cho những người nam. *Chẳng phải đây là một phần của sự đảo ngược địa vị trong thời cuối cùng, trong đó Đức Chúa Trời làm cho kẻ sau rốt trở nên đầu và kẻ đầu trở nên sau rốt, để không ai có thể khoe mình trước mặt Đức Chúa Trời sao?*

9.7 TỔNG KẾT

"Kết luận của chúng ta phải là: không có lý do nào từ Kinh Thánh để những quan niệm về nam tính và nữ tính có ảnh hưởng chi phối trên sự hiểu biết của chúng ta về bản chất cốt yếu của bản thể Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời được gọi là 'Ngài' (trong tiếng Đức là đại từ giống đực 'Er') vì Đức Chúa Trời là thân vị, và được gọi là Cha chúng ta vì Đức Chúa Trời hành động như một người cha đầy yêu thương. Ngài không phải là nam, không phải là nữ, cũng không phải là sự kết hợp của cả hai. Những quan niệm về một vị thần có giới

tính là đặc trưng của rất nhiều quan niệm ngoại giáo, nhưng trong một Cơ Đốc giáo theo Kinh Thánh thì không có."[135]

Khi đọc Kinh Thánh, người nam và cả người nữ đều đồng hóa mình với những người nam như Áp-ra-ham, Môi-se, Đa-vít và Ê-li. Đàn ông chúng ta có đồng hóa mình như vậy với những người nữ như Đê-bô-ra, Ra-háp, Ru-tơ hay Ma-ri không? Chúng ta hãy một lần cố ý đọc Kinh Thánh và các câu chuyện trong đó từ góc nhìn của phụ nữ. Chúng ta hãy cố ý đọc và truyền lại những câu chuyện về phụ nữ cho giới trẻ và trong các bài giảng của chúng ta.

135. Như trên.

10 Lời xưng tội của tôi

Tổng số những lỗi lầm của đàn ông chúng tôi đối với phụ nữ thật lớn. Phần nhiều lại với ý thức rằng mình trung thành với Đức Chúa Trời và Lời Ngài. Vấn đề còn lớn hơn nhiều so với một quan điểm thần học gây tranh cãi. Riêng cá nhân tôi, tôi thấy mình được kêu gọi đến một sự xưng tội công khai và đồng thời không khoan nhượng với chính mình. Sự ăn năn là cơ hội cho sự sống mới và sự phục hưng. Tôi hy vọng rằng nhiều anh em trong Chúa sẽ hiệp một với lời xưng tội này, và lời ấy sẽ đến được tai và lòng của các chị em trong Đấng Christ, để Đức Chúa Trời được vui lòng.

Lạy Đức Chúa Trời, Yahweh Elohim, Đấng Tạo Hóa của người nam và người nữ, xin tha thứ cho con vì con đã nghĩ, đã đòi hỏi và đã hành động như thể người nữ không ngang hàng, mà thấp kém hơn. Không phải là người đối diện tương xứng, mà là người ở dưới con một bậc.

Lạy Chúa Giê-xu, xin tha thứ cho con vì con đã nghĩ rằng phụ nữ phải im lặng và phải rút lui khỏi nơi công cộng.

Xin tha thứ cho con vì con đã nghĩ rằng Chúa muốn họ không được phép công khai dạy dỗ về Chúa và chân lý của Chúa.

Tôi xin xưng nhận với vợ tôi, với mẹ tôi, với các chị em ruột của tôi và với tất cả những người bạn nữ trong Chúa, với tất cả những người nữ cùng làm việc cho Nước Đức Chúa Trời, với tất cả các chị em mà tôi đã cùng ngồi trong vô số giờ nhóm họp, rằng tôi đã xem chị em theo thứ bậc, ở dưới thẩm quyền của người nam!

Xin chị em tha thứ cho tôi về thái độ sai lầm này, mà tôi đã tưởng là theo ý Đức Chúa Trời và theo Kinh Thánh!

Xin chị em tha thứ cho chúng tôi vì chúng tôi đã bàn bạc và quyết định những cuộc tranh luận và những vấn đề quan trọng mà không có chị em. Chúng tôi đã không hỏi ý kiến chị em! Chúng tôi đã sống trong thế giới riêng của mình, như thể đó là thế giới duy nhất hay quan trọng nhất.

Tôi xin xưng nhận rằng đàn ông chúng tôi đã thất bại. Chúng tôi thường là những gã gia trưởng ích kỷ, độc đoán và phân biệt đối xử, những kẻ tự cho mình biết hơn, mà không hề nhận ra.

Mù lòa về chính mình. Mù lòa về chị em phụ nữ, về sự kêu gọi và ân tứ của chị em. Và vì thế, trong vấn đề này, cũng mù lòa về Đức Chúa Trời, Đấng Tạo Hóa của chị em.

Xin chị em tha thứ cho chúng tôi ở những chỗ chúng tôi đã hèn nhát, đẩy chị em ra phía trước và dựa vào chị em, ở những chỗ lẽ ra chúng tôi phải đứng vững như người nam và đi trước, và chị em đã có lý khi mong đợi điều đó.

Xin chị em tha thứ cho chúng tôi về sự thờ ơ của chúng tôi đối với những gì chị em thấy nặng nề và những gì chị em chưa bao giờ hiểu được. Chúng tôi chưa bao giờ hỏi chị em cảm thấy thế nào về điều đó.

Xin chị em tha thứ cho chúng tôi vì chúng tôi đã không hỏi chị em cảm nhận thế nào về những thái độ và những giáo lý phân biệt đối xử này.

Chúng tôi rất tiếc. Chúng tôi đã sai lầm.

Xin chị em hãy tự do! Hãy vui mừng phục vụ Chúa!

Đừng quen với hiện trạng! Hãy đứng dậy!

Dù truyền thống cần thời gian để thay đổi, chúng tôi muốn bắt đầu ngay bây giờ và không chần chừ nữa.

Chúng tôi sẽ nâng đỡ chị em – như chị em vẫn luôn nâng đỡ chúng tôi, bất chấp mọi điều chúng tôi đã làm.

Chúng tôi có thể bù đắp thế nào?

Thập tự giá của Chúa Giê-xu Christ là nơi ẩn náu duy nhất của tội nhân, nơi người ấy có thể kinh nghiệm sự tha thứ và sự giải phóng. Đối với Cơ Đốc nhân, đó cũng là nơi thuộc linh mà người ấy có thể được bảo đảm về sự tha thứ của mình. Là nơi chính Yahweh Elohim đã mang tội lỗi chúng ta trong thân thể Ngài trên cây gỗ. Và là nơi những tội nhân gặp nhau và nói lời tha thứ cho nhau.



Khi Đức Thánh Linh soi sáng lòng và lương tâm chúng ta, khi việc xưng tội trở nên cần thiết và sự ăn năn là bước duy nhất tiếp theo, thì trước thập tự giá chính là nơi người nam và người nữ gặp nhau. Để tha thứ cho nhau và hòa giải với nhau, để được tự do và được chữa lành.

"Đi từ một lối suy nghĩ phụ quyền đến một lối suy nghĩ thân thiện với phụ nữ không phải là một con đường dễ dàng. Điều đó đòi hỏi chúng ta phải hình dung lại mọi điều mà chúng ta tưởng mình đã hiểu về thế giới của chúng ta và cách nó vận hành, về đức tin của chúng ta và mối quan hệ của chúng ta với Đức Chúa Trời, với nhau và với vũ trụ của chúng ta. Đó là một sự thay đổi khó khăn chẳng kém việc tổ tiên chúng ta phải chuyển từ cách hiểu vũ trụ lấy trái đất làm trung tâm sang cách hiểu lấy mặt trời làm trung tâm. Những nhà khoa học đầu tiên đề xuất rằng trái đất quay quanh mặt trời chứ không phải ngược lại đã bị dứt phép thông công, vì người ta tin rằng điều đó đe dọa quyền năng của Đức Chúa Trời! Tương tự, thật rất khó để thoát khỏi một thế giới quan phụ quyền, trong đó việc phụ nữ bị nam giới thống trị, và việc các hệ thống, các thiết chế được nam giới tổ chức và điều hành, được chấp nhận là bình thường. Một thế giới quan bình quyền – bình đẳng là một thế giới quan nhìn phụ nữ và nam giới trong mối quan hệ hỗ tương, là những người chia sẻ quyền

lực, nhận ra, vun đắp và giải phóng ân tứ của nhau. Và đối xử với nhau bằng sự tôn trọng như nhau và phẩm giá như nhau."[136]

"Ai đã được tinh thần của Tin Lành nắm lấy thì sẽ đồng ý rằng một cách hiểu vai trò theo lối phụ quyền, áp đặt sự giám hộ lên phụ nữ và làm tê liệt họ đối với Nước Đức Chúa Trời, không những là điều bất công, mà còn đã gây ra cho Hội Thánh của Đức Chúa Trời những thiệt hại không sao kể xiết. Dù điều đó chưa bao giờ xảy ra vì những động cơ thấp hèn, trong tinh thần tranh giành quyền lực hay thậm chí cố ý hạ nhục, mà thường là do một sự hiểu lầm bi thảm về Kinh Thánh, thì giờ đây vẫn đã đến lúc can đảm đặt lại vấn đề về những truyền thống hạ thấp phẩm giá ấy và quay lưng lại với chúng, để phụ nữ cũng có thể đặt chân mình 'nơi rộng rãi' và cuối cùng có thể biết ơn kinh nghiệm sự cứu chuộc trọn vẹn mà Chúa Giê-xu Christ đã mua lấy."[137]

"Một người nam lành mạnh trong nội tâm sẽ làm mọi điều có thể để bằng tình yêu đưa người nữ bên cạnh mình vào trong sự kêu gọi của nàng." Veronika Schmidt

Như một căn bệnh nan y, như thứ cỏ dại lâu đời, bám rễ chắc và sâu, lan tràn khắp nơi, hình ảnh về phụ nữ nơi những người nam Cơ Đốc ngay từ ban đầu đã là tiếng vọng của môi trường quanh họ, và tiếc thay cũng là tiếng vọng của lòng họ. Dù được sống ra cách có ý thức hay vô thức, cách thô bạo, cách ôn hòa, thậm chí cách đầy yêu thương, vẫn không có lựa chọn nào khác ngoài việc quay trở lại với chân lý của Kinh Thánh, và như vậy là chân lý của Đức Chúa Trời, chân lý duy nhất đem lại tự do.

136. Reid, Barbara E., tr. 7, Wisdom's Feast, 2016
137. Krüger, Hartmut, tr. 183, Frauen im Pietismus, Marburg, 2005

11 TỔNG KẾT VÀ TRIỂN VỌNG

Từ kinh nghiệm của tôi, tức là có giới hạn và chủ quan, tôi đi đến kết luận rằng trong thái độ đối với "vấn đề phụ nữ" (hầu như chỉ có đàn ông mới gọi nó như vậy), não trạng, môi trường giáo hội và xuất thân đóng một vai trò quyết định.

Trong những Hội Thánh mà phụ nữ im lặng, và họ làm vậy vì xác tín, thì theo cách nhìn của con người, khó có thể trông đợi lối cư xử này được bãi bỏ. Những khuôn mẫu suy nghĩ đã được hun đúc qua nhiều thế hệ và đã đông cứng lại. Đó là những pháo đài. Trong những giới như thế, việc thay đổi những thói quen và truyền thống ấy bị xem như "lay chuyển các định luật của vũ trụ".

Dĩ nhiên, mọi điều đều được biện minh bằng "sự trung thành với Kinh Thánh" và sự vâng lời. Nhưng thật ra người ta trung thành với Kinh Thánh hay với cách giải nghĩa Kinh Thánh của mình? Dù sao câu hỏi này vẫn phải được đặt ra: Có thể nào người ta sai lầm không?

Điều tương tự cũng đúng với những Hội Thánh mà phụ nữ không được làm chấp sự hay trưởng lão. Ở những nơi họ bị loại khỏi mọi chức vụ lãnh đạo hay một số chức vụ lãnh đạo. Cả ở những nơi họ không được giảng và không được dạy dỗ.

Có thể nào xã hội (trật tự xã hội) và luật pháp của chúng ta, trong sự bình đẳng và quyền bình đẳng của nam và nữ, lại hợp với Kinh Thánh hơn thái độ của những Cơ Đốc nhân bảo thủ, "trung thành với Kinh Thánh"?

Điều gì sẽ xảy ra nếu một ngày kia luật về quyền bình đẳng và lệnh cấm phân biệt đối xử với một giới đòi hỏi quyền bình đẳng cho phụ nữ trong mọi lãnh vực – trong các Hội Thánh Tin Lành Phúc Âm và các Hội Thánh tự do, kể cả những Hội Thánh có khuynh hướng bảo thủ? Có lẽ đòi hỏi cả một hạn ngạch dành cho phụ nữ? Khi ấy, cái nhìn phụ quyền và về cốt lõi là trung cổ của chúng ta về người nam và người nữ có phải là điều mà chúng ta sẽ chịu khổ vì nó không? Điều mà chúng ta sẽ vào tù vì nó không? Dĩ nhiên Nhà

nước không có quyền quyết định điều đó trong giáo hội, nhưng nếu Nhà nước tự cho mình quyền ấy và đe dọa hậu quả thì sao?

Đàn ông chúng ta nên ăn năn vì chúng ta vẫn chưa hiểu Đức Chúa Trời lúc ban đầu đã tạo dựng vai trò và mối quan hệ giữa người nam và người nữ như thế nào. Trong nhiều trường hợp, sự hiểu biết ấy hoàn toàn không đến từ Kinh Thánh, mà được hun đúc bởi văn hóa và xã hội. Đến bao giờ chúng ta mới nhận ra mối liên hệ nằm sâu này? Người ta không thể vừa lên án thế gian, đồng thời vừa tuyên bố những khuôn mẫu hành xử của thế gian là theo Kinh Thánh.

Đến bao giờ mới có sự tự do của Thánh Linh và của trật tự sáng tạo ban đầu? Trong trật tự ấy, không phải giới tính quyết định về sự phục vụ, sứ mạng và sự kêu gọi trong Nước Đức Chúa Trời và trong Hội Thánh Ngài. Mà là ân tứ, khả năng, phẩm cách và sự trung tín, cũng như nhân cách và sự đào tạo. Đơn giản là năng lực thuộc linh: tinh thần sẵn sàng phục vụ và sự khiêm nhường, sự tận hiến của tấm lòng và thẩm quyền thuộc linh, là thẩm quyền không được ấn định hay trao ban, nhưng được nhận thấy, được nhận biết và được quý trọng. Đó sẽ là một bước đột phá của phước hạnh cho mọi Hội Thánh đã ấn định và cắt xén vai trò của phụ nữ theo những hình thức thế gian, chứ không theo những hình thức thuộc linh, theo Kinh Thánh và theo Đức Chúa Trời.

Qua đây tôi đã làm tròn trách nhiệm của mình, và tôi tách mình khỏi những hình thức không đến từ Kinh Thánh, mà đến từ một thế giới đã sa ngã. Những cách nhìn mà chính các Cơ Đốc nhân, những người nam, trong đó có tôi, đã "làm báp-têm" cho chúng để đưa vào các Hội Thánh và khoác cho chúng vẻ sùng đạo. *Chính điều đó là điều mà con rắn, kẻ cám dỗ, đã làm được: đàn áp hay loại bỏ sự đóng góp không thể thiếu của phụ nữ ở nhiều nơi.* A-đam và Ê-va cùng nhau mang hình ảnh của Đức Chúa Trời. Thân thể của Đấng Christ cũng vận hành theo cùng một cách như thế. Nếu không, thân thể ấy không vận hành như Đấng Christ muốn.

Đàn ông chúng ta hãy theo dấu chân Chúa Giê-xu trong cách Ngài đối xử với phụ nữ. Có một con đường quay trở lại. Đức Chúa Trời ban sự tha thứ và một khởi đầu mới. Cả trong những vấn đề này.

Tuy nhiên, chỉ với sự ăn năn. Với sự đổi mới tâm trí và suy nghĩ lại, chúng ta mới có thể chống lại nọc độc của con rắn, thứ mà nó đã dùng để lừa dối dân Đức Chúa Trời và cả thế giới suốt hàng ngàn năm, tức là cho rằng người nam có thẩm quyền trên người nữ.

Sự suy nghĩ lại từ trong lòng có thể xảy ra trong một khoảnh khắc, nhưng cũng có thể kéo dài nhiều năm. Tôi viết những dòng này khi 56 tuổi. Tôi đã không thấy trước điều này. Năm năm trước, tôi chưa thể viết ra điều này. Vì vậy, tôi không buộc tội ai. Nhiều lắm là buộc tội chính mình, vì trong vấn đề này tôi đã đánh mất bốn thập niên. Phao-lô đã cần ba năm ở A-ra-bi, ngay sau cuộc gặp gỡ đầy kịch tính với Đấng Christ và sự hoán cải của ông, để được giải thoát khỏi gánh nặng và đống gạch vụn của lối suy nghĩ Pha-ri-si, kể cả trong hình ảnh của ông về phụ nữ. Nhưng điều đó đã thành công. Và ngày nay cũng có thể thành công.

Về phương diện chăm sóc mục vụ, sự chữa lành và giải phóng này sẽ có một tác động phục hồi, sửa đổi và chữa lành khó lường được, vì đó là sự dạy dỗ lành mạnh, và vì vậy đem lại sự lành mạnh, của Lời Đức Chúa Trời. Nếu các cuộc hôn nhân được giải thoát khỏi huyền thoại về thẩm quyền của người nam trên người nữ. Nếu các Hội Thánh và các giáo hội cuối cùng được sử dụng trọn vẹn tiềm năng của mình.

Chúng ta hãy cuối cùng bỏ lại phía sau những phản xạ ưa thích và những hình ảnh kẻ thù của mình trong các đề tài này. Vợ và con gái chúng ta, mẹ chúng ta, chị em ruột và chị em thuộc linh của chúng ta là một ý tưởng của thiên đàng. Ai xúc phạm họ, ai bắt họ phải im lặng, thì mắc tội. Chúng ta sẽ trả lời thế nào trong ngày lớn ấy, khi Yahweh Elohim bắt chúng ta khai trình?

Những khẩu hiệu cố thủ là một phản xạ ưa thích như thế: Chúng ta hãy giữ vững Lời Chúa! Và người ta lẫn lộn "giữ vững Lời Chúa" với "giữ vững cách hiểu của mình về Lời Chúa". Đàn ông chúng ta phải đầu hàng và nhận ra rằng con rắn xưa phải bị đánh bại trong danh Chúa Giê-xu. Sự ăn năn là sự nhận biết tốt nhất – và mở ra triển vọng! Chẳng còn ý nghĩa gì khi chiến đấu cho những trật tự thế gian, và vì vậy là tội lỗi, trong Hội Thánh của Đức Chúa Trời.

Khi phụ nữ được giải phóng, thì đàn ông cũng được giải phóng.

Nguyện Đức Chúa Trời là Chúa, Yahweh Elohim, thương xót chúng ta!

Việc gạt bỏ bối cảnh văn hóa của các bản văn Kinh Thánh không dẫn đến chỗ người ta giữ theo từng chữ của các bản văn; mà dẫn đến chỗ từng chữ của Kinh Thánh trở thành màn chiếu cho những xác tín văn hóa của thời hiện tại của chính mình.

Điều mà nhiều tín hữu Tin Lành Phúc Âm được rao giảng như một chân lý đời đời của Kinh Thánh, thật ra là sản phẩm của thế kỷ 19 và 20. Ai cũng có thể kiểm chứng điều đó.

Làm sao người ta có thể học cách, trong những vấn đề còn tranh cãi, dù chỉ là thảo luận cách nghiêm túc những lập trường khác nhau, khi suốt nhiều thập niên người ta đã tập quen không phải bênh vực những xác tín, mà áp đặt những tín điều giáo lý?

Thorsten Dietz

11.1 Gợi ý và lời khuyên

Trước cuộc tranh cãi này, chúng ta áp dụng những nguyên tắc Kinh Thánh thế nào để những kết luận ấy trở thành hiện thực trong giáo hội của Đấng Christ ngày nay?

Một vấn đề lớn trong các Hội Thánh và các giáo hội ngày nay là một sự hiểu lầm sâu xa về bản chất của ân điển và công việc của Đức Thánh Linh. Chừng nào chủ nghĩa luật pháp và truyền thống còn bị lẫn lộn với Tin Lành của Đấng Christ, thì những sự chia rẽ sẽ luôn theo sau những sự thay đổi. Vì vậy chúng ta phải siêng năng làm việc để rao giảng Tin Lành trong các Hội Thánh. Chúng ta phải chỉ rõ những sai lầm của chủ nghĩa luật pháp và nói lên rõ ràng chân lý về ân điển của Đức Chúa Trời.

Dù nhiều người sẽ cho một sự dạy dỗ như thế là tự do (liberal), thật ra đó chỉ là sự lặp lại công việc của Phao-lô. Phao-lô đã làm việc phần lớn cuộc đời mình để quở trách những người dạy dỗ theo khuynh hướng Do Thái hóa, là những người muốn quay trở lại với luật pháp Môi-se. Chúng ta nên theo Phao-lô và quở trách những người muốn quay trở lại với thần học của Cựu Ước (chỉ có thầy tế lễ nam, chú trọng và đề cao quá mức các hình thức và những điều bề

ngoài, sợ phạm lỗi, sự vâng lời mù quáng, v.v.). Nhưng chúng ta nên nói ra lẽ thật trong tình yêu thương.

Dù vậy, chúng ta phải hiểu rằng anh chị em cùng đức tin cần thời gian để chấp nhận những ý tưởng mới. Ngay cả đối với một người cởi mở, một sự thay đổi triệt để trong suy nghĩ cũng có thể cần nhiều năm cho đến khi người ấy cảm thấy thoải mái. Khi tôi nhận một toa kính mới, thì những tròng kính mới và tốt hơn lại thật sự có vẻ tệ hơn những tròng kính cũ, mờ, cho đến khi tôi đã đeo chúng vài ngày. Chúng ta phải kiên nhẫn. Thực hành có khi chỉ theo sau một sự hiểu biết mới về giáo lý nhiều năm sau đó.

Những sự chia rẽ không phải là điều không thể tránh, nhưng nguy cơ thì rất lớn. *Nếu các Hội Thánh không từ bỏ chủ nghĩa luật pháp và không quay về với thập tự giá, thì sẽ có những sự phân ly và chia rẽ.* Giải pháp duy nhất khác là không thay đổi. *Và rồi còn mất luôn cả con cái mình.*

Sự thay đổi là cần thiết và không thể tránh. Chúng ta không thể từ chối cho hơn một nửa số tín hữu quyền được làm Cơ Đốc nhân với đầy đủ quyền. *Điều đó không phải vì "quyền lợi" của họ. Đúng hơn, Đức Chúa Trời cần người làm công.* Người đói phải được nuôi, trẻ em phải được giáo dục và con người phải được cứu. Khi chúng ta từ chối cho rất nhiều chi thể của thân thể Đấng Christ quyền tham gia vào việc đưa ra quyết định hay vào việc lãnh đạo Hội Thánh, *thì chúng ta tự tước vũ khí của mình một cách đơn phương trước đạo quân của Sa-tan.* Hãy hình dung bạn đang đối mặt với một đạo quân thù nghịch, rồi bạn quay lại và tước vũ khí của phần lớn những sĩ quan giỏi nhất của chính mình, vì sợ vi phạm điều lệ của quân đội. Chúng ta phải lo nghĩ về việc làm sao chống cự Sa-tan, và để Đức Chúa Trời lo việc chọn những người lãnh đạo, người dạy dỗ, người phát ngôn và người quản lý của Ngài.

Rốt cuộc, chúng ta chỉ có thể làm được bấy nhiêu, phần còn lại thuộc về Đức Chúa Trời. *Ngay cả Chúa Giê-xu cũng không thay đổi được lòng của phần lớn người Pha-ri-si, nhưng Ngài đã thay đổi đủ nhiều tấm lòng để viết lại lịch sử thế giới. Chúng ta chỉ có thể gieo. Đức Chúa Trời phải làm cho lớn lên.*

Những thay đổi thật sự đến khi con người được giúp để có thể dùng suy nghĩ và năng lực của mình theo một cách mới, dùng một khuôn mẫu suy

nghĩ khác và một ngôn ngữ khác, và có những khải tượng mới mẻ về tương lai.

Là người nam và người nữ

Yêu thương, lãnh đạo và dạy dỗ

TỐT HƠN KHI Ở CÙNG NHAU!

TỐT HƠN KHI CHUNG SỨC!

TỐT HƠN KHI CÓ NHAU!

Con sẽ bước đi nơi RỘNG RÃI, vì con đã tìm kiếm các giềng mối của Chúa.

Thi Thiên 119:45

12 Sự khác biệt

Từ cuốn sách của Marilyn B. Smith, Ingrid Kern (chủ biên): *Ohne Unterschied; Frauen und Männer im Dienst für Gott* (Không có sự khác biệt; Phụ nữ và nam giới trong sự phục vụ Đức Chúa Trời), 2005, tôi đã quét hai bảng tổng hợp và sơ đồ. Chúng cho một cái nhìn tổng quát tốt về cách hai lập trường về sự bổ sung cho nhau, một lập trường có và một lập trường không có thứ bậc hay sự thuận phục một chiều giữa người nam và người nữ, được hiểu và được lập luận. Ở đây chúng được gọi là *mô hình thứ bậc và mô hình dựa trên ân tứ*.

Tôi trình bày hai mô hình này không phải để người ta chọn một trong hai, mà để mỗi người tự xác định mình đang chủ trương mô hình nào, cách có ý thức hay vô thức.

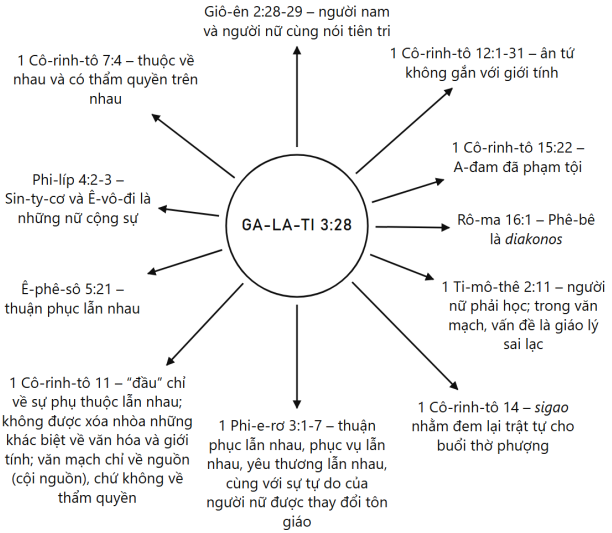
12.1 Mô hình dựa trên ân tứ

Trong quan điểm mới này về sự cứu chuộc, người ta dựa trên những nghĩa sau:

ʿezer k^{e}nägdo	người giúp đỡ có giá trị như nhau có nghĩa là "mặt đối mặt; tương xứng với nhau"
kephale	đầu có nghĩa là "nguồn"
authentein	được xem là một từ hiếm dùng, chỉ về sự thống trị
sigao	có nghĩa là tự nguyện yên lặng để có thể chăm chú lắng nghe
hypotasso	có nghĩa là tự nguyện xếp mình vào / đặt mình tương ứng, và được dùng trong văn mạch thuận phục lẫn nhau

Phân đoạn trọng tâm được dẫn ra là Ga-la-ti 3:28, câu chỉ về sự bình đẳng của mọi người trong Đấng Christ và phải được hiểu vừa theo nghĩa thuộc linh vừa theo nghĩa thực tế, vì việc sống ra mỗi ngày danh tính mới của chúng ta trong Đấng Christ không thể tách rời khỏi thực tại đời đời của sự sống chúng ta trong Ngài.

Tóm tắt các niềm tin làm nền tảng cho mô hình *dựa trên ân tứ*

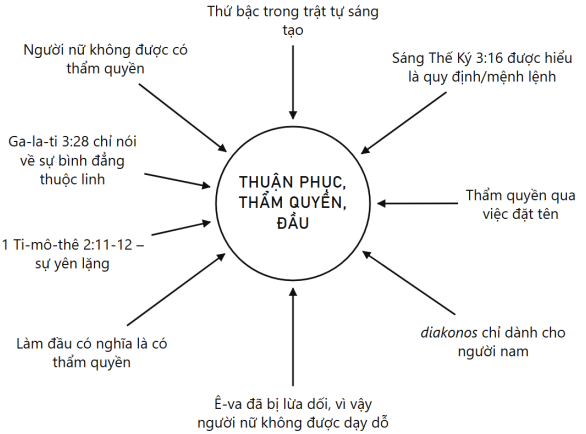


Người nam và người nữ đều được dựng nên như nhau theo hình ảnh Đức Chúa Trời, để sống trong cộng đồng và phục vụ cộng đồng ấy dựa trên các ân tứ mà Đức Thánh Linh ban phát cho họ, chứ không dựa trên giới tính của họ. Bản chất của cộng đồng này nằm ở sự thuận phục lẫn nhau và trách nhiệm với nhau: mọi người đều phải là đầy tớ và dùng ân tứ của mình góp phần gây dựng lẫn nhau.

12.2 Mô hình thứ bậc

PHỤ LỤC B

Tóm tắt các niềm tin làm nền tảng cho mô hình định hướng *theo thứ bậc*



Người nữ ở dưới quyền người nam, như Đấng Christ ở dưới quyền Đức Chúa Cha. Nhìn chung, những người theo quan điểm truyền thống nói rằng người nữ không thua kém người nam, nhưng dù có giá trị như nhau về mặt thuộc linh, họ có những nhiệm vụ khác. Điều đó có nghĩa là nhiệm vụ của họ tùy thuộc vào giới tính của họ. Nền tảng Kinh Thánh cho điều này được cho là: "đầu" đồng nghĩa với thẩm quyền, và vì Đấng Christ là đầu (thẩm quyền) của Hội Thánh, còn người nam là đầu (thẩm quyền) của người nữ, nên người nữ phải thuận phục và không được có thẩm quyền trên người nam. Vì vậy, người nữ không được dạy dỗ người nam và cũng không được giảng đạo.

Trong quan điểm truyền thống này, người ta dựa trên những nghĩa sau:

ʿezer kᵉnägdo	người giúp đỡ có giá trị như nhau có nghĩa là "ở dưới quyền"
kephale	đầu có nghĩa là "thẩm quyền"
authentein	được dịch là "thẩm quyền"
sigao	có nghĩa là "không được nói"
hupotasso	có nghĩa là "sự thuận phục của người vợ đối với người chồng", và được giáo hội tiếp nhận theo nghĩa "sự thuận phục của người nữ đối với người nam"

Các phân đoạn trọng tâm được dẫn ra là:

Ê-phê-sô 5:22 (sự thuận phục)
1 Ti-mô-thê 2:12 (Ta không cho phép)
Ê-phê-sô 5:23 và 1 Cô-rinh-tô 11:3 (đầu)

(Ga-la-ti 3:28 chỉ được giải thích hoàn toàn theo nghĩa thuộc linh – như một lời quan trọng của giáo lý xưng công chính – nhưng không có ảnh hưởng cụ thể nào trên đời sống thực tế)

13 Lời bạt của một số độc giả

Tôi biết ơn vì một số bạn bè, sau khi đọc bản thảo với con mắt phê bình, đã sẵn lòng góp một lời riêng. Những lời ấy bổ sung điều tôi còn thiếu, và đào sâu điều tôi chỉ mới lướt qua.

13.1 Tầm nhìn tự do đã bị cỏ dại che lấp!

Tại sao chúng tôi muốn và phải viết một cuốn sách về đề tài này? Không phải vì chúng tôi muốn cách mạng hóa mọi sự. Không phải vì chúng tôi biết rõ hơn.

Đó là vì Hans-Jörg bất ngờ được hỏi: "Anh nhìn địa vị và vai trò của người phụ nữ thế nào? Nói chung, và đặc biệt trong đời sống Hội Thánh Cơ Đốc?"

Câu hỏi này không phải lần đầu tiên được đặt lên bàn trong đời sống của chúng tôi. Trong một thời gian dài, chúng tôi gắn bó với những môi trường Hội Thánh, và ở đó, việc đặt lại vấn đề về vai trò phụ thuộc hay im lặng của phụ nữ là điều phản tác dụng, khi mọi sự đang êm ả đi theo những lối mòn đã định sẵn.

Riêng tôi, tôi không phải là người nổi loạn, theo kiểu lập tức trình bày hay muốn áp đặt quan điểm và ý kiến của mình. Tuy vậy, trong quá khứ, đặc biệt trong đời sống Hội Thánh Cơ Đốc, tôi đã rất khó chịu đựng nổi những cách làm mà tôi không "được phép" đặt câu hỏi, hoặc khi tôi nhận được những câu trả lời rất con người và hời hợt.

Có Hans-Jörg bên cạnh, tôi có một người chồng yêu thích hơn hết việc tra cứu và học hỏi Kinh Thánh. Thật là một sự phong phú lớn khi anh hiểu và giải thích Lời Đức Chúa Trời. Điều gì chưa hiểu và chỗ nào còn câu hỏi, thì đến một lúc nào đó lại được học hỏi lại.

Cần có can đảm để đặt lại vấn đề về những quan điểm và ý kiến đã đông cứng, rồi nhận ra rằng điều đó thật ra không phù hợp với cuộc sống của tôi từ trước đến nay.

Tôi được hun đúc theo cách mà phụ nữ không nói gì thành tiếng trong buổi nhóm họp của Hội Thánh Cơ Đốc. Chắc chắn hồi nhỏ tôi đã có lần hỏi tại sao lại như vậy. Câu trả lời rằng Kinh Thánh viết như thế đã đủ với tôi lúc ấy, và không cần hỏi thêm. Vậy là tôi tiếp nhận y như thế và cứ thế mà sống. – Vì vậy, suốt nhiều thập niên, sự dự phần của riêng tôi vào nội dung của đời sống Hội Thánh trở nên rất thụ động, vì mọi điều góp phần vào buổi thờ phượng đều hoàn toàn do người nam đảm nhận. Khi cầu nguyện, tôi cầu nguyện thầm. Là phụ nữ, tôi không có trách nhiệm gì trong đó.

Ngày nay tôi tự hỏi Đức Chúa Trời, là Chúa, lúc ban đầu đã hình dung điều đó như thế nào. Ngài, Đấng Tạo Hóa của trời và đất, của mọi người nam và người nữ, của mọi loài thú vật, Ngài mong muốn chúng ta, loài người, là hình ảnh của NGÀI, ngang nhau trước mặt NGÀI, với những tài năng NGÀI ban cho chúng ta. Khi làm bài trắc nghiệm ân tứ, chúng ta nhận ra rằng mỗi người đều có điều mình làm đặc biệt giỏi, và trong mọi việc ai cũng có điểm mạnh và điểm yếu.

Sẽ thế nào nếu

- Đấng Tạo Hóa, Đấng đã dựng nên tôi đầy sáng tạo, khéo léo, mạnh mẽ, mà tôi lại chẳng có gì để thưa với Ngài trong buổi thờ phượng / trong buổi nhóm họp của Hội Thánh
- Chúa Giê-xu, Đấng Cứu Thế của nhân loại, đã đến thế gian, đã sống ở đây, đã thật sự đảo ngược và thay đổi đời sống và vai trò của người phụ nữ – đã chết vì tôi, mà giờ đây một phần lớn trong công trình cứu rỗi của Ngài – phần nữ giới – một nửa cõi sáng tạo của Ngài, lại chẳng có gì để ngợi khen và cảm tạ về điều đó trong buổi thờ phượng

Vì vậy tôi muốn ra khỏi sự thụ động của mình. Muốn vượt qua những gì đã hun đúc mình. Muốn chủ động phát triển. Hỡi những người nam, các anh có thể giúp phụ nữ! Trong việc ấy, ai là người giúp đỡ cho ai?

Về đời sống hôn nhân, là chồng và vợ, chúng tôi sống với nhau nhịp nhàng như một cỗ máy được tra dầu kỹ. Những quyết định quan trọng, chúng tôi cùng nhau đưa ra. Những quyết định liên quan đến ân tứ và nhiệm vụ của tôi, tôi hoàn toàn có thể tự mình quyết định. Hans-Jörg cũng vậy. Trong tất cả những điều đó, chúng tôi sẽ kể cho nhau nghe và trao đổi với nhau. Tình

yêu và sự tôn trọng dựa trên sự hỗ tương, và cùng nhau kéo chung một sợi dây, về cùng một hướng. Vì chúng tôi đang cùng đi đến một mục tiêu chung.

Ngay cả khi tôi đọc lịch sử văn hóa và nhận ra vai trò nào dành cho phụ nữ đã dường như là điều hiển nhiên, từ thời Trung cổ qua mọi thời kỳ khác nhau, tôi cảm thấy buồn và ngày nay không thể hình dung nổi điều đó nữa, vì khi ấy tốt nhất là phụ nữ hoàn toàn không xuất hiện nơi công cộng, trong học vấn và trong những quyết định quan trọng. Dòng thời gian đã nhiều lần đem lại sự chuyển biến và thay đổi. Nhưng trong một số lãnh vực của đời sống và những gì đã hun đúc con người, lối phân chia vai trò ấy vẫn còn bám rất sâu.

Tôi chợt nhớ đến một hình ảnh mà tôi đã để ý khi đi dạo quanh hồ nước xinh đẹp của chúng tôi: dọc theo con đường quanh hồ, thỉnh thoảng lại có những chiếc ghế dài. Khi ngồi nghỉ chân, tôi nhận thấy tầm nhìn ra hồ đã hoàn toàn bị bụi rậm và cây cối che lấp. Khi viết, tôi nghĩ ra sự so sánh này: Hồ nước và chiếc ghế vẫn còn đó = cõi sáng tạo và bản chất con người vẫn còn đó – chỉ có tầm nhìn và điều mà Đấng Tạo Hóa đã nghĩ đến lúc khởi nguyên là đã gần như biến mất sau bụi rậm và cây cối. Để tầm nhìn, là lý do chính đáng mà chiếc ghế từng được đặt ở đó, được phát quang trở lại, thì những bụi rậm và cây cối mọc hoang phải được dọn đi. Cũng vậy, những thứ mọc lan tràn mà chúng ta đã để cho mọc lên trên ý định của Đấng Tạo Hóa phải được dọn đi.

Christine Ronsdorf, Sulzberg, vùng Allgäu

13.2 Lẽ ra điều gì đã có thể xảy ra!

"Lại thêm một cuốn sách về 'vấn đề phụ nữ' …", đó là phản ứng đầu tiên của tôi khi nhận bản thảo mà Hans-Jörg Ronsdorf gửi cho tôi. Nhưng sau khi đọc lướt lần đầu, cách tiếp cận của sách khiến tôi chú ý đến nỗi tôi không thể dứt ra được. Quá trình tôi được hun đúc trong môi trường Cơ Đốc giống với tác giả. Tôi lớn lên trong 'các hội chúng Anh Em khép kín', với những 'giờ nhóm của các anh em trẻ' chỉ dành riêng cho các thanh niên, trong khi các thiếu nữ thì gặp nhau trong 'giờ đan len'. Ở đó không có phần chia sẻ Lời Chúa, vì một người nữ thì không được dạy dỗ. Phụ nữ không dạy dỗ, không tham gia

thảo luận những vấn đề thần học, họ im lặng trong Hội Thánh, trừ khi nói 'A-men' hay hát bốn bè. Tôi vẫn còn nhớ rõ một bài giảng của một anh em thuộc hàng lãnh đạo toàn quốc thời ấy của 'các hội chúng Anh Em khép kín' tại Hội Thánh quê nhà tôi, trong đó ông nói về đề tài 'hội nghị phụ nữ' bằng câu: "Rồi chúng ta sẽ đi đến đâu, nếu phụ nữ đi dự hội nghị, còn đàn ông phải ở nhà đẩy xe em bé?" Đúng vậy, rồi chúng ta sẽ đi đến đâu? Một câu hỏi mà người ta, hay đúng hơn là tôi, lẽ ra đã phải tự hỏi từ lâu hơn nhiều. Dù là do nhận thức hay do áp lực của toàn xã hội, trong những thập niên gần đây, tình hình trong các giới bảo thủ của các Hội Thánh (Anh Em) quả thật đã thay đổi. Có những giờ nhóm thanh niên, những nhóm tại gia và những dịp khác, trong đó phụ nữ được nhìn nhận và đối xử khác với thời tôi còn trẻ. Một số nơi đi xa thêm một chút trên con đường ấy và cho phụ nữ cơ hội phục vụ theo ân tứ và sự kêu gọi của mình trong một số góc nhỏ của sinh hoạt Hội Thánh. Tuy nhiên, riêng tôi tự hỏi: Như thế đã đủ chưa? Trong thời kỳ thành lập các hội chúng Anh Em, Darby và những người cùng chiến đấu với ông đã tái khám phá nguyên tắc chức tế lễ của mọi tín hữu. Vốn hiếu chiến, Darby đã phát biểu điều đó như sau, để phân biệt với chủ nghĩa giáo sĩ trị của các giáo hội nhà nước: "I believe the 'Notion of a clergyman' to be the sin against the Holy Ghost in this dispensation". Đại ý là: "việc lập ra một tầng lớp giáo sĩ là tội phạm đến Đức Thánh Linh trong thời kỳ (dispensation) này". Luận điểm nằm ở trung tâm thần học của phong trào Anh Em này, khi được thực hiện, đã đem lại một lợi ích lớn về sự dẫn dắt của Thánh Linh và sự tự do cho Hội Thánh của Đức Chúa Trời. Nhưng tiếc thay, nó chỉ xóa bỏ việc giới hạn các chức vụ trong Hội Thánh theo tiêu chuẩn 'được đào tạo thần học và được phong chức', còn tiêu chuẩn "phải là nam giới" thì vẫn được giữ lại. *Lẽ ra điều gì đã có thể xảy ra, nếu người ta nhận ra 'big picture' – bức tranh lớn, như Hans-Jörg Ronsdorf đã vẽ ra – thay đổi vai trò của người phụ nữ trong Ecclesia của Đức Chúa Trời như thế nào?* Điều gì sẽ xảy ra nếu phong trào Anh Em đã kiên quyết chủ trương rằng "tất cả chúng ta đều là anh em", cả nam lẫn nữ? Nước Đức Chúa Trời, trong 'sự công chính, sự bình an và sự vui mừng trong Đức Thánh Linh', đã có thể chinh phục và thấm nhuần thế giới này đến mức nào nhờ một sự khám phá như thế và việc thực hiện nó, từ lâu trước thời mà chủ nghĩa nữ quyền thế tục đã làm điều đó, một phần theo những cách không tốt? Vì vậy tôi muốn cố ý viết lại câu của Darby một cách mới và khác, có

tính khiêu khích: "Tôi tin rằng quan niệm cho rằng phụ nữ phải im lặng và không được dạy dỗ, không được phục vụ như người nam, là sự chống đối Đức Thánh Linh trong thời đại chúng ta". Kinh Thánh nói rõ: "Những điều con đã nghe nơi ta trước mặt nhiều người làm chứng, hãy giao phó cho những người trung tín, là những người cũng có khả năng dạy dỗ người khác!" (2 Ti-mô-thê 2:2) Phao-lô viết "những người" (anthropoi – con người) chứ không viết "những người nam"! Điều gì xảy ra khi người ta sống như vậy? Sự phong phú về ân tứ và sự kêu gọi của >50% tín hữu trong Hội Thánh được khơi dậy, và sự tăng trưởng bắt đầu, điều mà trước đó người ta không thể hình dung nổi. Giờ đây tôi vui lòng và thường xuyên cùng vợ tôi phục vụ trong nhiều dịp, và xin hãy tin tôi: có nhiều điều bà ấy dạy giỏi hơn tôi nhiều. Và tôi cũng khám phá ra điều đó nơi nhiều phụ nữ trong môi trường Hội Thánh của tôi. *Vì vậy, riêng tôi, điều tôi quan tâm không còn là thêm một chút 'phụ nữ trong Hội Thánh', mà là trao cho phụ nữ chỗ đứng mà Đức Chúa Trời đã định cho họ.* Dallas Willard đã diễn đạt rất hay: "Không phải quyền của phụ nữ được giữ những chức vụ 'chính thức' hay những chức vụ thuộc linh, cũng không phải quyền bình đẳng của họ với nam giới trong những chức vụ ấy, là điều quy định những điều kiện cho sự phục vụ của họ đối với Đức Chúa Trời và đối với người lân cận. Chính những bổn phận của họ mới làm điều đó – những bổn phận phát xuất từ những khả năng con người của họ, được các ân tứ của ân điển Đức Chúa Trời ban quyền năng" (trong "How I Changed My Mind About Women in Leadership"). Với ý nghĩa đó, tôi vui mừng về cuốn sách này và chúc mỗi người – dù là nam hay nữ – đã đọc nó với tấm lòng cởi mở, để rồi vui mừng nói lên và sống ra rằng: "Tất cả chúng ta đều là anh em!"

Rolf Stücher, Salzburg, Westerwald

"Vấn đề phụ nữ" và "tình yêu thương anh chị em"

"Vấn đề phụ nữ" đã gây ra biết bao tranh cãi và đổ vỡ trong Hội Thánh của Đức Chúa Trời. Có thể nào Đức Chúa Trời muốn chúng ta đánh nhau vỡ đầu vì những vấn đề tranh cãi như thế không? Mỗi người chúng ta đều sẽ nói: "Dĩ nhiên là không!" Vậy tại sao đó lại là thực tế đáng buồn?

Trong lời bạt của mình, chúng tôi muốn nhiệt thành kêu gọi việc tạo ra những diễn đàn, nơi người ta có thể thảo luận và trao đổi với nhau cách thuộc linh, đầy yêu thương và xây dựng, kể cả về những đề tài khó như đề tài này. Chúng tôi đã kinh nghiệm điều đó trong một buổi gặp gỡ với Hans-Jörg, vợ anh là Christine, và những người bạn chung. Dù có phần khác nhau trong cách nhìn về "vấn đề phụ nữ", chúng tôi ra về sau cuộc trò chuyện đầy lòng biết ơn và vui mừng vì có những anh chị em đáng yêu như thế. Chúng tôi đã kinh nghiệm câu Kinh Thánh sau đây được sống ra như thế nào:

"Ta ban cho các ngươi một điều răn mới: Hãy yêu nhau! Các ngươi hãy yêu nhau như Ta đã yêu các ngươi. Nhờ tình yêu các ngươi dành cho nhau, mọi người sẽ nhận biết các ngươi là môn đồ Ta" (Giăng 13:34-35)

Trong Hội Thánh của chúng tôi, giờ đây việc trao đổi về vai trò của phụ nữ cũng đang đến lượt. Chúng tôi là một nhóm nhỏ và trẻ – hầu như ai cũng ở độ tuổi từ 20 đến 40. Ngoài ra, chúng tôi đã mang theo trên đường đi những ảnh hưởng giáo lý hoàn toàn khác nhau. Theo cách nhìn của con người, tất cả những điều đó đều không phải là những điều kiện dễ dàng. Thêm vào đó, người trẻ thường còn cực đoan hơn trong xác tín của mình so với những Cơ Đốc nhân lớn tuổi, chín chắn hơn. Tạ ơn Đức Chúa Trời, điều không thể đối với chúng tôi thì có thể đối với NGÀI. Vì chúng tôi có thể trông cậy vào sự dẫn dắt đầy yêu thương của Đức Thánh Linh! Trong Hội Thánh của chúng tôi, chúng tôi luôn luôn nhắc nhau phải có cùng tâm tình như Chúa Giê-xu: Hãy luôn chú tâm đến người khác và nhu cầu của họ, hãy khiêm nhường và đừng cố chấp cho mình là đúng!

Nếu muốn đối diện với đề tài này cách xây dựng, là điều chúng tôi dự định làm, thì chúng tôi thấy cần thiết phải lưu ý hai điều: Thứ nhất, chúng tôi phải luôn ý thức "vấn đề phụ nữ" có tầm quan trọng thế nào so với "tình yêu thương anh chị em". Đức Chúa Trời sẽ không vui khi chúng ta đặt những xác tín giáo lý của mình lên trên rất nhiều lời kêu gọi hãy yêu thương nhau cách rất thực tế. Chúng tôi đã quyết định rằng tình yêu ấy phải được thể hiện trong cuộc trao đổi sắp tới của chúng tôi, đến nỗi chúng tôi không hành động bất chấp lương tâm của anh chị em, và lấy người yếu hơn làm chuẩn. Thứ hai, chúng tôi muốn tìm hiểu các bản văn càng khách quan càng tốt, cũng sẵn sàng đón nhận những câu hỏi có tính phê bình và thành thật tự xét mình. Có

lẽ chúng tôi sẽ cùng nhau nhận ra rằng những truyền thống giải nghĩa mà chúng tôi đã sống theo cho đến nay thật sự cần được điều chỉnh. Sau cùng, chúng tôi biết rằng một cuộc trao đổi có kết quả chỉ có thể thành hình khi mọi người đều mở lòng đón nhận sự dẫn dắt của Đức Chúa Trời và sẵn sàng dấn thân vào đề tài này và đến với nhau.

Nhưng có một điều chúng tôi muốn luôn đặt ở vị trí cao nhất trong danh sách ưu tiên của mình:

Chúng ta hãy lấy việc sống ra sứ mạng chung là yêu thương nhau cách rất thực tế làm nhiệm vụ chính của mình!

Qua cách chúng ta đối xử với nhau, chúng ta hãy chinh phục người ta cho Chúa Giê-xu, vì đó là lý do chúng ta có mặt ở đây!

Helen & Matthias Dünser, Missen, vùng Allgäu

13.3 Sự thay đổi

Chúng tôi quen biết Christine và Hans-Jörg Ronsdorf từ tháng 12 năm 2015, khi họ chia sẻ với chúng tôi khải tượng truyền giáo của họ về "Kirche für Alle" ("Hội Thánh cho mọi người"). Sát cánh bên nhau, chúng tôi cùng với họ và một nhóm cộng sự đã xây dựng sáng kiến "Kirche für Alle e.V.", và từ đó đã tổ chức nhiều sự kiện truyền giảng đầy sáng tạo tại những nơi công cộng ở Kempten. Trong năm năm cùng lãnh đạo ấy, chúng tôi đã biết nhau cách sâu sắc và riêng tư, với tư cách là những cặp vợ chồng và những gia đình.

Khi chúng tôi quen biết gia đình Ronsdorf, Hans-Jörg đã ở giữa một sự thay đổi thuộc linh. Đức Chúa Trời đã chạm đến lòng anh và làm lung lay những ảnh hưởng và xác tín đã ăn sâu. Chúng tôi đã được tận mắt chứng kiến quá trình thay đổi này. Điều đó đặc biệt thú vị, vì chỉ một năm trước đó, việc cộng tác với chúng tôi là điều không thể nghĩ đến vì những xác tín thần học của anh.

Trong những năm ấy, chúng tôi đặc biệt học được cách quý trọng sự say mê Kinh Thánh của Hans-Jörg, kiến thức nền của anh, tình yêu của anh dành cho

Đức Chúa Trời và sự thành thật của anh khi đối diện với những câu hỏi thần học căn bản. Anh cam kết với Đức Chúa Trời hơn là với ý kiến của người khác, và anh không lùi bước trước những đề tài nhạy cảm. Chính những gì đã hun đúc anh, lịch sử Hội Thánh của anh và chính thái độ chân thật này đã làm cho việc anh đối diện với đề tài đầy thách thức "Vai trò của phụ nữ trong Kinh Thánh" trở nên đặc biệt, thú vị và đáng đọc như vậy.

Cuốn sách này không sa vào những góc nhìn thần học vụn vặt, mà từ một độ cao thích hợp, nó cho thấy những mối liên hệ lịch sử, văn hóa và Kinh Thánh, đặt việc giải nghĩa những câu Kinh Thánh khó hiểu dưới một ánh sáng mới. *Xin chị em phụ nữ tha thứ cho chúng tôi!* (*Frauen, vergebt uns!*) kêu gọi mỗi người đặt những gì đã hun đúc mình và những hiểu biết thần học của mình lên bàn cân – và phụ nữ xứng đáng với điều đó. Với lòng tôn trọng lớn đối với đề tài này, chúng tôi đã được chứng kiến cuốn sách này ra đời, và chúng tôi biết ơn về cuốn sách can đảm này, và trên hết về nhiều cuộc trò chuyện sâu sắc và tốt đẹp trước đó. Cảm ơn anh Hans-Jörg và chị Christine.

Tobi và Daniela Stricker, Wiggensbach gần Kempten, vùng Allgäu

14 Lời biện hộ sau cùng: Vấn đề phụ nữ có quan trọng đến thế không?[138]

Một chị em đã lưu ý tôi rằng câu hỏi này không (chỉ) là vấn đề thần học. Đây là vấn đề con người. Đây là vấn đề về các em gái và phụ nữ, về phẩm giá của họ và sự công nhận dành cho họ. Là đàn ông, tôi nhìn toàn bộ đề tài này từ góc nhìn của nam giới, điều đó không trực tiếp phản ánh tiếng nói của phụ nữ, nhưng là lên tiếng thay cho họ.

Tôi e rằng cơ cấu tôn giáo theo thứ bậc này (thuyết bổ sung) đã làm tổn thương hay phá hủy điều gì đó nơi nhiều phụ nữ. Một vài phản hồi về cuốn sách của tôi xác nhận nhận định này. Con số thật chưa được biết hẳn còn lớn hơn, nhất là khi tôi nghĩ đến những thiếu nữ và các em gái lớn lên trong một xã hội bình quyền, nhưng trong môi trường Hội Thánh Cơ Đốc của mình lại được "dạy dỗ" bằng những khuôn mẫu vai trò giới tính của thời cổ đại. Phải đối diện với sự nước đôi này thế nào?

14.1 Vấn đề không phải là vài chức vụ (bị cấm)

Để nói cho rõ: vấn đề chủ yếu không phải là việc phụ nữ không được giảng, dạy dỗ hay lãnh đạo. Dù sao nhiều phụ nữ cũng đã quen với điều đó và không còn nghĩ rằng điều đó có ngày sẽ thay đổi. Họ thường xem những cơ cấu và quy định này là chân lý Kinh Thánh cho chính mình và tự họ cũng không còn đặt lại vấn đề về những luận điểm này nữa. Nhưng họ nên làm như vậy. Tôi gọi đó là một sự vật lộn lành mạnh để nhận biết chân lý, nhất là khi người ta nghĩ rằng sự nhận biết ấy đã vững vàng không ai tranh cãi từ thời Hội Thánh đầu tiên. Điều này đúng với nhiều đề tài trong Kinh Thánh. Đôi khi người ta phải đánh vần lại các đề tài từ đầu.

Câu hỏi trong tựa đề là một phản ứng gần như bực bội trước việc tôi, với cuốn sách của mình (tựa đề: *Xin chị em phụ nữ tha thứ cho chúng tôi!*) và những bài viết của mình, cứ đặt ra những câu hỏi "nữ quyền" này hết lần này đến

138. Chương này được thêm vào.

lần khác. Theo tôi, câu hỏi ấy muốn nói lên hay làm nhẹ đi điều sau: chị em trong Hội Thánh, trong Nước Đức Chúa Trời và trong gia đình đã có biết bao nhiệm vụ và cơ hội để cộng tác và phát triển ân tứ của mình, thì việc họ không được giảng, dạy dỗ hay lãnh đạo không thể là sự phân biệt đối xử. Mỗi người có chỗ của mình và vai trò của mình, như chính trật tự sáng tạo đã ấn định.

Nhưng nếu người ta cố gắng nhìn toàn bộ bức tranh, thì vấn đề không phải là hai hay ba chức vụ mà người ta cho là không dành cho phụ nữ. Vấn đề là toàn bộ hình ảnh về người phụ nữ nằm phía sau. Đằng sau câu hỏi điều đó có quan trọng đến thế không, là quan niệm cho rằng người nữ được dựng nên làm người giúp đỡ (phục tùng) cho A-đam, và theo thứ bậc thì được xếp kèm theo, ở dưới hay ở sau ông. *Đây là gốc rễ của vấn đề mà nhiều (không phải mọi) phụ nữ đang chịu khổ.* Từ bên ngoài thường không thấy được, có một sự bất an sâu kín bên trong, một cảm giác bất công. Khi người phụ nữ, với tư cách là phụ nữ, không được tôn trọng như người nam. Khi người ta không được suy nghĩ tự do, mà phải suy nghĩ và hành động trong những giới hạn theo luật pháp (tôi được làm gì và không được làm gì), những giới hạn được tô vẽ cho có vẻ sùng đạo. Cách nhìn về vai trò của người phụ nữ như thế để lại cho nhiều chị em trong Chúa những câu hỏi dằn vặt và sự nghi ngờ chính mình. Họ tự hỏi tại sao Đức Chúa Trời lại muốn như vậy, chừng nào người ta còn nhồi vào đầu họ rằng đó là chương trình của Đức Chúa Trời. Nếu Đức Chúa Trời là tốt lành và trọn vẹn, tại sao phụ nữ lại trải qua những điều tồi tệ trong những cuộc hôn nhân Cơ Đốc, và trong các Hội Thánh lại gặp những giới hạn mà lý trí bình thường không thể hiểu nổi? *Các điều răn của Đức Chúa Trời luôn tốt lành, và Ngài muốn chúng ta hiểu ý nghĩa của chúng, là điều (ít nhất trong Tân Ước) luôn hiển nhiên. Thế nhưng trong câu hỏi này lại hoàn toàn thiếu sức thuyết phục!*

14.2 Điều đàn ông cảm nhận và không cảm nhận

Đó là một cảm giác mà đàn ông chúng tôi không biết đến như vậy. Hiếm khi người nam là người yếu thế hơn. Đã đến lúc nhận thấy điều đó và trở nên nhạy cảm với điều đó. Trong hình dung và suy nghĩ của một số người nam,

dường như không thể nào hiểu được những cảm giác thua kém này nơi phụ nữ.

Phải chăng lý do thật sự của sự xúc động mạnh mẽ trong đề tài này ít là vì sự trung thành với Kinh Thánh, mà nhiều hơn là vì lòng tự ái của chính mình, khi vai trò lãnh đạo, vai trò làm đầu của mình bị đặt thành vấn đề? Có lẽ chỉ trong tiềm thức? Khi bỗng nhiên người vợ có cùng những quyền và bổn phận như người chồng? Nếu suốt nhiều thập niên người ta đã nhìn và sống khác đi, thì nhận thức này, nếu nó đến, giống như một trận động đất. Không chỉ nhận ra sai lầm, mà còn phải điều chỉnh để sống một đời sống chung khác. Điều đó cần sức mạnh. Trước hết là sự nhận biết. Nhưng con đường của Kinh Thánh dẫn đến sự sống. Luôn luôn.

14.3 Chúng ta đọc Kinh Thánh thế nào về vấn đề phụ nữ

Tôi không biết đề tài nào mang nặng cảm xúc đến thế. Như thể đó là chuyện sống chết. Với những đề tài như thân vị của Chúa Giê-xu, thần tính của Ngài và công trình cứu chuộc của Ngài, thì điều đó còn có thể hiểu được. Nhưng không phải với câu hỏi liệu phụ nữ có được cầu nguyện và nói tiên tri trong buổi thờ phượng không (là điều mà Phao-lô xem là đương nhiên, nếu người ta nhìn kỹ, lưu ý đến ngữ cảnh và cả bức tranh lớn, toàn thể của Kinh Thánh).

Chúng ta đọc Kinh Thánh thế nào khi nói đến vấn đề phụ nữ? *Có phải chúng ta nhìn toàn bộ đề tài qua hai (!) câu trong 1 Ti-mô-thê 2 và 1 Cô-rinh-tô 14? Những giáo lý méo mó nào sẽ xuất hiện nếu trong những vấn đề giáo lý quan trọng khác, chúng ta cũng đọc và đánh giá Kinh Thánh cách hạn hẹp như thế qua hai câu? Và không đặt toàn bộ tư liệu Kinh Thánh vào một tương quan lành mạnh, hợp lý với nhau và cân nhắc chúng. Chỉ có như thế mới hình thành giáo lý lành mạnh!*

Khi ấy chúng ta đọc như các thầy thông giáo, tưởng rằng tìm được sự sống đời đời trong Kinh Thánh, nhưng lại bỏ lỡ việc gặp gỡ Đấng mà Kinh Thánh làm chứng về: Đấng Christ (Giăng 5:39). Kinh Thánh mà chúng ta yêu mến biết bao làm chứng về Đấng đã dẫn phụ nữ vào sự tự do, để học hỏi, để xưng nhận, để làm chứng và để thờ phượng.

Chúng ta hãy bắt đầu trân trọng toàn bộ bức tranh của Kinh Thánh về phụ nữ, và không giải thích nó qua hai lời của Phao-lô đã bị hiểu sai.

14.4 Sự nhạy cảm

Nhiều phụ nữ cảm nhận được rằng có điều gì đó không ổn, khi họ đọc Kinh Thánh, khi họ thấy Chúa Giê-xu đối xử với phụ nữ thế nào. Điều đó càng khó khăn hơn cho họ khi họ thấy những người nam, là những người được cho là phải hay muốn lãnh đạo và làm đầu, lại thất bại. Dù chính họ – trái với phụ nữ – được cho là đã được Đức Chúa Trời giao phó vai trò ấy. Thế nhưng biết bao lần các bà vợ phải đứng ra gỡ rối cho chồng.

Đó là điều tôi nhận thấy qua những phản hồi về cuốn sách của tôi. *Tựa đề của cuốn sách dường như lấp đầy một khoảng trống mênh mông. Lớn hơn tôi tưởng khi tôi quyết định chọn tựa đề này.*

Dĩ nhiên tôi cũng biết những cuộc hôn nhân – trong chừng mực mà ngay cả những người thân cận có thể biết – trong đó loại thứ bậc này được sống trong tình yêu thương. Nhưng điều đó có phải là dấu hiệu cho thấy thứ bậc khi ấy là đúng và thánh không? Chắc chắn là không. Biết bao điều sai trật chúng ta nghĩ và làm, mà chúng ta cho là đúng, chỉ vì bằng cách nào đó chúng vẫn vận hành được.

Vâng, "vấn đề phụ nữ" là cực kỳ quan trọng. Vì nó liên quan đến hình ảnh của chúng ta về Đức Chúa Trời và về con người. Vấn đề là phải loại bỏ và sửa lại mọi sự rối loạn và méo mó của hình ảnh ấy. Nguyện Đức Chúa Trời thương xót chúng ta và giúp chúng ta trong nhiệm vụ này, vì những hình ảnh sai lầm đã bám rễ sâu đến mức không thể tưởng tượng, và hơn nữa, đối với nhiều người lại có vẻ là chân lý từ Đức Chúa Trời. Thật ra đó là một lối hành xử thế gian. Đó là trào lưu thời đại, không phải của thế kỷ 21 ở phần thế giới của chúng ta, mà là của thế kỷ 20 và 19 đã qua.

Nếu đàn ông chúng ta muốn yêu vợ mình như Đấng Christ đã yêu Hội Thánh, thì chúng ta sẽ bằng tình yêu mà đưa họ ra khỏi vai trò sai lầm và không hiếm khi mang tính phân biệt đối xử này, và dành cho họ, mở ra cho họ chỗ đứng thuộc về họ trong trật tự sáng tạo của Đức Chúa Trời.

Thật vậy, vấn đề phụ nữ, tận đáy sâu, là một vấn đề của nam giới. Đàn ông chúng ta phải tự xét lại mình! Vì ai là người chịu trách nhiệm cho cách đọc Tân Ước theo thứ bậc và đôi khi theo lối phụ quyền? *Chính đàn ông đã chiếm lấy quyền tối cao trong việc giải nghĩa Kinh Thánh và tin rằng đó là lãnh vực chuyên môn riêng của họ. Thật là một sự tự đánh giá mình quá cao.* Các ân tứ của Thánh Linh không được phân phát theo giới tính. Vì lối hành xử này, vô số ân tứ nơi phụ nữ đã bị lãng quên, bị đàn áp, bị loại bỏ, bị bỏ qua và bị dập tắt. Dập tắt Thánh Linh thật sự không phải là chuyện nhỏ. Chính đàn ông là những người lãnh đạo các Hội Thánh và định hướng đi – phụ nữ không có tiếng nói trong đó, và nếu có, thì chỉ là cách không chính thức qua chồng mình, là những người không bao giờ thừa nhận trong ban lãnh đạo rằng họ làm theo ý kiến của vợ mình.

14.5 Điều tôi không nhắm đến

Vấn đề không phải là hiện đại hóa Hội Thánh (không phải là chuyện phòng ốc hay tòa nhà), cũng không phải là theo kịp thời đại. *Vấn đề là trung thành với Chúa Giê-xu, và đó chính là trung thành với Kinh Thánh!* Không phải hiện đại hóa, mà là cải cách trong vấn đề phụ nữ, nếu được dùng cái từ đáng ngờ "vấn đề phụ nữ" này một lần chót.

Vấn đề không phải là thắng một cuộc tranh luận thần học. Đề tài này không thích hợp cho việc đó, vì con người (nhất là các chị em trong Chúa) bị ảnh hưởng trực tiếp, và mỗi cách nhìn đều in đậm dấu ấn lên đời sống, trong Hội Thánh, trong Nước Đức Chúa Trời, trong hôn nhân và gia đình.

Thế nhưng chỉ có tranh luận, chỉ có sự phản biện và chỉ có lời nói mang tính tiên tri mới có thể làm cho đề tài này chuyển động trở lại. Không có đối thoại và tranh luận xây dựng, mọi sự sẽ vẫn như cũ.

14.6 Lý do để chia rẽ?

Mức độ cảm xúc cao trong vấn đề này dễ dẫn đến hành động nhanh chóng và triệt để, thường kết thúc bằng sự phân ly, chia rẽ và ly giáo. Đối với một

bên, một ranh giới thiêng liêng bị vượt qua, trong khi đối với bên kia thì ranh giới ấy không tồn tại. Vậy thì sao?

Chịu đựng sự căng thẳng thì được một thời gian, nhưng vì câu hỏi này bao hàm quá nhiều điều đối với cả hai bên, nên rốt cuộc sẽ không thể cùng đi chung được. Trừ khi người ta có thể chịu đựng được điều đang là thói quen trong một Hội Thánh. Vâng, Đức Chúa Trời cũng chịu đựng nhiều, nhiều hơn chúng ta có thể hình dung, mà không tán thành điều xấu.

Vì vậy mỗi người phải tự mình quyết định. Theo tôi, trong sự căng thẳng này cũng khó mà thỏa thuận một con đường trung dung, trong đó hai bên nhượng bộ nhau trong chừng mực mình có thể chấp nhận.

Xin bạn thứ lỗi nếu tôi không thể đưa ra một giải pháp trong đề tài này. Sự chia rẽ phần nhiều là điều xấu, nhưng những sự thỏa hiệp cũng có thể như vậy.

14.7 Phụ nữ phải đứng dậy

Có những điều trong đời mà người ta chỉ có thể tự mình làm. Không ai có thể làm thay cho chúng ta. Phụ nữ phải đứng dậy lên đường, nhận ra con đường của mình và bước ra khỏi một sự thuận phục bị hiểu sai. Trong các giáo hội lớn có những phụ nữ đã thức tỉnh và nhận ra rằng trong vấn đề giới tính có điều gì đó sai lệch nghiêm trọng. Người ta muốn nghĩ gì về những phong trào ấy thì nghĩ, nhưng với Ô-sê 8:7, tôi nói: *Ai gieo gió sẽ gặt bão.*

Nice girls don't change the world – một câu nói đúng (Những cô gái ngoan không thay đổi thế giới). Đề tài này đã bế tắc và trở thành chân lý bất khả xâm phạm đến mức hoàn toàn nên dùng đến một cái loa để đứng lên chống lại. Với những chân lý Cơ Đốc khác được xem là quan trọng cho sự cứu rỗi, người ta cũng la lớn tiếng đó thôi, phải không?

Lựa chọn kia là mọi sự cứ để nguyên như cũ. Để rồi trong ngày lớn ấy, trước vinh hiển, sự sáng tỏ và chân lý của Ngài, chúng ta phải nhận ra rằng mình đã sai lầm, cả hai giới. Người nam với những nhận thức của mình, và người

nữ với việc chấp nhận những điều được cho là chân lý Kinh Thánh ấy. Khi ấy một cơ hội lớn đã bị bỏ lỡ và mất đi, mãi mãi.

Giờ đây cả người nam lẫn người nữ đều không được hèn nhát! Đứng lên vì chân lý bao giờ cũng phải trả giá. *Nếu trong lịch sử giáo hội không có hết lần này đến lần khác nhiều nữ tín hữu và nam tín hữu can đảm đứng lên và bơi ngược dòng, thì ngày nay chúng ta sẽ đứng ở đâu?* Và chúng ta biết điều đó quá rõ. Mỗi phong trào và trào lưu trong Cơ Đốc giáo, mà chúng ta thuộc về một trong số đó, đều đã bắt đầu nhờ những người nữ và người nam can đảm và cầu nguyện.

14.8 Mai sau và bây giờ

Trong cõi đời đời, đề tài này sẽ không còn theo đuổi chúng ta nữa. Sẽ không còn cảm xúc, không còn những lời trách móc hay quy chụp. Cũng không còn một Tân Ước mà người ta tranh cãi về những lời phát biểu của nó. Người nam và người nữ sẽ đơn giản như anh và em gái, thứ bậc và sự thuận phục một chiều sẽ thuộc về quá khứ. Tất cả là dĩ vãng của một thế giới đã sa ngã và một trật tự sáng tạo bị rối loạn. Nói chung, giới tính sẽ hoàn toàn không còn đóng vai trò gì nữa. Trong Đấng Christ, không còn nam hay nữ (Ga-la-ti 3:28). Phao-lô nhìn điều đó cách nhất quán đến như vậy. Chúng ta hãy bắt chước ông, như ông đã bắt chước Đấng Christ!

Ngay từ bây giờ, trong chừng mực tùy thuộc nơi chúng ta, chúng ta hãy sống ra sự tự do và quyền năng của cuộc sáng tạo mới này, là điều chúng ta đã trở nên trong Đấng Mê-si-a đã sống lại và được tôn cao!

15 Tài liệu tham khảo

Anstey, Stanley Bruce, 2020, Die Rolle der Schwestern in der Gemeinde, www.soundwords.de

Andreas J. Köstenberger, Southeastern Baptist Theological Seminary, Ascertaining Women's God-Ordained Roles: An Interpretation of 1 Timothy 2:15

Bauer, Wörterbuch zum Neuen Testament

Baum, Armin, Die Bibel und ihre schwierigen Stellen

Beale, Gregory K., 2011, Der Tempel aller Zeiten, Die Wohnung Gottes und der Auftrag der Gemeinde, Oerlinghausen

Bielefeld, Frauke, 2007, Die Sache mit der Rippe, Die himmlische Idee von den Geschlechtern, Asslar

Bird, Michael F., Bourgeois Babes, Bossy Wives, and Bobby Haircuts: A Case for Gender Equality in Ministry (Fresh Perspectives on Women in Ministry) 2012, Grand Rapids, Mi

Carolyn Osiek; Margaret Y. MacDonald; Janet H. Tulloch. A Woman's Place: House Churches in Earliest Christianity

Clouse, Bonnidell và Robert, 1989, Women in Ministry, Downers Grove

Cunningham, Loren; Hamilton, Joel David, 2014, Warum nicht! Frauen in christlich-kirchlichen Führungspositionen, Altensteig

Dale, Felicity, 2014, The Black Swan Effect, A response to gender hierarchy in the church

Dangendorf, Daniel, 2010, Junia, die erste Apostelin? Eine exegetische Studie, MBS Texte

Bode van het heil in Christus 140 (1997) Frage & Antwort: "Was dürfen Frauen?"

Gooding, David, Symbole und Zeichen von Autorität und Herrlichkeit

Hardmeier, Roland, 2013, Himmelstöchter! Warum die Stärke der Frau in der Bibel gebraucht wird. Und warum das biblisch ist. Basel

Hempelmann, Heinzpeter, 1997, Gottes Ordnungen zum Leben, Lahr

Hohage, Jäger, Pletsch, Ziegeler, 2010, Frau sein, Mann sein in der Gemeinde, Dillenburg

Junker, Reinhard, Genesis 1 und 2: Zwei sich ergänzende Schilderungen vom Anfang, Wort und Wissen Diskussionsbeitrag 1/91

Hausoul, Raymond, Mannen en Vrouwen in Gods schepping

Keener, Craig S., Was Paul For or Against Women in Ministry?

Kiermeier, Gerhild, 1993, Den Frauen aber sage ich, Marburg

Kubsch, Ron, Gottebenbildlichkeit und Sünde

Kuen, Alfred, 1998, Die Frau in der Gemeinde, Wuppertal

Lapide, Pinchas, 2004, Ist die Bibel richtig übersetzt? Gütersloh

Lapide, Pinchas, 1995, War Eva an allem schuld?

Liebi, Roger, Genesis 2: Die Schöpfung des Menschen

Linder, Irmgard, 1995, Ich will aber, dass ihr wisst, Dillenburg

Logos Bibel Programm (phần mềm Kinh Thánh Logos)

Nunn, Philip, 2018, Sollten Schwestern schweigen, Hünfeld

Ortberg, John, 2006, Die Frau schweige, Holzgerlingen

Peppiatt, Lucy, 2020, Rediscovering Scripture's Vision for Women: Fresh Perspectives on Disputed Texts, IVP Academic, Downers Grove, Illinois

Peppiatt, Lucy, 2015, Women and Worship at Corinth: Paul's Rhetorical Arguments in 1 Corinthians, Eugene, Oregon

Peters, Benedikt, Das Weissagen der Frau

Pierce & Groothuis, 2005, Discovering Biblical Equality, IVP Academic, Downers Grove, Illinois

Piper, John and Wayne Grudem, 1991, Recovering Biblical Manhood and Womanhood, Crossway Books, Wheaton, Illinois; bản tiếng Đức: Zweimalig einmalig – eine biblische Studie, 2008, Friedberg

Ruthven, Jon Ph.D., Women and Ministry: Does Scripture Contradict Itself?

Schirrmacher, Thomas, ấn bản 2002, Paulus im Kampf gegen den Schleier, Eine alternative Auslegung von 1. Korinther 11,2-16, Nürnberg

Schmalenbach, H., 2007, Frausein zur Ehre Gottes: ... im Kontext verschiedener Kulturen

Schmidt, Veronika, 2019, Endlich gleich, Holzgerlingen

Smith, Kern, 2000, OHNE UNTERSCHIED, Frauen und Männer im Dienst für Gott, Brunnen Verlag, Gießen

Stadelmann, Helge, Die Frau als Pastorin – Ja oder Nein?, và Die Frauenordination – Ein Testfall für Bibeltreue?

Steinmeister, Andreas, 2013, Wann immer ihr zusammenkommt, Daniel, Lychen

Steinmeister, Andreas, 1991, UNBEQUEM, Gottes Plan für Mann und Frau, CSV Hückeswagen

Spencer, Aída Besançon, 1985, Beyond the Curse: Women Called to Ministry,

Späth, Thomas / Beate Wagner, (chủ biên), 2006, Frauenwelten in der Antike, Geschlechterordnung und weibliche Lebenspraxis, Stuttgart

Strauch, Alexander, 2001, Die Revolution der Geschlechter, Bielefeld

Trenkel, Michael, 2017, Dürfen Frauen in der Gemeinde lehren? Kurzauslegung zu 1Tim 2,11-15

Ulm, Christoph, Die Rolle von Mann und Frau

Walton, J. H., 2001, Genesis, The NIV Application Commentary, Zondervan, Grand Rapids, MI

Weber, Karl-Heinz, 2007, Mann und Frau nach Gottes Plan, Neustadt

Welt und Umwelt der Bibel, 4/2025, Wer waren die ersten Christinnen

White, Joel R., Ehefrauen in den paulinischen Gemeinden

Wilson, Bunny, 1992, Ich? Mich unterordnen?, Bielefeld

Wunderli, Armin, 2020, "ihm gegenüber": Geschlechter-Gleichberechtigung in der Kirche und was die Bibel dazu (nicht) sagt KSH.Digital

Zens, Jon, 2010, What's with Paul and Women? Unlocking the cultural background to 1 Timothy 2, Lincoln, Nebraska

16 SÁCH CỦA TÁC GIẢ

Und die Toten leben doch (Vậy mà người chết vẫn sống), 1992

Seitenwechsel, Von Adam zu Christus (Đổi phe – Từ A-đam đến Đấng Christ), 2011

Entrückung, Himmel, Ewigkeit, Ein neuer Blick auf alte Themen (Sự cất lên, thiên đàng, cõi đời đời – Cái nhìn mới về những đề tài cũ), 2015

Gottes Lamm, Golgota und die Ewigkeit (Chiên Con của Đức Chúa Trời, Gô-gô-tha và cõi đời đời), 2015

Fantastische Himmelwelt, Lehre und Leben der Himmelwelt im Epheserbrief (Thế giới thiên thượng kỳ diệu – Giáo lý và đời sống của thế giới thiên thượng trong thư Ê-phê-sô), 2016

Gott spricht, Eine erklärende Übertragung der allgemeinen Briefe und der Offenbarung (Đức Chúa Trời phán – Bản diễn ý có giải thích các thư tín chung và sách Khải Huyền), 2017

Epheser, nacherzählt, erklärt, für heute (Ê-phê-sô – kể lại, giải thích, cho hôm nay), 2018

Gods good Gospel, Gottes gutes Evangelium (Tin Lành tốt lành của Đức Chúa Trời), 2019

Markus, nacherzählt, erklärt für heute (Mác – kể lại, giải thích, cho hôm nay), 2019

Galater, nacherzählt, erklärt für heute (Ga-la-ti – kể lại, giải thích, cho hôm nay), 2020

Die Briefe des Johannes, nacherzählt, erklärt für heute (Các thư của Giăng – kể lại, giải thích, cho hôm nay), 2020

Frauen, vergebt uns! Kurzversion (Xin chị em phụ nữ tha thứ cho chúng tôi! – Bản rút gọn), 2022

Ein König voller Pracht – Die gute Botschaft von Jesus, dem Messias (Một vị Vua đầy vinh hiển – Tin Lành về Chúa Giê-xu, Đấng Mê-si-a), 2022

17 SÁCH GIỚI THIỆU



Có bán (bằng tiếng Đức) tại các hiệu sách hoặc trực tiếp từ nhà xuất bản Christian Beese: christian@rvbeese.de

Katharine C. Bushnell (1855–1946) là một nữ tôi tớ của Đức Chúa Trời can đảm và đầy ân tứ, người đã lấy câu "Tôi làm được mọi sự nhờ Đấng ban thêm sức cho tôi" làm phương châm cho cuộc đời mình. Bà là bác sĩ, nhà truyền giáo, sứ giả của thập tự giá, nhà cải cách, tác giả và diễn giả, đồng thời là một học giả xuất sắc và độc đáo, nói được bảy ngôn ngữ và thông thạo tiếng Hy Lạp cổ và tiếng Hê-bơ-rơ. Bushnell rời bỏ nghề y để làm điều mà bà

cho là một công việc còn quan trọng hơn, đó là thay đổi những điều kiện sống hạ thấp phẩm giá con người, bằng cách đảm nhận một vai trò lãnh đạo trong Women's Christian Temperance Union (WCTU) của phong trào phụ nữ thế kỷ 19. Địa vị của phụ nữ theo Kinh Thánh có ý nghĩa rất lớn đối với Bushnell, vì bà đi đến kết luận rằng những bản dịch sai là nguyên nhân của sự khuất phục về xã hội và thuộc linh của phụ nữ. Năm 1896, bà rời WCTU để dành những năm còn lại cho nhiệm vụ viết sách và truyền lại chân lý Kinh Thánh về ý định ban đầu và không thay đổi của Đức Chúa Trời: sự bình đẳng trọn vẹn của phụ nữ.

God's Word to Women của Katharine Bushnell là một công trình nghiên cứu mở đường, xem xét cẩn thận mọi đoạn Kinh Thánh nói về phụ nữ. Jessie Penn-Lewis nói rằng tài liệu này đã mở Kinh Thánh ra theo một cách mà chỉ có thể mô tả là một sự mặc khải trực tiếp từ Đức Chúa Trời. Đối với nhiều người ngày nay, đó là cuốn sách đã đem lại cho họ sự tự do để trở nên người mà Đức Chúa Trời kêu gọi họ trở nên, và để làm công việc mà Đức Thánh Linh đã đặt vào lòng họ.

Trong thời gian làm bác sĩ truyền giáo tại Trung Quốc, Bushnell phát hiện rằng Kinh Thánh tiếng Trung đã bị dịch sai để củng cố những định kiến văn hóa chống lại sự phục vụ của phụ nữ. Bà tự hỏi phải chăng chính những định kiến nam giới ấy cũng đã ảnh hưởng đến các bản dịch tiếng Anh, và bà đào sâu việc học tiếng Hê-bơ-rơ và tiếng Hy Lạp. Về sau, khi đi khắp thế giới cho WCTU, bà tận dụng những giờ trên xe lửa, trên tàu thủy và tại những nơi trọ để so sánh cẩn thận các bản dịch Kinh Thánh với từng chữ trong nguyên ngữ.

Qua kinh nghiệm và sự học hỏi, Đức Chúa Trời đã chuẩn bị Katharine Bushnell để viết God's Word to Women. Bắt đầu năm 1908 như một khóa học từ xa, sách được Bushnell tự xuất bản lần đầu. Dù được đón nhận tích cực lúc ban đầu, cuốn sách chẳng bao lâu lại biến mất; và Bushnell qua đời với ý nghĩ rằng cuộc đời bà để lại ít ảnh hưởng. Nhưng Đức Chúa Trời biết rõ hơn! Cuốn sách đã được tái khám phá và tiếp tục được những người nhận ra giá trị vô giá của nó xuất bản. Ngày nay, sau cùng nó đã nhận được sự công nhận xứng đáng như một nguồn tài liệu nền tảng cho những ai đang làm việc ở tuyến đầu vì sự bình đẳng của phụ nữ theo Kinh Thánh.

Hanna-Maria Schmalenbach

Frausein zur Ehre Gottes

Khác nhau trong mỗi nền văn hóa?



Đức Chúa Trời đã dựng nên loài người là nam và nữ. Phải chăng khi ấy Ngài cũng ban cho họ một trật tự sáng tạo, định nghĩa thế nào là làm người nam và làm người nữ, và quy định mối quan hệ giữa hai giới cách bất biến cho mọi nền văn hóa? Tội lỗi của con người đóng vai trò gì; những ảnh hưởng

văn hóa đóng vai trò gì? Và chúng ta có thể trông đợi những thay đổi nào trong mối quan hệ giữa hai giới nhờ sự cứu rỗi trong Chúa Giê-xu Christ?

Cho đến ngày nay người ta vẫn còn vật lộn với những câu hỏi này và những câu hỏi tương tự, nhất là về địa vị của người phụ nữ và phạm vi hoạt động của họ trong Hội Thánh. Làm phụ nữ để tôn vinh Đức Chúa Trời (Frausein zur Ehre Gottes) – đó là ước muốn của nhiều phụ nữ! Nhưng cụ thể điều đó có nghĩa là gì: trong mỗi nền văn hóa lại là một điều khác?

Hanna-Maria Schmalenbach phác họa hình ảnh người phụ nữ theo Kinh Thánh trong mạch lịch sử cứu rỗi và trên bối cảnh các nền văn hóa thời ấy. Nhờ đó xuất hiện những hiểu biết bất ngờ và những gợi ý định hướng về cách phụ nữ trong các nền văn hóa của thời đại chúng ta có thể sắp đặt đời sống mình để tôn vinh Đức Chúa Trời.

"… (sách) có thể đem lại một sự giúp đỡ định hướng, nhưng cũng là một mồi lửa cho các Hội Thánh của chúng ta."

Heike Heun trên Idea Spezial 7/2021 Buchjournal

"Rõ ràng là cuốn sách hay nhất về vai trò của người phụ nữ trong Hội Thánh … Sự đối diện toàn diện, khách quan với đề tài, bố cục hợp lý, việc lưu ý đến văn hóa và sự liên hệ với thực tế là vài điểm mạnh của cuốn sách này. Lần đầu tiên, nhờ cuốn sách này, tôi thật sự tìm được sự bình an khi nói đến vai trò của tôi trong Hội Thánh. Một đóng góp quý giá và thuyết phục cho một đề tài quan trọng, thời sự, mà nam và nữ trong các Hội Thánh của chúng ta nhất định nên đọc!"

Marianne Müller trên blog strickleserl của bà

"Chắc chắn là công trình hay nhất và thuyết phục nhất về 'vấn đề phụ nữ' mà tôi được biết cho đến nay!"

Nhận xét của một nữ khách hàng

"… một trong những cuốn sách khôn ngoan nhất về 'vấn đề phụ nữ', có thể giúp chúng ta khám phá lại vai trò của mình là phụ nữ."

Monika Kuschmierz trên tạp chí Joyce

"Không có công trình nghiên cứu nào về sự phục vụ của phụ nữ trong Hội Thánh kết hợp những hiểu biết từ góc nhìn y học, liên văn hóa, lịch sử và Kinh Thánh tốt như công trình của Tiến sĩ Schmalenbach. Ai nghiêm túc với công trình nghiên cứu này sẽ phải suy nghĩ lại lập trường của mình về sự phục vụ của phụ nữ. Không ai có liên quan đến câu hỏi này nên bỏ qua bản trình bày này."

Tiến sĩ Helmuth Egelkraut (1938–2018)

Neufeld Verlag

Sauerbruchstraße 16

27478 Cuxhaven

Điện thoại: 04723 5057260

E-mail: info@neufeld-verlag.de

Bản rút gọn của cuốn sách này (bằng tiếng Đức), với phần văn bản mới, dày 80 trang, có thể mua từ tác giả với giá 3,80 euro (www.hans-joerg-ronsdorf.de) và dưới dạng sách điện tử Kindle trên Amazon.



Die Gleichstellung von Mann und Frau (Sự bình đẳng nam nữ) là một công trình ngắn nhưng kỹ lưỡng của nhà thần học và nhà ngôn ngữ học Philip B. Payne, người dùng mọi bản văn Kinh Thánh liên quan để chứng minh rằng người nam và người nữ bình đẳng, trong hôn nhân, Hội Thánh và xã hội.

56 trang, tháng 7 năm 2023 (bằng tiếng Đức), có bán tại các hiệu sách hoặc từ người dịch sang tiếng Đức: hj-ronsdorf@t-online.de, và dưới dạng sách điện tử Kindle trên Amazon


DIE GLEICH
STELLUNG
VON MANN
UND FRAU
AUS SICHT
DER BIBEL
PHILIP B. PAYNE